

ĐOÀN TRƯỜNG THỤ (Chủ biên)

**THINK TANKS
TRONG ĐỜI SỐNG CHÍNH TRỊ
HOA KỲ, TRUNG QUỐC, NHẬT BẢN
VÀ NHỮNG GỢI Ý ĐỔI VỚI VIỆT NAM**

(Sách chuyên khảo)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Ch u trách nhi m xu t b n
GIÁM C - T NG BIÊN T P
PGS.TS. PH M MINH TU N

Ch u trách nhi m n i dung
Y VIÊN H I NG BIÊN T P - XU T B N
TS. VÕ V N BÉ

Biên t p n i dung: TS. LÊ H NG S N
ThS. NGUY N TH H I BÌNH
ThS. V TH H NG TH NH
ThS. PH M TH NG C AN
ThS. NGUY N VI T HÀ
Trình bày bìa: PH M THÚY LI U
Ch b n vi tính: LÂM TH H NG
c sách m u: PH M TH NG C AN
V TH H NG TH NH
BÙI B I THU

S ng ký k ho ch xu t b n: 2650-2022/CXBIPH/24-106/CTQG.
S quy t nh xu t b n: 1554-Q /NXBCTQG, ngày 09/8/2022.
N p l u chi u: tháng 8 n m 2022.
Mã ISBN: 978-604-57-7952-1.

**THINK TANKS
TRONG ĐỜI SỐNG CHÍNH TRỊ
HOA KỲ, TRUNG QUỐC, NHẬT BẢN
VÀ NHỮNG GỢI Ý ĐỔI VỚI VIỆT NAM**

ĐOÀN TRƯỜNG THỤ (Chủ biên)

**THINK TANKS
TRONG ĐỜI SỐNG CHÍNH TRỊ
HOA KỲ, TRUNG QUỐC, NHẬT BẢN
VÀ NHỮNG GỢI Ý ĐỐI VỚI VIỆT NAM**

(Sách chuyên khảo)

(

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2021**

TẬP THỂ TÁC GIẢ

TS. ĐOÀN TRƯỜNG THỤ (Chủ biên)

TS. NGUYỄN VĂN ĐÁNG

TS. NGUYỄN TRỌNG BÌNH

ThS. NGUYỄN THỊ HỒNG MINH

ThS. PHAN DUY ANH

TS. TRẦN MAI HÙNG

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Một số nghiên cứu đã chỉ ra, tỷ lệ quyết sách sai lầm của chính phủ các nước phát triển ở phương Tây khá thấp, đó là vì họ tận dụng được các think tanks - loại hình tổ chức có tính chất tư vấn, hiến kế cho lãnh đạo quốc gia. Một loại hình như cầu nối giữa tri thức và quyền lực, lấp đầy khoảng trống giữa học thuật và chính sách; và sự xuất hiện với vai trò quan trọng của nó là một nhu cầu của thời đại.

Với vai trò chính là tư vấn và cung cấp ý kiến chuyên môn cho việc đưa ra các lý thuyết, sách lược, ý tưởng, giải pháp, hoạch định chính sách và ra quyết định *có tính khả thi nhằm đối phó với tình hình trong một thời kỳ nhất định* cho lãnh đạo quốc gia, think tanks chính là cầu nối giữa những nhà hoạch định chính sách và xã hội. Mỗi chính sách được ban hành là kết quả của quá trình tư vấn, nghiên cứu nghiêm túc, phản ánh sự đa dạng về lợi ích trong xã hội, nhờ đó tạo ra sự liên kết, sự hiểu biết lẫn nhau giữa các nhóm có lợi ích mâu thuẫn; đồng thời, tăng trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước; thúc đẩy xây dựng một chính phủ năng động và minh bạch. Ngoài chức năng chính

là để xuất ý tưởng, các think tanks còn có chức năng: giáo dục, hướng dẫn dư luận và tập hợp nhân tài.

Trên thế giới, một số quốc gia có nhiều think tanks và có hoạt động nổi bật là Hoa Kỳ, Ấn Độ, Trung Quốc, Anh, Argentina, Đức, Nga, Pháp, Italy, Nhật Bản,... Tuy khái niệm và thời gian xuất hiện ở mỗi quốc gia là khác nhau, nhưng các think tanks đều có chung một đặc điểm chính là tác nhân quan trọng trong quá trình hoạch định và thực thi chính sách. Vai trò và sự ảnh hưởng của các think tanks đối với nền chính trị các nước được khẳng định và đánh giá rất cao. Ở Việt Nam, mặc dù cũng mạnh mẽ xuất hiện từ những năm 1960 của thế kỷ XX, nhưng tới nay, mô hình tổ chức và hoạt động của các think tanks vẫn đang đặt ra rất nhiều vấn đề: chưa thiết lập được hệ thống các think tanks, hầu hết các tổ chức think tanks tồn tại dưới dạng các đơn vị sự nghiệp công lập theo mô hình các viện nghiên cứu chính sách của các bộ, ngành; hoặc các viện nghiên cứu độc lập. Mô hình think tanks ở Việt Nam chưa thực sự phát huy vai trò, khuôn khổ pháp lý hoạt động còn nhiều bất cập, hạn chế v.v. tạo ra những rào cản đối với sự phát triển của các think tanks. Từ sự ảnh hưởng mạnh mẽ của think tanks đối với nền chính trị của các quốc gia, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập, toàn cầu hóa và kỷ nguyên số hiện nay, Việt Nam cần coi trọng, phát huy hiệu quả của hệ thống cơ quan nghiên cứu, tư vấn của nhà nước cũng như nguồn trí tuệ dồi dào của xã hội từ các think tanks.

Để khẳng định vai trò và tầm quan trọng của think tanks đối với nền chính trị của mỗi quốc gia trên thế giới và đưa ra những gợi ý tham khảo đối với Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách *Think tanks trong đời sống chính trị Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản và những gợi ý đối với Việt Nam (Sách chuyên khảo)*, do Tiến sĩ Đoàn Trường Thụ làm chủ biên.

Cuốn sách gồm 5 chương:

Chương I: Một số vấn đề lý luận về think tanks trong đời sống chính trị hiện đại.

Chương II: Think tanks trong đời sống chính trị Hoa Kỳ.

Chương III: Think tanks trong đời sống chính trị Trung Quốc.

Chương IV: Think tanks trong đời sống chính trị Nhật Bản.

Chương V: Những gợi ý tham khảo cho Việt Nam qua nghiên cứu think tanks trong nền chính trị Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản.

Trên cơ sở nghiên cứu và chỉ ra những đặc trưng và kinh nghiệm ảnh hưởng đến chính sách của các think tanks ở Hoa Kỳ, Trung Quốc và Nhật Bản, cuốn sách khẳng định và rút ra những tham chiếu có giá trị đối với think tanks ở Việt Nam.

Việc nghiên cứu về think tanks và sự tham gia vào đời sống chính trị nói chung và ở các nước Hoa Kỳ, Trung Quốc và Nhật Bản nói riêng là chủ đề tương đối mới ở Việt Nam. Mặc dù tập thể tác giả đã cố gắng và dành nhiều thời gian, tâm huyết, song cuốn sách khó tránh khỏi hạn chế và thiếu sót.

Nhà xuất bản và tập thể tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để cuốn sách được hoàn thiện hơn ở lần xuất bản sau.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 9 năm 2021

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

DẪN NHẬP

Những tổ chức làm nhiệm vụ tư vấn và nghiên cứu chính sách thường được gọi là think tanks. Một cách khái quát thì think tanks là những tổ chức nghiên cứu chính sách, được tập hợp bởi các nhà chuyên môn, có chức năng tư vấn, phản biện và đề xuất các chính sách. Ban đầu, những think tanks chỉ được hình thành và hoạt động trong lĩnh vực quân sự, sau đó được mở rộng sang các lĩnh vực khác như chính trị, khoa học, kỹ thuật, giáo dục, kinh tế, văn hóa... Ngày nay, ở nhiều nước phát triển, các think tanks đóng vai trò hết sức quan trọng, được thể hiện qua sự tham gia một cách sâu rộng vào quá trình chính trị. Các think tanks được coi là một góc cầu thành nên bộ ba “chỉ huy - tư duy - hành động” trong đời sống chính trị các nước phương Tây (và cả nhiều quốc gia khác như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore...).

Các think tanks là nơi tập hợp những chuyên gia hàng đầu về tư duy chiến lược, họ là những nhà khoa học, những chính trị gia, quan chức nghỉ hưu có tên tuổi, có kinh nghiệm

và ảnh hưởng đối với xã hội. Các think tanks có ảnh hưởng rất lớn đến đời sống chính trị, mà rõ nét nhất là quá trình ban hành các chính sách. Ngày nay, những chính sách của các chính quyền ban hành đều mang nhiều dấu ấn của các think tanks, đó là kết quả của quá trình nghiên cứu nghiêm túc, phản ánh sự đa dạng về lợi ích trong xã hội. Thực tế cho thấy, chính quyền sẽ gặp không ít khó khăn trong việc nắm bắt nhu cầu chính sách, nguyện vọng của các tầng lớp dân cư trong xã hội nếu như không có các think tanks với tư cách là những cơ sở nghiên cứu, là cầu nối giữa những nhà hoạch định chính sách và xã hội. Mặt khác, các think tanks còn giúp tham vấn và trao đổi với các nhóm lợi ích trong xã hội, nhờ đó tạo ra sự liên kết, sự hiểu biết lẫn nhau giữa các nhóm có lợi ích mâu thuẫn, nâng cao tính minh bạch của các chính sách; xây dựng và củng cố được niềm tin vào chính sách; giảm được các rủi ro cho khu vực tư nhân; giảm độc quyền thông tin, tăng trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước; thúc đẩy xây dựng một chính phủ năng động và minh bạch.

Trên thế giới sự tồn tại của các think tanks hết sức đa dạng, có những think tanks nghiên cứu chính sách, hỗ trợ cho quá trình làm luật và ban hành chính sách (như RAND Corporation của Hoa Kỳ, Overseas Development Institute (ODI) của Anh, v.v.); có các think tanks chuyên nghiên cứu chiến lược cho các đảng phái chính trị (như Heritage

Foundation của Hoa Kỳ, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Trung Quốc, Hiệp hội “Chihou Thinkutanku Kyougikai” của Nhật Bản, v.v.); có những think tanks chuyên nghiên cứu về những chương trình hành động, chương trình nghị sự xuyên quốc gia có ảnh hưởng lớn trên phạm vi toàn cầu (như Council Foreign Relations, Broookings Institute của Hoa Kỳ, Royal Institute of International Affairs của Anh, v.v.).

Ở Việt Nam, hiện nay mô hình tổ chức và hoạt động các think tanks vẫn đang đặt ra rất nhiều vấn đề: chưa thiết lập được hệ thống các think tanks, hầu hết các tổ chức think tanks tồn tại dưới dạng các đơn vị sự nghiệp công lập theo mô hình các viện nghiên cứu chính sách của các bộ, ngành; hoặc các viện nghiên cứu độc lập. Trước đây đã xuất hiện một số mô hình think tanks tư nhân, điển hình là Viện Nghiên cứu Phát triển (Institutes of Development Studies - IDS), tổ chức khoa học và công nghệ được một số nhà khoa học tự thành lập, hoạt động theo Luật khoa học và công nghệ và Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ. Tuy nhiên, năm 2009, Viện này đã tự giải thể.

Thực tế cho thấy, hiện các mô hình think tanks (bao gồm cả công và tư) ở Việt Nam chưa thực sự phát huy vai trò, khuôn khổ pháp lý hoạt động còn nhiều bất cập, hạn chế v.v.. Đây là những rào cản đang đặt ra đối với sự phát triển của

các think tanks. Trước xu hướng cải cách nền hành chính, bảo đảm tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức nghiên cứu khoa học công lập (theo Luật khoa học và công nghệ) thì việc tìm kiếm kinh nghiệm, mô hình hoạt động của các think tanks là hết sức cần thiết. Mặt khác, trong quá trình mở rộng dân chủ trên các lĩnh vực chính trị - xã hội thì việc khuyến khích phát triển các think tanks tư nhân, bảo đảm sự tham gia của các tổ chức này thông qua hoạt động kiến nghị, phản biện chính sách là hết sức cần thiết. Mặc dù có những sự khác biệt về thể chế chính trị, nhưng việc nghiên cứu, tìm hiểu các mô hình think tanks và sự tham gia vào đời sống chính trị ở các nước, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam là hết sức cần thiết dưới cả góc độ lý luận và thực tiễn.

Nghiên cứu về think tanks và sự tham gia vào đời sống chính trị nói chung và ở các nước Hoa Kỳ, Trung Quốc và Nhật Bản nói riêng là chủ đề tương đối mới ở Việt Nam. Trong nghiên cứu, “*Think-tank*”: *Mô hình tư vấn chính sách hiệu quả và chuyên nghiệp*, tác giả Nguyễn Thị Thanh Huyền chỉ ra trong số khoảng 6.000 tổ chức think tanks trên toàn thế giới thì có tới 2.500 tổ chức của Hoa Kỳ, riêng Thủ đô Washington có trên 800 tổ chức think tanks. Có những tổ chức think tanks đã được thành lập hơn 100 năm và có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hoạch định các chính sách phát triển quốc gia ở Hoa Kỳ. Các tổ chức tư vấn chính sách tại Hoa Kỳ đều là các tổ chức phi đảng phái, thành lập và

hoạt động theo Điều luật 501C3 của Liên bang - quy định về hoạt động của các tổ chức tư vấn chính sách. Nhiệm vụ chính của các tổ chức này là thúc đẩy việc hoạch định cũng như thực hiện các chính sách công tốt hơn dựa trên các nghiên cứu đa ngành về mọi lĩnh vực trên quy mô toàn cầu như chính sách xã hội, chiến lược chính trị, kinh tế, các vấn đề khoa học và kỹ thuật, các chính sách công nghiệp và doanh nghiệp, tư vấn về quân sự.

Một think tank tại Hoa Kỳ thường có ba chức năng chính: Giúp xã hội nhận dạng, hiểu biết các vấn đề chính sách sâu hơn về tính thực thi, tác động, hiệu quả, nội hàm; đưa ý tưởng vào các chương trình làm chính sách hoặc mang các kết luận nghiên cứu cụ thể vào những chính sách phù hợp; tổ chức các diễn đàn phục vụ cho việc thảo luận/nghiên cứu sâu và rộng¹.

Cũng theo tác giả, ngân sách hoạt động của các tổ chức think tanks rất lớn, phần lớn đều từ các cá nhân - là các nhà tỷ phú, người sáng lập ra các tổ chức, một phần kinh phí đến từ chính phủ, doanh nghiệp và các quỹ tư nhân như Rockefeller, dựa trên hợp đồng nghiên cứu/công việc được thỏa thuận giữa hai bên. Các tổ chức think tanks tại Hoa Kỳ được tổ chức và hoạt động rất chuyên nghiệp và đóng vai trò

1. Xem Nguyễn Thị Thanh Huyền: ““Think tank”: Mô hình tư vấn chính sách hiệu quả và chuyên nghiệp”, Tạp chí *Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, số 2, 2018, tr.12.

rất quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển xã hội dựa trên việc đánh giá chính sách nhằm góp phần xây dựng và thực thi chính sách tốt hơn. Sự chuyên nghiệp và uy tín của các tổ chức think tanks tại Hoa Kỳ có thể nói được xây dựng từ 4 yếu tố chính sau: nguồn tài chính dồi dào và đa dạng, đội ngũ chuyên gia chuyên nghiệp, đa ngành, kết quả nghiên cứu chất lượng, hiệu quả và quan hệ chặt chẽ với chính giới¹.

Nghiên cứu về vai trò của think tanks Việt Nam, trong bài viết *Think tank ở Việt Nam: Từ quá khứ tới hiện tại*, theo tác giả Phạm Bích San, think tanks là thuật ngữ chỉ các tổ chức tư vấn chính sách mà ở đó trên cơ sở các chuyên gia có trình độ hiểu biết cao sẽ hỗ trợ cho những người ra quyết định chính sách giải quyết những vấn đề mà họ phải đương đầu. Điều kiện cần cho think tanks tồn tại là phải có các chuyên gia có trình độ cao trong những vấn đề mà think tanks quan tâm xử lý. Theo tác giả, để think tanks phát huy hết vai trò của mình đòi hỏi phải có một môi trường tự do tư tưởng, đây là điều kiện để các chuyên gia có thể đưa ra các sáng kiến chính sách. Lược khảo về lịch sử phát triển của các think tanks, tác giả chỉ ra Việt Nam đã tồn tại các think tanks trực thuộc sự quản lý của các bộ và các viện nghiên cứu khoa học thuộc Viện hàn lâm và các viện thuộc các bộ. Tất cả đều thuộc biên chế nhà nước, nhận kinh phí từ nhà nước và phục vụ cho nhà nước. Với sự phát triển của kinh tế

1. Xem Tạp chí *Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, số 2, 2018, tr.13.

thị trường, các cơ sở nghiên cứu độc lập xuất hiện tạo thành bộ ba trong cộng đồng khoa học hiện đại của Việt Nam. Tuy nhiên, trong điều kiện khó khăn chung của các tổ chức khoa học nhà nước, các tổ chức nghiên cứu khoa học độc lập, viện, trung tâm này hoạt động không hiệu quả.

Tác giả bài viết trên cho rằng, xuất phát từ nhu cầu tư vấn về chính sách nên các bộ, ngành đã thành lập viện nghiên cứu chính sách và chiến lược của mình. Các viện này có điều kiện thu thập thông tin và nghiên cứu những vấn đề chuyên sâu của ngành nhưng lại thiếu sự bổ sung các tri thức từ những ngành khác, và nhất là, hoạt động trong môi trường bộ máy hành chính nên sự sáng tạo và đột phá chính sách là rất khó nếu không muốn nói là không thể. Từ nhu cầu tư vấn chính sách, Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh thành lập các viện đặc thù ở cấp địa phương như các viện nghiên cứu kinh tế - xã hội. Các viện này đã quy tụ được chuyên gia từ nhiều lĩnh vực khác nhau nên có khả năng đáp ứng phù hợp các nhu cầu địa phương nói riêng cũng như tính chất đa dạng của vấn đề đặt ra cho chính sách của khu vực nói chung. Tuy nhiên, tính chất hành chính của các cơ quan đó (trực thuộc và làm việc theo cung cách hành chính) đang là hạn chế của họ làm triệt tiêu động lực của các viện như các think tanks hiện đại. Tác giả coi Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương, Ban Tư vấn của Thủ tướng (1992-2007) và Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA)

là những think tanks với những thế mạnh và hạn chế của mình. Theo tác giả, đã đến lúc, Việt Nam cần xây dựng các think tanks hiện đại và có đủ điều kiện để hình thành nên các think tanks theo kiểu hiện đại và chuyên nghiệp¹.

Trong bài viết *Tìm hiểu về Think Tank*, Nguyễn Hải Hoành đã chỉ ra think tanks là tên gọi một loại hình tổ chức tập hợp các chuyên viên nhiều chuyên ngành nhằm nghiên cứu các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, quân sự, ngoại giao..., cuối cùng đưa ra các lý thuyết, sách lược, ý tưởng, giải pháp... có tính chất tư vấn hiến kế cho tầng lớp lãnh đạo quốc gia. Theo tác giả, think tank là “nhà máy ý tưởng” (Franklin Collbonon*), là trung tâm tư tưởng chiến lược, là tổ chức dân lập, hoạt động độc lập với chính quyền, nghiên cứu hình thành các giải pháp, quyết sách có tính khả thi. Các kết quả nghiên cứu của think tanks thông thường được công bố trên các ấn phẩm, các phương tiện truyền thông và các hình thức trao đổi thông tin khác nhằm tranh thủ sự tán thành của công chúng và sự chú ý của lãnh đạo quốc gia².

1. Phạm Bích San: “Think tank ở Việt Nam: Từ quá khứ tới hiện tại”, Tạp chí *Tia Sáng*, tháng 7/2014, <https://tiasang.com.vn/-quan-ly-khoa-hoc/think-tank-o-viet-nam-tu-qua-ku-toi-hien-tai-7673>.

* Người sáng lập công ty RAND.

2. Nguyễn Hải Hoành: “Tìm hiểu về Think Tank”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ An*, ngày 17/11/2010, <http://www.vanhoanghean.com.vn/chuyen-muc-goc-nhin-van-hoa/dien-dan/29-nhin-ra-the-gioi/1256-tim-hieu-ve-think-tank>.

Theo tác giả, xã hội càng phát triển thì các vấn đề cần xử lý ngày một nhiều, tới mức hệ thống nghiên cứu - tư vấn của nhà nước không thể xử lý hết. Thực tế cho thấy, hệ thống này thường có mặt hạn chế, chủ yếu do bị chi phối bởi quan điểm của nhà nước nên thiếu tính khách quan. Ngoài ra sự phát triển tất yếu của xã hội dân sự dẫn tới xu hướng “chính phủ nhỏ, xã hội lớn” dần dần thay thế bộ máy nhà nước cồng kềnh kém hiệu quả. Theo đà phát triển kinh tế và giáo dục, hệ thống doanh nghiệp, trường đại học và giới trí thức ngày càng lớn mạnh, trong xã hội tự xuất hiện nhiều cá nhân và đoàn thể có nguyện vọng cải tiến các quyết sách của đất nước. Trong thời đại cạnh tranh toàn cầu, mỗi quốc gia muốn tiến nhanh thì phải hết sức hạn chế các quyết sách sai lầm. Thế nhưng không chính phủ nào tránh được sai lầm trong khi đưa ra các quyết định chiến lược. Nguyên nhân gây ra sai lầm là do sự chủ quan, thiếu toàn diện của cơ quan quyết sách, nếu biết tiếp thu ý kiến tư vấn của bên thứ ba - các cá nhân hoặc tổ chức tư vấn độc lập với nhà nước (tức think tanks) thì mức độ phạm sai lầm sẽ giảm đáng kể. Ở Hoa Kỳ, những người lãnh đạo bao giờ cũng chú ý lắng nghe ý kiến của dân, nhất là các nhà trí thức độc lập với chính phủ. Hệ thống think tanks ở nước này phát triển nhanh nhất, mạnh nhất đã góp phần cực kỳ quan trọng trong việc xây dựng các chủ trương chiến lược lớn của nước này. Lãnh đạo Trung Quốc đã hết sức quan tâm xây dựng các think

tanks và thường xuyên lắng nghe ý kiến của họ. Sự quan tâm đó thể hiện ở chỗ Trung Quốc là nước đầu tiên trên thế giới đứng ra tổ chức Hội nghị thượng đỉnh Think tank toàn cầu 2009.

Trong nghiên cứu *Think tank - Một mô hình tổ chức hiện đại tạo cơ hội cho giới trí thức tinh hoa góp phần hoạch định chính sách quốc gia*, tác giả Nguyễn Cẩm Ngọc đã phân tích làm rõ hơn vai trò của các nhóm tư duy chiến lược hay còn gọi là think tank với tư cách là một mô hình tổ chức hiện đại tạo cơ hội cho giới trí thức tinh hoa góp phần tham gia hoạch định đường lối, chính sách quốc gia. Trong bài viết của mình, tác giả đã làm rõ các vấn đề: 1- Khái niệm think tank; 2- Think tank với tư cách là cầu nối giới trí thức tinh hoa với giới cầm quyền; 3- Sự nở rộ của think tanks ở Hoa Kỳ và các nước khác; 4- Kỳ vọng của Trung Quốc trong vấn đề think tank; 5- Trí thức tinh hoa và think tank ở Việt Nam. Qua các nội dung này, bài viết kết luận giới trí thức tinh hoa có vai trò quan trọng trong việc tham vấn cho các nhà lãnh đạo quốc gia thông qua tổ chức think tank, một mô hình tổ chức tập trung được tối đa nguồn chất xám của xã hội và đang dần trở thành một quyền lực mới trong nền chính trị hiện đại.

Theo tác giả, thường thì think tanks gắn kết với một nhóm lợi ích, một chính đảng hay một hệ tư tưởng nào đó. Chẳng hạn, Quỹ Jean Jaurès là think tank gắn với Đảng Xã hội Pháp, Quỹ Rosa Luxemburg gắn với Đảng Cánh tả

(Die Linke), Heinrich-Böll-Stiftung là think tank gắn kết với Đảng Xanh ở Cộng hòa Liên bang Đức. Trường Đảng của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, mặc dù gắn kết với đảng cầm quyền, vẫn là một think tank được Đại học Stanford (Hoa Kỳ) đánh giá cao. Một khi những kết quả nghiên cứu công phu, đúng đắn của họ được giới cầm quyền chấp nhận và biến thành chính sách quốc gia thì sẽ mang lại lợi ích cho xã hội. Có những think tanks lớn, nghiên cứu và tư vấn đa ngành, liên ngành; nhưng cũng có những think tanks nhỏ chỉ nghiên cứu, tư vấn chuyên về một lĩnh vực nào đó. Các think tanks là nhịp cầu nối liên nghiên cứu hàn lâm với chính sách quốc gia, nối liền giới khoa học với giới cầm quyền, nối liền tri thức với quyền lực¹.

Là một trong những chuyên gia nghiên cứu về think tanks, trong các công trình như: *Think Tanks, Foreign Policy and Geopolitics: Pathways to Influence*², *Trends in Search of Policy Influence: The Strategies of American Think Tanks*³, các tác giả Donald E. Abelson, Stephan Brooks và Xin Hua đã chỉ ra những ảnh hưởng và vai trò của think tanks trong đời sống

1. Nguyễn Cẩm Ngọc: “Think tank - Một mô hình tổ chức hiện đại tạo cơ hội cho giới trí thức tinh hoa góp phần hoạch định chính sách quốc gia”, Tạp chí *Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Khoa học xã hội và Nhân văn*, t.31, số 2 (2015), tr.60-71.

2. Publisher: Routledge, London, 1st Edition (September 29, 2016).

3. <https://www.nira.or.jp/past/publ/review/98spring/abelson.html>.

chính trị. Theo họ, sự tham gia của các think tanks vào đời sống chính trị là thước đo quan trọng thể hiện mức độ dân chủ, là yếu tố quan trọng khắc phục tính chủ quan trong các quyết định chính sách. Các think tanks có mối quan hệ hết sức chặt chẽ với các nhóm lợi ích, doanh nghiệp lớn và các đảng chính trị. Thông qua các nghiên cứu, tư vấn và phản biện chính sách, các think tanks tạo dựng niềm tin, uy tín đối với xã hội. Sự tham gia chính trị của các think tanks thể hiện rõ nét nhất thông qua việc đưa ra các tư vấn chính sách cho đảng cầm quyền, các nhà hoạch định chính sách.

Bên cạnh ảnh hưởng đối với chính sách đối nội thì các think tanks còn có ảnh hưởng mạnh mẽ đến chính sách đối ngoại của quốc gia. Trong các nghiên cứu: *A Capitol Idea: Think Tanks and US Foreign Policy*¹, *Think Tanks and U.S. Foreign Policy: An Historical Perspective*², *Think Tanks, Soft Power, and US Foreign Policy*³ tác giả Donald E. Abelson cho thấy, các think tanks còn là công cụ quan trọng để các quốc gia thực hiện chính sách đối ngoại của mình. Hoạt động của các think tanks gắn chặt với các nhóm vận động hành lang.

1. Publisher: McGill-Queen's University Press, Ontario (August 14, 2006).

2. U.S. Foreign Policy Agenda, Volume 7, An Electronic Journal of the U.S Department of State, Number 3, November, 2002, p.9-12.

3. Think Tanks, Soft Power, and US Foreign Policy, Presentation to LERMA (Center for the Study of the Anglophone World), Université Aix-Marseille, Aix-en-Provence, France, October 14, 2014.

Các think tanks là nơi đưa ra nhiều ý kiến tư vấn quan trọng để chính phủ hoạch định chính sách đối ngoại. Trong những năm gần đây, các think tanks lớn, có ảnh hưởng của nhiều quốc gia đã mở rộng phạm vi ảnh hưởng của mình ra khỏi khuôn khổ quốc gia và đã trở thành công cụ quan trọng để các nước quảng bá giá trị, chính sách của mình trên phạm vi toàn cầu.

Cùng với vận động hành lang, các think tanks giữ một vị trí hết sức quan trọng trong việc giúp các nhóm lợi ích tác động đến quá trình hoạch định chính sách thông qua việc thực hiện các nghiên cứu, đưa ra các ý kiến tư vấn chính sách. Trong nghiên cứu *Think tanks, Public policy and the Politics of Expertise*, tác giả Andrew Rich đã chỉ ra vai trò, mối quan hệ của các tổ chức nghiên cứu, tư vấn chính sách với các nhóm lợi ích và các đảng chính trị. Think tank là nơi cung cấp kiến thức chuyên môn và phân tích thông tin về chính sách cho các nhóm lợi ích và cơ quan hoạch định chính sách. Các nhóm lợi ích sử dụng uy tín các tổ chức này để đưa chính sách đến chính phủ; think tank là đối tác chặt chẽ của các nhóm lợi ích và các đảng chính trị, mối quan hệ này thể hiện rõ nét nhất thông qua việc hoạch định chính sách.

“Về mặt hoạt động, các think tanks là những tổ chức phi lợi nhuận thực hiện và phổ biến các nghiên cứu và các ý tưởng về những vấn đề chính sách công. Về mặt chính trị,

các think tanks là những tổ chức tích cực tìm cách tối đa hóa sự tín nhiệm của công chúng và khả năng tiếp cận chính trị để làm cho chuyên môn và ý tưởng của họ có ảnh hưởng tới quá trình hoạch định chính sách”¹.

Trong nghiên cứu *How Think Tanks Shape Social Development Policies*, nhóm tác giả James G. McGann, Anna Viden, Jillian Rafferty đã chỉ ra vai trò của think tank trong quá trình chính sách. Các think tanks là chủ thể đóng vai trò quan trọng trong tư vấn, nghiên cứu, cung cấp thông tin, định hướng, hoạch định chính sách, tư vấn và phản biện chính sách, và do đó, cũng là chỉ dấu quan trọng của sự phát triển xã hội. Các nhà hoạch định chính sách và các nhóm lợi ích kinh tế xem think tank là một đối tác quan trọng trong quá trình chính sách, think tank là chủ thể có uy tín trong các nghiên cứu chuyên sâu về chính sách mà các nhóm lợi ích kinh tế sử dụng có hiệu quả và thực tế nhất để tác động đến chính sách².

Dưới góc độ nghiên cứu về những ảnh hưởng tích cực của nhóm lợi ích và think tank, phần lớn các nghiên cứu đều khẳng định nhóm lợi ích kinh tế giữ một vị trí hết sức

1. Andrew Rich: *Think Tanks, Public Policy and the Politics of Expertise*, Cambridge University Press, 2004, p.11.

2. James G. McGann, Anna Viden, and Jillian Rafferty: *How Think Tanks Shape Social Development Policies*, University of Pennsylvania Press, 2014.

quan trọng trong đời sống chính trị. Không thể phủ nhận vai trò và những ảnh hưởng tích cực của nhóm lợi ích và think tank trong quá trình chính sách. Trong nghiên cứu *Democracy and Interest Groups Enhancing Participation?*, tác giả Grant Jordan và Willian A. Maloney đã nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của nhóm lợi ích, mối quan hệ giữa các nhóm lợi ích kinh tế và đảng phái chính trị, các think tanks và ảnh hưởng của nó đến quá trình hoạch định chính sách. Theo các tác giả, thông qua hoạt động của các nhóm lợi ích, các think tanks thì các nguyện vọng, nhu cầu lợi ích của cử tri đến được với cơ quan hoạch định chính sách, một cách nhanh chóng, rõ ràng, hiệu quả nhất góp phần làm cho quá trình quyết định thêm minh bạch, qua đó góp phần thực hiện dân chủ bằng việc tham gia vào quá trình chính sách của người dân.

Trong nghiên cứu *How Think Tanks Shape Social Development Policies (Cách think tanks định hình các chính sách phát triển xã hội)*¹, tác giả James G. McGanan, Anna Viden và Jillian Rafferty đã tập trung nghiên cứu vai trò mà tổ chức nghiên cứu chính sách đảm nhận đối với chính phủ và trong xã hội công dân ở phạm vi thế giới. Công trình đã phân tích vai trò của các tổ chức think tanks đối với các vấn

1. James G. McGanan, Anna Viden, and Jillian Rafferty: *How Think Tanks Shape Social Development Policies*, *Ibid.*

để như chính sách giáo dục, cơ sở hạ tầng, an ninh và hòa bình quốc tế, quản trị và toàn cầu hóa, cải cách kinh tế, vấn đề môi trường và phát triển bền vững, chính sách xã hội, xóa đói giảm nghèo... và cho rằng, các tổ chức think tanks đã có vai trò quan trọng trong việc cải thiện chính sách, đồng thời tăng cường chế độ dân chủ và xã hội công dân trên phạm vi toàn thế giới.

Nghiên cứu về vai trò của think tank trong đời sống chính trị Hoa Kỳ, trong nghiên cứu *Global Think Tanks: Policy Networks and Governance*¹ (*Think tanks toàn cầu: mạng lưới chính sách và quản trị*), tác giả James G. McGann và Richard Sabatini đã tập trung mô tả quá trình phát triển đa dạng và nhanh chóng của các think tanks, phân tích một số vấn đề như: think tank trong các đoàn thể xã hội; định nghĩa về think tank; tổng thuật một số nghiên cứu có liên quan về think tank như xu hướng toàn cầu hóa, số hóa, những tác động của công nghệ mới nổi lên các think tanks và quản trị toàn cầu; hình thức kết cấu thông thường của think tank với các đảng chính trị, doanh nghiệp và các nhóm lợi ích Hoa Kỳ; sự ra đời của think tank trong lĩnh vực chính sách và một số kinh nghiệm trong tổ chức và hoạt động của các think tanks Hoa Kỳ, để xuất những cải tiến cho các tổ chức tư vấn và mạng lưới chính sách công toàn cầu để họ có thể tiếp tục đóng góp vào chính sách công toàn cầu và đóng vai trò là

¹ James G. McGann, Richard Sabatini: *Global Think Tanks - Policy Networks and Governance*, Routledge, 2020.

chất xúc tác cho sự tham gia của người dân. Trong nghiên cứu *Xây dựng think tanks theo mô hình mới: Lý luận và thực tiễn*¹ của Cui Shu-Yi và Yang Jin-Wei, hai tác giả đã phân tích một số vấn đề, như: (i) thế nào là think tank; (ii) thế nào là mô hình think tanks mới đặc sắc Trung Quốc; (iii) thời cơ và cơ hội lớn đối với sự phát triển think tanks của Trung Quốc; (iv) làm thế nào để xây dựng mô hình think tanks mới của Trung Quốc; (v) thực trạng phát triển think tanks của Trung Quốc; (vi) tại sao phải xây dựng mô hình think tanks mới đặc sắc Trung Quốc; (vii) các bí quyết cho sự thành công của think tanks ở nước ngoài và xu thế phát triển của think tanks nước ngoài; (viii) kinh nghiệm xây dựng think tanks ở nước ngoài; (ix) một số vấn đề mà think tanks Trung Quốc đang gặp phải hiện nay; (x) các mối quan hệ cần giải quyết tốt để xây dựng mô hình think tanks mới; (xi) làm thế nào để đánh giá hiệu quả hoạt động của think tanks cũng như một số bảo đảm về mặt thể chế để xây dựng theo mô hình think tanks mới, v.v..

Ở công trình *Think tanks nước ngoài: Báo cáo khảo sát think tanks một số nước chủ yếu trên thế giới*² của Wang Pei-Heng, tác giả đã nghiên cứu thực trạng phát triển

1. Cui Shu-Yi, Yang Jin-Wei: *Xây dựng think tanks theo mô hình mới: Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Nhân dân, Bắc Kinh, Trung Quốc, 2015, tiếng Trung.

2. Wang Pei-Heng: *Think tanks nước ngoài: Báo cáo khảo sát think tanks một số nước chủ yếu trên thế giới*, Nxb. Kinh tế tài chính Trung Quốc, Bắc Kinh, Trung Quốc, 2014, tiếng Trung.

think tank ở một số nước phát triển, tập trung vào việc giới thiệu cơ chế vận hành, phương thức quản lý, qua đó rút ra một số kinh nghiệm và kiến nghị chính sách cho việc xây dựng mô hình think tanks mới ở Trung Quốc hiện nay. Cũng nghiên cứu dưới góc độ này, trong cuốn *Chuyển đổi mô hình think tank*¹, tác giả Wang Jian đã xuất phát từ thực tế của Trung Quốc để phân tích vai trò và tác dụng của think tanks đối với việc nâng cao năng lực quyết sách của chính phủ và vai trò của think tanks khoa học xã hội đối với sự chuyển đổi mô hình kinh tế, xã hội ở địa phương. Từ tổng kết thực tiễn, cuốn sách đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực phục vụ quyết sách của các think tanks ở Trung Quốc hiện nay.

Trong cuốn sách *Think tank Trung Quốc*² của Wang Hui-Yao và đồng sự, các tác giả đã khảo sát, đánh giá 30 think tanks hàng đầu thế giới; nêu lên bối cảnh phát triển của think tank trong thời đại toàn cầu hóa; thực trạng phát triển và vai trò của các think tanks trên thế giới hiện nay; đồng thời phân tích quá trình phát triển, môi trường hoạt động, vị trí và chức năng của think tanks ở Trung Quốc, nêu lên một số kinh nghiệm trong hoạt động của think tanks Trung Quốc cũng như một số khó khăn, thách thức mà think tanks

1. Wang Jian: *Chuyển đổi mô hình think tank*, Nhà sách Tam Liên, Bắc Kinh, Trung Quốc, 2012, tiếng Trung.

2. Wang Hui-Yao, Miao Lu: *Think tank Trung Quốc*, Nxb. Đại học Nhân dân Trung Quốc, Bắc Kinh, 2014, tiếng Trung.

Trung Quốc đang đổi mặt. Cuối cùng, hai tác giả đề xuất một số kiến nghị chính sách nhằm phát triển think tanks ở Trung Quốc hiện nay.

Qua khảo cứu những công trình nghiên cứu về think tanks ở nước ngoài có thể thấy, việc nghiên cứu về vai trò của think tanks trong đời sống chính trị (đặc biệt là vai trò trong hoạch định và thực thi chính sách) đã có một quá trình lịch sử lâu dài, với nhiều lý thuyết và những bài học phong phú. Chúng là những tư liệu quan trọng nhằm có thể tiếp cận và tham khảo trong quá trình nghiên cứu. Tuy nhiên, nghiên cứu về vai trò của think tanks trong đời sống chính trị là vấn đề nghiên cứu liên quan đến hệ thống thiết chế nhà nước và cấu trúc hệ thống quyền lực, là những vấn đề gắn liền với thể chế chính trị, đặc biệt là vai trò của đảng cầm quyền và hệ thống hoạch định chính sách.

Giới khoa học xã hội và nhân văn ở Việt Nam, bước đầu đã có sự quan tâm nhất định đối với chủ đề nghiên cứu này. Các công trình nghiên cứu trong nước đã làm rõ được tầm quan trọng của các think tanks; bước đầu đã chỉ ra được những hạn chế và thách thức của các think tanks khi tham gia vào đời sống chính trị. Đã có một số công trình góp phần vào việc làm sáng tỏ khái niệm, bản chất, đặc thù của các think tanks ở các nước Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, xác định một số bài học kinh nghiệm trong quá trình đổi mới chính trị với sự mở rộng tham gia của các think tanks. Kết quả chung là đã chỉ ra được những thành tựu, những kinh nghiệm quý báu; đồng thời làm rõ những hạn chế, bất cập

trong mô hình hoạt động của các think tanks Việt Nam. Các nghiên cứu nêu trên đã đặt nền móng lý luận và tổng kết các bài học thực tiễn trong việc giải quyết vấn đề mở rộng dân chủ, thu hút sự tham gia của các chủ thể vào đời sống chính trị. Các công trình nghiên cứu đã làm rõ được ý nghĩa, tác động, vấn đề đặt ra, dự báo xu hướng phát triển xã hội, những thách thức, đòi hỏi cũng như kinh nghiệm của một số nước trên thế giới về phát huy sự tham gia của các think tanks vào đời sống chính trị.

Tuy nhiên, với nhận thức rằng việc nghiên cứu think tanks trên nền tảng đặc thù thể chế để từ đó hiểu rõ vai trò và bản chất của các tổ chức này là điều hết sức quan trọng. Chính vì vậy, trên cơ sở khung lý thuyết về vai trò của think tanks trong đời sống chính trị, công trình này sẽ phân tích, đánh giá vai trò của think tanks trong đời sống chính trị Hoa Kỳ, Trung Quốc và Nhật Bản, từ đó chỉ ra những giá trị tham khảo đối với Việt Nam.

Một lần nữa cần khẳng định rằng, việc nghiên cứu vai trò, tác động của think tanks trong đời sống chính trị Hoa Kỳ, Trung Quốc và Nhật Bản là những vấn đề mới, vẫn đang thay đổi và hiện còn nhiều ý kiến khác nhau, cần tiếp tục nghiên cứu. Mặc dù chủ biên và các thành viên trong nhóm nghiên cứu đã có nhiều cố gắng trong quá trình nghiên cứu và hoàn thiện cuốn sách, song cũng không thể tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót. Rất mong nhận được những ý kiến đóng góp, xây dựng quý báu của bạn đọc để cuốn sách hoàn thiện hơn.

Chương I



MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THINK TANKS TRONG ĐỜI SỐNG CHÍNH TRỊ HIỆN ĐẠI

1. Khái niệm “think tanks”

Cách hiểu khái niệm “think tanks” ở Hoa Kỳ:

Think tanks được ví như là cây cầu giữa “tri thức” và “quyền lực”. Công chúng Hoa Kỳ biết đến họ trong vai trò phát hiện, nêu ra, nghiên cứu, phân tích, bình luận các vấn đề chính sách; cung cấp chuyên môn và nhân sự cho chính quyền, cũng như tham gia giáo dục công chúng nói chung. Các think tanks thường xuất hiện trước dư luận với các xuất bản phẩm, các buổi thuyết trình hay tranh luận khoa học và chính sách, các cuộc vận động chính sách... Think tanks cũng xuất hiện trong các công trình nghiên cứu hay báo cáo của chính quyền. Nhân sự của các think tanks cũng có thể xuất hiện tại diễn đàn Quốc hội, thậm chí được tuyển dụng vào đảm nhiệm các vị trí của chính quyền. Xét tổng thể,

think tanks tại Hoa Kỳ thực hiện các chức năng và vai trò sau đây:

- (i) Triển khai các nghiên cứu về các vấn đề chính sách trên mọi lĩnh vực và đề xuất các giải pháp chính sách.
- (ii) Cung cấp các tư vấn chính sách đối với những vấn đề mới xuất hiện, được dư luận và chính quyền quan tâm. Hoạt động này được thực hiện thông qua nhiều kênh tiếp xúc với hệ thống hoạch định chính sách của chính quyền Hoa Kỳ.
- (iii) Độc lập đánh giá các chương trình do chính quyền thực hiện, thường là các chương trình hợp tác công - tư thông qua hình thức hợp đồng.
- (iv) Đội ngũ chuyên gia của các think tanks có thể được mời để cung cấp các bình luận về các sự kiện đang diễn ra, ở mọi cấp độ. Các chương trình bình luận dạng này thường được thực hiện bởi các cơ quan báo chí và truyền thông.
- (v) Do có sự tương tác thường xuyên và quan hệ mật thiết với các quan chức chính quyền, các think tanks có thể cung cấp đội ngũ nhân sự chất lượng cao cho chính quyền mỗi khi một nhà lãnh đạo mới bắt đầu nhiệm kỳ và thành lập chính quyền của mình.

Không có một định nghĩa duy nhất về “think tank” - “những chiếc hộp tư duy” hay “những nhà máy sản xuất ý tưởng”. Cũng không thể đưa ra một mô tả về think tank

diễn hình ở Hoa Kỳ. Thực tế này là bởi sự đa dạng, phong phú về loại hình think tank, về vai trò, về ngân sách và nhân sự, cũng như cách thức hoạt động của chúng. Các nhà nghiên cứu chỉ có thể phác họa khái quát: “think tank” là những thể chế nghiên cứu, phân tích và hoạt động nhằm đưa ra những đề xuất, tư vấn chính sách về các vấn đề trong nước cũng như quốc tế, giúp các nhà hoạch định chính sách cũng như công chúng nói chung có thể đưa ra được những quyết định với thông tin nhiều nhất có thể. Theo nghiên cứu của Rich. A và Weaver. K¹, tại Hoa Kỳ, khái niệm “think tanks” được dùng để chỉ các tổ chức với ba đặc điểm chính sau đây:

- (i) Cung cấp dịch vụ nghiên cứu và tư vấn chính sách.
- (ii) Độc lập về mặt tổ chức, và đôi khi cả mặt tài chính, với chính quyền và các trường đại học.
- (iii) Hoạt động dựa trên cơ sở phi lợi nhuận.

Tuy nhiên, thực tế Hoa Kỳ cho thấy, rất khó phân biệt các think tanks với các tổ chức vận động xã hội hay các tổ chức NGOs bởi ranh giới giữa chúng là rất khó phân định. Thực tế này dẫn đến những cách thức xác định và thống kê số lượng think tanks khác nhau.

1. Theo Rick. A, Weaver. K: “Think tanks in the political system of the United States”. In Rick, et al. Think tanks in policy making - do they matter? Briefing paper Shang Hai special Issue, September 2011.

Cách hiểu khái niệm “think tanks” ở Trung Quốc:

Để phù hợp với hoàn cảnh của Trung Quốc, một số nhà nghiên cứu ở Trung Quốc cũng đã đưa ra các quan niệm khác nhau về think tank. Xue Yu và Zhu Xu-Feng cho rằng: Think tank là tổ chức nghiên cứu và tư vấn chính sách công tương đối ổn định và hoạt động một cách độc lập¹. Trong “Ý kiến về tăng cường xây dựng think tanks theo mô hình mới đặc sắc Trung Quốc” do Văn phòng Trung ương Đảng và Văn phòng Quốc vụ viện Trung Quốc ban hành vào ngày 20/1/2015, Trung Quốc cho rằng: “Think tank theo mô hình mới đặc sắc Trung Quốc là tổ chức nghiên cứu, tư vấn có tính phi lợi nhuận, lấy những vấn đề chiến lược và chính sách công làm đối tượng nghiên cứu chủ yếu, lấy phục vụ quyết sách khoa học, dân chủ và theo pháp luật của Đảng và Nhà nước làm tôn chỉ”². Tuy có thể có nhiều cách tiếp cận khác nhau, nhưng hiểu một cách đơn giản, think tank là loại hình tổ chức tương đối ổn định hoạt động về nghiên cứu và tư vấn chính sách.

1. Xem Xue Yu và Zhu Xu-Feng: “Tổ chức think tank ở Trung Quốc: hàm nghĩa, phân loại và triển vọng nghiên cứu”, Tạp chí *Nghiên cứu khoa học*, số 3, 2006, tiếng Trung.

2. Văn phòng Trung ương Đảng và Văn phòng Quốc vụ viện: *Ý kiến về tăng cường xây dựng think tanks theo mô hình mới đặc sắc Trung Quốc*, http://www.gov.cn/xinwen/2015-01/20/content_2807126.htm, 2015, tiếng Trung.

Cách hiểu khái niệm “think tanks” ở Nhật Bản:

Think tanks vốn không phổ biến và sớm hoạt động như một thiết chế chính thức trong đời sống chính trị ở các quốc gia châu Á, do các yếu tố văn hóa và thể chế chi phối. Tuy nhiên, Nhật Bản lại là quốc gia sớm có sự tham gia của think tanks như một tác nhân quan trọng của quá trình chính sách.

Mầm mống của các think tanks Nhật Bản xuất hiện vào đầu thế kỷ XX, và phát triển như một thiết chế trong đời sống chính trị Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai, đặc biệt nở rộ kể từ thập niên 1970. Theo *Báo cáo Think tank toàn cầu* hằng năm được phát hành bởi trường Đại học Pennsylvania thì hiện nay Nhật Bản đang có 108 think tanks có sức ảnh hưởng mạnh đến quá trình chính sách trên mọi lĩnh vực của đời sống chính trị, xã hội. Sức ảnh hưởng của các think tanks Nhật Bản khá lớn với 2 think tanks có ảnh hưởng nhất lọt vào top 30 của thế giới năm 2019 gồm: Viện Nghiên cứu các vấn đề quốc tế (Japan Institute of International Affairs - JIIA), Viện Nghiên cứu ngân hàng phát triển châu Á (Asian Development Bank Institute - ADBI)¹.

Sự phát triển của các think tanks ở Nhật Bản đã đặt ra mối quan tâm về sự ảnh hưởng của think tanks đến quá trình

1. James G. McGann: “Think Tank and Civil Societies Program”, *2019 Global Go To Think Tanks Index Report*, University of Pennsylvania, Philadelphia, 2020, p.69.

chính sách ra sao khi mà dù theo thể chế đa đảng thì đảng cầm quyền LDP vẫn luôn ở vị trí chi phối đời sống chính trị quốc gia này; thêm vào đó là các tác nhân văn hóa - xã hội nào đã đóng góp vào việc định hình và phát triển các think tanks, qua đó cấu trúc nền đời sống chính trị quốc gia vốn sở hữu một nền văn hóa mang nhiều đặc trưng riêng biệt.

Như vậy, cho đến nay, cách hiểu về khái niệm think tanks của các nhà nghiên cứu trên thế giới là rất đa dạng. Chẳng hạn, James G. McGann cho rằng, “think tanks là tổ chức hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, tư vấn chính sách, nó có tính tự chủ và độc lập tương đối đối với chính phủ, công ty, nhóm lợi ích và đảng chính trị”¹. Còn theo Andrew Rich, “think tanks là tổ chức độc lập, mang tính phi lợi nhuận, không theo đuổi lợi ích. Sản phẩm của nó là tri thức chuyên ngành và tư tưởng, đồng thời nó dựa vào tri thức chuyên ngành và tư tưởng để gây ảnh hưởng đến quá trình hoạch định chính sách công”².

Think tank như vậy, được hiểu là một nhóm hoặc một tổ chức nghiên cứu tìm kiếm các giải pháp cho các vấn đề nhất định trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội hoặc

1. James McGann: *Think Tanks and Civil Societies, Catalysts for Ideas and Action*, New Brunswick and London, Transaction Publishers, 2005, p.5.

2. Andrew Rich (Phan Huy Vũ dịch): *Chính trị học về tổ chức nghiên cứu chính sách, chính sách công và chuyên gia chính sách*, Nxb. Viện Khoa học xã hội Thượng Hải, 2010, tr.6-7.

công nghệ; theo giới nghiên cứu Hoa Kỳ và phương Tây, think tank là một nhóm cá nhân hoặc tổ chức hoạt động nghiên cứu, đưa ra các tư vấn về chính sách, chiến lược, hay còn gọi tắt là “nhóm tư vấn”, “thùng tư duy”, “nhà máy ý tưởng”; người Trung Quốc dịch think tank là “túi tri thức” (trí nang đoàn) hoặc “kho trí thức” (trí khố). Ở Việt Nam những năm gần đây, khái niệm này thường được hiểu người dịch là “kho tư tưởng, ý tưởng”, “kho trí tuệ, tri thức”, “vựa trí tuệ”, “nhóm chuyên viên hoặc tổ tư vấn”; người Nhật Bản dùng nguyên từ think tank phiên âm ra tiếng Nhật; v.v. gồm các chuyên gia cố vấn, cung cấp ý kiến về các vấn đề có tính chính sách.

2. Vai trò của think tanks trong đời sống chính trị hiện đại

Trong thời đại phân công lao động và hội nhập quốc tế diễn ra một cách nhanh chóng như hiện nay, các quốc gia và chính phủ của họ ngày càng khó có được tất cả các thông tin và kiến thức liên quan đến những quyết định chính sách sẽ tác động mạnh mẽ đến cuộc sống của người dân. Chính vì vậy, nhu cầu gia tăng đầu tư cho các cơ quan tư vấn với những chuyên gia có khả năng tổng hợp các kết quả thông tin thành các lựa chọn chính sách và giúp cho các chính trị gia thấy trước tác động của các quyết định mà họ sẽ ban hành. Đây là cơ sở để “think tank” - một tổ chức

mà Liên hợp quốc đã mô tả là “cầu nối giữa tri thức và quyền lực” - xuất hiện.

Các think tanks với chức năng chính của nó là sản xuất những nghiên cứu chuyên môn và cung cấp cho các chính trị gia có quyền ra quyết định chính sách. Đây là cách để tri thức chuyên môn và quyết định chính trị hòa quyện vào nhau. Các think tanks không hề nuôi tham vọng thực hiện những nghiên cứu hàn lâm chỉ để nhằm khám phá những quy luật phổ quát của tự nhiên hay của xã hội mà mong muốn những kết quả nghiên cứu công phu chuyên sâu về một vấn đề hay một lĩnh vực của họ được giới cầm quyền chấp nhận và biến thành chính sách quốc gia để từ đó sẽ mang lại lợi ích cho xã hội không kém gì một khám phá lớn trong khoa học cơ bản hay một sáng chế đột phá trong công nghệ. Vai trò nổi bật nhất của các think tanks trong đời sống chính trị hiện đại đó là cầu nối nghiên cứu hàn lâm với chính sách quốc gia, nối liền giới khoa học với giới cầm quyền, nối liền tri thức với quyền lực.

Think tanks được đề cập đến nhiều trên thế giới vào khoảng những năm 1950, đến nay vẫn còn sự tranh luận và chưa thống nhất think tank nào ra đời đầu tiên trên thế giới. Có tài liệu cho rằng, Công ty Đông Ấn (Dutch East India Company) do Cornelis de Houtman, người Hà Lan thành lập năm 1602 và giải thể năm 1799, vừa là công ty xuyên quốc gia đầu tiên vừa là think tank đầu tiên trên thế giới, vì đã

nghiên cứu đưa ra phương thức độc quyền thương mại giúp Chính phủ Hà Lan khai thác hệ thống thuộc địa¹.

Kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc đến nay, số lượng các think tanks phát triển mạnh trên toàn thế giới, nhiều think tanks mới được thành lập để đáp ứng nhu cầu tư vấn cho nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau của chính phủ từ dân sự, kinh tế, thương mại đến an ninh, quốc phòng... Hầu hết các dự án nghiên cứu của think tanks đều tập trung để xuất các giải pháp chính sách có tính khả thi nhằm góp phần thay đổi một hiện trạng xã hội nào đó trong một thời kỳ lịch sử nhất định. Thông thường, các kết quả nghiên cứu của think tanks được công bố dưới dạng các báo cáo chính sách được gửi tới chính phủ, hoặc trên các phương tiện truyền thông cũng như các hình thức trao đổi thông tin khác, nhằm định hướng tranh luận cũng như tranh thủ sự ủng hộ của công chúng và sự chú ý của lãnh đạo quốc gia.

Trong những thập kỷ qua, đã có sự gia tăng nhanh chóng của các tổ chức think tanks trên quy mô toàn cầu. Theo số liệu mới nhất được công bố trong *Báo cáo Chỉ số Think tanks toàn cầu năm 2019* của Đại học Pennsylvania, tính đến năm 2019, thế giới có 8.248 think tanks, cụ thể phân bố như sau:

1. Xem Nguyễn Hải Hoành: “Tìm hiểu về think tank”, Tạp chí *Tia Sáng*, số 10, 2010.

**Bảng 1. Số lượng các think tanks trên toàn thế giới
năm 2019**

Vùng	Số lượng	Chiếm tỷ lệ (%)
Châu Âu	2.219	26,9
Bắc Mỹ	2.058	25
Châu Á	1.829	22,1
Nam và Trung Mỹ	1.023	12,4
Châu Phi hạ Sahara	612	7,5
Trung Đông và Bắc Phi	507	6,1
Tổng số	8.248	100

Nguồn: James G. McGann: The Think Tanks and Civil Societies Program, 2019 *The Global Go to Think Tank Index Report*, University of Pennsylvania, Philadelphia, 2020, p. 41.

Cũng theo kết quả điều tra nói trên, quốc gia có nhiều think tanks nhất là Hoa Kỳ: 1.871, Ấn Độ: 509, Trung Quốc: 507, Anh: 321, Argentina: 227, Đức: 218, Nga: 215, Pháp: 203, Nhật Bản: 128, Italy: 114. Tại khu vực châu Á, Ấn Độ hiện là quốc gia có nhiều think tanks nhất, tiếp theo là Trung Quốc và Nhật Bản.

Có thể khẳng định rằng, hiện nay, trong đời sống chính trị quốc gia cũng như cấp độ toàn cầu, think tank là một tổ chức nổi bật và có vai trò quan trọng trong việc cung cấp những nghiên cứu chính sách công, phân tích, tư vấn cho chính phủ và các đảng chính trị. Theo Giáo sư

James G. McGann - Giám đốc Chương trình Think tanks và Xã hội dân sự (Think Tanks and Civil Societies Program (TTCSP)) (Hoa Kỳ), mặc dù chức năng chính của các tổ chức think tanks là giúp chính phủ hiểu và đưa ra lựa chọn sáng suốt về các vấn đề quan tâm trong nước và quốc tế, họ cũng có một số vai trò quan trọng khác, bao gồm:

- là tổ chức cầu nối, trung gian giữa chính phủ và công dân;
- xây dựng niềm tin vào các thể chế công (public institutions);
- đóng vai trò như một nguồn cung cấp thông tin và tiếng nói độc lập trong các cuộc tranh luận chính sách;
- xác định, phân tích và đánh giá rõ ràng các vấn đề, để xuất và chương trình chính sách;
- chuyển những ý tưởng và các vấn đề mới nổi thành vấn đề chính sách công;
- giải thích các vấn đề, sự kiện và chính sách cho các phương tiện truyền thông, từ đó tạo điều kiện cho công chúng hiểu được các vấn đề chính sách trong nước và quốc tế;
- cung cấp một diễn đàn mang tính xây dựng, để trao đổi ý kiến và thông tin giữa các bên liên quan chính trong quá trình xây dựng chính sách;
- tạo điều kiện cho việc xây dựng các mạng lưới ý tưởng (issue networks);

- cung cấp nguồn nhân sự có chuyên môn cho các cơ quan lập pháp và hành pháp của chính quyền”¹.

Có thể khẳng định, vai trò của think tanks gắn chặt với việc hoạch định chính sách công. Cùng với quá trình phát triển của các nền chính trị trên thế giới, nhu cầu xây dựng chính sách công dựa trên bằng chứng là một đòi hỏi thiết yếu. Điều này đã thúc đẩy vai trò của các chuyên gia cũng như tổ chức nghiên cứu, tư vấn và đánh giá chính sách.Thêm vào đó, trước tình hình đa dạng của các nguồn thông tin và sự phức tạp của đời sống chính trị - xã hội, các ý tưởng chính sách “có ý nghĩa quan trọng cả trong chính trị hàng ngày và trong thời điểm khủng hoảng”². Bối cảnh các think tanks ngày càng phát triển và đa dạng hóa trên toàn thế giới chính là minh chứng cho điều này. Các think tanks phát huy mạnh mẽ vai trò của mình trong việc đề xuất và thúc đẩy các giải pháp chính sách nhất định. Họ hình thành các ý tưởng chính sách, sử dụng có chọn lọc các nghiên cứu để trình bày cho các nhà hoạch định chính sách để giúp họ “sửa chữa” những vấn đề chính sách hiện hành.Thêm vào đó, các think tanks cũng là một thành tố trong mạng lưới chính sách quốc gia nên họ có đủ điều kiện để thiết lập mối liên hệ với những

1. James G. McGann: *Think Tanks and Policy Advice in the United States - Academics, advisors and advocates*, Routledge, New York, 2007, pp.5-6.

2. Gofas & C. Hay (Eds.): *The role of ideas in political analysis: A portrait of contemporary debates*, Taylor and Francis, London, p.169.

người ra quyết định chính sách; đồng thời họ cũng có đủ kỹ năng để nhận biết một vấn đề trong đời sống kinh tế, chính trị hay xã hội có cần để thúc đẩy hơn nữa cho một ý tưởng chính sách trong chương trình nghị sự của chính phủ hay không. Trong bối cảnh một thế giới “xã hội ngày càng tăng sự liên kết, toàn cầu hóa và dồn nén thời gian, việc hoạch định chính sách đã trở nên “tăng tốc” (speeded up)¹, nhu cầu về “chính sách nhanh” của các chính trị gia ngày càng tăng. Chính vì thế, các think tanks có nhiều lợi thế trong xu hướng này và do đó, có thể đóng góp vào việc thiết lập chương trình nghị sự.

Mối quan hệ giữa think tanks với giới truyền thông cũng thể hiện vai trò quan trọng của thể chế này trong đời sống chính trị. Đây thực sự là một mối quan hệ cộng sinh: các think tanks là cơ sở hữu ích cho các nhà báo muốn tìm nguồn thông tin hoặc đơn giản là một ý kiến chuyên môn, trong khi các think tanks sử dụng phương tiện truyền thông với hy vọng ảnh hưởng đến “luồng quan điểm chính sách”². Trên các phương tiện truyền thông đại chúng, các think tanks thường được giới thiệu cho công chúng như “những tổ chức khách quan và công bằng, tìm cách cải thiện một

1. Lewis, S., & Hogan, A.: “Reform first and ask questions later? The implications of (fast) schooling policy and “silver bullet” solutions”, *Critical Studies in Education*, 60(1), 2019, p.1.

2. Xem Denham, A. & Garnett, M.: *British think tanks and the climate of opinion*, UCL Press, London, 1998.

cuộc tranh luận chính trị bất hợp lý hay mang tính đảng phái bằng những bằng chứng chuyên môn”¹. Chính vì thế, kể từ khi xuất hiện cho đến nay, các think tanks luôn thể hiện rõ vai trò thông tin chuyên môn là thế mạnh của mình.

3. Những đặc điểm cơ bản của think tanks trong đời sống chính trị hiện đại

Mặc dù có nhiều cách định nghĩa khác nhau về “think tank” nhưng nhìn chung ở nhiều quốc gia hiện nay, think tank là tổ chức tham gia vào nghiên cứu, phân tích, vận động chính sách, giáo dục và xây dựng chính sách công. Dù quy mô và chức năng của các think tanks có khác nhau nhưng tất cả đều có chung mục tiêu là phân tích và tác động đến chính sách công trong một bối cảnh cụ thể.

Như đã khẳng định ở trên, trong việc tìm kiếm sự thu hẹp khoảng cách giữa tri thức và quyền lực², các think tanks đáp ứng nhu cầu cần thiết được nảy sinh từ một giới hạn vốn có trong tất cả các hệ thống chính trị hiện đại, đó chính là “thời gian”. Các nhà hoạch định chính sách không có

1. Pautz, H., Heins, E.: “Government and ‘independent expertise’: think tanks represent a blind spot for critical analysis: British politics and policy”, 2016, <https://blogs.lse.ac.uk/politicsandpolicy/52710-2/>.

2. Nguyên văn: “Helping to bridge the gap between knowledge and policy”, dẫn nguồn: James G. McGann: 2019 *The Global Go to Think Tanks Index Report*, The Think Tanks and Civil Societies Program, *Ibid.*

thời gian để nghiên cứu toàn diện các chủ đề mà họ phải xây dựng và đánh giá chính sách. Chính vì thế, nếu không có các think tanks, họ sẽ hình thành chính sách mà không được hiểu rõ. Các nhà hoạch định chính sách cần thông tin cơ bản về thế giới và xã hội mà họ quản lý, đó là: cách các chính sách hiện hành đang hoạt động, các giải pháp thay thế khả thi, chi phí và hậu quả có thể xảy ra. Đặc biệt, các nhà hoạch định chính sách không chỉ cần thông tin, mà họ cần thông tin phù hợp với họ, thông tin thiết thực, đáng tin cậy, không quá kỹ thuật chuyên môn hàn lâm đến mức không thể hiểu được. Do đó, các think tanks đã đáp ứng nhu cầu của các nhà hoạch định chính sách về thông tin và phân tích có hệ thống liên quan đến chính sách.

Để làm được những điều trên, các think tanks dành một phần đáng kể nguồn nhân lực và tài chính của mình để thực hiện và xuất bản các nghiên cứu phân tích chính sách trong các ngành khoa học xã hội như khoa học chính trị, kinh tế, hành chính công và quan hệ quốc tế. Trong khi hoạt động nghiên cứu học thuật thuần túy tập trung vào việc tạo ra kiến thức mới, các think tanks lại tập trung vào việc sản xuất các nghiên cứu, phân tích và lời khuyên ở dạng dễ tiếp cận và dễ hiểu đối với các nhà hoạch định chính sách và công chúng.

Vì thế, đi vào cụ thể, think tanks được nhận diện như sau:

Thứ nhất, đối tượng của think tanks là chính phủ hoặc các doanh nghiệp.

Thứ hai, nội dung tham gia của think tanks vào quá trình chính sách, mức độ gắn kết với chính quyền rất đa dạng.

Thứ ba, hình thức hoạt động phổ biến của think tanks là cung cấp ý tưởng, khuyến nghị, lựa chọn chính sách và giới thiệu nhân sự chất lượng cao vào làm việc trong các cơ quan có trách nhiệm và thẩm quyền trong quá trình hoạch định chính sách.

Thứ tư, phương pháp tác động chính sách của think tanks chủ yếu là cung cấp ý tưởng ban đầu, phân tích có chất lượng, lựa chọn giải pháp, khuyến nghị khả thi cho cơ quan, cá nhân hoạch định chính sách; cung cấp nhân sự chất lượng cao cho chính phủ từ cố vấn đến chức vụ tại nhiệm; tạo diễn đàn thảo luận cấp cao (triệu tập, tổ chức, làm câu nối chính khách với học giả, doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ, nhóm lợi ích, v.v.) thăm dò, truyền tải quan điểm, thông điệp của chính phủ đến công chúng và của công chúng đến chính phủ, đưa ra khuyến nghị, giải pháp lựa chọn chính sách; v.v..

Thứ năm, sản phẩm của think tanks là ấn phẩm, sách, báo cáo, tóm lược chính sách, sản phẩm hội nghị, hội thảo, tọa đàm, đề xuất, kiến nghị chính sách một cách khách quan, trung lập, ôn hòa hoặc thảo luận không chính thức với các nhà hoạch định chính sách và các bên liên quan, quan điểm nêu trên các phương tiện truyền thông, các blog, mạng xã hội và các hình thức trao đổi thông tin khác nhằm tranh thủ sự tán thành của công chúng và sự chú ý của giới lãnh đạo.

Thứ sáu, về tổ chức và hoạt động, có think tank thuộc trường đại học, đảng chính trị, chính phủ, think tank nửa chính phủ hoặc phi chính phủ; có think tank phi lợi nhuận, có think tank vì lợi nhuận; có think tank chỉ tập trung vào nghiên cứu đề xuất, có think tank hoạt động liên quan đến xã hội dân sự; think tank đại diện cho nhiều quan điểm và ý thức hệ khác nhau, có xu hướng bảo thủ hoặc tự do. Hầu hết, think tanks là những tổ chức tư nhân độc lập, đa số là phi lợi nhuận; độc lập với chính phủ, các nhóm lợi ích và nhà tài trợ, chủ yếu tự chủ trong hoạt động và tài chính; tuy vậy, vẫn có thể bị ảnh hưởng nhiều hơn từ tổ chức hoặc cá nhân cung cấp nhiều hơn nguồn tài chính.

Thứ bảy, về con người, think tanks gồm những cựu lãnh đạo quốc gia, quan chức Liên hợp quốc, chính trị gia cấp cao, quan chức hoặc cựu quan chức chính phủ, nhà ngoại giao, nhà khoa học, nhà kinh tế học và nhà lãnh đạo kinh doanh, v.v. những người mà tư duy của họ chủ yếu đặt trong hành động và không phải là những người tìm kiếm kiến thức sâu rộng để xây dựng những công trình lý thuyết hàn lâm. Tiêu chuẩn chính của think tank là tính độc lập tư tưởng, tính sáng tạo và sức quảng bá ảnh hưởng; lập luận dựa trên tư tưởng, giá trị, lợi ích; nghiên cứu lý thuyết, học thuật và ứng dụng, thực nghiệm. Uy tín của con người trong các think tanks là ở năng lực sáng tạo và sức ảnh hưởng, chứ không phải chức vụ, cấp bậc có tính hành chính.

Chương II



THINK TANKS TRONG ĐỜI SỐNG CHÍNH TRỊ HOA KỲ

1. Quá trình hình thành và phát triển của think tanks ở Hoa Kỳ

Sự ra đời của các think tanks vốn khởi nguồn từ thế kỷ XIX tại nước Anh với các tổ chức như Philosophic Radicals hay The Fabian Society. Thời kỳ đó, các think tanks đều gắn với các nhà tư tưởng nổi bật như Jeremy Bentham, John Stuart Mill, hay George Bernard Shaw. Mục đích chính của các loại tổ chức này là tìm cách gây ảnh hưởng đến hoạt động của chính quyền đối với các vấn đề mà họ và xã hội quan tâm.

Một số dữ liệu thống kê về think tanks

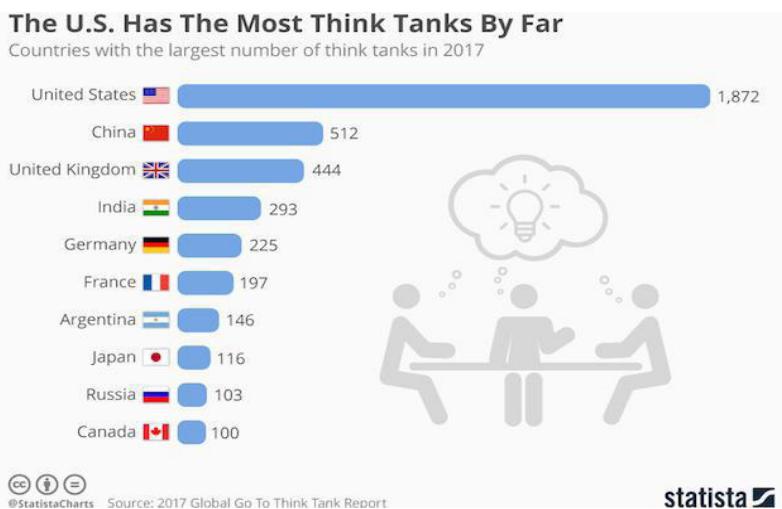
- Hiện có 1.872 think tanks tại Hoa Kỳ
- Số think tanks tại Bắc Mỹ và châu Âu chiếm 60% think tanks trên thế giới

- Hơn 90% think tanks trên thế giới được thành lập sau năm 1951
- Số lượng think tanks ở Hoa Kỳ đã tăng gấp đôi từ sau năm 1980
- Hầu hết các think tanks Hoa Kỳ thành lập sau năm 1980 đều chuyên sâu về một số lĩnh vực cụ thể nào đó
- Gần 1/4 số think tanks ở Hoa Kỳ có trụ sở tại Thủ đô Washington (408 think tanks)

(Nguồn: James G. McGann: *2019 Global Go to Think Tanks Index Report*, 2020).

Ở Hoa Kỳ, những tổ chức nghiên cứu chính sách đầu tiên (tiền thân của think tanks sau này) xuất hiện vào đầu thế kỷ XX trong vai trò một tổ chức nghiên cứu, không hoặc ít có sự liên quan đến các trường đại học hay các cơ quan chính quyền. Điển hình trong số này là sự ra đời của Carnegie Endowment for International Peace (1910), tổ chức chuyên nghiên cứu về chính sách đối ngoại. Tiếp đó là Institute for Government Research (1916), tiền thân của Viện Brookings (1927) sau này; The Hood Institution (1919); The Council on Foreign Relations (1921); và The American Enterprise Association (1938). Mục đích khởi thủy của các think tanks đầu tiên này là tiến hành nghiên cứu chính sách và cố gắng không gây ảnh hưởng trực tiếp đến các hành động chính sách của chính quyền Hoa Kỳ.

Hình 1. Tương quan số lượng think tanks ở Hoa Kỳ và các quốc gia (2017)



Nguồn: <https://delano.lu/d/detail/news/countries-most-thinktanks/188900>.

Có thể khẳng định, think tanks từ lâu đã đóng một vai trò quan trọng trong việc xây dựng chính sách đối nội cũng như đối ngoại ở Hoa Kỳ. Theo một nghiên cứu của James G. McGann công bố năm 1992, lịch sử ra đời và phát triển của các think tanks ở Hoa Kỳ được chia thành các giai đoạn: 1900-1929; 1930-1959, 1960-1975 và 1976-1990. Cơ sở để ông phân định các mốc thời gian là: “Mỗi một giai đoạn đều được đánh dấu bằng một biến động lớn trong nước hoặc quốc tế, dẫn đến việc thành lập một thế hệ viện nghiên cứu

chính sách công mới. Những sự kiện chính này là các cuộc chiến tranh loại hình này hay loại hình khác như: Chiến tranh thế giới thứ nhất, Chiến tranh thế giới thứ hai, Cuộc chiến tranh chống nghèo đói (The War on Poverty) và Cuộc chiến tranh ý tưởng (The War of Ideas)¹. Tuy nhiên, để có một cái nhìn sâu hơn về các think tanks ở Mỹ cần bám sát lịch sử thay đổi của môi trường chính trị - xã hội Hoa Kỳ, điều đã khuyến khích sự ra đời và phát triển các thể chế này.

- Thời kỳ Kỷ nguyên Tiến bộ (The Progressive Era) gắn với sự ra đời và phát triển của những think tanks đầu tiên

Thời đại Tiến bộ là thời kỳ hoạt động xã hội và cải cách chính trị lan rộng trên khắp Hoa Kỳ kéo dài từ những năm 1890 đến khi nước này tham gia vào Chiến tranh thế giới thứ nhất (1917). Mục tiêu chính của phong trào Tiến bộ là giải quyết các vấn đề gây ra bởi công nghiệp hóa, đô thị hóa, nhập cư và tham nhũng chính trị. Thời đại mới trong đời sống chính trị Hoa Kỳ gắn liền với tên tuổi của Tổng thống Theodore Roosevelt. Nước cộng hòa từng chiến tranh liên miên trước đây đã trở thành cường quốc thế giới. Những

1. James G. McGann: “Academics to Ideologues: A Brief History of the Public Policy Research Industry”, *Political Science and Politics*, Vol. 25, No. 4 (Dec., 1992), pp. 733 - 734.

nền tảng chính trị của Hoa Kỳ đã trải qua mọi thăng trầm của chiến tranh với ngoại bang và nội chiến, những biến thiên thịnh đạt và suy thoái đan xen nhau. Những bước tiến khổng lồ đã được thực hiện trong nông nghiệp và kỹ nghệ. Nền giáo dục công lập miễn phí đã được thực hiện rộng rãi. Ảnh hưởng của nền kinh doanh lớn lúc này được củng cố nhiều hơn bất cứ lúc nào khác. Tuy nhiên, “chính quyền địa phương và chính quyền thành phố nằm trong tay các nhà chính trị suy đồi, tham nhũng”¹.

Để khắc phục sự suy thoái của chủ nghĩa tư bản thế kỷ XIX và sự suy đồi về chính trị, một phong trào cải cách đã xuất hiện mang tên “phái theo chủ nghĩa tiến bộ”. Phái theo chủ nghĩa tiến bộ nhìn nhận “việc làm của họ như một chiến dịch đấu tranh dân chủ chống lại sự lạm dụng của các thủ lĩnh chính trị thành thị và những kẻ tai mắt có quyền lực song là kẻ cướp khốn nạn”². Những mục tiêu của các nhà chính trị theo phái tiến bộ là nền dân chủ rộng lớn hơn và công bằng xã hội, sự quản lý xã hội trung thực, sự điều chỉnh hiệu quả hơn đối với kinh doanh và sự cải thiện tốt đẹp hơn cho dịch vụ của nhân dân. Chính vì thế, họ tin tưởng vào khoa học xã hội, việc chuyên nghiệp hóa khoa học xã hội và hoạt động quản lý được khoa học hóa sẽ cải thiện khả năng

1, 2. Howard Cincotta: *Khái quát về lịch sử nước Mỹ*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 256, 256.

quản trị của chính quyền và chu trình chính sách công hiệu quả. Kết quả là, các nhóm tư vấn đầu tiên bắt đầu xuất hiện “như một phần nỗ lực lớn nhằm đưa chuyên môn của các học giả và nhà quản lý vào các vấn đề kinh tế và xã hội của thời kỳ này”¹. Hầu hết các nhân vật nổi tiếng trong thời đại này, cả trong chính trị, học thuật, triết học lẫn văn chương đều có liên quan, cho dù chỉ là một phần nào đó với phong trào cải cách. Các tổ chức Russell Sage Foundation, Brooking Institutions và National Bureau of Economic Research mặc dù có nguồn gốc từ các nhóm nghề nghiệp khác nhau nhưng đều đóng vai trò chính trong phong trào cải cách xã hội thời kỳ này.

Ở giai đoạn này cần phải kể đến trường hợp của Robert S. Brookings, một nhà công nghiệp và nhà từ thiện ở Saint Louis. Với mục đích lý tưởng là mang lại hiệu quả và chuyên môn khoa học cho việc hoạch định chính sách công, ông đã thành lập ba tổ chức: Viện Nghiên cứu Chính quyền (Institute for Government Research, 1916), Viện Nghiên cứu kinh tế (Institute of Economics, 1922) và Trường Cao học kinh tế và quản trị Robert Brookings (Robert Brookings Graduate School of Economics and Government, 1924). Đến năm 1927, cả ba tổ chức này được hợp nhất thành Viện Brookings (Brookings Institution) với nhiệm vụ tiến hành

1. James A. Smith: *The Idea Brokers: Think Tanks And The Rise Of The New Policy Elite*, Free Press, New York, 1991, p. 120.

và thúc đẩy nghiên cứu trong các lĩnh vực kinh tế, quản trị công và khoa học chính trị, xã hội. Đây là tổ chức tư nhân đầu tiên chuyên phân tích các vấn đề chính sách ở cấp quốc gia dựa trên nguyên tắc áp dụng các phương pháp khoa học vào quản lý của chính quyền. Tiếng vang lớn đầu tiên của những think tanks này là góp phần quan trọng vào tư duy cải cách của chính quyền Tổng thống Warren G. Harding dẫn tới việc thông qua Đạo luật Ngân sách và thành lập Cục Ngân sách năm 1921. “Cục này lần đầu tiên quy định mức hạn chế ngân sách chính thức đối với việc chi tiêu của Liên bang. Cục Ngân sách đã hoạt động rất hiệu quả nhờ Harding bổ nhiệm Charles G. Dawes, một người quản lý có năng lực làm Giám đốc đầu tiên của Cục”¹.

Sự phát triển lớn mạnh của Viện Brookings gắn liền với những biến động của tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Hoa Kỳ ở những thập niên tiếp theo. Để nhằm đối phó với cuộc suy thoái kinh tế tồi tệ nhất trong lịch sử đất nước, năm 1933, Tổng thống Franklin D. Roosevelt đã thành lập tổ chức Brain Trust gồm ba giáo sư của Đại học Columbia là Raymond Moley, Rexford G. Tugwell và Adolf A. Berle Jr. để tư vấn giúp ông cách giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội mà nước Mỹ đang phải đổi mới và lựa chọn các chính sách công hợp lý thông qua thiết kế Chính sách kinh tế mới

1. William A. Degregorio: *44 đời Tổng thống Hoa Kỳ*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2016, tr. 784.

(New Deal). Điều này đã tạo ra nhu cầu lớn về các phân tích, tư vấn học thuật. Viện Brookings đã trở thành một tiếng nói độc lập để kiểm tra và đánh giá các chương trình trong Chính sách kinh tế mới. Viện Brookings đã có những phản đối mạnh mẽ về Chính sách này. Theo giáo sư Weaver, “Brookings có được danh tiếng trước tiên như một lực lượng chống đối bảo thủ của Chính sách kinh tế mới và sau đó như một người ủng hộ tự do cho Xã hội vĩ đại (Great Society)”¹. Như vậy có thể thấy, Viện Brookings luôn tìm cách duy trì sự độc lập khỏi chính quyền một cách thích hợp cho các nghiên cứu chính sách của mình. Trong thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ hai, các chuyên gia của Brookings đã giúp chính phủ tinh chỉnh kế hoạch chi tiết về tổ chức Liên hợp quốc của Tổng thống Franklin D. Roosevelt và định hình cấu trúc cũng như quy trình hoạt động của Kế hoạch Marshall.

Như giáo sư James G. McGann đã từng nhận xét: “Nỗ lực mang lại tri thức và chuyên môn về chính sách công đã ánh hưởng đến bản chất cũng như mục đích của các viện nghiên cứu chính sách công trong hơn 50 năm”². Do đó, Viện Brookings với tư cách là tổ chức độc lập đầu tiên chuyên thực hiện nghiên cứu chính sách công là tấm gương cho các tổ chức

1. R. Kent Weaver: “The Changing World of Think Tanks”, *Political Science and Politics* 22(3), p. 565.

2. James G. McGann: “Academics to Ideologues: A Brief History of the Public Policy Research Industry”, *Political Science and Politics*, Vol. 25, No. 4 (Dec., 1992), p. 734.

tư vấn cung cấp các phân tích học thuật, khách quan về chính sách công và hướng dẫn công chúng về các vấn đề hoạch định chính sách. Đúng như lời Viện Brookings đã tuyên bố: “sứ mệnh của chúng ta là tiến hành nghiên cứu độc lập, chất lượng cao và dựa trên nghiên cứu đó, đưa ra các khuyến nghị sáng tạo, thiết thực nhằm thúc đẩy các mục tiêu rộng lớn: củng cố nền dân chủ Hoa Kỳ; thúc đẩy kinh tế và phúc lợi xã hội; an ninh và cơ hội của tất cả người Hoa Kỳ; và bảo đảm một hệ thống quốc tế cởi mở, an toàn, thịnh vượng và hợp tác hơn”¹. Trong những năm gần đây, Viện Brookings luôn được đánh giá là think tank số 1 trên toàn thế giới và là think tank tốt nhất ở Hoa Kỳ.

- Thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ nhất gắn liền với sự khởi sắc của các tổ chức nghiên cứu chính sách đối ngoại

Với mong muốn “đẩy nhanh việc xóa bỏ chiến tranh quốc tế, vết nhơ xấu nhất đối với nền văn minh của chúng ta”², Andrew Carnegie đã quyên góp 10 triệu USD để thành lập ra Quỹ Carnegie vì Hòa bình quốc tế (The Carnegie Endowment for International Peace) vào năm 1910.

1. Viện Brookings: About Brookings, <https://www.brookings.edu/wp-content/uploads/2016/07/2012-annual-report.pdf>.

2. Carnegie Endowment for International Peace: *Carnegie at 100: A Century of Impact*, <https://carnegieendowment.org/about/centennial>.

Trên thực tế, một loạt các thách thức về chính sách đối nội và đối ngoại do Thế chiến thứ nhất tạo ra đã dẫn đến việc thành lập một số viện nghiên cứu chính sách công, đặc biệt tập trung vào chính sách đối ngoại. Có thể kể đến như Quỹ Carnegie vì Hòa bình quốc tế, Hiệp hội Chính sách đối ngoại (Foreign Policy Association, 1918), Viện Hoover về Chiến tranh, Cách mạng và Hòa bình (Hoover Institution on War, Revolution and Peace, 1919), và Hội đồng Quan hệ đối ngoại (Council on Foreign Relations, CFR, 1921). Nhiệm vụ chính của các tổ chức này được thành lập để đáp ứng với sự nổi lên của Hoa Kỳ như một cường quốc toàn cầu.

Sự ra đời và phát triển của các think tanks này đã thể hiện “rõ ràng sự phát triển vượt bậc và mở rộng của nền kinh tế trong nước và ngoại giao nước ngoài của Hoa Kỳ”¹, bởi từ trước, dưới ảnh hưởng mạnh mẽ chủ nghĩa biệt lập George Washington, giới tinh hoa chính trị và công chúng Hoa Kỳ khá lo ngại về sự can dự sâu rộng vào chính trị quốc tế. Các think tanks chuyên về chính sách đối ngoại xuất hiện trong nền chính trị Hoa Kỳ đã truyền tải thông điệp, thuyết phục và giáo dục người dân cũng như các nhà hoạch định chính sách rằng Hoa Kỳ đóng một vai trò quan trọng và lớn hơn trong nền chính trị toàn cầu thông qua các nghiên cứu của họ.

1. Richard Higgott, Diane Stone: The Limits of Influence: Foreign Policy Think Tanks in Britain and the USA, *Review of International Studies*, Vol. 20, No. 1, 1994, p. 17.

- Thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ hai, Chiến tranh lạnh và sức mạnh của Tập đoàn RAND (RAND Corporation)

Cũng giống như Thời kỳ Kỷ nguyên Tiến bộ dẫn đến sự ra đời của Viện Brookings, Chiến tranh thế giới thứ hai và Chiến tranh lạnh sau khi nổ ra đã đánh dấu một giai đoạn mới trong tiến trình phát triển của các think tanks ở Hoa Kỳ. Sau năm 1945, thuật ngữ “think tank” bắt đầu được sử dụng. Chính trong thời kỳ này, các viện như RAND (viết tắt của nghiên cứu và phát triển) Corporation, Viện Nghiên cứu chính sách đối ngoại (Foreign Policy Research Institute), Trung tâm Nghiên cứu chiến lược và quốc tế (The Center for Strategic and International Studies), và Viện Hudson (The Hudson Institute) đã ra đời. Mặc dù cấu trúc và mục đích khác nhau nhưng do môi trường chính trị đã định hình nét tương đồng giữa các think tanks này. Nhưng khác với bốn tổ chức trên, Viện Nghiên cứu chính sách công của doanh nghiệp Hoa Kỳ (American Enterprise Institute for Public Policy Research) tập trung cố gắng phát huy ảnh hưởng của mình trong bối cảnh nền kinh tế Hoa Kỳ đang chuyển đổi từ mô hình kinh tế thời chiến sang thời bình.

Trong thời kỳ này nổi bật là Tập đoàn RAND. Được thành lập vào năm 1948, RAND đảm nhận vai trò nhà thầu nghiên cứu cho Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ (DOD). Bằng cách sử dụng chuyên môn của các kỹ sư, nhà vật lý, nhà sinh học,

nhà thống kê và nhà khoa học xã hội, RAND đã cố gắng tư vấn cho lực lượng không quân về cách bảo vệ Hoa Kỳ trước các cuộc tấn công của kẻ thù; đồng thời cũng đóng góp lớn vào việc tăng cường khả năng răn đe hạt nhân của Hoa Kỳ. Tuy nhiên, điều khiến RAND khẳng định được tên tuổi trong hệ thống think tanks Hoa Kỳ là sự đóng góp quan trọng của nó vào sự đổi mới to lớn trong quản lý và kỹ thuật phân tích chính sách công của những năm 1950 và 1960, đặc biệt là đề xuất Hệ thống lập trình hoạch định chính sách (Planning Programming - Budgeting System, PPBS) và phân tích hệ thống. Thông qua các kỹ thuật được hoàn thiện và phát triển bởi các nhà nghiên cứu từ các ngành khác nhau nhằm thúc đẩy phân tích chính sách công, các nhà khoa học của RAND đã đúc táo bạo để “nghĩ về những điều không tưởng”. Theo giáo sư Patricia Linden, “RAND với các phương pháp phân tích khách quan, thấu đáo và cách tiếp cận đa ngành đã được sao chép bởi những người giải quyết vấn đề trong mọi lĩnh vực và là mô hình cho các Viện Đô thị và Viện Hudson”¹. Do sự đổi mới mang tính đột phá trong phương pháp nghiên cứu, RAND trở thành như một mẫu thử nghiệm cho các think tanks khác. Từ báo cáo năm 1946 về thiết kế vệ tinh đầu tiên, các nghiên cứu tiên phong về Liên Xô đến các nghiên cứu về thành tích học tập của hệ thống

1. Patricia Linden: *Powerhouses of Policy: A Guide to America's Think-Tanks*, Town and Country, 1987, p. 106.

trường học bán công, các sản phẩm tư vấn chính sách của RAND trải rộng trên nhiều lĩnh vực quan trọng như năng lượng, giáo dục, y tế, công lý, môi trường, các vấn đề quốc tế và quân sự. Hầu hết các nghiên cứu của RAND đều nhận được tài trợ kinh phí từ Chính phủ Hoa Kỳ.

- Thời kỳ Xã hội vĩ đại (Great Society) và vai trò của Viện Đô thị (Urban Institute)

Hệ thống think tanks Hoa Kỳ tiếp tục nỗ lực mở rộng tổ chức của họ để cung cấp những hiểu biết sâu sắc về nghiên cứu chính sách công trong nước, đặc biệt là các vấn đề đô thị kể từ khi Tổng thống Lyndon Johnson phát động Cuộc chiến tranh chống nghèo đói (War on Poverty) và thuyết phục “Quốc hội thông một loạt đạo luật về phúc lợi xã hội, được gọi chung là Chương trình xã hội vĩ đại (Great Society)¹. Vào giai đoạn này, các cơ quan tư vấn chính sách xã hội trong nước phát triển mạnh do việc thực hiện các chương trình mới tạo ra nhu cầu lớn về phân tích và tư vấn chính sách phi đảng phái, khách quan, khoa học. Viện Đô thị (Urban Institute) ra đời đảm nhận một vai trò quan trọng trong quá trình hoạch định chính sách là định hướng chính sách trong nước. Ở giai đoạn khởi động Chính sách xã hội vĩ đại, 90% tài trợ của nó đến từ các cơ quan chính phủ, đặc biệt là Bộ Phát triển nhà và đô thị. Kể từ khi thành lập, các nghiên cứu

1. Thomas Bailey, David M. Kennedy: *The American Spirit*, D.C. Heath and Company, Lexington, 1991, p. 441.

của Viện Đô thị đã tập trung vào các vấn đề nổi cộm ở trong nước như nhà ở, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, thuế, phúc lợi và gia đình, cũng như tác động của những thay đổi về nhân khẩu học. Xuyên suốt thời gian này, hầu hết các think tanks đều chú ý vào phát triển các chương trình nghiên cứu phát triển xã hội, đặc biệt là đô thị.

- Thời kỳ ảnh hưởng của chủ nghĩa tân bảo thủ (The Influence of Neoconservatives) và tiếng nói của Nouveau Riche và Quỹ Di sản (Heritage Foundation)

Nếu các chương trình của Chính sách xã hội vĩ đại khuyến khích các think tanks tham gia vào nghiên cứu chính sách trong nước trên cơ sở ký hợp đồng với chính phủ, thì “cuộc cách mạng” của Tổng thống Ronald Reagan đã nâng tầm ảnh hưởng của chủ nghĩa tân bảo thủ, tạo điều kiện cho sự trỗi dậy của một thương hiệu think tank mới. Các mô hình think tanks mới trong giai đoạn này thường được gọi chung là các think tanks vận động chính sách (Advocacy think tanks).

Không giống như các tổ chức nghiên cứu chính sách truyền thống, các think tanks vận động chính sách không theo suốt tôn chỉ thúc đẩy các nghiên cứu mang tính học thuật, khách quan. Ngược lại, họ “kết hợp một chính sách, đảng phái hoặc một xu hướng ý thức hệ mạnh mẽ với thuật bán hàng công kích và một nỗ lực ảnh hưởng đến cuộc

tranh luận chính sách hiện tại”¹. Như vậy, kể từ đây, đã đánh dấu một sự bổ sung về vai trò và chức năng của các think tanks Hoa Kỳ: các think tanks không chỉ thuần túy nghiên cứu mà đã công khai thể hiện mục đích gây ảnh hưởng chính sách để đạt được những kết quả chính trị cụ thể. Kể từ đó, các think tanks Hoa Kỳ đã mở rộng phạm vi hoạt động ra các hình thức vận động chính sách cũng như các nỗ lực ủng hộ tư tưởng chính trị và đảng phái. Loại hình think tanks này như một thách thức với các mô hình Brookings và RAND về cách tổ chức và vận hành think tanks. Theo Patricia Linden, “một loại think tanks mới xuất hiện, các tổ chức có mục đích chính trị với nhiệm vụ là ủng hộ hoặc chống đối phong trào bảo thủ mới. Đồng thời, các think tanks được thành lập đã mở rộng phạm vi nghiên cứu của họ và tham gia vào các cuộc tranh luận gay gắt về chính sách đối nội và đối ngoại của chính quyền”². Đây cũng chính là lý do tại sao khi phân tích hệ thống think tanks Hoa Kỳ giai đoạn này, giáo sư Andrew Rich trong tác phẩm *Think tanks, Chính sách công và Chính trị của ý kiến chuyên môn* (*Think Tanks, Public Policy, and the Politics of Expertise*) đã nhận định: “trước đây như là các trọng tài trung lập, các

1. R. Kent Weaver: “The Changing World of Think Tanks”, *Political Science and Politics* 22(3), p. 567.

2. Patricia Linden: *Powerhouses of Policy: A Guide to America’s Think-Tanks*, Town and Country, 1987, p. 100.

think tanks đang ngày càng trở thành những người ủng hộ ý thức hệ”¹.

Quỹ Di sản (Heritage Foundation) thành lập năm 1973 là một ví dụ điển hình cho các think tanks vận động chính sách này. Cuộc bầu cử của Ronald Reagan vào năm 1980 đã tạo ra một bước ngoặt cho Quỹ Di sản và sự phát triển của các think tanks ở Hoa Kỳ. Edwin Feulner, người sáng lập và là Chủ tịch của Quỹ Di sản đã tuyên bố: “Điều làm nên tên tuổi của Heritage là khi Ronald Reagan gọi chúng tôi là think tank yêu thích của ông ấy và “đứa con mới” hăng hái trong khối bảo thủ”². Ngay từ khi hình thành, Quỹ Di sản đã cố gắng để trở thành một phần của tiến trình chính trị Hoa Kỳ thông qua nỗ lực xóa bỏ khoảng cách giữa các nhà nghiên cứu hoạch định chính sách và các nhà hoạch định chính sách. Những kết quả đáng kể của Quỹ Di sản có thể kể đến như: Chính quyền của Tổng thống Reagan đã thực hiện gần 2/3 trong tổng số 2.000 kiến nghị chính sách từ nó; truyền cảm hứng cho Sáng kiến Phòng thủ chiến lược của Tổng thống Reagan và thúc đẩy Hoa Kỳ rút khỏi Hiệp ước Chống tên lửa đạn đạo (The Anti-Ballistic Missile Treaty);

1. Andrew Rich: *Think Tanks, Public Policy, and the Politics of Expertise*, *Ibid*, p. 206.

2. Lee Michael Katz: “American Think Tanks: Their Influence is on the Rise”, *Carnegie Reporter*, 2009, p. 5.

tư vấn và thúc đẩy ban hành Đạo luật cải cách phúc lợi đi vào lịch sử năm 1996¹, v.v..

Bước sang thập kỷ 1980 và những năm tiếp theo, số lượng think tank tại Hoa Kỳ đã tăng gấp đôi, với các hoạt động đa dạng hơn. Tiêu biểu cho các think tanks được thành lập thời kỳ này là Institute for International Economics (IIE – 1981); Carter Center (1982); và Nixon Center for Peace and Freedom (1994). Các think tanks được định hình là những tổ chức phi chính phủ về nghiên cứu chính sách và vận động hậu trường, cũng như gia tăng các mối quan hệ chính trị - xã hội để gây ảnh hưởng trong lĩnh vực chính sách. Thực tế này khiến cho hoạt động của các think tanks mang màu sắc chính trị đảng phái rõ rệt hơn (tiêu biểu là khuynh hướng Bảo thủ của Heritage Foundation và khuynh hướng Tự do của Institute for Policy Studies). Chính bởi khuynh hướng chính trị đảng phái rõ nét nên vai trò, uy tín và vị thế của think tanks trong xã hội Hoa Kỳ cũng bị nghi ngờ. Đã có những think tanks bị phê phán vì chỉ tập trung đưa ra các chính sách mang đậm màu sắc chính trị nhưng lại khó có thể thực thi trên thực tế.

Tuy nhiên, có thể khẳng định, Hoa Kỳ là nơi chứng kiến sự thành công rực rỡ nhất của hệ thống các think tanks. So với các trường đại học, think tanks có nhiều ảnh hưởng hơn

1. Heritage Foundation: *Heritage Has Won Victories Benefiting All Americans*, <https://www.heritage.org/about-heritage/impact>.

đối với việc hoạch định chính sách của chính quyền Hoa Kỳ. Hiếm có ở đâu mà các nhà hoạch định chính sách lại phụ thuộc vào các think tanks nhiều như ở Hoa Kỳ. Các tổ chức think tanks lớn và điển hình ở Hoa Kỳ hiện nay bao gồm RAND Corporation, Brookings Institution, Heritage Foundation, Urban Institute, hay Center for Strategic and International Studies, với ngân sách hoạt động hàng năm lên tới hàng trăm triệu đôla Mỹ.

10 think tanks đứng đầu Hoa Kỳ

1. Brookings Institution
2. Center for Strategic and International Studies
3. Carnegie Endowment for International Peace
4. Heritage Foundation
5. Wilson Center, FKA Woodrow Wilson International Center for Scholars
6. RAND Corporation
7. Peterson Institute for International Economics
8. Center for American Progress
9. Urban Institute
10. Atlantic Council

(Nguồn: James G. McGann, *2019 Global Go to Think Tanks Index Report, Ibid.*).

Hầu hết các think tanks lớn đều đặt cơ sở tại Thủ đô Washington, phạm vi hoạt động cấp liên bang và quốc tế.

Tiêu biểu cho số này là Brookings Institute và American Enterprise Institute, quan tâm đến chính sách kinh tế và đối ngoại cũng như các vấn đề chính trị của Hoa Kỳ. Các think tanks nhỏ hơn thì có trụ sở tại các địa phương và chủ yếu hướng đến các mục tiêu hoạt động tại cấp bang, thậm chí cấp thành phố. Đại diện tiêu biểu cho các think tanks nhỏ là các tổ chức như: Center for Climate Security, vốn chỉ tập trung vào các vấn đề chính sách môi trường; hay Urban Institute, thì lại chỉ quan tâm đến các chính sách tài chính, nhà ở, y tế và không hề có các chương trình về chính sách đối ngoại hay an ninh, quốc phòng.

Bảng 2. Số lượng think tanks theo các bang ở Hoa Kỳ hiện nay

STT	BANG	SỐ THINK TANKS
1	Washington D.C	408
2	Massachusetts	176
3	California	172
4	New York	150
5	Virginia	107
6	Illinois	64
7	Texas	50
8	Connecticut	44
9	Pennsylvania	41
10	New Jersey	36

STT	BANG	SỐ THINK TANKS
11	Florida	32
12	Colorado	31
13	Michigan	31
14	Georgia	29
15	Ohio	26
16	Washington	24
17	Minnesota	23
18	North Carolina	23
19	Arizona	21
20	Indiana	21
21	Maine	21
22	Rhode Island	20
23	Tennessee	20
24	Missouri	19
25	Kansas	17
26	Alabama	17
27	Oregon	17
28	New Hampshire	13
29	Hawaii	12
30	Kentucky	12
31	Louisiana	12
32	Oklahoma	11
33	Iowa	10
34	Mississippi	10

STT	BANG	SỐ THINK TANKS
35	Montana	9
36	Arkansas	8
37	Utah	8
38	Nebraska	7
39	New Mexico	7
40	West Virginia	7
41	South Carolina	6
42	South Dakota	5
43	Vermont	5
44	Idaho	4
45	North Dakota	4
46	Delaware	3
47	Alaska	2
	Tổng số	1.875

Nguồn: James G. McGann: *2019 The Global Go to Think Tanks Index Report*, The Think Tanks and Civil Societies Program, *Ibid*, pp. 46-47.

2. Tác động của think tanks đến nền chính trị Hoa Kỳ hiện đại

- Vai trò của think tanks trong đời sống chính trị Hoa Kỳ

Think tanks có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội, đặc biệt là trong xã hội hiện đại. Ở Hoa Kỳ và phương Tây,

nơi sự phát triển của kinh tế - xã hội, giáo dục, trường đại học và giới trí thức, trình độ tổ chức xã hội cao; sự tham gia cá nhân và tổ chức vào công việc nhà nước và tư vấn cho doanh nghiệp lớn; các vấn đề cần xử lý lớn, vượt khả năng của nhà nước; v.v. làm cho think tanks trở thành nhu cầu có tính tất yếu. Think tanks được xem như là thế lực (quyền lực) lớn thứ tư sau các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp; nhu cầu, vị thế, tác dụng và đóng góp của think tanks đối với cơ quan, người hoạch định chính sách đã được thực tế khẳng định. Trong các lý thuyết quan hệ quốc tế, chủ nghĩa Tự do và chủ nghĩa Kiến tạo có cách tiếp cận và lý giải hợp lý về vai trò của think tanks như một nhân tố chủ thể trong quá trình hoạch định chính sách, cùng với chủ thể chính là quốc gia và các chủ thể khác.

Think tanks, vì vậy, có vai trò rất lớn đối với đời sống chính trị. Xét từ nguồn gốc, think tanks có vai trò quan trọng đối với tư duy chính trị, thể hiện ở chỗ, một dân tộc, quốc gia luôn cần lực lượng tư duy chính trị có tính chiến lược và chuyên nghiệp để có thể định hướng, dẫn dắt dân tộc đi tới sự phát triển. Lực lượng ấy sẽ giúp chủ thể cầm quyền tối ưu hóa các đường lối và tối ưu hóa các chính sách, kể từ mọi khâu hoạch định, triển khai, đánh giá, điều chỉnh và bổ sung chính sách... Như vậy, nhìn một cách thực tiễn, vai trò chủ yếu của think tanks là: đề xuất ý tưởng, tư vấn và vận động chính sách; giáo dục, hướng dẫn dư luận; tập hợp nhân tài;

Đề xuất ý tưởng, tư vấn và vận động chính sách: Think tanks là đầu mối tri thức, thông tin và đề xuất ý tưởng, tư vấn, tham vấn, dự báo và lựa chọn vấn đề, nội dung chính sách, v.v. nhất là các ý tưởng chính sách quan trọng, phức tạp và mới mẻ cho nhiều vấn đề kinh tế - xã hội quan trọng; tiến hành các nghiên cứu dài hạn, chiến lược toàn cục nhằm cung cấp sự trợ giúp về trí tuệ, phân tích và tư vấn chính sách, hỗ trợ cho quá trình ra quyết định của các nhà hoạch định chính sách cũng như công chúng; cung cấp dịch vụ tư vấn cho các hoạt động kinh doanh; đưa ra sáng kiến, khuyến nghị, lựa chọn, gợi ý, phản biện và giải pháp độc lập cho các nhà hoạch định chính sách dưới dạng các viện, trung tâm, hội đồng, quỹ, mạng lưới, tập đoàn, tổ chức, diễn đàn, hiệp hội, học viện, văn phòng, tổ tư vấn, ban nghiên cứu, v.v. với các chuyên gia có trình độ cao và kinh nghiệm thực tiễn phong phú.

Think tanks kết hợp nghiên cứu với tư vấn, nghiên cứu học thuật nhưng hướng vào giải quyết các vấn đề đặt ra của nhà nước và xã hội; kết hợp nghiên cứu lý thuyết với tư vấn thực tế; không chỉ nghiên cứu định hướng cho những quyết định có tính phản ứng nhanh của giới lãnh đạo, chỉ huy, phát hiện các nguy cơ và phát kiến các đối sách ứng phó mà còn tư duy theo hướng phát hiện những vấn đề chiến lược dài hạn và mới mẻ. Think tanks tham gia vào các giai đoạn khác nhau trong quá trình hoạch định chính sách, đặc biệt là giai đoạn “đầu vào” và giai đoạn “trung gian”, “xử lý”,

“hộp đen” của quá trình ra quyết định chính sách. Để làm được việc đó, think tanks vừa tập trung vào các nghiên cứu có chất lượng, vừa xây dựng chiến lược, phương thức và nâng cao ảnh hưởng của mình đối với các quyết định chính sách.

Theo luật pháp và thực tế ở Hoa Kỳ, chẳng hạn, tổng thống và các cố vấn chủ chốt luôn là kiến trúc sư trưởng cho chính sách và quá trình hoạch định chính sách chịu sự tác động của nhiều yếu tố không chính thức trong đó có think tanks. Trong quá trình hoạch định chính sách, ở giai đoạn “đầu vào” các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước (giới khoa học, báo chí, đảng phái chính trị, nhóm lợi ích, vận động hành lang, nhà tư vấn chính trị, think tanks, lãnh đạo quốc gia, công đoàn, công ty đa quốc gia, nhà thầu, v.v.) thông qua các kênh khác nhau có thể nêu quan điểm và ưu tiên chính sách của mình; ở giai đoạn “trung gian/xử lý” hay “hộp đen của quá trình ra quyết định”, hệ thống chính trị chuyển “đầu vào” thành “đầu ra” và cấu trúc, tình hình kinh tế chính trị, xã hội có thể tác động đến việc quyết định chính sách; và giai đoạn “đầu ra” là thông qua, công bố, cung cấp sản phẩm (luật, quyết định, quy định hay các sắc lệnh hành pháp).

Giáo dục, hướng dẫn dư luận: Think tanks cung cấp thông tin, tuyên truyền, định hướng dư luận, bình luận và giải thích, phân tích thách thức, nêu khuyến nghị, giải pháp chính sách, v.v. thông qua ý kiến chuyên gia, truyền thông, dư luận xã hội; trao đổi học giả, học thuật, tham gia các cơ chế,

diễn đàn; tạo cầu nối giữa học giả, chuyên gia, doanh nghiệp, quan chức chính phủ thông qua thảo luận cấp cao, cung cấp nhân sự chất lượng cao cho bộ máy chính phủ; hỗ trợ chính phủ giải quyết xung đột, thu hẹp khác biệt, tìm kiếm tương đồng, chuyển hóa mâu thuẫn, lắng nghe, chia sẻ quan điểm; giám sát, giám định độc lập các vấn đề chính sách, vấn đề xã hội quan tâm.

Think tanks là “chất xúc tác” đưa ra những tư duy, quan điểm mới cho sự thay đổi, phát triển; chia sẻ mối quan tâm chung; xác định, phân tích, truyền thông những vấn đề tiền chính sách, tác động đến những người ra quyết định trong lĩnh vực công và tư, cũng như cho đại chúng; tranh thủ sự chú ý của lãnh đạo và sự đồng thuận của xã hội; có “tiếng nói” trước các vụ việc lớn; tạo môi trường, không khí tôn trọng các ý kiến độc lập, chuyên nghiệp và dư luận cởi mở; nêu vấn đề để dư luận bàn luận, để cơ quan chính sách - nhất là cơ quan lập pháp tranh luận (xem xét, nghe báo cáo, chất vấn) và thông qua chính sách và để chính phủ tiếp thu, thực hiện; hình thành môi trường, cơ chế và văn hóa cho dư luận; khuyến khích nhiều kênh góp ý kiến; tạo sức mạnh mềm, phát triển văn hóa, khoa học, giáo dục, khoa học hóa hoạt động lãnh đạo, quản lý, chính sách.

Tập hợp, khai thác nhân tài: Think tanks là nơi tập hợp, khuyến khích chuyên gia từ nhiều lĩnh vực liên quan đến một chiến lược, một quyết sách; là mô hình tổ chức tập trung tối đa nguồn chất xám của xã hội; tạo môi trường sinh hoạt tri thức

cho các lãnh đạo chính trị chuyên nghiệp, hình thành tài năng chính trị kế cận; tham vấn, đề xuất chương trình nghị sự quốc gia và quốc tế; thiết kế tiến trình hành động cụ thể cho chính phủ, trường đại học và doanh nghiệp; v.v..

Think tanks là nơi tập hợp, khai thác trí tuệ của các trường đại học, viện nghiên cứu; khai thác và tạo sức lan tỏa cho nguồn tài nguyên con người để phát triển; tạo điều kiện cho giới khoa học, tinh hoa sáng tạo, đề xuất ý tưởng, lý thuyết cho phát triển; khơi dậy, khai thác trí tuệ, nâng cao tính khoa học, dân chủ của chính sách; hạn chế sai lầm trong hoạch định chính sách; đưa ra dự báo, ý kiến độc lập, tiếng nói ảnh hưởng trong dư luận; đại diện cho trí tuệ công chúng; tạo động lực, liên kết, bổ sung tri thức từ các lĩnh vực khác nhau cho tư vấn chính sách. Hình thành “đội dự bị” cho nhân sự sẽ được mời tham gia chính quyền hoặc cố vấn cho lãnh đạo cấp cao, được công chung tín nhiệm, truyền thông quảng bá, góp phần tạo ra sức mạnh mềm cho quốc gia.

Think tanks là cầu nối, tìm “tiếng nói chung” giữa giới trí thức tinh hoa và giới cầm quyền; tạo môi trường thuận lợi để các chuyên gia, nhà khoa học nghiên cứu, đề xuất giải pháp chính sách; tạo kết nối, liên thông giữa cơ sở nghiên cứu với cơ quan hình thành chính sách; tạo cơ hội, động lực, liên kết, bổ sung tri thức từ các lĩnh vực cho giới cầm quyền. Think tanks thường là không biên chế, không lương, không chức vụ, không có cấp bậc và quan trọng nhất là không bị

ràng buộc, hạn chế khi góp ý kiến trên cơ sở của pháp luật và đạo đức xã hội; tổ chức tư vấn làm việc với tinh thần khách quan, thực sự cầu thị, đoàn kết, tôn trọng lẫn nhau, cởi mở, thẳng thắn khi thảo luận cũng như khi báo cáo, kiến nghị; môi trường tự do tư tưởng để các chuyên gia có thể suy nghĩ và đề xuất các kiến nghị, giải pháp; góp phần bảo đảm tính khoa học, tính hợp lý của chính sách, quyết sách.

- Thách thức, xu hướng của think tanks và vai trò của think tanks hiện nay:

Thách thức: Hiện nay, vai trò của think tanks ở các nước phương Tây cũng đang đứng trước những thách thức, nhất là thực tế ở Hoa Kỳ cho thấy, không phải là một thứ “thần được” có khả năng ngăn ngừa và chữa trị mọi “căn bệnh” trong hoạt động chính sách; không thể lý tưởng hóa vai trò think tanks và xem mọi kết luận của nó đều là chân lý khách quan. Có những biểu hiện thiếu minh bạch, xung đột lợi ích khiến một số nghiên cứu suy giảm tính khách quan; tính độc lập của think tanks cũng được đặt ra; có ý kiến cho rằng đây là phương tiện giúp doanh nghiệp vận động hành lang, các thế lực nước ngoài can thiệp vào một số chính sách trong nước. Lần đầu tiên, năm 2014, số lượng think tanks mới tại nhiều nước phương Tây có xu hướng giảm so với trước đó; xuất hiện những mâu thuẫn, thậm chí thái độ thù nghịch giữa giới chính trị với một số think tanks (cũng như một số tổ chức phi chính phủ); các nhà tài trợ có xu hướng ưa thích tài trợ cho dự án cụ thể hơn là dự án nghiên cứu đơn thuần;

sự đối mặt với hiện tượng khủng hoảng về danh tiếng; xu hướng mất lòng tin của công chúng đối với một số kiến thức học thuật mà think tanks đưa ra và thay vào đó là những phát ngôn có tính dân túy được ưa chuộng; v.v..

Xu hướng: Hiện nay, do tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu thế toàn cầu hóa, bắt đầu xuất hiện hình thức hợp tác của nhiều think tanks ở các quốc gia khác nhau; khác với các think tanks được tài trợ bởi chính phủ, các nhóm vận động hoặc các công ty trước đây, think tanks ngày càng hướng đến việc tự tạo doanh thu từ các hoạt động tư vấn, thực hiện các dự án trong thực tế. Xu hướng vận động của think tanks là xuất hiện những hình thức think tanks mới; khi cạnh tranh tăng lên, nhiều think tanks đang phải định hình lại hướng tiếp cận của mình để trở thành “fact tank” (tập trung vào tài liệu, số liệu cụ thể hơn là khuyến nghị chính sách đơn thuần) hay “do tank” (đưa khuyến nghị cụ thể vào thực tế).

Các nhà nghiên cứu có thể đưa ra những cách gọi khác nhau, nhưng về bản chất, think tanks là một dạng tổ chức phi chính phủ đóng vai trò nghiên cứu và vận động chính sách. Các think tanks được coi là một chủ thể chính sách phi chính thức (informal actors), can dự và có tác động mạnh mẽ đến quy trình chính sách công của chính quyền Hoa Kỳ. Không chỉ thuần túy nghiên cứu hay vận động chính sách, các chuyên gia think tanks cũng sẵn sàng đủ khả năng để đảm nhiệm các vị trí chuyên môn trong chính quyền Hoa Kỳ.

Trong xã hội, thông qua các hình thức tương tác đa dạng (như bình luận chính sách, hội thảo, tập huấn...), các think tanks cũng có vai trò và ảnh hưởng sâu rộng. Sự hình thành và hoạt động của các think tanks giúp công chúng Hoa Kỳ nhận thức và hiểu biết rõ hơn về các vấn đề chính sách cũng như các chiến lược và cách thức hành động của chính quyền. Vị thế và vai trò quan trọng của các think tanks Hoa Kỳ phần nào thể hiện qua ấn phẩm *Global Go To Think Tanks Index Report*, được xuất bản hằng năm bởi Đại học Pennsylvania.

Với sự gia tăng nhanh chóng về số lượng, các think tanks Hoa Kỳ đang phải cạnh tranh với nhau khốc liệt, đặc biệt là để tìm kiếm các nguồn kinh phí cho ngân sách hoạt động. Giữ được sự quan tâm trong hoạt động để gia tăng lòng tin từ phía xã hội cũng như chính quyền là thách thức lớn đối với các think tanks Hoa Kỳ hiện nay. Tuy vậy, bối cảnh thế giới và Hoa Kỳ vẫn cho thấy những yếu tố thúc đẩy nhu cầu về think tanks gia tăng. Để thích ứng với bối cảnh mới, các think tanks đang vận động theo xu hướng chuyên môn sâu về một số lĩnh vực chính sách. Sự hợp tác giữa các think tanks cũng là xu thế tất yếu để có thể giải quyết các vấn đề chính sách vốn đang ngày càng trở nên phức tạp trong một thế giới khó đoán định hơn. Sự phát triển của truyền thông đại chúng trên nền tảng internet cũng đem đến cho think tanks các cơ hội và khả năng tốt hơn trong việc gia tăng mức độ ảnh hưởng đến cả chính quyền và xã hội.

Dù trong hoàn cảnh nào, các think tanks chỉ thực sự giữ được bản chất tích cực của chúng khi thực hiện nghiên cứu các

vấn đề chính sách và giới thiệu được những giải pháp chính sách mới. Ngược lại, nếu chỉ chạy theo các vận động chính sách mang màu sắc chính trị, hay “xào nấu” các ý tưởng chính sách của các đảng chính trị thì think tanks sẽ tự làm mất vai trò và ảnh hưởng vốn có của chúng trong xã hội Hoa Kỳ.

- **Những đặc điểm cơ bản của think tanks trong nền chính trị Hoa Kỳ**

Cấu trúc tổ chức:

Về mặt tổ chức, think tanks ở Hoa Kỳ có thể được nhận diện dưới dạng “đại học không có sinh viên”, “các nhà hợp đồng với chính quyền”, “các nhóm vận động”, hay “các nhóm đảng phái”. Với các think tanks thiên về nghiên cứu và tư vấn chính sách, cấu trúc tổ chức có nhiều nét tương đồng với các trường đại học, vốn cho phép các nhà nghiên cứu được tự do theo đuổi các hướng nghiên cứu của riêng mình. Ngược lại, các think tanks thiên về vận động chính sách hoặc tư tưởng thì lại áp dụng mô hình tổ chức của các tập đoàn, đề cao cấu trúc quản lý theo trật tự thứ bậc từ trên xuống dưới¹. Đặc điểm về cấu trúc tổ chức này cho phép họ đạt được tính hiệu lực và hiệu quả trong việc truyền bá các thông điệp

1. Nguồn: theo Rick. A, Weaver.K: “Think tanks in the political system of the United States”. In Rick, et al. Think tanks in policy making - do they matter? Briefing Paper Shang Hai special Issue, September 2011; Chance. A: “Think tanks in the United States: Activities, Agendas, and Influence”, Institute for China - America Studies, Washington D.C, 2016.

vận động đến với công chúng. Tuy nhiên, hiện nay, sự phân biệt về đặc điểm tổ chức giữa các think tanks nghiên cứu và think tanks vận động cũng chỉ có tính chất tương đối. Thực tế là cả hai dạng think tanks này đều ngày càng áp dụng mô hình tổ chức và quản lý trong đó có sự giao thoa lẫn nhau. Dạng think tanks điển hình thứ ba là “các nhà hợp đồng với chính quyền” được đặc trưng bởi tỷ lệ ngân sách nhận từ chính quyền, thường là rất lớn, chiếm đa số hoặc toàn bộ ngân sách của tổ chức.

VIỆN BROOKINGS

Viện Brookings, có trụ sở tại Thủ đô Washington, là một trong những think tanks lớn nhất và có ảnh hưởng nhiều nhất tại Hoa Kỳ. Think tank này được ví như một trường đại học nhưng không có sinh viên. Viện Brookings được thành lập năm 1916 bởi doanh nhân Robert S. Brookings. Năm 2009, với ngân sách trên 80 triệu USD, Viện Brookings được xếp vào hàng think tanks lớn nhất tại Hoa Kỳ. Các nghiên cứu của Viện Brookings tập trung chủ yếu vào ba lĩnh vực: (i) Kinh tế; (ii) Chính sách đối ngoại; và (iii) Chính quyền. Ngoài ra, viện cũng tiến hành hàng loạt các chương trình nghiên cứu đa dạng về các vấn đề kinh tế phát triển toàn cầu hay các nghiên cứu về đô thị. Khẩu hiệu và cũng là tư tưởng chủ đạo của Viện Brookings là “Chất lượng. Độc lập. Tác động”.

(Nguồn: Rick. A, Weaver.K: “Think tanks in the political system of the United States”. In Rick, et al. Think tanks in policy making - do they matter? Briefing Paper Shang Hai special Issue, September 2011).

Đội ngũ nhân sự:

Các think tanks ở Hoa Kỳ thường được đặt dưới sự quản lý và điều hành bởi một CEO - người chịu trách nhiệm về các hoạt động hằng ngày của cả tổ chức. Các CEO thường được lựa chọn bởi một ủy ban tín thác, bao gồm những cá nhân uy tín như quan chức chính quyền nghỉ hưu hay các doanh nhân có nhiều ảnh hưởng. Bên cạnh đó, các think tanks còn có các ban cố vấn có nhiệm vụ theo dõi và tư vấn cho từng dự án cụ thể. Những cá nhân lãnh đạo uy tín là một cách để chứng tỏ think tanks chất lượng, và qua đó thu hút được thêm tài trợ. Với đội ngũ chuyên môn, các think tanks thường tuyển dụng một nhóm học giả cơ hữu nòng cốt. Những người này không có chế độ biên chế như các giáo sư ở các trường đại học. Thời gian làm việc phụ thuộc vào chính năng lực của họ cũng như mối quan tâm chính sách của ban lãnh đạo think tanks. Nhóm thứ hai là các “học giả thỉnh giảng”, thường đến làm việc tại think tanks trong thời gian ngắn. Nhóm thứ ba là các trợ lý nghiên cứu, biên tập viên, bình luận viên được tuyển dụng dựa vào các sản phẩm do họ công bố. Ngoài ra, xây dựng quan hệ mạng lưới với các học giả từ các trường đại học hay các tổ chức cũng là một cách thức để think tanks có được đội ngũ cán bộ chuyên môn. Nhóm này thường không được hưởng lương hay lợi ích gì từ think tanks nhưng lại có cơ hội để tham gia các dự án lớn hay các chiến dịch vận động chính sách rộng rãi.

**Bảng 3. Đội ngũ nhân sự của 10 think tanks lớn nhất
về thu nhập**

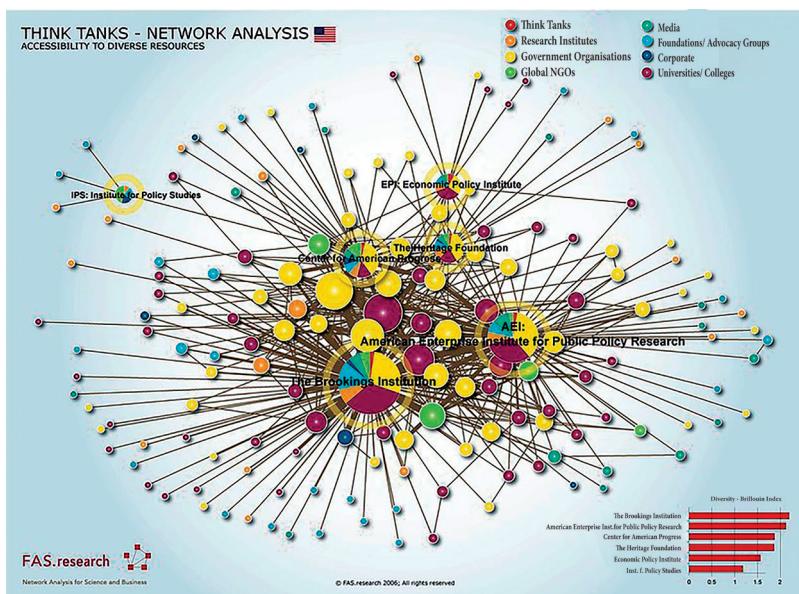
Think Tanks	Tổng số nhân sự	Số người thu nhập trên 100.000 USD/năm
1. RAND	2.028	624
2. BROOKINGS	563	129
3. HERITAGE	516	85
4. URBAN INSTITUTE	427	110
5. CFR	471	17
6. WRI	331	50
7. AEI	211	29
8. CAP	328	9
9. NBER	653	17
10. CEIP	159	35

Ngân sách:

Là một dạng tổ chức NGO, think tanks có nhiều hình thức để nhận được ngân sách hoạt động. Các nguồn kinh phí có thể đến từ khu vực tư, khu vực công, hoặc kết hợp cả hai nguồn. Một số think tanks lớn như Viện Brookings nhận được nguồn kinh phí lớn dưới hình thức quà tặng; RAND Corporation lại có được ngân sách chủ yếu từ các hợp đồng làm việc với đối tác. Ngược lại, cũng có những think tanks như “United States Institute of Peace (USIP)” lại chỉ có ngân sách đến duy nhất từ các quỹ của chính quyền (Haass, 2002).

Về tổng thể, có thể khái quát các nguồn ngân sách của think tanks Hoa Kỳ như sau:

Hình 2. Mạng lưới quan hệ của các think tanks



Nguồn: <https://www.flickr.com/photos/fasresearch/1363575474>.

Thứ nhất, là các khoản kinh phí dưới hình thức quà tặng. Nguồn này thường đến từ các cá nhân giàu có, các tổ chức, hoặc các doanh nghiệp. Do tính chất quà tặng nên think tanks có thể ít bị chi phối hơn trong các hoạt động. Diễn hình cho think tanks nhận ngân sách dưới dạng quà tặng nhiều nhất là Brookings Institute. Thứ hai, là kinh phí

thông qua các hợp đồng làm việc với khách hàng. Đây là kinh phí mà các đối tác thuê think tanks thực hiện các chương trình theo nhu cầu của họ. Nói cách khác, think tanks thực hiện các hoạt động nghiên cứu, tư vấn, hoặc vận động theo đơn đặt hàng của khách hàng. Do các cam kết hợp đồng nên think tanks dễ bị chi phối nhất với nguồn kinh phí này. Điển hình cho think tanks với nguồn kinh phí đến từ các hợp đồng là RAND Corporation. Thứ ba là tự gây quỹ thông qua các chiến dịch vận động. Để có thể hoạt động độc lập và bền vững, gây quỹ là một cách thức tìm kiếm ngân sách được các think tanks coi trọng đặc biệt. Mọi thành viên của think tanks đều được huy động vào các chiến dịch tìm kiếm cơ hội để gia tăng ngân sách hoạt động. Các doanh nghiệp và hiệp hội doanh nhân chính là những đối tượng hướng đến cho các nỗ lực gây quỹ. Tiếp đó là các cá nhân giàu có và các quỹ do các nhà tài trợ lập nên. Các nguồn ngân sách đến từ các chính phủ nước ngoài hoặc Chính phủ Hoa Kỳ thường bị giới hạn do những lo ngại về ảnh hưởng tiêu cực. Để bảo đảm sự độc lập và tính khách quan, các think tanks đều tìm cách vạch trần những biểu hiện cho thấy sự ảnh hưởng của các nhà tài trợ trong hoạt động của các think tanks khác, nhất là những nhóm có cùng mối quan tâm nghiên cứu hoặc vận động. Một cách nữa là các think tanks giữ thái độ ủng hộ với các vấn đề vĩ mô nhằm không gây khó xử cho các nhà tài trợ, chẳng hạn như ủng hộ tình trạng hiện tại của

chủ nghĩa tư bản, tự do thương mại quốc tế, hay gia tăng mức chi phí cho quốc phòng.

Tư tưởng và các ưu tiên nghị sự:

Mức độ gắn kết của think tanks với một khuynh hướng tư tưởng hay một đảng chính trị nào đó (Cộng hòa hoặc Dân chủ) cho thấy thiên hướng chính trị của mỗi tổ chức. Điều này không nhất thiết đòi hỏi tư cách đảng viên của cá nhân các chuyên gia, mà đơn giản chỉ là thiên hướng ủng hộ những giá trị mà đảng nào đó theo đuổi. Cũng bởi vậy, thiên hướng đảng chính trị (Dân chủ hay Cộng hòa) hoặc tư tưởng (Bảo thủ hay Tự do) luôn là chỉ báo đầu tiên được khảo sát trong các cuộc thăm dò công luận về chính trị - chính sách. Khác với người dân ở các quốc gia khác, với người Hoa Kỳ, tư tưởng chính trị đơn giản chỉ là những niềm tin của họ về vai trò và mục đích hoạt động của chính quyền. Vì thế, công chúng Hoa Kỳ có thể được phân chia ra thành các nhóm cơ bản như: những người theo khuynh hướng bảo thủ hoặc tự do về kinh tế; những người bảo thủ hoặc tự do về văn hóa - xã hội. Bởi vậy, các cuộc khảo sát ý kiến công chúng Hoa Kỳ về chính sách luôn quan tâm đến bản sắc chính trị, thể hiện qua việc cá nhân tự đánh giá định hướng tư tưởng, và mối liên hệ của nó đối với các mong đợi chính sách. Sau mỗi cuộc thăm dò, người ta thường đưa ra nhận định xu hướng hay quan điểm tự do hoặc bảo thủ chi phối các luồng ý kiến công chúng.

Trung tâm Nghiên cứu chiến lược và quan hệ quốc tế (CSIS)

Được thành lập năm 1962 bởi David M. Abshire and Arleigh Burke, CSIS là một trong những think tanks nổi bật và có ảnh hưởng không chỉ tại Hoa Kỳ mà còn trên phạm vi thế giới. Các lĩnh vực nghiên cứu chính sách của CSIS bao gồm: quốc phòng và an ninh; nghiên cứu khu vực, và các thách thức liên quốc gia như năng lượng, thương mại, phát triển toàn cầu, và hội nhập kinh tế. Trong 8 năm vừa qua, CSIS liên tục được xếp số một thế giới trong số các think tanks về quốc phòng và an ninh quốc gia trên bảng chỉ số think tank của Đại học Pennsylvania (Go To Think Tanks Index). Các chuyên gia của CSIS thường xuyên được mời đến trình bày trước Quốc hội, các cơ quan Hành pháp, cũng như xuất hiện trên truyền thông để bình luận và lý giải các sự kiện diễn ra hằng ngày, đồng thời đưa ra các giải pháp để hoàn thiện chiến lược của Hoa Kỳ.

CSIS được xếp vào dạng tổ chức nghiên cứu chính sách phi lợi nhuận. Ngân sách hoạt động năm 2018 là 44,3 triệu USD. Về chính trị, CSIS theo khuynh hướng lưỡng đảng. Mục đích hoạt động của CSIS là cung cấp cho các nhà lãnh đạo các sáng kiến chiến lược và giải pháp chính sách vì một thế giới tốt đẹp hơn.

(Nguồn: <https://www.csis.org/programs/about-us>).

Dù luôn tuyên bố độc lập về chính trị nhưng hoạt động của các think tanks ở Hoa Kỳ khó tránh khỏi ảnh hưởng của các trào lưu tư tưởng chính trị hay quan điểm đảng phái. Các tư tưởng, quan điểm chính trị ở Hoa Kỳ có thể chia ra thành hai phe: Bảo thủ và Tự do. Việc giữ trung lập hay

dung hòa tư tưởng của hai trường phái luôn là thách thức với các think tanks, nhất là dưới sự đánh giá của công chúng. Về tổng thể, vì thế, các think tanks ở Hoa Kỳ được chia ra thành hai nhóm chính: nhóm theo khuynh hướng bảo thủ, và nhóm theo khuynh hướng tự do. Trong đó, nhóm bảo thủ gắn với Đảng Cộng hòa luôn có số lượng áp đảo nhóm tự do vốn gắn với Đảng Dân chủ. Mức độ can dự đến các tư tưởng chính trị cũng khác nhau giữa các think tanks: có những tổ chức thì công khai thể hiện sự ủng hộ một trào lưu tư tưởng hay quan điểm chính trị nào đó (chẳng hạn như Progressive Policy Institute luôn thể hiện sự gắn bó với đảng Dân chủ); nhưng đa số các think tanks đều ý thức bảo vệ sự độc lập, khách quan, và uy tín của tổ chức bằng các nỗ lực vượt lên trên các vấn đề chính trị đảng phái (ví dụ như Heritage Foundation thì luôn chứng tỏ sự độc lập trong quan hệ với đảng Cộng hòa). Đặc điểm chung là các think tanks vừa và nhỏ thường dễ bị tác động và thay đổi quan điểm theo những biến động bối cảnh hơn các think tanks lớn, giàu có, và nhiều ảnh hưởng. Điển hình cho các think tanks lớn và luôn giữ được sự trung lập hoặc dung hòa hai luồng tư tưởng là: CSIS, Carnegie Endowment, và Brookings Institute. Nhờ vậy, chuyên gia của những think tanks này có thể tiếp cận chính quyền dễ dàng mà không cần quan tâm đảng chính trị nào hay luồng quan điểm, tư tưởng chính trị nào đang chiếm ưu thế trong chính quyền Hoa Kỳ.

- Hoạt động của các think tanks trong nền chính trị Hoa Kỳ hiện nay

Có thể khái quát các hoạt động của think tanks ở Hoa Kỳ thành ba nhóm chính: (i) khích lệ các thảo luận chính sách; (ii) cung cấp các đề xuất chính sách chất lượng; và (iii) giới thiệu những ý tưởng chính sách mới. Để thực hiện được các mục đích trên, các think tanks áp dụng nhiều chiến lược hoạt động khác nhau. Họ có thể tuyển dụng các học giả để triển khai các nghiên cứu tự do, phân công các học giả nghiên cứu những vấn đề mà tổ chức hoặc các nhà tài trợ yêu cầu, hoặc tham gia những nghiên cứu theo đơn đặt hàng của khách hàng. Các hoạt động và sản phẩm của think tanks chính là nguồn tham khảo cho các ý tưởng chính sách của chính quyền Hoa Kỳ. Về cơ bản, có thể khái quát các hoạt động đa dạng của think tanks ở Hoa Kỳ như sau:

- Nghiên cứu chính sách: Bản chất think tanks là những “trường đại học không có sinh viên”. Với đội ngũ chuyên gia được tuyển dụng hoặc hợp tác, think tanks cho ra đời các sản phẩm chính là sách, báo cáo về các vấn đề chính sách hoặc các vấn đề được dư luận xã hội quan tâm. Để thu hút được sự quan tâm, bên cạnh sự bảo đảm chất lượng sản phẩm, các think tanks đều đầu tư cho việc xây dựng các mối quan hệ với quan chức và cơ quan chính quyền. Tỷ lệ các ý tưởng chính sách được chấp nhận và đưa vào thực thi chính là một thước đo mức độ thành công của một think tank.

- Hoạt động tư vấn chính sách cho chính quyền Hoa Kỳ: các nhà nghiên cứu của think tanks thường được mời đến thuyết trình tại các cơ quan chính quyền, nhất là tại các ủy ban của Quốc hội cũng như các cơ quan hành pháp. Chuyên gia của think tanks cũng là tác giả của nhiều bài phát biểu chính sách thực hiện theo yêu cầu của quan chức chính quyền.

- Cung cấp bình luận chính sách cho các cơ quan báo chí: các think tanks có thể chủ động quan hệ với cơ quan báo chí để nêu ra những vấn đề chính sách mà họ có thể thảo luận. Tần suất xuất hiện trên truyền thông và mức độ được trích dẫn ý kiến được coi là chỉ báo cho sự thành công và ảnh hưởng của một think tank.

- Giáo dục đại chúng: think tanks thường xuyên thực hiện các hoạt động giáo dục đại chúng hoặc hướng đến các nhóm đặc thù về các sự kiện hoặc vấn đề được họ quan tâm. Xuất bản các tạp chí chính sách dễ tiếp cận với công chúng số đông là một cách thức phổ biến (ví dụ: Tạp chí *Foreign Affairs* của The Council on Foreign Relations hay *Foreign Policy* của tổ chức The Carnegie Endowment for International Peace). Ngoài ra, các think tanks cũng in ấn và phát hành các thông báo ngắn gọn về nội dung các bài giảng hoặc hội thảo để công chúng số đông có thể dễ dàng tiếp cận. Tất cả nhằm thu hút và giúp người dân được cập nhật với các quan điểm hiện tại của tổ chức cũng như các sản phẩm mới ra đời.

- Tổ chức các sự kiện bình luận thời sự cho công chúng quan tâm đến dự: hoạt động này thường được thực hiện tại trụ sở của các think tanks. Khách mời thường là các nhà báo, doanh nhân, và nhân viên cũng như quan chức chính quyền. Điển hình cho dạng hoạt động này là hoạt động của Center for Strategic and International Studies (CSIS), liên tục tổ chức các sự kiện thảo luận và báo cáo chính sách. Bên cạnh các sự kiện miễn phí, think tanks cũng tổ chức các hội thảo về chính sách mà người tham dự phải đóng lệ phí để được tham gia.

Bảng 4. Khái quát những hoạt động của think tanks

Ảnh hưởng khu vực công và xã hội	Ảnh hưởng khu vực tư
<ul style="list-style-type: none"> • Tổ chức các diễn đàn hoặc hội thảo để thảo luận các vấn đề chính sách • Khuyến khích học giả thực hiện các bài phát biểu hoặc thuyết trình • Điều trần trước các ủy ban hoặc tiểu ban của Quốc hội • Xuất bản sách, tạp chí, báo, và các báo cáo chính sách 	<ul style="list-style-type: none"> • Đảm nhận các vị trí chính trị và chuyên môn trong chính quyền • Phục vụ trong các nhóm cố vấn của Tổng thống hoặc trong các giai đoạn chuyển giao nhiệm kỳ Tổng thống. • Duy trì văn phòng liên lạc với lưỡng viện Quốc hội.

Ảnh hưởng khu vực công và xã hội	Ảnh hưởng khu vực tư
<ul style="list-style-type: none"> • Sản xuất các video dành cho công chúng số đông về các vấn đề chính sách <ul style="list-style-type: none"> • Tạo ra các websites để công chúng có thể tiếp cận và thu thập xuất bản phẩm • Tổ chức gây quỹ hàng năm • Thu hút báo chí và truyền thông để hình ảnh tổ chức và các chuyên gia được xuất hiện và gây ảnh hưởng. 	<ul style="list-style-type: none"> • Mời các nhà hoạch định chính sách tham dự các hội thảo hoặc thảo luận chính sách có giới hạn người tham dự. • Cho phép các quan chức chuyên môn làm việc tại think tanks theo chế độ ngắn hạn. • Cung cấp vị trí và cơ hội làm việc cho các cựu quan chức tại các think tanks. • Thực hiện nghiên cứu chính sách và soạn thảo báo cáo chính sách theo yêu nhu cầu của các nhà hoạch định chính sách.

- Tổ chức các diễn đàn thảo luận cho các học giả, chính khách, thương gia, các nhà nghiên cứu (cả trong nước và quốc tế). Đây được coi là một kênh phi chính thức, hỗ trợ cho các mối quan hệ hợp tác giữa các quốc gia. Nhiều vấn đề liên quốc gia nhạy cảm có thể không phù hợp trong môi trường thể chế chính thức thì có thể sử dụng không gian think tanks để có thể tìm ra các hướng giải quyết mới.

- Vận động chính sách đối với chính quyền hoặc phổ biến các tư tưởng chính trị trong dân chúng. Vận động chính sách và tư tưởng chính trị là một trong những hoạt động nổi bật của các think tanks. Mặc dù các think tanks có thể không can hệ trực tiếp với các đảng chính trị nhưng họ lại hoạt động như bộ phận quan hệ công chúng cho các đảng phái. Điển hình cho dạng hoạt động này là hai tổ chức Heritage Foundation và The Center for American Progress.

- Xây dựng những cơ sở dữ liệu mà các trường đại học còn thiếu hoặc không có để phục vụ sinh viên và các nhà nghiên cứu. Điển hình cho dạng thức hoạt động này là CSIS với hệ thống dữ liệu thuộc chương trình “Sáng kiến minh bạch hàng hải Á châu” (AMTI). Chương trình này cung cấp các dữ liệu vệ tinh về tình hình liên quan đến Biển Đông ở châu Á.

3. Phân loại think tanks ở Hoa Kỳ hiện nay

Công chúng nói chung thường biết đến các think tanks với những gì làm nên tên tuổi và uy tín riêng biệt của tổ chức. Chẳng hạn, Institute for International Economics (IIE), Inter-American Dialogue, hay Washington Institute for Near East Policy thường tập trung vào các vấn đề cụ thể ở cấp độ khu vực. Trong khi đó, các tổ chức khác như Center for Strategic and International Studies (CSIS) lại đặc biệt

chú trọng mảng nghiên cứu về chính sách đối ngoại. Tuy nhiên, không dễ dàng để đạt được sự đồng thuận về cách phân loại think tanks.

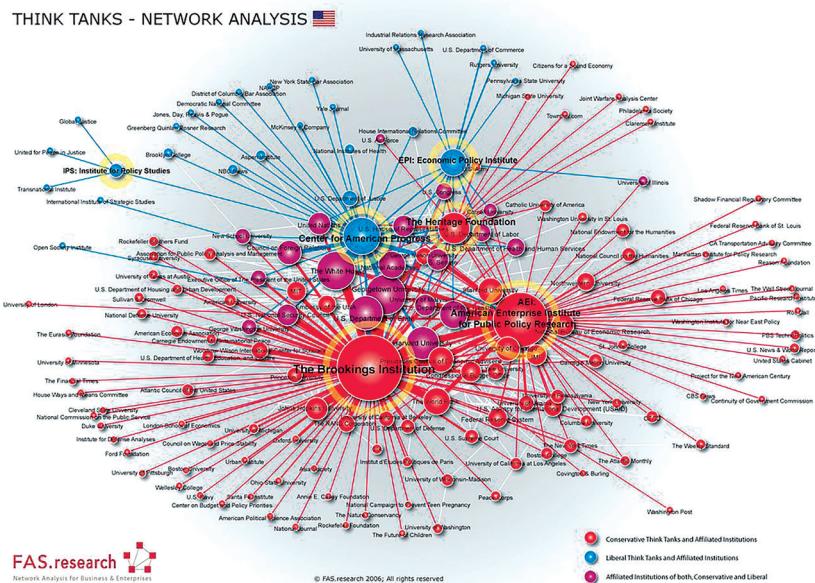
Do sự đa dạng về hình thức tổ chức và tính chất cũng như mục đích hoạt động, đến nay các nhà nghiên cứu sử dụng nhiều cách khác nhau để phân loại think tanks. Có những think tanks tập trung nghiên cứu thực nghiệm cho nên chúng mang nhiều nét của một trường đại học nghiên cứu nhưng không có sinh viên. Nhiệm vụ chính của những chuyên gia think tanks dạng này là thực hiện các chương trình nghiên cứu và công bố các xuất bản phẩm dưới nhiều hình thức khác nhau. Dạng thứ hai, ngược lại, chỉ tập trung vào gây ảnh hưởng chính sách dựa trên những kết quả nghiên cứu hiện có. Đặc điểm quan trọng nhất của dạng think tanks này là họ thường đặc biệt đề cao hoặc theo đuổi một quan điểm hay những lợi ích cụ thể nào đó. Các think tanks cũng có thể được phân loại dựa trên những chiến lược mà họ sử dụng để gây ảnh hưởng đến các nhóm mục tiêu. Các cơ sở pháp lý (công hay tư), nguồn kinh phí và mục đích hoạt động (vì lợi hay phi lợi nhuận), quy mô tổ chức (lớn hay nhỏ) cũng có thể là những chỉ báo quan trọng khác để phân biệt các loại think tanks. Dựa vào khía cạnh tư tưởng chính trị, các think tanks có thể được phân ra thành “think tank bảo thủ” và “think tank tự do”.

Think tanks cũng có thể được nhận diện và phân loại dựa theo quy mô tổ chức và nguồn lực tài chính, hoặc phạm vi hoạt động của chúng (cấp liên bang hay cấp bang). Nhìn chung, các think tanks mới thành lập gần đây có xu hướng giảm bớt mức độ nghiên cứu hàn lâm và đề cao các nghiên cứu ứng dụng với các dự án cụ thể. Tiêu biểu cho sự chuyển hướng này là RAND corporation thường triển khai các dự án nhận được từ chính quyền Hoa Kỳ, trong khi Heritage Foundation hay Center for American Progress lại tập trung thực hiện các chương trình nghiên cứu để ủng hộ các xu hướng tư tưởng hay nghị trình chính sách của đảng chính trị. Tựu trung lại, để có một sự hình dung khái quát về hệ thống think tanks ở Hoa Kỳ thì có thể dựa vào bảng phân loại sau đây:

Bảng 5. Phân loại think tanks ở Hoa Kỳ

Tiêu chí Loại hình	Think Tanks		
	Học Thuật	Hợp Đồng	Vận Động
Ngân sách	Đa dạng nguồn	Chính quyền	Thành viên
Thiết lập nghị trình	Chuyên gia	Nhu cầu của chính quyền	Chi phối bởi tư tưởng chính trị
Tư tưởng	Cố gắng trung lập về ý tưởng	Cố gắng trung lập về ý tưởng	Bảo Thủ hoặc Tự Do

Hình 3. Mạng lưới phân loại think tanks



Nguồn: <https://www.flickr.com/photos/fasresearch/1362684459>.

Nhìn chung, do tính chất đa dạng cả về hình thức tổ chức và hoạt động, rất khó để đưa ra một sự phân loại hoàn chỉnh về think tanks. Dựa vào mức độ độc lập về ngân sách, có thể nhận diện các think tanks độc lập hoàn toàn (tự chủ về ngân sách) hoặc think tanks tương đối độc lập (độc lập với chính phủ nhưng phụ thuộc về tài chính với một nhóm lợi ích nào đó). Dưới góc độ lợi ích, có thể phân ra thành nhóm “think tank vì lợi nhuận” hoặc “think tank phi lợi nhuận”. Dưới góc độ chủ thể quản lý, có thể chia các

think tanks thành nhóm thuộc trường đại học, nhóm thuộc đảng chính trị, nhóm thuộc chính quyền, nhóm nửa chính quyền nửa dân sự. Một cách nhận biết phổ biến khác là chia các think tanks Hoa Kỳ thành ba dạng dựa trên những đặc trưng hoạt động nổi bật: (i) think tanks nghiên cứu - tập trung vào các hoạt động nghiên cứu và phân tích chính sách; (ii) think tanks hợp đồng - hoạt động chủ yếu đáp ứng nhu cầu của các đối tác; và (iii) think tanks tư tưởng - hoạt động theo thiên hướng tư tưởng hoặc chính trị đảng phái, hướng đến các kết quả chính trị cụ thể. Tuy vậy, tất cả các hình thức sự phân loại nêu trên chỉ mang tính chất tương đối bởi thực tế hiện nay, khó tìm được think tanks nào ở Hoa Kỳ mà hoạt động của nó lại không có sự kết hợp các yếu tố nêu trên.

- Về các think tanks nghiên cứu học thuật

Các think tanks này có xu hướng tiến hành nghiên cứu và phân tích về toàn bộ các vấn đề chính sách, chẳng hạn như kinh tế, chính sách đối ngoại và môi trường. Ngoài ra, các tổ chức này còn có các đặc điểm:

- Có uy tín, sự hỗ trợ và ảnh hưởng của cộng đồng học thuật; được ưu đãi với sự tôn trọng dành cho các học giả và nhà nghiên cứu học thuật;
- Các tổ chức học thuật tương tự như các trường đại học nhưng là “trường đại học không có sinh viên”;
- Được điều hành bởi các nhà khoa học;
- Nghiên cứu theo lĩnh vực đã được thiết lập;

- Tiến hành nghiên cứu trong một quãng thời gian dài;
- Khách quan và độc lập;
- Sản phẩm nghiên cứu được công bố là các sách chuyên khảo, các bài tạp chí;
- Tuân theo mô hình quản lý tập thể và đồng thuận.

Ví dụ tiêu biểu cho loại hình think tank này là Viện Brookings, American Enterprise Institute (AEI), Center for Strategic and International Studies (CSIS).

Ngoài ra, trong loại hình think tanks học thuật này còn có các think tanks chuyên sâu chỉ tập trung vào một lĩnh vực chính sách công nhất định, chẳng hạn như kinh tế hoặc cải cách phúc lợi xã hội. Có thể kể đến các think tanks như National Bureau of Economic Research (NBER) và Hamburg Institute for Economic Research. Nét đặc biệt của loại tổ chức này là chúng thường khác nhau theo mức độ chuyên môn hóa, có các chương trình nghiên cứu chuyên biệt và nội dung hẹp, có các nhà tài trợ và khách hàng.

- Về các think tanks hợp đồng

Đây là những think tanks thực hiện phần lớn các nghiên cứu và phân tích của họ cho các cơ quan chính phủ. Họ thường:

- Có định hướng chính sách và mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với cơ quan chính phủ;

- Phát triển dựa vào các hợp đồng của chính phủ;
- Làm tư vấn chính sách/chương trình;
- Đưa ra phân tích chính sách chủ yếu là các phân tích định lượng hơn là nghiên cứu hàn lâm;
- Cho phép các nhà nghiên cứu một mức độ tự do hạn chế;
- Các kết quả nghiên cứu chỉ dành cho các cơ quan hợp đồng của họ và không thể phổ biến rộng rãi. Nghĩa là, các kết quả nghiên cứu là tài sản của các cơ quan ký hợp đồng, không phải của các tổ chức hoặc các nhà nghiên cứu;
- Phản ánh các phương pháp nghiên cứu của tổ chức hợp đồng;
- Đa lĩnh vực;
- Có lịch trình nghiên cứu và sản phẩm được xác định theo hợp đồng.

Tiêu biểu nhất cho loại hình think tanks này là Tập đoàn RAND và Viện Đô thị.

- Về các think tanks vận động chính sách

Đây là những tổ chức thúc đẩy các quan điểm chính sách gắn chặt với tính đảng phái sâu sắc. Một số đặc điểm chung là:

- Sứ mệnh tổ chức được xác định theo ý thức hệ hoặc tính đảng phái;

- Mục tiêu của họ là nâng cao hệ tư tưởng, tính đảng phái, ý thức bầu cử;

- Không định hướng học thuật hàn lâm.

Ví dụ cho loại hình think tanks này là Citizens for a Sound Economy và Viện Cato.

- Về các think tanks tổ chức kinh doanh chính sách (Policy Enterprise)

Bên cạnh ba loại hình think tanks tiêu biểu trên, ở Hoa Kỳ còn có một loại think tanks chuyên về kinh doanh các ý tưởng chính sách, chẳng hạn như tổ chức Heritage Foundation và Economic Policy Institute. Các tổ chức này coi trọng các chương trình quảng cáo hoàn chỉnh trên truyền thông và tiếp thị các ý tưởng chính sách của họ. Đặc điểm của các think tanks này là:

- Được tổ chức và cấu trúc như một công ty;

- Áp dụng các nguyên tắc quản lý, tiếp thị và bán hàng vào nghiên cứu chính sách công;

- Quan niệm rằng định hướng của các think tanks là sai vì nó quá hàn lâm và không nhận ra nhu cầu của các nhà hoạch định chính sách;

- Xây dựng các nghiên cứu thành một hình thức đáp ứng nhu cầu của các công chức, các chính trị gia và các nhà hoạch định chính sách bận rộn;

- Tạo ra các nghiên cứu báo chí, ngắn và tập trung vào các mối quan tâm về chính sách hoặc các đạo luật hiện hành;
- Tuân thủ một lịch trình nghiên cứu và sản xuất kết quả nghiên cứu chặt chẽ cho đầu ra/sản phẩm;
- Có thể đưa ra các bản tóm tắt chính sách theo định hướng hành động.

Chương III



THINK TANKS TRONG ĐỜI SỐNG CHÍNH TRỊ TRUNG QUỐC

1. Quá trình hình thành và phát triển của think tanks ở Trung Quốc

Nếu tính từ khi Đảng Cộng sản Trung Quốc được thành lập thì ở Trung Quốc think tank xuất hiện sớm nhất là vào thời kỳ Diên An, trong đó điển hình nhất là sự ra đời của Trường Đảng Trung ương vào năm 1933. Từ năm 1949 (nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập) đến năm 1960, Trung Quốc tiếp tục thành lập một số think tanks của Đảng, Nhà nước và quân đội, trong đó điển hình là việc thành lập Học viện Khoa học Trung Quốc năm 1949. Các think tanks của Đảng cộng sản; Nhà nước và quân đội được thành lập từ khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập đến thập niên 70 của thế kỷ XX có năng lực nghiên cứu nhất định, nhưng phần nhiều các think tanks này phục vụ cho lĩnh vực khoa học công nghệ.

quân sự, quốc phòng¹. Các think tanks trong lĩnh vực khoa học xã hội chỉ ra đời và phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ cải cách, mở cửa (bắt đầu từ năm 1978). Trong hơn 40 cải cách, mở cửa, việc Trung Quốc đổi mới với nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn khác nhau đã đặt ra nhu cầu khách quan đối với sự ra đời và phát huy tác dụng của các think tanks cũng như đặt ra nhu cầu khách quan đối với việc dân chủ hóa, khoa học hóa việc hoạch định chính sách công của Đảng và Nhà nước Trung Quốc. Có thể khái quát sự phát triển của think tanks ở Trung Quốc qua bốn giai đoạn sau đây:

- Giai đoạn thứ nhất, 1978 - 1991

Hội nghị Trung ương 3 khóa XI (tháng 12/1978) của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đề ra đường lối cải cách, mở cửa ở Trung Quốc. Cùng với quá trình cải cách, nhu cầu tư vấn Đảng, Nhà nước đối với chính sách kinh tế ngày càng bức thiết và tăng lên. Vì vậy, trên cơ sở Ban Khoa học xã hội thuộc Viện Khoa học Trung Quốc, năm 1977, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã thành lập Viện Khoa học xã hội Trung Quốc. Điều này đặt cơ sở quan trọng cho việc phát triển triết học và khoa học xã hội ở Trung Quốc. Đặng Tiểu Bình cũng rất chú trọng việc khôi phục và phát triển các trung tâm nghiên cứu khoa học xã hội. Thập niên 80 của thế kỷ XX, Quốc vụ viện Trung Quốc đã thành lập các trung tâm

1. <http://opinion.hexun.com/2015-09-02/178802412.html>.

nghiên cứu: đó là: Trung tâm Nghiên cứu kinh tế Quốc vụ viện, Trung tâm Nghiên cứu kinh tế khoa học công nghệ Quốc vụ viện, Trung tâm Nghiên cứu giá cả Quốc vụ viện, Trung tâm Nghiên cứu phát triển Quốc vụ viện và Trung tâm Nghiên cứu phát triển nông thôn Quốc vụ viện. Đến năm 1985, Trung tâm Nghiên cứu kinh tế Quốc vụ viện, Trung tâm Nghiên cứu kinh tế khoa học công nghệ Quốc vụ viện, Trung tâm Nghiên cứu giá cả Quốc vụ viện, Trung tâm Nghiên cứu phát triển Quốc vụ viện được hợp nhất thành Trung tâm Nghiên cứu phát triển của Quốc vụ viện.

Vào năm 1986, tại Hội nghị về công tác nghiên cứu khoa học mềm toàn quốc, Vạn Lý đã đề xuất việc cần phải thiết lập hệ thống tư vấn chính sách. Ông nhấn mạnh việc các think tanks, các tổ chức tư vấn cần tập hợp các chuyên gia giỏi, nhiều kinh nghiệm ở các lĩnh vực khác nhau để bổ sung cho sự không đầy đủ về trí tuệ, kinh nghiệm và tinh lực của cá nhân người lãnh đạo¹. Đặc biệt, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII và Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII đặc biệt nhấn mạnh việc thiết lập trình tự quyết sách dân chủ và khoa học, nhất là vấn đề dân chủ hóa, khoa học hóa việc ban hành các quyết sách lớn.

1. Vạn Lý: “Dân chủ hóa và khoa học hóa quyết sách là một chủ đề quan trọng của cải cách thể chế chính trị” (bài phát biểu tại Hội nghị về công tác nghiên cứu khoa học mềm toàn quốc), Tạp chí *Nghiên cứu Khoa học mềm*, số 2, 1986, tr.1-9, tiếng Trung.

Trong giai đoạn này, do yêu cầu từ thực tiễn nên lãnh đạo cấp cao Trung Quốc có thái độ rất tích cực đối với việc tập hợp các trí thức, chuyên gia giỏi vào trong các tổ, ủy ban, hội đồng tư vấn hay tiểu ban tư vấn. Tháng 10/1980, dưới sự ủng hộ của một số lãnh đạo cấp cao, Tổ nghiên cứu vấn đề phát triển nông thôn Trung Quốc đã được thành lập. Sau khi được thành lập, Tổ nghiên cứu này đã tiến hành khảo sát và nghiên cứu vấn đề khoán hộ trong nông nghiệp ở nhiều địa phương, sau đó viết báo cáo tư vấn, kiến nghị về vấn đề khoán hộ trong nông nghiệp ở Trung Quốc lúc bấy giờ. Các báo cáo tư vấn, kiến nghị về cải cách nông thôn đã có ý nghĩa quan trọng trong việc hoạch định chủ trương cải cách nông nghiệp, nông thôn của Đảng và Nhà nước Trung Quốc. Sau đó, nhiều chuyên gia của Tổ nghiên cứu này đã vào làm việc tại Trung tâm Nghiên cứu phát triển nông thôn Quốc vụ viện và thành lập Phòng Nghiên cứu phát triển. Bên cạnh đó, giai đoạn này, Viện Khoa học Trung Quốc, Viện Công trình Trung Quốc, Hiệp hội Khoa học công nghệ Trung Quốc đều được xem là những think tanks có vai trò quan trọng trong việc tư vấn cho Đảng và Nhà nước về phương diện hoạch định chính sách, chiến lược khoa học công nghệ quốc gia. Việc bình thường hóa quan hệ ngoại giao giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ đã tạo ra không gian và cơ hội để Trung Quốc tham gia hội nhập quốc tế cũng như các công việc quốc tế. Điều này đã đặt ra yêu cầu cấp bách trong việc tăng cường

nghiên cứu chính sách ngoại giao của Trung Quốc cũng như chính sách ngoại giao của các nước trên thế giới.

Sau năm 1978, nhu cầu về tư vấn chính sách của các bộ, ngành và các địa phương ở Trung Quốc đã thúc đẩy sự thành lập nhiều think tanks của cơ quan Đảng, Nhà nước và think tanks của các viện nghiên cứu. Chẳng hạn, Ủy ban Cải cách và Phát triển quốc gia (tiền thân là Ủy ban Kế hoạch Nhà nước) đã thành lập nên nhiều think tanks như Viện Nghiên cứu Kinh tế vĩ mô, Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược ứng phó với biến đổi khí hậu và hợp tác quốc tế. Giai đoạn này, đại bộ phận các bộ, ngành Trung ương và các địa phương đã thành lập ít nhất là một cơ quan nghiên cứu chính sách và Trung tâm nghiên cứu phát triển của cơ quan và địa phương mình.

- Giai đoạn thứ hai, 1992 - 2001

Từ sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, Trung Quốc bước vào giai đoạn mới của cải cách mở cửa - giai đoạn xây dựng thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Cùng với quá trình cải cách và hợp tác quốc tế theo chiều sâu, Trung Quốc đổi mới với nhiều vấn đề phức tạp về phát triển kinh tế và quản trị xã hội. Chẳng hạn, ngoài vấn đề cải cách thể chế doanh nghiệp nhà nước, Trung Quốc còn đổi mới với nhiều vấn đề liên quan đến giải quyết việc làm cho lao động dôi dư trong doanh nghiệp nhà nước và khu vực công, giáo dục, y tế... Các vấn đề xã hội nói trên đặt ra yêu cầu

cao hơn đối với tính khoa học của các chính sách, quyết định của Đảng và Nhà nước. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Trung Quốc chỉ rõ: “Khoa học hóa, dân chủ hóa quyết sách là mắt khâu quan trọng trong thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. Các chuyên gia và các tổ chức nghiên cứu tư vấn cần tham gia tích cực vào quá trình chính sách”¹. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XV (năm 1997) chỉ rõ: “Từng bước hình thành cơ chế quyết sách đi sâu nắm rõ tình hình của người dân, phản ánh đầy đủ ý dân và tập hợp đầy đủ trí tuệ của dân”². Trong giai đoạn này, nhất là trong lĩnh vực chính sách kinh tế và chính sách ngoại giao, một số think tanks thuộc trường đại học và think tanks xã hội (của doanh nghiệp và các đoàn thể xã hội) không có mối quan hệ mật thiết với các cơ quan nhà nước đã phát huy tác dụng và vai trò quan trọng. Chẳng hạn, về phương diện chính sách kinh tế, một số think tanks của trường đại học và mang thuộc tính xã hội như Trung tâm Nghiên cứu chính sách công thuộc Học viện Khoa học xã hội Trung Quốc, Trung tâm Nghiên cứu kinh tế Trung Quốc của Đại học Bắc Kinh, Phòng Nghiên cứu kinh tế Thiên Tắc và Diễn đàn 50 người về kinh tế Trung Quốc đã có sự

1. Đảng Cộng sản Trung Quốc: *Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, 1992, <http://cpc.people.com.cn>.

2. Đảng Cộng sản Trung Quốc: *Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XV*, 1997, <http://cpc.people.com.cn>.

nghiên cứu theo chiều sâu đối với kinh tế vĩ mô và các vấn đề xã hội. Về phương diện chính sách ngoại giao, các think tanks dân sự nghiên cứu về quan hệ quốc tế có vai trò quan trọng trong phân tích thông tin cũng như trong hoạch định chính sách ngoại giao của nhà nước.

Trong giai đoạn này, think tanks thuộc các trường đại học được nhà nước quan tâm ủng hộ và tạo điều kiện phát triển. Nếu trước đây, các chuyên gia công tác ở trường đại học thường lấy tư cách cá nhân để gây ảnh hưởng đối với quá trình chính sách của Trung Quốc, thì trong giai đoạn này, nhà nước đã có sự hỗ trợ mạnh mẽ để phát triển think tanks ở các trường đại học theo hướng thiết lập nhiều viện nghiên cứu hay trung tâm nghiên cứu tại các trường đại học. Điển hình là năm 1999, Bộ Giáo dục Trung Quốc đã ban hành Kế hoạch xây dựng các cơ sở nghiên cứu trọng điểm về khoa học xã hội và nhân văn tại các trường đại học. Đại bộ phận các cơ sở/trung tâm nghiên cứu trọng điểm về khoa học xã hội và nhân văn được Bộ Giáo dục Trung Quốc thành lập vào thời kỳ này đã trở thành những think tanks nổi tiếng, và có ảnh hưởng lớn. Có thể kể đến một số think tanks, như: Trung tâm nghiên cứu kinh tế Trung Quốc thuộc Đại học Bắc Kinh; Viện Nghiên cứu phát triển và cải cách kinh tế của Đại học Nhân dân Trung Quốc; Trung tâm Nghiên cứu chính sách tài chính, tiền tệ của Đại học Nhân dân Trung Quốc; Trung tâm Nghiên cứu tổ chức hợp tác kinh tế châu Á -

Thái Bình Dương của Đại học Nam Khai; Viện Nghiên cứu Đài Loan của Đại học Hạ Môn¹.

Cùng với sự cải thiện về môi trường nghiên cứu trong nước, nhiều lưu học sinh về nước đến các trường đại học làm việc và thiết lập các viện, trung tâm nghiên cứu. Những lưu học sinh đã từng học ở phương Tây không chỉ có hiểu biết đối với mô thức quản trị think tank của các nước phương Tây, mà còn chú ý thu hút các nguồn lực từ bên ngoài để phát triển think tanks trong các trường đại học. Chẳng hạn, Trung tâm Nghiên cứu kinh tế Trung Quốc của Đại học Bắc Kinh, tuy được xem là đơn vị trực thuộc Đại học Bắc Kinh, nhưng hoạt động của nó lại độc lập, kinh phí hoạt động của đơn vị này do Quỹ Ford Foundation tài trợ.

Cũng trong giai đoạn này, think tank xã hội (think tank của doanh nghiệp và các đoàn thể xã hội) cũng phát triển với quy mô lớn. Chỉ từ năm 1993 đến năm 1996, ít nhất đã xuất hiện ba loại think tank xã hội: (i) think tanks chủ yếu cung cấp dịch vụ tư vấn chính sách cho thị trường; (ii) think tanks lấy cài cách thể chế kinh tế và chính sách kinh tế vĩ mô làm đối tượng nghiên cứu chủ yếu (điển hình là Trung tâm Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hoa Hạ Bắc Kinh, Viện Nghiên cứu kinh tế quốc dân Bắc Kinh...); (iii) think

1. Han Wan-Ju: “Nghiên cứu sự thay đổi về tổ chức, thực trạng và giải pháp phát triển của think tank trường đại học”, Tạp chí Giáo dục, số 5, 2016, tr.22, tiếng Trung.

tanks lấy các lĩnh vực chính sách công về chính trị, xã hội, ngoại giao làm đối tượng nghiên cứu chủ yếu (điển hình là Viện Nghiên cứu Trung Quốc và thế giới; Viện Nghiên cứu phát triển xã hội Hoa Hạ Thượng Hải; Viện Nghiên cứu Đông Á Thượng Hải; v.v.).

- Giai đoạn thứ ba, 2002 - 2012

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVI của Đảng Cộng sản Trung Quốc chỉ rõ: “Hoàn thiện thể chế tư vấn của các chuyên gia, thực hiện chế độ phản biện và chế độ trách nhiệm của quyết sách”¹. Sau Đại hội lần thứ XVI của Đảng Cộng sản Trung Quốc, lãnh đạo của Đảng càng coi trọng hơn vai trò tư vấn chính sách của các think tanks trong quá trình ban hành các chính sách, quyết định quan trọng. Đặc biệt, tại Đại hội XVII, Đảng Cộng sản Trung Quốc nhấn mạnh: “phát huy tác dụng và vai trò của think tanks”². Chủ trương này của Đảng Cộng sản Trung Quốc có vai trò quan trọng đối với việc thúc đẩy sự phát triển của think tanks trong các năm sau đó. Việc Đảng Cộng sản Trung Quốc nhận thức sâu hơn về tầm quan trọng của think tanks

1. Đảng Cộng sản Trung Quốc: *Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVI*, 2002, <http://cpc.people.com.cn/18/n/2012/1109/c350821-19529915.html> (truy cập ngày 25/1/2019).

2. Đảng Cộng sản Trung Quốc: *Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVII*, 2007, <http://cpc.people.com.cn/18/n/2012/1109/c350821-19529915.html> (truy cập ngày 25/1/2019).

cũng như hoạt động tư vấn chính sách của think tanks bắt nguồn từ áp lực thực tế của thể chế quản trị ở trong nước. Quá trình cải cách, mở cửa của Trung Quốc càng đi vào chiều sâu thì nhiều vấn đề xã hội mới xuất hiện. Trong đó, việc Nhà nước quá nhấn mạnh về tăng trưởng GDP mà coi nhẹ vấn đề bảo vệ môi trường là vấn đề nổi bật nhất. Chính vấn đề ô nhiễm môi trường ngày càng trở nên nghiêm trọng nên nhà nước bắt đầu quan tâm đến vấn đề này. Ngoài vấn đề môi trường và các vấn đề xã hội khác, một vấn đề đặt ra cho Trung Quốc trong giai đoạn này là tình trạng thiếu phối hợp giữa các bộ, ngành và các cơ quan trong thực thi các chính sách kinh tế, cũng như tình trạng “lợi ích cục bộ”.

Trong bối cảnh này, chuyên gia của các think tanks từ chỗ quan tâm đến vấn đề kinh tế từng bước chuyển sang việc quan tâm đến các vấn đề dân sinh và môi trường. Điển hình nhất là việc các think tanks đã tham gia và phát huy vai trò quan trọng trong quá trình Trung Quốc tìm kiếm biện pháp để cải cách hệ thống y tế ở cả thành thị và nông thôn bắt đầu từ năm 2006. Trong giai đoạn này, trên cơ sở đề xuất của Chính phủ, các think tanks đã đề xuất nên 9 phương án về cải cách y tế cho Quốc vụ viện Trung Quốc.

Năm 2008, khủng hoảng tài chính tiền tệ và những hậu quả sau đó đã tác động tiêu cực đến kinh tế toàn cầu; đồng thời cũng ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế vĩ mô và kinh tế đối ngoại của Trung Quốc. Những vấn đề này cùng với những vấn đề kinh tế xuất hiện trước đó đã đặt ra khó

khăn và thách thức rất lớn đối với quản trị nhà nước, làm cho quản trị nhà nước đổi mặt với mức độ cao của tính không xác định và tính phức tạp. Trong quá trình này, những phán đoán, đánh giá sai lầm của các chuyên gia và think tank đối với cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ năm 2008 vừa làm cho giới hoạch định chính sách Trung Quốc ý thức được sự hạn chế của các think tanks bán quan phương trong nước về nghiên cứu và kiến nghị chính sách; vừa làm cho nhà nước nhận thức được tầm quan trọng của việc phát triển các think tanks xã hội độc lập đối với quá trình hoạch định chính sách của nhà nước. Trong bối cảnh này, Chính phủ Trung Quốc đã ý thức được tầm quan trọng của việc các think tanks có trình độ cao cũng như có năng lực cạnh tranh quốc tế. Vì lẽ đó, năm 2008, think tank nghiên cứu về quản trị toàn cầu và chiến lược toàn cầu hóa của Trung Quốc đã chính thức được thành lập. Đến nay, đây là think tank xã hội lớn nhất ở Trung Quốc. Trong “Báo cáo think tank toàn cầu năm 2017”, đây là think tank được đứng vào danh sách 100 think tanks có năng lực tốt trên toàn cầu. Tháng 1/2009, Trung tâm Giao lưu kinh tế quốc tế Trung Quốc được thành lập. Đây là think tank xã hội độc lập có được sự hậu thuẫn lớn về nhiều mặt của doanh nghiệp và các tổ chức xã hội cũng như sự ủng hộ của nhà nước. Trung tâm này hằng năm đều tổ chức hai diễn đàn think tanks toàn cầu. Đây là diễn đàn có sự góp mặt của các chuyên gia và các think tanks nổi tiếng trên thế giới. Thông qua các hình thức khác nhau, hoạt động của Trung

tâm này không chỉ thực hiện chức năng tư vấn chính sách cho nhà nước, mà còn thực hiện vai trò kết nối, hợp tác với các think tanks nổi tiếng trên thế giới.

- Giai đoạn thứ tư, từ năm 2013 đến nay

Từ năm 2013 đến nay, Trung Quốc bước vào thời kỳ cải cách theo chiều sâu một cách toàn diện theo tinh thần của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khóa XVIII. Giai đoạn này, Trung Quốc đang đổi mới với nhiều vấn đề khó khăn, phức tạp trên các lĩnh vực, nhất là những khó khăn trong cải cách thể chế theo chiều sâu cũng như các vấn đề hóc búa khác về phát triển xã hội. Chính điều này càng đặt ra yêu cầu cao hơn đối với việc thực hiện dân chủ hóa, khoa học hóa các quyết sách chính trị cũng như đặt ra yêu cầu cao hơn đối với hình thức gây ảnh hưởng và chất lượng nội dung của các think tanks. Trong bối cảnh mới, trước yêu cầu cải cách theo chiều sâu một cách toàn diện, Trung Quốc nhấn mạnh các chức năng mới của think tank, đó là: (i) Think tank cần thực hiện tốt chức năng “hỗ trợ trí lực”, góp phần để nhà nước để ra được chính sách lý tính (khoa học). Nhiều vấn đề phức tạp mà chính phủ phải đổi mới trong quá trình hoạch định chính sách, đòi hỏi think tank cần có những phân tích khách quan, độc lập đối với các vấn đề chính sách. Chính vì lẽ đó, việc think tank có cung cấp cho chính phủ sự phân tích khoa học đối với những vấn đề chính sách khó

và để ra được nhiều phương án có thể lựa chọn hay không là một trong những tiêu chí đánh giá chất lượng của think tanks. (ii) Think tanks cần thực hiện tốt chức năng thể hiện và phản ánh lợi ích đa dạng của các nhóm, tầng lớp dân cư khác nhau. Cùng với quá trình cải cách theo chiều sâu, cơ cấu lợi ích xã hội của Trung Quốc cũng biến đổi theo hướng đa dạng hóa. Sự xuất hiện và hình thành của các nhóm, tầng lớp dân cư mới đòi hỏi cần có kênh hoặc phương thức để thể hiện cũng như bày tỏ lợi ích của những nhóm đó, trong đó think tanks là một trong các kênh để các nhóm, các tầng lớp bày tỏ lợi ích của mình; (iii) Think tank cần thực hiện chức năng là nơi để thực hiện sự cọ xát giữa các tư tưởng, quan điểm khác nhau về chính sách.

Trong quá trình cải cách, Đảng Cộng sản Trung Quốc luôn nhấn mạnh về tầm quan trọng của think tank và việc phát triển think tank. Tuy nhiên, điều này được thể hiện rõ nét hơn, đầy đủ hơn trong giai đoạn từ năm 2013 đến nay. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc chỉ rõ: “Cần thông qua phương thức cơ chế quyết sách, khích lệ sự phát triển của think tanks để thúc đẩy khoa học hóa, dân chủ hóa quyết sách”. Tại Hội nghị về công tác kinh tế Trung ương (tháng 12/2012), Tập Cận Bình, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc, nhấn mạnh: “think tanks chất lượng cao có thể phát huy vai trò và tác dụng quan trọng trong quá trình hoạch định chính sách của Nhà nước”. Trong bối cảnh này, Trung tâm Nghiên cứu phát triển

Quốc vụ viện đã ban hành một báo cáo mang tính nội bộ, có tên là “Về tăng cường phát huy chức năng tư vấn chính sách của think tanks Trung Quốc trong thời kỳ mới”. Báo cáo này đã chỉ rõ những tồn tại, hạn chế về tổ chức và hoạt động của think tanks Trung Quốc. Ngày 15/4/2013, Tập Cận Bình đã xem báo cáo này và chỉ thị: Think tanks là bộ phận quan trọng cấu thành nên sức mạnh mềm quốc gia. Cùng với sự phát triển và thay đổi của tình hình, vai trò và tác dụng của think tanks ngày càng lớn. Cần coi trọng và tích cực tìm kiếm hình thức quản lý và hình thức tổ chức cho mô hình think tanks mới đặc sắc Trung Quốc¹. Đây là lần đầu tiên, thuật ngữ “mô hình think tanks mới đặc sắc Trung Quốc” được nêu lên, cũng là lần đầu tiên, Trung Quốc coi xây dựng và phát triển think tanks theo mô hình mới là một vấn đề mang tầm chiến lược quốc gia.

Hội nghị Trung ương 3 khóa XVIII (ngày 15/4/2013) của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã thông qua “Quyết định một số vấn đề quan trọng về đi sâu cải cách một cách toàn diện”. Trong Quyết định này, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã nêu lên yêu cầu tổng thể, đó là: “Tăng cường xây dựng think tanks theo mô hình mới đặc sắc Trung Quốc, thiết lập

1. Văn phòng Trung ương Đảng và Văn phòng Quốc vụ viện: “Ý kiến về tăng cường xây dựng think tanks theo mô hình mới đặc sắc Trung Quốc”, http://www.gov.cn/xinwen/201501/20/content_2807126.htm, 2015.

và kiện toàn thể chế tư vấn chính sách”. Ngày 27/10/2014, tại Hội nghị lần thứ 6 của Tiểu ban lãnh đạo cải cách toàn diện theo chiều sâu của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc do Tập Cận Bình đứng đầu đã thông qua “Ý kiến về tăng cường xây dựng think tanks theo mô hình mới đặc sắc Trung Quốc”. Tháng 1/2015, Văn phòng Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và Văn phòng Quốc vụ viện đã ban hành văn bản về tăng cường xây dựng think tanks theo mô hình mới đặc sắc Trung Quốc. Đây là văn bản quan trọng để cập đến việc xây dựng think tanks Trung Quốc một cách toàn diện, hệ thống; đề ra được mục tiêu tổng thể và phương hướng xây dựng, phát triển think tanks Trung Quốc trong thời kỳ mới¹. Do hoạt động của think tanks liên quan mật thiết đến phương diện khoa học xã hội và ý thức hệ, nên Ban Tuyên truyền Trung ương của Đảng Cộng sản Trung Quốc được giao là cơ quan chịu trách nhiệm chính trong thực hiện văn bản này. Tháng 11/2015, tại Hội nghị lần thứ 18 của Tiểu ban lãnh đạo cải cách chiều sâu một cách toàn diện đã thông qua “Phương án xây dựng thí điểm các think tanks chất lượng cao của quốc gia”. Tháng 12/2015, Hội nghị về xây dựng thí điểm các think tanks chất lượng cao của quốc gia đã họp và thông qua 25 think tanks thí điểm xây dựng trở thành think tank chất lượng cao của quốc gia.

1. Zhu Xu-Feng: “Tiếp đón mùa xuân về xây dựng think tanks Trung Quốc”, Tạp chí *Khoa học xã hội Trung Quốc*, ngày 30/1/2015, tiếng Trung.

Sau hơn 40 năm phát triển gắn liền với quá trình cải cách, mở cửa, think tanks Trung Quốc có sự phát triển mạnh mẽ. Theo Báo cáo về think tanks toàn cầu do Chương trình Think tanks và Xã hội công dân thực hiện thì đến năm 2019, trên thế giới có 2.248 think tanks, trong đó, Hoa Kỳ có 1.871 tổ chức; Trung Quốc xếp thứ ba với 507 tổ chức¹. Còn theo Báo cáo nghiên cứu đánh giá về think tanks Trung Quốc do nhóm chuyên gia Đại học Thanh Hoa thực hiện năm 2016 và được công bố năm 2017 thì Trung Quốc có 510 think tanks. Nếu căn cứ vào kết quả này thì think tanks bán quan phương (think tanks của Đảng và Nhà nước) có 189 tổ chức (chiếm 37%); think tanks thuộc trường Đại học có 218 tổ chức (chiếm 43%); think tanks xã hội (của doanh nghiệp và các tổ chức xã hội) có 103 tổ chức (chiếm 20%)². Trong số các think tanks nói trên, có 100 think tanks được xếp hạng trong danh sách 100 think tanks có năng lực và sức ảnh hưởng tốt nhất thời giới. Về năng lực và hiệu quả hoạt động của think tanks bán quan phương cần phải kể đến các think tanks như: Viện Khoa học xã hội Trung Quốc, Trung tâm Nghiên cứu phát triển Quốc vụ viện, Viện Công trình Trung Quốc, Viện Nghiên cứu tư vấn chiến lược khoa học công nghệ thuộc Viện Khoa học Trung Quốc, Học viện

1. James G. McGann: *2019 Global Go To Think Tanks Index Report*, Think Tanks & Civil Societies Program, *Ibid*, pp.41-42.

2. Học viện Quản lý công Đại học Thanh Hoa: *Báo cáo dữ liệu về think tanks Trung Quốc năm 2016, 2017*, tiếng Trung.

Khoa học xã hội Thượng Hải, Viện Nghiên cứu vấn đề quốc tế Thượng Hải. Về năng lực và hiệu quả hoạt động của think tanks thuộc các trường đại học, cần phải kể đến một số think tanks, như: Viện Nghiên cứu tình hình đất nước thuộc Đại học Thanh Hoa, Viện Nghiên cứu chiến lược và phát triển quốc gia Đại học Nhân dân Trung Quốc. Về hiệu quả và năng lực hoạt động của think tanks xã hội (của doanh nghiệp và đoàn thể xã hội), cần phải kể đến một số think tanks, như: Viện Nghiên cứu Phát triển tổng hợp (Thâm Quyến) Trung Quốc, Trung tâm Trung Quốc và toàn cầu hóa, Diễn đàn 40 người về tài chính Trung Quốc...

Trong quá trình phát triển và hoạt động của think tanks ở Trung Quốc, bên cạnh chính phủ, còn có vai trò của các “chủ thể mới”, như cộng đồng học thuật, quỹ nghiên cứu, truyền thông đại chúng.

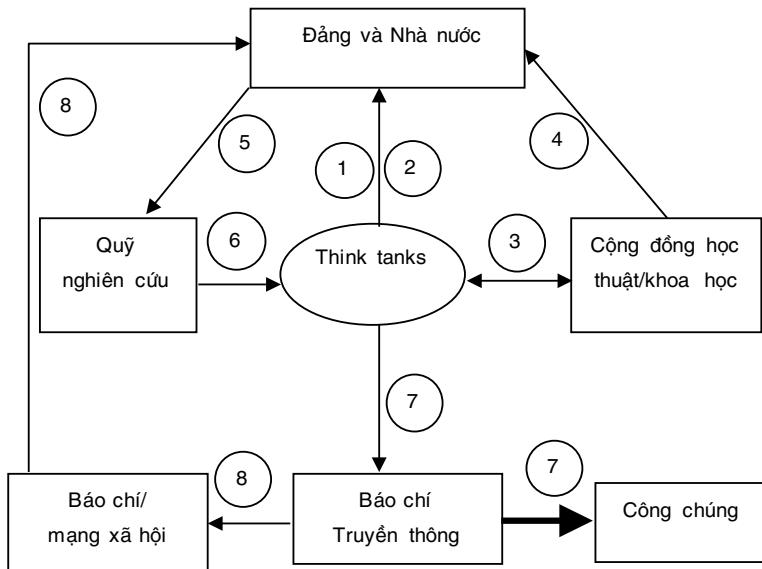
2. Tác động của các think tanks đến nền chính trị Trung Quốc hiện đại

- Vai trò của think tanks trong đời sống chính trị Trung Quốc

Trong văn bản về xây dựng think tanks theo mô hình mới đặc sắc Trung Quốc, Đảng Cộng sản và Chính phủ Trung Quốc cho rằng, think tanks ở Trung Quốc có một số vai trò và chức năng sau: (i) Tư vấn chính sách cho Đảng và Nhà nước; (ii) Đổi mới lý luận; (iii) Hướng dẫn, định hướng

dư luận xã hội; (iv) Phục vụ xã hội; (v) Thực hiện ngoại giao công¹. Có thể nói, trong đời sống chính trị và xã hội ở Trung Quốc, think tanks có vai trò rất quan trọng. Cơ chế phát huy vai trò của nó không chỉ là sự ảnh hưởng của think tanks đối với Đảng và Nhà nước, mà còn đối với các chủ thể khác trong xã hội. Cơ chế phát huy vai trò và sự ảnh hưởng của think tanks ở Trung Quốc được thể hiện ở sơ đồ sau đây:

Cơ chế vận hành và phát huy ảnh hưởng của think tanks ở Trung Quốc



1. Văn phòng Trung ương Đảng và Văn phòng Quốc vụ viện: “Ý kiến về tăng cường xây dựng think tanks theo mô hình mới đặc sắc Trung Quốc”, http://www.gov.cn/xinwen/2015-01/20/content_2807126.htm, 2015.

Từ sơ đồ trên có thể thấy, dưới sự thúc đẩy từ nhu cầu tư vấn chính sách của Đảng và Nhà nước, think tanks và các thành tố khác phát huy sự ảnh hưởng đối với quá trình chính sách. Theo đó, (i) Thể hiện hoạt động nghiên cứu chính sách của think tank; (ii) Thể hiện việc hỗ trợ trí lực và cung cấp tư vấn chính sách của think tank cho Đảng và Nhà nước; (iii) Thể hiện cơ chế trao đổi và giao lưu nhân tài giữa think tank và cộng đồng học thuật/khoa học; (iv) Thể hiện việc cộng đồng học thuật/khoa học trực tiếp cung ứng hoạt động tư vấn chính sách cho Đảng và Nhà nước; (v) Thể hiện việc Nhà nước hỗ trợ chính sách và trợ cấp đối với các quỹ nghiên cứu; (vi) Thể hiện việc các quỹ nghiên cứu hỗ trợ và cung cấp kinh phí cho các think tank; (vii) Thể hiện việc think tanks thông qua báo chí truyền thông để nêu lên quan điểm chính sách đối với công chúng; (viii) Thể hiện việc Đảng và Nhà nước thông qua báo chí và mạng xã hội để tìm hiểu và nắm bắt dư luận xã hội, thu thập thông tin từ dư luận.

Năm chủ thể lớn trong hệ thống vận hành của think tanks Trung Quốc bao gồm: nhà nước, think tanks, quỹ nghiên cứu, cộng đồng học thuật, báo chí truyền thông. Trong hệ thống vận hành của think tanks, Nhà nước nằm ở vị trí là bên có nhu cầu đối với sản phẩm tư tưởng của think tanks, còn think tanks nằm ở vị trí cung ứng sản phẩm tư tưởng cho nhà nước. Còn quỹ nghiên cứu giữ vai trò cung ứng và hỗ trợ kinh phí để think tanks có thể tồn tại và hoạt động.

Có khi bản thân nhà nước vừa là bên có nhu cầu đối với sản phẩm tư tưởng của think tanks, vừa là bên cung cấp kinh phí cho think tanks. Nhưng trong nhiều trường hợp, nhà nước và quỹ nghiên cứu phân tách với nhau. Nhà nước tiếp nhận các loại báo cáo tư vấn chính sách, nhưng không trực tiếp cung cấp kinh phí nghiên cứu cho think tanks, mà việc cung cấp kinh phí do quỹ nghiên cứu thực hiện, mặc dù quỹ nghiên cứu không trực tiếp ứng dụng tư tưởng chính sách của think tanks. Cộng đồng khoa học/học thuật với tư cách là bên cung cấp nhân tài nghiên cứu chính sách cho think tanks cũng hỗ trợ và cung cấp cho think tanks trong nghiên cứu cơ bản, nhất là cung cấp tư tưởng mới, phương pháp mới. Tác dụng của báo chí truyền thông đối với sự phát triển của think tank chủ yếu thể hiện nhiều hơn ở phương diện là truyền tải và phổ biến các thành quả nghiên cứu của think tanks ra xã hội và công chúng. Nhưng đồng thời, việc báo chí truyền thông truyền tải và phổ biến các thành quả nghiên cứu của think tanks cũng là một sự giám sát xã hội đối với hoạt động nghiên cứu của think tanks. Một cách chung nhất, phương thức gây ảnh hưởng của think tanks đối với đời sống chính trị cũng như quá trình chính sách công ở Trung Quốc gồm có phương thức trực tiếp và phương thức gián tiếp. Phương thức trực tiếp chính là sự tương tác, tiếp xúc trực tiếp giữa think tanks, các chuyên gia của think tanks đối với đảng, nhà nước cũng như quan chức chính phủ; phương thức gián tiếp chính là việc think tanks

through qua báo chí truyền thông, xuất bản ấn phẩm, tổ chức hội thảo khoa học... để gây ảnh hưởng đối với khu vực công cung như xã hội. Từ sự phân tích như trên có thể thấy, trong đời sống chính trị ở Trung Quốc, think tanks có các vai trò và chức năng chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, think tanks có vai trò đổi mới lý luận, nhất là đổi mới lý luận chính trị. Đối với Đảng cầm quyền và hoạt động quản trị của nhà nước, lý luận có vai trò đặc biệt quan trọng. Nó là cơ sở để đảng cầm quyền và nhà nước đề ra được đường lối phù hợp với thực tiễn của quốc gia và xu thế của thời đại trong từng thời kỳ khác nhau. Thực tiễn của nhiều nước xã hội chủ nghĩa trước đây, kể cả Trung Quốc đã cho thấy, sự bảo thủ và giáo điều hóa về lý luận chính trị đã đưa đến nhiều kết quả tai hại. Từ bài học kinh nghiệm trước cải cách khi mắc vào bệnh giáo điều chủ nghĩa, trong cải cách, mở cửa, Trung Quốc đặc biệt nhấn mạnh tinh thần cải cách, đổi mới, trong đó có đổi mới lý luận chính trị. Coi “đổi mới và cải cách là động lực chủ yếu của phát triển”; “coi đổi mới tư duy lý luận, đổi mới lý luận chính trị là cơ sở quan trọng để có thể đổi mới thể chế và đổi mới các nội dung khác trong tất cả lĩnh vực của đời sống xã hội”. Đối với đảng cầm quyền và nhà nước, đổi mới lý luận càng có ý nghĩa quan trọng. Bởi vì, một quốc gia muốn đổi mới, đòi hỏi đảng cầm quyền và nhà nước phải là một đảng cầm quyền và nhà nước có tinh thần đổi mới, nhất là đổi mới lý luận. Đổi mới lý luận chính trị là tiền đề, là cơ sở để đổi mới thể chế. Đến lượt nó,

bản thân việc đổi mới thể chế của nhà nước sẽ hình thành nên bầu không khí đổi mới trong toàn xã hội, làm cho đổi mới trở thành một giá trị xã hội. Hoạt động đổi mới của nhà nước làm thay đổi hệ thống thể chế và chính sách, từ đó ảnh hưởng tích cực đến các lĩnh vực của đời sống xã hội cũng như cuộc sống của người dân. Việc đổi mới thể chế của nhà nước liên quan trực tiếp đến số lượng, chất lượng và hiệu quả đổi mới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Ý thức được vai trò và tầm quan trọng của đổi mới lý luận, nên trong cải cách, mở cửa, Trung Quốc rất chú trọng việc đổi mới lý luận cũng như phát huy vai trò của think tank trong việc đổi mới lý luận. Trong việc đổi mới lý luận, các think tank ở Trung Quốc, nhất là Viện Khoa học xã hội Trung Quốc có vai trò quan trọng, thể hiện ở một số khía cạnh: (i) trên cơ sở đầu tư của Nhà nước thông qua việc tăng cường nghiên cứu các đề tài nghiên cứu cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, các think tanks của đảng, nhà nước và trường đại học bên cạnh việc coi trọng nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê nin, còn coi trọng việc nghiên cứu các trào lưu tư tưởng ngoài chủ nghĩa Mác - Lê nin; (ii) thực hiện biên dịch và xuất bản kịp thời tất cả những lý thuyết, lý luận, tác phẩm mới trên thế giới, nhất là từ các nước phương Tây để phục vụ cho nghiên cứu và đổi mới lý luận. Ở phương diện này, cần nói đến một think tank rất quan trọng trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đó là Cục Biên tập và dịch thuật Trung ương. Từ cải cách đến nay, Cục Biên tập và

dịch thuật Trung ương rất coi trọng việc dịch thuật và xuất bản các lý thuyết, lý luận mới ở các nước, nhất là các nước phương Tây để phục vụ cho nghiên cứu và đổi mới lý luận ở Trung Quốc. Cho đến nay, tất cả các tác phẩm, lý thuyết trong các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực chính trị, từ phương Tây đều đã được think tank này dịch và xuất bản công khai ở Trung Quốc. Cơ chế để think tank Trung Quốc phát huy vai trò đổi mới lý luận thể hiện qua các khía cạnh như: (i) Thực hiện các đề tài nghiên cứu do nhà nước đặt hàng, xuất bản thành các ấn phẩm; (ii) Thực hiện các ấn phẩm chuyên phục vụ cho cán bộ lãnh đạo của Đảng và Nhà nước; (iii) Dịch thuật các tác phẩm được xuất bản ở nước ngoài sau đó xuất bản tại Trung Quốc; (iv) Tham gia vào các ủy ban soạn thảo văn kiện và Nghị quyết của Đảng; (v) Cử đại diện đến báo cáo với Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị về những vấn đề lý luận mới khi được Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị mời. Theo quy định của Đảng Cộng sản Trung Quốc, việc học tập định kỳ là trách nhiệm bắt buộc đối với mọi cán bộ, công chức, bao gồm cả Tổng Bí thư. Đối với Bộ Chính trị, theo quy định cứ 40 ngày sẽ tổ chức một hội nghị học tập tập thể dành cho Bộ Chính trị. Theo đó, Bộ Chính trị sẽ mời một số chuyên gia nổi tiếng ở trong nước đến báo cáo về những vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng. Trong năm 2015, tính riêng Viện Khoa học xã hội Trung Quốc, đã có 30 chuyên gia của Viện này đến báo cáo chuyên đề cho Bộ Chính trị. Còn Viện Nghiên cứu chiến lược và

phát triển quốc gia (Đại học Nhân dân Trung Quốc) cũng đã từng cử một chuyên gia của mình đến báo cáo chuyên đề cho Bộ Chính trị vào năm 2015; (vi) Thông qua công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức (hệ thống trường đảng) để thúc đẩy đổi mới tư duy lý luận; (vii) Thông qua cơ chế tương tác, trao đổi giữa think tank với cộng đồng khoa học, báo chí truyền thông... để truyền bá những tư tưởng mới, quan niệm mới. Trên thực tế, những đổi mới về lý luận chính trị ở Trung Quốc trong thời kỳ cải cách, như kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa; nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; xã hội hài hòa xã hội chủ nghĩa; hệ giá trị hạt nhân của chủ nghĩa xã hội; văn minh sinh thái; hiện đại hóa quản trị quốc gia và nâng cao năng lực quản trị quốc gia; tổ chức xã hội và vai trò của nó trong quản trị quốc gia... đều gắn liền với nỗ lực và vai trò của think tanks Trung Quốc.

Thứ hai, think tanks có vai trò phản ánh vấn đề xã hội và nêu sáng kiến chính sách. Cũng như các nước khác, think tank là một trong những chủ thể quan trọng của quá trình hoạch định chính sách công ở Trung Quốc. Vai trò đầu tiên của think tank trong quá trình hoạch định chính sách chính là nêu và phản ánh các vấn đề xã hội. Vấn đề xã hội là vấn đề liên quan và ảnh hưởng đến lợi ích và cuộc sống của nhiều người mà nếu không giải quyết tốt sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của nhiều người dân cũng như sự phát triển của xã hội. Bất cứ xã hội nào cũng đều tồn tại những vấn đề xã hội nhất định. Vấn đề xã hội này chưa được giải quyết xong, lại

xuất hiện vấn đề xã hội khác. Vấn đề xã hội chỉ trở thành vấn đề chính sách khi vấn đề xã hội đó được sự quan tâm và giải quyết của Nhà nước. Trên thực tế, không phải vấn đề xã hội nào cũng đều trở thành vấn đề chính sách, vấn đề xã hội nào trở thành vấn đề chính sách công phụ thuộc và liên quan đến nhiều yếu tố khác nhau. Trong xã hội dân chủ, sự tham gia của người dân và các think tanks là nhân tố quan trọng thúc đẩy một vấn đề xã hội nào đó trở thành vấn đề chính sách. Trong công cuộc cải cách, các think tanks của Trung Quốc đã có vai trò quan trọng trong đời sống chính trị khi thông qua nhiều hình thức khác nhau để phản ánh đối với Đảng Cộng sản và Nhà nước Trung Quốc nhiều vấn đề xã hội khác nhau. Trên thực tế, các vấn đề xã hội sau đó trở thành vấn đề chính sách như vấn đề kinh tế nông nghiệp và thu nhập của nông dân trong “đêm trước” cải cách, vấn đề chăm sóc sức khỏe, vấn đề ô nhiễm môi trường, vấn đề bảo đảm lợi ích của người dân khi thu hồi đất, vấn đề bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động nhập cư, vấn đề kiểm soát sinh đẻ, vấn đề hiệu suất quản trị của chính phủ, vấn đề tham nhũng trong khu vực công, vấn đề hiện đại hóa quản trị nhà nước... đều gắn liền với nỗ lực phản ánh và đề xuất của các think tanks ở Trung Quốc.

Phản ánh vấn đề xã hội, nỗ lực để làm cho Đảng và Nhà nước quan tâm đến một vấn đề xã hội nào đó, từ đó có biện pháp để giải quyết chỉ là bước khởi đầu, bước tiếp theo trong hoạt động của think tank đó là nêu sáng kiến chính sách.

Nêu sáng kiến chính sách được hiểu là việc think tanks thông qua các phương thức khau nhau để kiến nghị với Đảng và Nhà nước ban hành một nghị quyết hay chính sách nào đó để giải quyết một hay nhiều vấn đề xã hội nào đó. Có thể nói, từ cải cách đến nay, đãng sau các đường lối, chính sách cải cách, phát triển của Đảng và Nhà nước Trung Quốc chính là các sáng kiến chính sách do think tanks nêu lên. Cụ thể là, trong giai đoạn thứ nhất của cải cách - giai đoạn đề xuất chủ trương cải cách (từ Hội nghị Trung ương lần thứ ba khóa XI, tháng 12/1978 đến Đại hội XII năm 1982), chính là các think tanks trong đó có Viện Khoa học xã hội Trung Quốc là người nêu lên các sáng kiến chính sách về cải cách kinh tế nông nghiệp và nông thôn, thực hiện chính sách mở cửa với bên ngoài, cải cách mạnh mẽ nhằm giải phóng sức sản xuất. Trong giai đoạn thứ hai của cải cách (từ Đại hội XII đến cuối năm 1991), chính các think tanks là người nêu lên các sáng kiến chính sách về cải cách kinh tế đô thị, cũng như mở rộng cải cách từ cải cách kinh tế, chính trị sang cải cách về khoa học công nghệ, giáo dục, văn hóa. Trong giai đoạn thứ ba của cải cách (từ năm 1992 đến cuối năm 2000), các think tanks cũng là người nêu lên các sáng kiến chính sách về thiết lập thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Trong giai đoạn thứ tư của cải cách (từ năm 2001 đến trước Đại hội XVIII), các think tanks nêu lên các sáng kiến chính sách về phát triển khoa học, phát triển một cách hài hòa và tiếp tục hoàn

thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Trong giai đoạn thứ năm của cải cách (từ Đại hội XVIII đến nay), các think tanks là người nêu lên các sáng kiến chính sách cải cách toàn diện và theo chiều sâu, hiện đại hóa hệ thống quản trị quốc gia và nâng cao năng lực quản trị quốc gia.

Hoạt động nêu sáng kiến chính sách của think tanks Trung Quốc được thực hiện thông qua theo phương thức trực tiếp và gián tiếp, cụ thể là các phương thức sau: (i) Thông qua thực hiện đề án, đề tài nghiên cứu, sau đó chắt lọc kết quả nghiên cứu để gửi cho cơ quan có liên quan. Chẳng hạn, Viện Khoa học xã hội Trung Quốc trung bình mỗi năm thực hiện từ 10 đến 20 đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu do Văn phòng Trung ương Đảng và Văn phòng Quốc vụ viện giao. Sau khi thực hiện xong đề tài, đề án, Viện này đã chắt lọc kết quả nghiên cứu cũng như sáng kiến chính sách đối với cơ quan có liên quan. Trong hai năm 2014 - 2015, Viện Khoa học xã hội Thượng Hải đã thực hiện 31 đề án, đề tài nghiên cứu, sau đó chắt lọc kết quả nghiên cứu để nêu lên các kiến nghị và sáng kiến chính sách cho các cơ quan có liên quan, trong đó có 30 sáng kiến chính sách đã được các cơ quan liên quan tiếp thu. Năm 2015, Viện Nghiên cứu Phát triển tổng hợp Thâm Quyến (Trung Quốc) với tư cách một think tank xã hội đã thực hiện 65 dự án, đề tài nghiên cứu, trong đó phục vụ cho Thâm Quyến là 38 nhiệm vụ, phục vụ cho các địa phương khác của Quảng Đông là 12 nhiệm vụ, phục vụ cho các địa phương khác của

Trung Quốc là 15 nhiệm vụ. Sau khi hoàn thành các nhiệm vụ nghiên cứu, Viện này cũng đã có báo cáo chắt lọc và kiến nghị chính sách cho các cơ quan có liên quan; (ii) Thông qua chế độ học tập tập thể của cấp ủy đảng và chính quyền. Như đã phân tích ở trên, các cấp ủy đảng và chính quyền thường tổ chức các buổi học tập tập thể để lắng nghe báo cáo chuyên đề của các think tanks. Dựa vào hình thức này, các think tanks có thể nêu sáng kiến chính sách đối với các cơ quan có liên quan; (iii) Thông qua việc chủ động gửi báo cáo kiến nghị chính sách cho các cơ quan có liên quan. Chẳng hạn, trong “Báo cáo nghiên cứu về cải cách thể chế y tế và chăm sóc sức khỏe Trung Quốc” năm 2005, Trung tâm nghiên cứu Quốc vụ viện Trung Quốc đã đưa ra kết luận: “Về tổng thể, cải cách là không thành công”. Chính báo cáo này đã chính thức khởi động việc cải cách thể chế y tế và chăm sóc sức khỏe ở Trung Quốc sau đó; (iv) Thông qua việc tham gia hội nghị tư vấn, lắng nghe ý kiến do các cơ quan có liên quan tổ chức; (v) Thông qua việc xuất bản sách, tạp chí, bày tỏ quan điểm trên truyền thông đại chúng và các diễn đàn, từ đó gây ảnh hưởng tới các cơ quan hoạch định chính sách; (vi) Thông qua bản tin, tạp chí do think tanks gửi riêng cho các cơ quan lãnh đạo, quản lý. Theo đó, hầu hết các think tanks ở Trung Quốc đều có bản tin, tạp chí, nội san mang tính nội bộ để gửi đến các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước cũng như các cơ quan hoạch định chính sách, qua đó nhằm nêu sáng kiến chính sách. Chẳng hạn, ngoài hơn

90 loại tạp chí được phát hành công khai, Viện Khoa học xã hội Trung Quốc còn thiết lập hai bản tin gửi đến Trung ương Đảng và Chính phủ, hai bản tin này có tên là “Chuyên đề thông tin báo cáo” và “Tài liệu phục vụ lãnh đạo”. Viện Nghiên cứu tình hình đất nước của Đại học Thanh Hoa cũng định kỳ xuất bản ấn phẩm “Báo cáo tình hình đất nước”. Tính từ năm 2000 đến nay, Viện này đã xuất bản 1.300 kỳ. Từ các ấn phẩm này, Viện này đã có hơn 100 báo cáo chuyên đề cho các cơ quan Đảng và Nhà nước. Viện Nghiên cứu chiến lược và phát triển quốc gia (thuộc Đại học Nhân dân Trung Quốc) cũng xuất bản ấn phẩm “Vấn đề và lối ra”. Đến nay, Viện này đã xuất bản 98 kỳ nhằm phục vụ cho các cơ quan Đảng và Nhà nước.

Thứ ba, tham gia soạn thảo dự thảo đường lối, chính sách.
Một vai trò khác gắn liền với một số think tanks ở Trung Quốc đó là trực tiếp soạn thảo dự thảo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Tuy không phải think tanks nào ở Trung Quốc cũng được giao nhiệm vụ soạn thảo dự thảo chính sách, nhưng đây cũng là một vai trò quan trọng khác của think tanks, nhất là think tanks của Đảng và Nhà nước, trong quá trình hoạch định chính sách ở Trung Quốc. Trong công cuộc cải cách, một số think tanks ở Trung Quốc đã được Đảng và Chính phủ Trung Quốc giao nhiệm vụ soạn thảo các dự thảo đường lối, chính sách trên các lĩnh vực khác nhau, từ đường lối, chính sách phát triển nói chung đến chính sách đối với từng lĩnh vực cụ thể. Chẳng hạn,

Trung tâm Nghiên cứu phát triển Quốc vụ viện (một think tank của nhà nước) là một trong những think tanks thường được giao nhiệm vụ tham gia soạn thảo Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu toàn quốc, Báo cáo các hội nghị Trung ương, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, Báo cáo công tác của Chính phủ. Trần Thanh Thái - Phó chủ nhiệm Trung tâm Nghiên cứu phát triển Quốc vụ viện (một think tank của nhà nước), là một trong những người được giao nhiệm vụ soạn thảo văn kiện liên quan đến vấn đề phát triển kinh tế phục vụ cho Hội nghị Trung ương 4 khóa XIV, Hội nghị Trung ương 4 khóa XV, Hội nghị Trung ương 3, 4 khóa XVI. Viện Nghiên cứu tình hình đất nước (thuộc Đại học Thanh Hoá), Viện Công trình Trung Quốc thường tham gia soạn thảo quy hoạch phát triển khoa học công nghệ trung hạn và dài hạn.

Thứ tư, cung cấp phương án chính sách cho các cơ quan hoạch định chính sách là một trong những vai trò chủ yếu của think tanks Trung Quốc. Đây là vai trò gắn liền với mọi think tanks ở Trung Quốc và việc thực hiện vai trò này cũng thông qua nhiều hình thức khác nhau. Vai trò cung cấp phương án chính sách cho các cơ quan hoạch định chính sách của think tanks Trung Quốc thể hiện ở hai điểm cần chú ý: (i) Nhiều think tanks tham gia cung cấp phương án chính sách cho một chính sách theo đơn đặt hàng hay đề nghị của cơ quan hoạch định chính sách. Có thể lấy ví dụ về phương án chính sách cải cách y tế ở Trung Quốc làm ví dụ.

Năm 2005, Trung tâm Nghiên cứu phát triển Quốc vụ viện Trung Quốc trên cơ sở đề tài nghiên cứu đã đưa ra kết luận: “cải cách thể chế y tế ở Trung Quốc không những không giải quyết được vấn đề giảm chi phí khám, chữa bệnh, mà còn làm cho chi phí khám, chữa bệnh tăng lên”. Sau khi được công bố, báo cáo này đã thu hút sự quan tâm của dư luận. Tháng 6/2006, Quốc vụ viện Trung Quốc quyết định tiến hành một đợt cải cách thể chế y tế mới nhằm giải quyết vấn đề nói trên, bắt đầu nghị trình chính sách. Tháng 9/2006, Quốc vụ viện Trung Quốc phê chuẩn Tiểu ban điều tiết cải cách thể chế y tế có đại diện của 14 bộ, ngành (sau này tăng lên 16). Do cải cách thể chế y tế là một vấn đề rất phức tạp nên đòi hỏi chính phủ phải tranh thủ ý kiến của các chuyên gia và think tanks. Do đó, ngày 23/10/2006, trong buổi học tập tập thể, Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Trung Quốc đã mời giáo sư Lý Linh - Phó Chủ nhiệm Trung tâm Nghiên cứu kinh tế Trung Quốc (thuộc Đại học Bắc Kinh) và giáo sư Lưu Tuấn - Phó Chủ tịch Hiệp hội y tế Hoa Trung đến để giới thiệu với Bộ Chính trị về thể chế y tế ở nước ngoài và một số vấn đề về phát triển sự nghiệp y tế ở Trung Quốc. Tháng 1/2007, Tiểu ban điều tiết cải cách thể chế y tế đã giao cho 6 đơn vị trong và ngoài nước độc lập thiết kế phương án cải cách thể chế y tế. Sáu cơ quan này gồm: Đại học Bắc Kinh, Đại học Phúc Đán, Trung tâm Nghiên cứu phát triển Quốc vụ viện, Tổ chức sức khỏe thế giới, một công ty tư vấn nước ngoài, Ngân hàng thế giới. Sau đó, thêm hai đơn vị

khác là Đại học Sư phạm Bắc Kinh và Đại học Nhân dân Trung Quốc. Từ 8 đơn vị này đã hình thành nên 8 phương án cải cách thể chế y tế khác nhau cạnh tranh với nhau. Cuối tháng 5/2007, Tiểu ban điều tiết cải cách thể chế y tế đã tiến hành đánh giá đối với 8 phương án cải cách do 8 đơn vị nêu lên. Tháng 6/2007, trên cơ sở các phương án cải cách đã đưa ra, Đại học Thanh Hoa và Đại học Havard đã phối hợp với nhau và nêu lên phương án thứ 9 về cải cách thể chế y tế. Tháng 2/2008, Viện Khoa học Trung Quốc và giới chuyên gia y tế của tỉnh Quảng Đông phối hợp với nhau về nêu lên phương án thứ 10 về cải cách thể chế y tế và gửi cho Quốc vụ viện. Cho dù tất cả các phương án về cải cách thể chế y tế đều có mục tiêu là cung ứng cho người dân dịch vụ y tế an toàn, hiệu quả, thuận tiện và giá phù hợp, giải quyết triệt để vấn đề “khám bệnh khó”, “khám bệnh đắt”, nhưng quan điểm của các đơn vị, các chuyên gia có thể chia thành hai phái: phái tăng đầu tư trực tiếp cho y tế và phái tăng cường về chế độ bảo hiểm y tế¹. Dự thảo phương án về cải cách thể chế y tế mà Quốc vụ viện Trung Quốc sau đó chính là tiếp nhận ý kiến hợp lý của hai trường phái trên. Ngày 14/10/2008, dự thảo phương án cải cách này đã được công bố và lấy ý kiến của xã hội. Ngày 17 và 18/3/2009, Quốc vụ viện Trung Quốc đã chính thức ban hành phương án về

1. Vương Thế Linh: “Think tanks trong cải cách y tế”, Báo *Kinh tế thế kỷ XXI*, số ra ngày 14/4/2009, tiếng Trung.

cải cách thể chế y tế và phương án trọng điểm trong thực thi cải cách thể chế y tế trong những năm trước mắt. (ii) Ngoài việc nhà nước đặt hàng theo phương thức chỉ định các think tanks cụ thể cung cấp tư vấn phương án chính sách cho từng chính sách cụ thể, các think tanks cũng rất chủ động trong cung cấp tư vấn và phương án chính sách. Theo đó, ngoài việc chắt lọc các báo cáo nghiên cứu, tổng kết để cung cấp phương án chính sách, các think tanks ở Trung Quốc đã rất chủ động trong việc gửi báo cáo tư vấn và cung cấp phương án chính sách cho các cơ quan có liên quan. Chẳng hạn, năm 2012, trên đã phối hợp với Ngân hàng thế giới để thực hiện đề tài nghiên cứu “Xây dựng một xã hội Trung Quốc hiện đại, hài hòa và có sức sáng tạo năm 2030”, Trung tâm Nghiên cứu phát triển Quốc vụ viện đã nêu lên các kiến nghị và phương án cải cách doanh nghiệp nhà nước theo phương thức thị trường hóa. Tiếp đó, trong năm 2013, Trung tâm này đã nêu lên một loạt các biện pháp, phương án cải cách doanh nghiệp nhà nước¹. Năm 2016, Viện Nghiên cứu tư vấn chiến lược khoa học công nghệ (thuộc Viện Khoa học Trung Quốc) đã thực hiện 224 báo cáo tư vấn, kiến nghị cho các cơ quan có liên quan về khoa học và công nghệ. Trong năm 2015, Viện Nghiên cứu chiến lược và phát triển quốc gia (Đại học Nhân dân Trung Quốc) đã cung cấp 251 báo cáo tư vấn cho các cơ quan có liên quan, trong đó có 13 báo cáo

1. <http://www.nbd.com.cn/articles/2013-10-28/782780.html>.

tư vấn và kiến nghị phương án chính sách đã được Tổng Bí thư ghi nhận và chỉ đạo các cơ quan có liên quan nghiên cứu và tiếp thu; có 17 báo cáo tư vấn và kiến nghị chính sách được Thủ tướng ghi nhận và chỉ đạo các cơ quan có liên quan nghiên cứu và tiếp thu; gần 80 báo cáo tư vấn và kiến nghị chính sách đã được Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Quốc vụ viện, Ban Tuyên truyền Trung ương, Ủy ban Cải cách và phát triển quốc gia, Bộ Ngoại giao và các tỉnh, thành phố tiếp thu¹. Với tư cách là think tanks xã hội, riêng năm 2015, Viện Nghiên cứu phát triển tổng hợp (Thâm Quyến) Trung Quốc đã thực hiện 65 báo cáo tư vấn và kiến nghị chính sách về cải cách kinh tế cho các cơ quan khác nhau ở Trung ương và địa phương.

Thứ năm, giám định và phản biện phương án chính sách là một vai trò khác của think tanks trong đời sống chính trị ở Trung Quốc. Hoạt động giám định và phản biện dự thảo chính sách, dự án của các think tanks ở Trung Quốc có một số điểm đáng chú ý: (i) Hoạt động giám định và phản biện của think tanks chủ yếu tập trung vào các dự thảo chính sách, dự án quan trọng, liên quan mật thiết đến lợi ích và cuộc sống của nhân dân; (ii) Nội dung giám định và phản biện của các think tanks tập trung vào các khía cạnh chủ yếu

1. Phùng Nghiêm Siêu: “Kinh nghiệm thành công trong xây dựng think tank của Đại học Nhân dân Trung Quốc”, Tạp chí *Kinh tế*, số 1, 2016, tiếng Trung.

như tính khả thi của chính sách và dự án, mức độ rủi ro về ổn định xã hội, môi trường và kinh tế của dự thảo chính sách và dự án; (iii) Phương thức để think tanks thực hiện vai trò giám định và phản biện khá đa dạng với hai phương thức chủ yếu là cơ quan hoạch định chính sách chủ động mời giám định, phản biện và think tanks chủ động thực hiện giám định và phản biện. Về phương thức cơ quan hoạch định chính sách chủ động mời think tanks giám định và phản biện gồm có hai hình thức đó là: gửi dự thảo chính sách và đề án đến các think tanks để xin ý kiến giám định, phản biện, sau đó think tanks gửi báo cáo giám định và phản biện cho các cơ quan hoạch định chính sách; gửi dự thảo chính sách, dự án trước cho think tanks, sau đó tổ chức hội nghị lắng nghe ý kiến của đại diện các think tanks. Về phương thức think tanks chủ động tham gia giám định và phản biện, có các hình thức chủ yếu như: trên cơ sở dự thảo chính sách và dự án được công bố công khai và xin ý kiến của người dân (có những dự thảo chính sách thời gian lấy ý kiến lên đến 1 năm), các think tanks chủ động gửi báo cáo giám định và phản biện cho các cơ quan soạn thảo chính sách, dự án; hoặc thể hiện quan điểm của mình thông qua các bài viết đăng trên các báo, tạp chí và trả lời phỏng vấn trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

Thứ sáu, một vai trò quan trọng khác của think tanks Trung Quốc trong đời sống chính trị, đó là *thực hiện giám sát, đánh giá việc thực thi chính sách* cũng như *đánh giá*

chính trị và quản trị nhà nước. Dân chủ hóa chính trị nói chung và dân chủ hóa quá trình chính sách công nói riêng, không chỉ thể hiện ở việc mở rộng sự tham gia của các chủ thể có liên quan trong hoạch định chính sách, mà còn thể hiện ở việc mở rộng sự tham gia của người dân và xã hội trong thực thi và đánh giá chính sách. Với tư cách một trong các chủ thể của quá trình chính sách, các think tanks Trung Quốc đã phát huy vai trò giám sát của mình trong quá trình thực thi chính sách công. Từ hoạt động giám sát việc thực thi chính sách, các think tanks đã có những phản ánh và kiến nghị kịp thời đối với các cơ quan nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập trong thực thi chính sách.

Cùng với giám sát việc thực thi chính sách, các think tanks còn tham gia tích cực vào *quá trình đánh giá việc thực thi chính sách*. Nếu trước đây, hoạt động đánh giá việc thực thi chính sách ở Trung Quốc thường do cơ quan nhà nước hay cơ quan thực thi chính sách tự đánh giá, từ đó rất dễ làm cho kết quả đánh giá thiếu tính khách quan, khoa học, thì trong điều kiện mới, Trung Quốc chủ trương thực hiện sự kết hợp giữa “đánh giá trong” và “đánh giá ngoài”, coi trọng sự tham gia đánh giá của “bên thứ ba” hay tổ chức độc lập đối với việc thực thi chính sách công. Hoạt động đánh giá việc thực thi chính sách của think tanks ở Trung Quốc có một số điểm đáng chú ý: (i) Có những chính sách nhà nước đặt hàng cho một think tank chịu trách nhiệm chính về

đánh giá. Chẳng hạn, căn cứ vào tính chất và loại chính sách mà nhà nước hoặc cơ quan có thẩm quyền sẽ giao cho một think tank chịu trách nhiệm chính về đánh giá chính sách. Chẳng hạn, Viện Công trình Trung Quốc, Viện Khoa học Trung Quốc thường được nhà nước giao nhiệm vụ đánh giá hiệu quả thực thi các chính sách về khoa học và công nghệ. (ii) Có những chính sách nhà nước giao cho nhiều think tanks cùng tham gia đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá của nhiều think tanks. Theo đó, đối với những chính sách quan trọng, các cơ quan có thẩm quyền thường giao cho nhiều think tanks cùng tham gia đánh giá độc lập, sau đó sử dụng kết quả đánh giá của nhiều think tanks. Chẳng hạn, việc đánh giá việc thực hiện các quy hoạch 5 năm thường được giao cho nhiều think tanks của đảng, nhà nước, trường đại học và xã hội tham gia đánh giá. Việc phát huy sự tham gia đánh giá chính sách của nhiều think tanks giúp cho việc đánh giá hiệu quả thực thi chính sách cũng như ảnh hưởng xã hội của chính sách trở nên khách quan hơn, đầy đủ hơn và khoa học hơn. (iii) Bên cạnh nhà nước hay cơ quan có thẩm quyền đặt hàng để think tanks đánh giá, các think tanks còn có thể thực hiện vai trò đánh giá theo phương thức chủ động của mình với các hình thức khác nhau.

Cùng với đánh giá chính sách, một vai trò khác của think tanks Trung Quốc đó là đánh giá chính trị và đánh giá quản trị công. Từ thập niên 90 của thế kỷ XX đến nay, giới nghiên cứu

và các think tanks Trung Quốc đã rất tích cực trong việc tham khảo và vận dụng lý luận quản trị công, nhất là lý luận quản trị tốt và các tiêu chí của quản trị tốt để thiết lập nên các tiêu chí đánh giá quản trị phù hợp với Trung Quốc. Theo đó, nhiều think tanks thuộc trường Đại học Nhân dân Trung Quốc, Đại học Bắc Kinh và Cục Biên dịch Trung ương (một think tank của Đảng) từ việc tham khảo và nghiên cứu lý luận quản trị công, nhất là quản trị tốt để thiết lập nên hệ tiêu chí đánh giá quản trị công ở Trung Quốc; đồng thời, thực hiện đánh giá một cách độc lập đối với quản trị công cũng như công bố kết quả đánh giá. Theo đó, các tiêu chí chủ yếu đánh giá quản trị công ở Trung Quốc mà các think tanks Trung Quốc nêu lên đó là: (i) Mức độ dân chủ trong Đảng; (ii) Chất lượng dịch vụ công; (iii) Mức độ đảm bảo quyền con người, quyền công dân trong quản trị nhà nước; (iv) Sự tham gia của người dân trong quản trị công; (v) Tính công khai, minh bạch trong quản trị nhà nước; (vi) Mức độ bảo đảm công bằng xã hội trong quản trị nhà nước; (vii) Mức độ liêm chính trong quản trị nhà nước; (viii) Tính hiệu quả trong hoạt động của các cơ quan hành chính; (ix) Mức độ tuân thủ pháp luật trong hoạt động (pháp quyền); (x) Mức độ đảm nhận trách nhiệm công, nhất là trách nhiệm giải trình; (xi) Mức độ vận dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; (xii) Mức độ trao quyền tự chủ cho địa phương và cấp dưới; mức độ cải cách, đổi mới

của các cơ quan hành chính và chính quyền địa phương. Dựa trên các nội dung nói trên, một số think tanks đã thiết lập nên tiêu chí cụ thể để thực hiện đánh giá và công bố công khai kết quả đánh giá. Đặc biệt, trong đánh giá quản trị công, có think tank chuyên thực hiện đánh giá về mức độ chủ động và hiệu quả trong cải cách quản trị địa phương của chính quyền địa phương. Hoạt động đánh giá quản trị công một cách định kỳ đã cung cấp thông tin, dữ liệu để các cơ quan có liên quan tham khảo và cải thiện hiệu quả, chất lượng hoạt động của mình.

Thứ bảy, thể hiện quan điểm, lợi ích của các tầng lớp khác nhau, nhất là các nhóm yếu thế. Think tanks ở Trung Quốc không chỉ là cơ quan “hỗ trợ trí lực” cho các cơ quan hoạch định chính sách của Đảng và Nhà nước, mà còn là các cơ quan đại diện cho lợi ích công, đại diện cho lợi ích của nhân dân, thể hiện và phản ánh lợi ích và tiếng nói của các tầng lớp nhân dân. Vai trò thể hiện quan điểm, lợi ích của các tầng lớp nhân dân, nhất là các nhóm yếu thế của think tanks thể hiện trong tất cả các hoạt động của think tanks trong chương trình chính sách công cũng như trong đời sống chính trị. Trên thực tế, những điều chỉnh chiến lược của Trung Quốc trong đường lối, chính sách phát triển thời kỳ cải cách, nhất là từ Hội nghị Trung ương 3 khóa XVIII đến nay đều gắn liền với tiếng nói mạnh mẽ của đội ngũ trí thức, giới chuyên gia và think tanks Trung Quốc. Cụ thể những điều chỉnh

chiến lược của Trung Quốc từ Đại hội XVIII đến nay với các khía cạnh, như giải quyết tốt hơn các mối quan hệ như hiệu quả và công bằng xã hội; cải cách, ổn định và phát triển; tốc độ tăng trưởng và chất lượng tăng trưởng; nhân khẩu, tài nguyên và môi trường; nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ; sự phát triển cân bằng giữa các vùng miền; nhà nước - thị trường và xã hội; phân phối thu nhập giữa nhà nước, doanh nghiệp và cá nhân; trung ương và địa phương; văn minh vật chất và văn minh tinh thần¹ đều gắn liền với những nỗ lực của các think tanks trong việc làm cho Trung Quốc phát triển công bằng hơn, bền vững hơn, qua đó duy trì tốt và thực hiện tốt lợi ích của nhân dân. Bên cạnh nỗ lực hướng vào việc thực hiện tốt lợi ích quốc gia, lợi ích công, các think tanks còn quan tâm thể hiện, phản ánh và bảo vệ lợi ích của các tầng lớp và nhóm yếu thế như thể hiện và bảo vệ lợi ích của người nông dân, lợi ích của lao động nhập cư... Trên thực tế, những điều chỉnh về chính sách đất đai ở Trung Quốc sau Hội nghị Trung ương 3 khóa XVIII cũng như các điều chỉnh triết lý và phương châm phát triển của Trung Quốc từ Đại hội XVIII đến nay đều gắn liền với nỗ lực không mệt mỏi của các think tanks nhằm mục tiêu làm cho Trung Quốc phát triển

1. Nguyễn Trọng Bình: “Nhận thức của Đảng Cộng sản Trung Quốc về các mối quan hệ lớn cần giải quyết tốt trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội”, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 2, 2019.

trở nên công bằng hơn, cũng như thực hiện tốt hơn yêu cầu phát triển “làm cho tất cả mọi người đều có thể tham gia vào tiến trình phát triển và thụ hưởng thành quả của cải cách và phát triển”.

Thứ tám, truyền thông chính trị và định hướng dư luận xã hội. Truyền thông chính trị là một vai trò tiếp theo của think tanks trong đời sống chính trị ở Trung Quốc. Theo nghĩa rộng, truyền thông chính trị (political communication), là nói đến vai trò của các chủ thể khác nhau trong quá trình tuyên truyền thông tin chính trị, hình thành ý dân, định hướng dư luận và vấn đề kiểm soát, xử lý thông tin của nhà nước. Là một trong các chủ thể của nền quản trị quốc gia, vai trò truyền thông chính trị của think tanks ở Trung Quốc thể hiện ở một số điểm chủ yếu: (i) Thông qua các phương thức khác nhau để phản ánh thái độ, quan điểm và ý kiến của người dân và xã hội đối với Đảng, Nhà nước về các vấn đề chính sách quan trọng của đất nước và địa phương, đồng thời đưa ra những “cảnh báo” sớm về những vấn đề liên quan đến ổn định và phát triển của đất nước; (ii) Phân tích, làm rõ cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn của chính sách được ban hành, tuyên truyền về nội dung của các chính sách đã ban hành cho xã hội và người dân. Có nghĩa là, thông qua các phương thức như xuất bản sách, viết bài đăng tạp chí, trả lời phỏng vấn trên các phương tiện truyền thông đại chúng, đào tạo, bồi dưỡng... các chuyên gia và think tanks góp phần làm rõ cơ sở

lý luận, cơ sở thực tiễn của những chủ trương, chính sách đã được Đảng và Nhà nước ban hành. Việc luận giải, phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của một chính sách nào đó không chỉ diễn ra trước khi chính sách đó được ban hành, mà còn diễn ra sau khi chính sách đó đã được ban hành. Trên thực tế, nhiều nội dung và chủ trương quan trọng được nêu trong văn kiện hội nghị, Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc sau đó đã trở thành tâm điểm trong hoạt động nghiên cứu, phân tích và tuyên truyền của các chuyên gia và think tanks. Chẳng hạn, khi chủ trương hiện đại hóa nền quản trị quốc gia và nâng cao năng lực quản trị quốc gia đã được thông qua tại Hội nghị Trung ương 3, khóa XVIII thì các chuyên gia và nhiều think tanks đã tập trung nghiên cứu, phân tích và tuyên truyền các nội dung quan trọng liên quan đến hiện đại hóa quản trị quốc gia và nâng cao năng lực quản trị quốc gia; (iii) Định hướng dư luận xã hội trước những vấn đề chính sách quan trọng. Các think tanks ở Trung Quốc cũng thông qua nhiều hình thức khác nhau để dẫn dắt, định hướng dư luận xã hội. Một trong những phương thức quan trọng đó là cử chuyên gia của think tanks kịp thời phát biểu ý kiến trên đài truyền hình, đài phát thanh cũng như viết bài cho các báo.

Thứ chín, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý và cung cấp nhân tài cho hệ thống chính trị. Đối với một số think tanks ở Trung Quốc, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực

nói chung, nguồn nhân lực cho khu vực công nói riêng không phải là chức năng chủ yếu (tức chức năng chủ yếu của nó là nghiên cứu và tư vấn chính sách), nhưng đối với một số think tanks, bên cạnh chức năng nghiên cứu và tư vấn chính sách, còn có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực cho khu vực công. Viện Khoa học xã hội Trung Quốc hiện nay có 6 đơn vị phụ trách về đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội, từ đào tạo đại học đến sau đại học. Hằng năm, Viện này đào tạo hàng nghìn cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ cho xã hội. Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Quốc vụ viện tuy chức năng chính của nó là nghiên cứu, tư vấn chính sách nhưng hằng năm đều tổ chức một lớp bồi dưỡng có tên là “Lớp bồi dưỡng cấp cao về quản lý công” dành cho khoảng 60 cán bộ cấp cục trưởng và cục phó cho các cơ quan của chính phủ. Điển hình trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là hệ thống trường Đảng và Học viện Hành chính quốc gia Trung Quốc (từ năm 2017, Học viện Hành chính đã được hợp nhất vào Trường Đảng Trung ương). Ngoài đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ cấp cao trong hệ thống chính trị, hệ thống trường Đảng và Học viện Hành chính còn đào tạo, bồi dưỡng trình độ sau đại học. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của các think tanks nói chung và Trường Đảng Trung ương nói riêng có vai trò quan trọng trong việc góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và

năng lực quản trị của Nhà nước. Mặt khác, công tác đào tạo, bồi dưỡng của think tanks cũng là phương thức quan trọng để các think tanks truyền bá lý luận mới, quan điểm mới.

Cùng với đào tạo, bồi dưỡng, think tanks ở Trung Quốc còn có vai trò quan trọng trong việc cung cấp nhân tài cho hệ thống chính trị. Điều này được thể hiện ở hai phương diện: (i) nhiều chuyên gia của think tanks là cố vấn và tư vấn cho các cơ quan của Đảng và Nhà nước. Trong thời gian qua, phần nhiều các chuyên gia trong các think tanks vừa thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, tư vấn chính sách tại các think tanks, vừa được bổ nhiệm làm chuyên gia cố vấn, chuyên gia tư vấn cho các cơ quan Đảng và Nhà nước ở Trung Quốc. Chẳng hạn, 100% chuyên gia đang công tác tại Viện Nghiên cứu Chiến lược và Phát triển quốc gia (Đại học Nhân dân Trung Quốc) là chuyên gia cố vấn, tư vấn cho các cơ quan Đảng và Nhà nước ở Trung ương và địa phương như: Phòng Nghiên cứu Văn phòng Trung ương Đảng, Phòng Nghiên cứu Văn phòng Quốc vụ viện. Hằng tháng, các chuyên gia cố vấn, tư vấn được hưởng một khoản phụ cấp nhất định do đơn vị tiếp nhận tư vấn trả; (ii) mức độ cao hơn đó là sau khi thành danh, một số chuyên gia ở các think tanks được bổ nhiệm đảm nhận các chức vụ quan trọng trong cơ quan Đảng và Nhà nước. Trong những năm qua, một số chuyên gia trong các think tanks sau khi “thành danh” đã được điều động, bổ nhiệm các chức vụ quan trọng trong các cơ quan

Đảng và Nhà nước. Ví dụ, Trần Lộ Lộ vốn là một chuyên gia đứng đầu một think tank ở Đại học Nhân dân Trung Quốc sau khi khẳng định được năng lực và đóng góp của mình đã được bổ nhiệm làm Thứ trưởng Bộ Tài chính. Hay trường hợp điển hình là Vương Hộ Ninh (là Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị) trước khi đảm nhận chức vụ quan trọng hiện tại đã từng công tác tại Đại học Phúc Đán rồi sau đó là Phòng Nghiên cứu Chính sách Trung ương.

Thứ mười, phối hợp với các chủ thể khác thực hiện chính sách ngoại giao và xây dựng hình ảnh Trung Quốc trên trường quốc tế. Trong văn bản về xây dựng think tanks theo mô hình mới đặc sắc Trung Quốc, Đảng Cộng sản và Chính phủ Trung Quốc khẳng định một trong các chức năng của think tanks Trung Quốc đó là tham gia thực hiện ngoại giao công. Đồng thời trong văn bản này, Trung Quốc chỉ rõ: “Tiến trình phát triển của một nước lớn, vừa là tiến trình nâng cao sức mạnh cứng về kinh tế, vừa là tiến trình nâng cao sức mạnh mềm về tư tưởng văn hóa. Think tanks là một thực thể quan trọng cấu thành nên sức mạnh mềm quốc gia, ngày càng giữ vai trò quan trọng trong cạnh tranh quốc tế, phát huy tác dụng không thể thay thế trong quan hệ đối ngoại. Trong bối cảnh Trung Quốc đang xây dựng hình ảnh trên trường quốc tế cũng như thúc đẩy văn hóa Trung Hoa và quan niệm giá trị đương đại ra bên ngoài thì càng cần phải phát huy tác dụng

quan trọng của think tanks trong giao lưu văn hóa và ngoại giao công”¹. Với nhận thức này, để phát huy vai trò của think tanks trong ngoại giao công, Trung Quốc đã thông qua nhiều biện pháp khác nhau để nâng cao mức độ ảnh hưởng quốc tế của think tanks Trung Quốc, chẳng hạn như khuyến khích các think tanks quan tâm nghiên cứu các vấn đề toàn cầu, tăng cường đặt hàng để các think tanks nghiên cứu các vấn đề chung trên toàn cầu, khuyến khích các think tanks “chiêu mộ” các chuyên gia giỏi trên thế giới đến làm việc trong các think tanks ở Trung Quốc; thúc đẩy giao lưu, hợp tác với các think tanks trên thế giới; bồi dưỡng và nâng cao năng lực hợp tác quốc tế cho các chuyên gia đang hoạt động trong các think tanks; ủng hộ và khuyến khích các think tanks trong nước công bố kết quả nghiên cứu của mình trên các tạp chí quốc tế; xây dựng chi nhánh, văn phòng đại diện của think tanks Trung Quốc ở một số nước trên thế giới để phục vụ cho hoạt động của think tanks. Về phần mình, trong thời gian qua, nhiều think tanks của Trung Quốc đã tích cực phối hợp với nhà nước trong thực hiện ngoại giao công, như cử chuyên gia của think tanks tham gia các hội thảo, hội nghị quốc tế về các vấn đề có liên quan

1. Văn phòng Trung ương Đảng và Văn phòng Quốc vụ viện: “Ý kiến về tăng cường xây dựng think tanks theo mô hình mới đặc sắc Trung Quốc”, truy cập http://www.gov.cn/xinwen/2015-01/20/content_2807126.htm, 2015, ngày 27/3/2019.

nhằm góp phần nêu rõ lập trường và quan điểm của Trung Quốc về các vấn đề quốc tế có liên quan; khuyến khích các chuyên gia viết bài đăng trên các tạp chí quốc tế; đăng cai tổ chức các diễn đàn, hội nghị quốc tế tại Trung Quốc. Hiện nay, có nhiều think tanks ở Trung Quốc chuyên hoạt động trong lĩnh vực quan hệ quốc tế và đối ngoại, trong đó có một số think tanks có uy tín trong lĩnh vực này, như Viện Nghiên cứu vấn đề quốc tế Thượng Hải, Trung tâm Toàn cầu hóa và Trung Quốc, Diễn đàn 40 người về tài chính Trung Quốc. Viện Nghiên cứu vấn đề quốc tế Thượng Hải có 6 phòng và 6 trung tâm nghiên cứu, có hai tạp chí tiếng Trung và tiếng Anh. Viện này có vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu và quảng bá chiến lược “một vùng đai, một con đường” của Trung Quốc. Năm 2016, Viện này đã chủ trì 10 hội nghị quốc tế liên quan đến các chủ đề khác nhau. Năm 2017, Viện này đã tiếp 258 lượt khách quốc tế với 1.412 người đến làm việc với Viện. Trung tâm Toàn cầu hóa và Trung Quốc là một think tanks xã hội, hiện có 7 đơn vị trực thuộc. Ngoài việc tư vấn cho Đảng và Nhà nước về các chính sách có liên quan, Trung tâm này cũng rất coi trọng việc phối hợp thực hiện chính sách ngoại giao thông qua các hoạt động như phát biểu ý kiến trên mạng internet, tổ chức các hội nghị, diễn đàn quốc tế... Còn Diễn đàn 40 người về tài chính Trung Quốc ngoài tư vấn chính sách tài chính, kinh tế cho Đảng và Nhà nước, còn rất chú trọng

phối hợp thực hiện ngoại giao công thông qua việc chủ trì, đăng cai tổ chức các hội thảo khoa học quốc tế, đăng cai tổ chức các hội nghị, diễn đàn về kinh tế quốc tế ở Trung Quốc, thiết lập mối quan hệ hợp tác với các think tanks nổi tiếng trên thế giới.

- **Đặc điểm cơ bản và hoạt động của think tanks trong nền chính trị Trung Quốc**

Thứ nhất, nhận thức đúng đắn của Đảng Cộng sản Trung Quốc với tư cách là đảng cầm quyền về vai trò của think tanks và vai trò lãnh đạo của Đảng này trong phát triển think tanks. Với tư cách đảng cầm quyền, nhận thức của Đảng Cộng sản Trung Quốc về think tanks và sự lãnh đạo của Đảng này đối với sự phát triển và phát huy vai trò của think tanks trong đời sống chính trị có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Như đã phân tích ở trên, từ cải cách đến nay, trong các kỳ Đại hội, Đảng Cộng sản Trung Quốc luôn nhấn mạnh vấn đề dân chủ hóa, khoa học hóa quyết sách chính trị. Để thực hiện điều này, một nội dung được Đảng Cộng sản Trung Quốc nhấn mạnh đó là coi trọng phát huy vai trò của think tanks, coi sự tham gia của think tanks trong quá trình ban hành các quyết sách chính trị là một khía cạnh không thể thiếu khi xác lập nên khung khổ thể chế ban hành quyết sách chính trị, đó là: “thực hiện chế độ điều tra nghiên cứu, chế độ tư vấn của chuyên gia và think tanks, chế độ lắng nghe

ý kiến của xã hội và người dân, chế độ hiệp thương dân chủ”¹. Nhận thức của Đảng Cộng sản Trung Quốc về vai trò của think tanks và định hướng phát triển đối với think tanks thể hiện tập trung ở văn bản về “Ý kiến về tăng cường xây dựng think tanks theo mô hình mới đặc sắc Trung Quốc” do Văn phòng Trung ương Đảng và Văn phòng Quốc vụ viện ban hành tháng 1/2015 nhằm cụ thể hóa chủ trương của Đảng Cộng sản Trung Quốc về phát triển think tanks. Trong văn bản này, Đảng Cộng sản Trung Quốc thể hiện nhận thức của mình đối với chức năng và vai trò của think tanks. Về vai trò của think tanks, Trung Quốc cho rằng: (i) Xây dựng think tanks theo mô hình mới là chỗ dựa để Đảng và Nhà nước đề ra được chính sách khoa học, dân chủ và theo pháp luật. Trong điều kiện mới, trước yêu cầu giải quyết những vấn đề khó liên quan đến cải cách, ổn định và phát triển cũng như những vấn đề phức tạp có tính toàn cầu, một đòi hỏi bức thiết là phải kiện toàn hệ thống hỗ trợ quyết sách, tập trung tăng cường xây dựng think tanks, lấy tư vấn khoa học hỗ trợ cho quyết sách khoa học, lấy quyết sách khoa học hướng dẫn phát triển khoa học; (ii) Xây dựng think tanks theo mô hình mới là một nội dung quan trọng của hiện đại hóa hệ thống

1. Đảng Cộng sản Trung Quốc: *Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIX*, truy cập <http://cpc.people.com.cn/19th/n1/2017/1019/c414305-29595273.html>.

quản trị quốc gia và nâng cao năng lực quản trị quốc gia. Theo Đảng Cộng sản Trung Quốc, trong bối cảnh Trung Quốc đang tiến hành cải cách toàn diện theo chiều sâu, hoàn thiện và phát triển chế độ xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc, thúc đẩy hiện đại hóa quản trị quốc gia, phát triển dân chủ xã hội chủ nghĩa thì càng phải coi trọng việc xây dựng think tanks theo mô hình mới cũng như phát huy đầy đủ tác dụng và vai trò quan trọng của think tanks trong quản trị quốc gia; (iii) Think tanks theo mô hình mới là một bộ phận cấu thành quan trọng của sức mạnh mềm quốc gia. Trung Quốc cho rằng, tiến trình phát triển của một nước lớn, vừa là tiến trình nâng cao sức mạnh cứng về kinh tế, vừa là tiến trình nâng cao sức mạnh mềm về tư tưởng văn hóa. Think tanks là một thực thể quan trọng cấu thành nên sức mạnh mềm quốc gia, ngày càng giữ vai trò quan trọng trong cạnh tranh quốc tế, phát huy tác dụng không thể thay thế trong quan hệ đối ngoại. Trong bối cảnh Trung Quốc đang xây dựng hình ảnh trên trường quốc tế cũng như thúc đẩy văn hóa Trung Hoa và quan niệm giá trị đương đại ra bên ngoài thì càng cần phải phát huy tác dụng quan trọng của think tanks trong giao lưu văn hóa và ngoại giao công.

Thứ hai, tạo lập môi trường tốt cho sự phát triển của think tanks với các ưu tiên cốt lõi là phát triển cân bằng các loại hình think tanks; tạo môi trường cạnh tranh công bằng cho các think tanks; tạo cơ hội để các think tanks thể hiện

quan điểm của mình một cách công khai. Một lẽ tự nhiên là, muốn think tanks phát huy đầy đủ vai trò của nó trong đời sống chính trị, Đảng cầm quyền và Nhà nước cần phải tạo lập môi trường thuận lợi cho sự phát triển và hoạt động của think tanks. Về khía cạnh này, Trung Quốc nhấn mạnh một số phương diện sau:

- *Phát triển cân bằng các loại think tanks.* Với mục tiêu phát triển đồng bộ các loại hình think tanks, xây dựng được nhiều think tanks có sức ảnh hưởng ngang tầm thế giới và xây dựng đội ngũ tư vấn chính sách và nghiên cứu chính sách công kiên trì phuơng hướng chính trị đúng đắn, có đức, có tài, có tinh thần đổi mới, Đảng Cộng sản Trung Quốc và Chính phủ Trung Quốc đã chủ trương *phát triển đồng bộ và cân bằng các loại hình think tanks*. Có nghĩa là, coi trọng phát triển cân bằng các loại hình think tanks của Đảng, Nhà nước, quân đội, think tanks của trường đại học, think tanks của doanh nghiệp và think tanks của các tổ chức xã hội. Cụ thể là: (i) Thúc đẩy sự phát triển và đổi mới hoạt động của think tanks thuộc Viện Khoa học xã hội và hệ thống trường Đảng theo hướng yêu cầu các cơ quan này cần phải đổi mới thể chế, cơ chế nghiên cứu khoa học, điều chỉnh định hướng nghiên cứu một cách phù hợp, coi trọng hơn việc nghiên cứu và tư vấn những vấn đề thực tiễn liên quan đến nâng cao năng lực quản trị quốc gia và phát triển kinh tế - xã hội; phát triển Viện Khoa học xã hội với tư cách là think tanks tổng hợp và

hàng đầu của đất nước; thúc đẩy sự gắn kết và thúc đẩy lấn nhau giữa hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và tư vấn chính sách của Trường Đảng Trung ương và Học viện Hành chính quốc gia; Viện Khoa học xã hội và trường Đảng cấp tỉnh tập trung phục vụ tư vấn chính sách cho tổ chức Đảng và chính quyền địa phương; (ii) Thúc đẩy sự phát triển của think tanks thuộc trường Đại học theo hướng cải cách mạnh mẽ thể chế quản lý think tanks ở trường đại học, đổi mới hình thức tổ chức và bảo đảm đủ về nguồn lực, tập trung xây dựng hệ thống think tanks thuộc trường đại học có khả năng thực hiện tốt chức năng tư vấn chính sách cho Đảng và Nhà nước; (iii) Xây dựng think tanks trong lĩnh vực đổi mới khoa học - công nghệ và think tanks thuộc doanh nghiệp theo hướng phát huy ưu thế của Viện Khoa học Trung Quốc, Viện Công trình Trung Quốc, Hiệp hội Khoa học Trung Quốc về đổi mới khoa học - công nghệ, phát huy vai trò nòng cốt của các tổ chức này trong xây dựng và thực thi chiến lược, quy hoạch và chính sách khoa học - công nghệ quốc gia; (iv) Ủng hộ doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp do nhà nước giữ cổ phần chi phối thành lập các think tanks cũng như phát huy vai trò tư vấn chính sách của think tanks của doanh nghiệp trên các mặt, như cải cách doanh nghiệp nhà nước, điều chỉnh cơ cấu kinh tế, quy hoạch phát triển ngành, hoạch định chính sách ngành cũng như các dự án, công trình quan trọng;

(iv) Hướng dẫn sự phát triển lành mạnh của think tanks

xã hội theo hướng nhấn mạnh trách nhiệm xã hội của think tanks xã hội, bảo đảm để think tanks xã hội hoạt động theo pháp luật, hoàn thiện cơ chế cung ứng dịch vụ tư vấn của think tanks xã hội, tìm kiếm phương thức có hiệu quả để think tanks xã hội tham gia tư vấn chính sách cho Đảng và Nhà nước cũng như tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển của think tanks xã hội; (v) Tăng cường năng lực phục vụ quyết sách của các cơ quan nghiên cứu chính sách thuộc cơ quan Đảng và Nhà nước ở Trung ương theo hướng các cơ quan nghiên cứu chính sách thuộc cơ quan Đảng và Nhà nước từ nhiệm vụ trung tâm của mình định kỳ cung cấp thông tin liên quan đến nhu cầu tư vấn chính sách, thông qua đấu thầu dự án, mua sắm dịch vụ, ủy thác trực tiếp, hợp tác nghiên cứu... để hướng dẫn các think tanks triển khai các hoạt động nghiên cứu chính sách, đánh giá chính sách và tuyên truyền chính sách; tăng cường sự tương tác và trao đổi giữa các cơ quan nghiên cứu chính sách thuộc các cơ quan Đảng và Nhà nước với các think tanks, coi trọng việc vận dụng thành quả nghiên cứu của các think tanks. Cùng với chủ trương phát triển cân bằng và đồng bộ các loại hình think tanks, Đảng và Nhà nước Trung Quốc đã đề ra quy hoạch xây dựng think tanks chất lượng cao với mục tiêu là xây dựng 100 think tanks điển hình, hoạt động với chất lượng cao; trong đó hỗ trợ để Trường Đảng Trung Quốc, Viện Khoa học Trung Quốc, Viện Khoa học xã hội Trung Quốc, Viện Công trình

Trung Quốc, Trung tâm Nghiên cứu phát triển của Quốc vụ viện, Học viện Hành chính quốc gia... trở thành những think tanks chất lượng cao. Trung Quốc cũng đã thí điểm xây dựng 15 think tanks chất lượng cao.

- *Cải cách thể chế quản lý đối với tổ chức và hoạt động của think tanks.* Về bản chất, việc xây dựng và phát huy vai trò của think tanks được thực hiện như thế nào phụ thuộc rất lớn vào việc giải quyết tốt mối quan hệ giữa nhà nước - thị trường và xã hội, nhất là chuyển đổi chức năng của nhà nước và đổi mới phương thức thực hiện chức năng của nhà nước. Do đó, để xây dựng và phát huy vai trò của think tanks trong đời sống chính trị, Đảng Cộng sản Trung Quốc nhấn mạnh việc đi sâu cải cách thể chế quản lý của nhà nước đối với tổ chức và hoạt động của các think tanks theo hướng: (i) cải cách thể chế quản lý đối với từng loại think tanks; tăng cường trách nhiệm chỉ đạo vĩ mô của nhà nước đối với think tanks thông qua quy hoạch phát triển, chính sách phát triển và điều tiết sự phát triển hài hòa, đồng bộ của các loại hình think tanks; đổi mới phương thức quản lý, hình thành cơ chế quản lý vừa đảm bảo để think tanks hoạt động đúng phương hướng, vừa có lợi cho việc phát triển tự chủ của think tanks; (ii) đi sâu cải cách thể chế nghiên cứu với các nội dung như khích lệ think tanks hợp tác nghiên cứu với các cơ quan, tổ chức; nâng cao tính hiệu quả và tính thiết thực của công tác nghiên cứu; kiện toàn thể chế ủy thác và đấu thầu

nghiên cứu các dự án, đề tài khoa học; coi trọng nghiên cứu lý luận chính sách và khoa học liên ngành, thúc đẩy đổi mới phương pháp nghiên cứu, công cụ phân tích chính sách; xây dựng kho dữ liệu thông tin dùng chung và liên thông để hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu và tư vấn chính sách; (iii) đi sâu cải cách thể chế quản lý kinh phí theo hướng thiết lập cơ chế quản lý kinh phí hiệu quả, công khai, minh bạch cũng như tăng cường giám sát hoạt động dự toán và sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học; (iv) đi sâu cải cách cơ chế đánh giá thành quả nghiên cứu và ứng dụng, chuyển hóa kết quả nghiên cứu theo hướng hoàn thiện biện pháp đánh giá lấy mức độ đổi mới của nghiên cứu, chất lượng nghiên cứu và cống hiến thực tế làm định hướng, kết hợp hệ thống chỉ tiêu đánh giá của nhiều bên, nhất là đánh giá của khách hàng, đánh giá của những người cùng lĩnh vực và đánh giá của xã hội; thiết lập thể chế báo cáo thành quả nghiên cứu của think tanks cũng như thông qua các phương thức khác nhau để ứng dụng các kết quả nghiên cứu của think tanks; (v) đi sâu cải cách cơ chế hợp tác giao lưu với bên ngoài theo hướng thiết lập cơ chế hợp tác và giao lưu với các think tanks nổi tiếng trên thế giới, triển khai các dự án hợp tác nghiên cứu với các đối tác nước ngoài; tiếp nhận các chuyên gia giỏi ở nước ngoài vào làm việc trong các think tanks; coi trọng công tác bồi dưỡng ngoại ngữ cho đội ngũ chuyên gia công tác trong các think tanks, tạo điều kiện thuận lợi để

think tanks và đội ngũ chuyên gia công tác trong các think tanks tham gia các hoạt động giao lưu với bên ngoài, coi trọng học tập những kinh nghiệm tiên tiến của think tanks nước ngoài.

- *Tăng cường vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng và trách nhiệm của chính quyền các cấp trong xây dựng think tanks.* Trong công cuộc cải cách, Trung Quốc đặc biệt nhấn mạnh trách nhiệm của cấp ủy đảng và chính quyền trong việc coi trọng xây dựng think tanks; coi nhiệm vụ xây dựng think tanks với tư cách là một trong những nội dung quan trọng để thúc đẩy cầm quyền khoa học và hành chính pháp quyền cũng như tăng cường niềm tin của người dân đối với nhà nước. Từ việc nhấn mạnh trách nhiệm của cấp ủy Đảng và chính quyền trong xây dựng think tanks, Trung Quốc còn yêu cầu phải đầu tư và hỗ trợ nguồn lực tài chính đủ mức cho tổ chức và hoạt động của think tanks; tăng cường xây dựng đội ngũ nhân tài cho các think tanks thông qua việc xây dựng quy hoạch bồi dưỡng nhân tài cho các think tanks trình độ cao; thúc đẩy sự liên thông về nhân tài giữa cơ quan Đảng, Nhà nước với các think tanks, giới thiệu chuyên gia trong các think tanks đến công tác trong cơ quan Đảng và Nhà nước; tăng cường xây dựng tinh thần nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp và nâng cao trách nhiệm xã hội cho các chuyên gia trong các think tanks.

- *Tạo môi trường cạnh tranh công bằng trong và giữa các loại think tanks.* Trong công cuộc cải cách, think tanks ở Trung Quốc phát triển theo hướng đa dạng về loại hình. Tức là ngoài think tanks của Đảng, Nhà nước và quân đội, còn có think tanks của các trường đại học, think tanks của doanh nghiệp và think tanks của các tổ chức xã hội. Tuy nhiên, nhìn tổng thể thì think tanks của Đảng, Nhà nước, quân đội và các trường đại học vẫn được ưu ái hơn trong hoạt động, trong khi đó sự tham gia của think tanks của doanh nghiệp và xã hội đối với quá trình hoạch định chính sách của Đảng và Nhà nước chưa đáp ứng được yêu cầu. Trước thực tế đó, Trung Quốc nhấn mạnh cần tạo lập cơ chế để phát huy đầy đủ vai trò của think tanks doanh nghiệp và think tanks xã hội; đồng thời, nhấn mạnh việc công khai, minh bạch đấu thầu thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu và trong mua sắm dịch vụ tư vấn chính sách theo hướng “mở” với tất cả các think tanks; coi trọng kết quả tư vấn, đánh giá của các think tanks khác nhau¹.

- Tạo môi trường thuận lợi để think tanks thể hiện một cách công khai kết quả nghiên cứu, tư vấn cũng như nêu quan điểm của mình đối với các vấn đề quan trọng trong đời sống chính trị - xã hội. “Tự do tư tưởng” của chuyên

1. Văn phòng Trung ương Đảng và Văn phòng Quốc vụ viện Trung Quốc: “Ý kiến về tăng cường xây dựng think tanks theo mô hình mới đặc sắc Trung Quốc”, truy cập http://www.gov.cn/xinwen/2015-01/20/content_2807126.htm, 2015.

gia và think tanks sẽ bị hạn chế nếu chuyên gia và think tanks không có môi trường để thể hiện một cách công khai quan điểm, chính kiến của mình trước các vấn đề quan trọng thuộc đời sống chính trị - xã hội. Sự thể hiện công khai quan điểm của mình cũng như sự phản biện lẫn nhau, “va đập” lẫn nhau về quan điểm giữa các chuyên gia và think tanks là một yêu cầu không thể thiếu gop phần “tìm ra chân lý” cũng như nâng cao hiệu quả và chất lượng hoạt động của think tanks. Chính vì lẽ đó, Trung Quốc đã có nhiều nỗ lực nhằm tạo ra môi trường thuận lợi để đảm bảo quyền tự do trong học thuật, nghiên cứu cũng như trong nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn của chuyên gia và think tanks. Khích lệ các chuyên gia và think tanks thông qua cổng thông tin điện tử, hội thảo khoa học, hội nghị tư vấn, báo chí và truyền thông đại chúng, xuất bản sách, tạp chí... để thể hiện công khai ý kiến, chính kiến của mình đối với những vấn đề quan trọng cũng như bao dung, khoan dung đối với những người có ý kiến khác. Phát biểu tại Hội nghị gấp gõ với trí thức tiêu biểu toàn quốc (tháng 4/2017), Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình đã phát biểu: “Sự nghiệp vĩ đại đòi hỏi cần coi trọng hơn tri thức và đội ngũ trí thức, càng đòi hỏi đội ngũ trí thức cống hiến nhiều hơn cho sự nghiệp quốc gia giàu mạnh, phục hưng dân tộc và hạnh phúc của nhân dân. Toàn xã hội cần phải quan tâm đến đội ngũ trí thức, tôn trọng đội ngũ trí thức. Cần tin tưởng đội ngũ trí thức, đổi mới công

việc và quyết sách quan trọng cần trưng cầu ý kiến và kiến nghị của đội ngũ trí thức. Đối với những ý kiến và phê bình của đội ngũ trí thức, chỉ cần xuất phát điểm là tốt và trong sáng thì cần phải nhiệt thành hoàn nghênh và tiếp nhận, không được “chụp mũ”. Ngay cả đối với ý kiến cá biệt chưa thật chuẩn xác, thậm chí sai lầm cũng cần khoan dung và bao dung nhiều hơn¹. Quan điểm “không có vùng cấm” trong hoạt động của think tanks được nêu lên trong văn bản về tăng cường xây dựng think tanks theo mô hình mới đặc sắc Trung Quốc đã thể hiện tập trung cho điều này.

Thứ ba, kiện toàn thể chế quyết sách theo hướng mở và dân chủ là điều kiện tiên quyết để phát huy vai trò của think tanks trong đời sống chính trị. Có thể nói, khu vực công có nhu cầu thật sự trong tư vấn chính sách hay không, quá trình hoạch định chính sách có “mở” hay không, có dân chủ hay không là yếu tố quyết định để think tanks phát huy vai trò của mình trong quá trình chính sách công cũng như trong đời sống chính trị. Nếu think tanks phát triển nhưng khu vực công (Đảng và Nhà nước) không có nhu cầu thật sự đổi mới tư vấn chính sách của think tanks, “kinh nghiệm chủ nghĩa”, “độc quyền chân lý” trong hoạch định chính sách,

1. Tập Cận Bình: “Cân khoan dung và bao dung nhiều hơn đối với những ý kiến phê bình đến từ đội ngũ trí thức”, truy cập <http://news.163.com/17/0305/09/CEOLIP0P000187VI.html>, ngày 20/6/2017.

thiếu cơ chế để think tanks tham gia vào quá trình chính sách thì think tanks rất khó thể hiện đầy đủ vai trò và sự ảnh hưởng của mình. Ý thức được điểm này nên một trong những phương thức để Trung Quốc phát huy vai trò của think tanks trong quá trình chính sách công cũng như trong đời sống chính trị, đó là từ yêu cầu “quyết sách khoa học” để thiết lập nền cơ chế dân chủ và mở trong quá trình chính sách công. Cụ thể là:

- *Thực hiện công khai thông tin trong hoạt động của khu vực công, nhất là trong hoạt động của nhà nước* theo hướng nhấn mạnh trách nhiệm chủ động cung cấp thông tin cho xã hội của chính phủ, tăng cường tính chính xác và tính kịp thời trong cung cấp thông tin, hoàn thiện trình tự và phương thức công khai thông tin của chính phủ; mở rộng kênh công khai thông tin của chính phủ nhằm tạo thuận lợi cho các think tanks tiếp cận thông tin. Đặc biệt, với phương châm “làm cho quyền lực vận hành dưới ánh sáng mặt trời”, Trung Quốc luôn nhấn mạnh việc công khai, minh bạch trong quá trình chính sách, nhất là trong hoạch định chính sách nhằm đảm bảo tốt sự tham gia và giám sát của xã hội, trong đó có think tanks.

- *Hoàn thiện thể chế trưng cầu và lấy ý kiến đối với các chính sách, quyết sách quan trọng.* Theo đó, Trung Quốc quy định, đối với những chủ trương, chính sách, quyết sách liên quan đến lợi ích công và lợi ích thiết thân của quần chúng

nhân dân, cần phải thông qua các hình thức như hội nghị lắng nghe ý kiến, tọa đàm, hội nghị phản biện... để lắng nghe và tiếp nhận ý kiến, kiến nghị của các think tanks, tăng cường mức độ minh bạch trong quá trình xây dựng chính sách cũng như mức độ tham gia của người dân; khích lệ các cơ quan Đảng, Nhà nước, Chính hiệp triển khai hợp tác nghiên cứu với các think tanks; thiết lập cơ chế phản hồi của cơ quan hoạch định, xây dựng chính sách đối với các ý kiến tư vấn của think tanks, thúc đẩy sự tương tác hiệu quả giữa cơ quan xây dựng chính sách của chính phủ với các think tanks.

- *Thiết lập và kiện toàn thể chế đánh giá chính sách.* Theo đó, Trung Quốc quy định, trước khi quyết định phương án cải cách quan trọng, biện pháp chính sách lớn, công trình và dự án lớn, cần phải lấy ý kiến phản biện về tính khả thi cũng như đánh giá rủi ro trên các phương diện về ổn định xã hội, môi trường và kinh tế, coi trọng sử dụng kết quả đánh giá, tổng hợp của các think tanks khác nhau; tăng cường đánh giá tình hình thực thi chính sách, hiệu quả thực thi chính sách và ảnh hưởng xã hội của việc thực thi chính sách; thiết lập thể chế phản hồi, công khai, vận dụng ý kiến đánh giá của think tanks; thực hiện mô thức đánh giá chính sách kết hợp giữa đánh giá bên trong chính phủ và đánh giá của think tanks nhằm tăng cường tính khách quan và tính khoa học của kết quả đánh giá.

- Thiết lập thể chế mua sắm dịch vụ tư vấn quyết sách của think tanks. Trung Quốc quy định, báo cáo tư vấn, phương án chính sách, thiết kế quy hoạch và dữ liệu điều tra của think tanks đều phải đưa vào phạm vi và danh mục mua sắm dịch vụ của chính phủ; thực hiện công khai, cạnh tranh trong đấu thầu mua sắm dịch vụ tư vấn.

Thứ tư, coi trọng việc xây dựng và nâng cao năng lực tự thân của các think tanks. Trong hoạt động và phát huy vai trò của mình, môi trường tốt và cơ chế quyết sách “mở” và dân chủ của khu vực công tuy rất quan trọng, nhưng mới chỉ là điều kiện cần. Điều kiện đủ còn là năng lực hoạt động của think tanks. Chính vì vậy, bản thân mỗi think tanks coi trọng xây dựng năng lực tự thân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Trên thực tế, để bảo đảm hiệu quả hoạt động, mỗi think tanks cần bảy yếu tố cơ bản¹: tư tưởng, vấn đề, trách nhiệm, chiến lược, nhân tài, mạng lưới và xác định rõ thế mạnh trong lĩnh vực hoạt động. Nói cụ thể, trong hoạt động của mình, think tanks cần: (i) phát hiện được những vấn đề lớn trong thực tiễn đang cản trở sự phát triển xã hội và có sự phân tích một cách thuyết phục và sâu sắc về nguyên nhân của những vấn đề đó; (ii) trên cơ sở đó, đề xuất được

1. Nguyễn Trọng Bình: “Phát huy vai trò của tổ chức tư vấn, nghiên cứu chính sách trong lĩnh vực chính sách công”, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 4, 2016.

lý luận, chủ trương mới và độc lập, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại và phù hợp với điều kiện cụ thể; đồng thời, lý luận và chủ trương mới do think tanks đề ra cần tạo ra được sự ảnh hưởng rộng rãi đối với xã hội; (iii) think tanks phải đề cao trách nhiệm xã hội, trách nhiệm công, có tình cảm và ý thức trách nhiệm mãnh liệt đối với sự phát triển và tiến bộ của xã hội, sự phát triển của đất nước và đời sống của người dân; (iv) think tanks cần quan tâm và tập trung phân tích những vấn đề lớn, vĩ mô và dài hạn, từ đó đề xuất được kiến nghị chính sách có tính “vượt trước” và “đón đầu”. Think tanks là “kênh” bổ sung quan trọng về nhiều mặt cho cơ quan hoạch định chính sách, đưa ra được kiến nghị chính sách mang tính khung khổ cho đổi mới và phát triển; (v) đối với think tanks, cơ sở vật chất và kinh phí hoạt động là quan trọng, nhưng quan trọng hơn cả là nhân tài. Vì thế, việc thu hút, tập hợp và sử dụng nhân tài của think tanks có ý nghĩa quyết định đối với hoạt động của think tanks; (vi) think tanks cần xây dựng mạng lưới quan hệ ổn định với các cơ quan hoạch định chính sách, các think tanks ở trong và ngoài nước, truyền thông đại chúng và các tổ chức xã hội; (vii) mỗi think tank cần tập trung vào lĩnh vực sở trường và thế mạnh, xác định rõ định hướng giá trị và lĩnh vực ảnh hưởng của mình. Ý thức được vai trò của việc tự xây dựng năng lực, các think tanks ở Trung Quốc cũng rất coi trọng

việc đổi mới về mọi mặt nhằm nâng cao năng lực hoạt động của mình. Cụ thể là:

- *Ý thức rõ hơn vị trí, vai trò và trách nhiệm của mình.*

Theo đó, các think tanks ở Trung Quốc ngày càng ý thức rõ hơn hoạt động của mình không chỉ là “hỗ trợ quyết sách” cho Đảng, Nhà nước, mà còn thể hiện và bảo vệ lợi ích công, từ đó nỗ lực cung cấp nghiên cứu, tư vấn một cách khoa học, khách quan và độc lập; kiên trì đặt lợi ích quốc gia lên trên hết, nỗ lực phục vụ sự phát triển của đất nước và tiến bộ xã hội; coi trọng tinh thần công, nhất là quan tâm và thể hiện lợi ích, nguyện vọng của các nhóm yếu thế trong xã hội; góp phần nâng cao vị thế, hình ảnh quốc gia trên trường quốc tế.

- *Hoàn thiện cơ chế quản lý nhân tài trong các think tanks.* Việc có được đội ngũ nhân tài là yếu tố quyết định nâng cao hiệu quả và chất lượng hoạt động của think tanks. Ở phương diện này, các think tanks Trung Quốc chú trọng thực hiện một số giải pháp, như: (i) thu hút nhân tài ở trong nước và nước ngoài vào làm việc trong các think tanks thông qua chế độ thi tuyển chặt chẽ và công khai; (ii) bố trí, sử dụng người thật sự tài năng làm lãnh đạo, quản lý trong các think tanks; (iii) coi trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân tài thông qua nhiều hình thức, nhất là tạo điều kiện để các chuyên gia tham gia nhiều vào các hoạt động giao lưu học thuật ở trong và ngoài nước; (iv) thực hiện chế độ đánh giá hiệu quả làm việc dựa trên kết quả làm việc và cống

hiến của chuyên gia; (v) trả lương và chế độ đãi ngộ rất cao cho các chuyên gia (bao gồm việc chấp nhận trả mức lương cho các chuyên gia nước ngoài đang làm việc ở Trung Quốc theo mức lương của thế giới).

- *Thông qua nhiều phương thức để thể hiện, công bố thành quả nghiên cứu, quan điểm và tư tưởng của mình.* Việc tìm kiếm phương thức hợp lý để thể hiện ra công chúng và xã hội kết quả, thành quả nghiên cứu của mình có ý nghĩa rất quan trọng đối với think tanks. Ở phương diện này, các think tanks Trung Quốc rất coi trọng việc xuất bản tạp chí, xuất bản phẩm cũng như cổ vũ chuyên gia công bố các bài viết trên các tạp chí khác nhau; thông qua truyền thông đại chúng, cổng thông tin điện tử và mạng xã hội để thể hiện, công bố thành quả nghiên cứu cũng như quan điểm của mình.

- Đổi mới tổ chức bộ máy theo mô hình hoạt động của think tanks hiện đại và tăng cường hợp tác giữa think tanks với khu vực công, doanh nghiệp và các think tanks khác. Để khắc phục sắc thái tổ chức hành chính trong hoạt động của mình, một số think tanks ở Trung Quốc đã cải tổ tổ chức bộ máy theo mô hình hoạt động của think tanks hiện đại trên thế giới. Bên cạnh đó, các think tanks cũng rất chú trọng việc tăng cường hợp tác với các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp và các think tanks khác, thông qua mạng internet, hợp tác nghiên cứu, phối hợp tổ chức hội

thảo khoa học... để tăng cường sự hợp tác đa ngành, đa lĩnh vực và theo chiều dọc.

Thứ năm, đổi mới cơ chế tài chính nhằm bảo đảm nguồn lực tài chính cho hoạt động của think tanks; tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng về thông tin cho think tanks và nâng cao sức ảnh hưởng quốc tế của think tanks. Nguồn lực tài chính có vai trò quan trọng trong hoạt động của think tanks. Chính vì vậy, để phát triển và phát huy vai trò của think tanks, Trung Quốc rất chú trọng việc đổi mới cơ chế tài chính theo hướng đa dạng hóa nguồn tài chính cho hoạt động của think tanks. Theo đó, ngoài việc tăng cường đầu tư trực tiếp tài chính cho hoạt động của think tanks thông qua quỹ phát triển think tanks, Chính phủ Trung Quốc còn nới lỏng hạn mức xã hội tài trợ, đóng góp cho hoạt động của think tanks, thông qua chính sách ưu đãi, miễn thuế để khích lệ doanh nghiệp và các tổ chức xã hội cũng như cá nhân tham gia đóng góp, quyên góp tài chính cho hoạt động của think tanks. Ngoài đổi mới chính sách tài chính, Trung Quốc còn tăng cường việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng về thông tin và dữ liệu thông tin cho các think tanks; đảm bảo để các think tanks kết nối và tiếp cận được với kho dữ liệu thông tin của khu vực công để phục vụ cho hoạt động của mình. Bên cạnh đó, Trung Quốc cũng coi trọng việc nâng cao sức ảnh hưởng của think tanks trong nước trên trường quốc tế thông qua các phương thức như, khuyến khích của think tanks quan tâm đến các vấn

để toàn cầu, tăng cường đặt hàng để các think tanks nghiên cứu các vấn đề chung trên toàn cầu, khuyến khích các think tanks chiêu mộ các chuyên gia giỏi trên thế giới đến làm việc trong các think tanks ở Trung Quốc; thúc đẩy giao lưu, hợp tác với các think tanks trên thế giới; bồi dưỡng và nâng cao năng lực hợp tác quốc tế cho các chuyên gia đang hoạt động trong các think tanks; ủng hộ và khuyến khích các think tanks trong nước công bố kết quả nghiên cứu của mình trên các tạp chí quốc tế; xây dựng chi nhánh, văn phòng đại diện của think tanks Trung Quốc ở một số nước trên thế giới để phục vụ cho hoạt động của think tanks.

3. Phân loại think tanks ở Trung Quốc hiện nay

Đến nay, các nhà nghiên cứu ở phương Tây cũng đã đưa ra cách phân loại khác nhau đối với think tanks. Chẳng hạn, dựa theo tiêu chí về nguồn gốc tài chính, họ phân loại think tanks thành 7 loại hình: (i) think tanks thuộc đảng chính trị; (ii) think tanks thuộc các cơ quan nhà nước hoặc chính phủ; (iii) think tanks độc lập, tức độc lập với chính phủ, các nhóm lợi ích và với tổ chức và cá nhân cung cấp kinh phí cho hoạt động của nó; (iv) think tanks mang tính “bán quan phương”, phần nhiều là dựa vào ký kết hợp đồng với chính phủ và doanh nghiệp để triển khai hoạt động nghiên cứu; (v) think tanks “bán độc lập”, kinh phí hoạt động chủ yếu dựa vào đoàn thể xã hội hay nhóm lợi ích nào đó hoặc

cá nhân cung cấp kinh phí; (vi) think tanks thuộc trường đại học, kinh phí hoạt động do trường đại học cung cấp hoặc từ các nguồn khác; (vii) think tanks của doanh nghiệp, kinh phí hoạt động của nó do doanh nghiệp bảo đảm. Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu ở Trung Quốc cho rằng, nếu dựa trên cách phân loại của các học giả phương Tây thì rất khó phản ánh đầy đủ đặc điểm của Trung Quốc. Chính vì vậy, từ thực tiễn của Trung Quốc, các nhà nghiên cứu của Trung Quốc cũng đã đưa ra sự phân loại đối với think tanks ở Trung Quốc.

Trong cuốn *Danh mục các think tanks ở Trung Quốc* xuất bản năm 2015, hai tác giả Shu Guang và Cai Ji-hui đã phân loại think tanks ở Trung Quốc thành 6 loại: (i) think tanks của chính phủ; (ii) think tanks của Đảng; (iii) think tanks thuộc các Viện nghiên cứu; (iv) think tanks thuộc trường đại học; (v) think tanks xã hội; (vi) think tanks hợp tác¹. Trong “*Báo cáo về think tanks Trung Quốc năm 2015 - xếp hạng mức độ ảnh hưởng và kiến nghị chính sách*”, Trung tâm Nghiên cứu về think tanks thuộc Viện Khoa học xã hội Thượng Hải lại phân loại think tanks ở Trung Quốc thành 4 loại: (i) think tanks của Đảng, Nhà nước và quân đội; (ii) think tanks của các viện nghiên cứu; (iii) think tanks của các

1. Shu Guang, Cai Ji-hui: *Danh mục các think tanks ở Trung Quốc*, Nxb. Văn hiến khoa học xã hội Trung Quốc, Bắc Kinh, 2015.

trường đại học; (iv) think tanks xã hội¹. Từ thực trạng của think tanks ở Trung Quốc hiện nay, hai tác giả Cui Shu-Yi và Yang Jin-Wei phân loại think tanks ở Trung Quốc thành 5 loại: (i) think tanks của Đảng, Nhà nước và quân đội; (ii) think tanks của Viện Khoa học xã hội; (iii) think tanks của trường đại học (iv) think tanks của doanh nghiệp; (v) think tanks của xã hội². Tuy không đưa ra sự phân loại chính thức, nhưng trong “Ý kiến về tăng cường xây dựng think tanks theo mô hình mới đặc sắc Trung Quốc”, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đề cập đến các loại think tanks, như think tanks thuộc cơ quan Đảng và Nhà nước (điển hình là Viện Khoa học xã hội, Trường Đảng Trung ương, Học viện Hành chính quốc gia (gần đây được sáp nhập vào Trường Đảng Trung ương); think tanks của trường đại học; think tanks của doanh nghiệp; think tanks của xã hội. Tuy có nhiều cách phân loại khác nhau, song quan điểm phổ biến cho rằng, hiện nay Trung Quốc có các loại hình think tanks sau: (i) think tanks bán quan phương (trong “Ý kiến về tăng cường xây dựng think tanks theo mô hình mới

1. Trung tâm Nghiên cứu về think tanks thuộc Viện Khoa học xã hội Thượng Hải: *Báo cáo về think tanks Trung Quốc năm 2015 - xếp hạng mức độ ảnh hưởng và kiến nghị chính sách*, Thượng Hải, Trung Quốc, 2016, truy cập www.ctts.sass.org.cn, ngày 18/8/2019.

2. Cui Shu-Yi, Yang Jin-Wei: *Xây dựng Think tanks theo mô hình mới: Lý luận và thực tiễn*, Sđd.

đặc sắc Trung Quốc” của Đảng Cộng sản Trung Quốc thì think tanks bán quan phương gồm các loại như: think tanks thuộc cơ quan Đảng, Nhà nước, Học viện Khoa học xã hội, Trường Đảng Trung ương và địa phương, think tanks quân đội); (ii) think tanks của các trường đại học; (iii) think tanks xã hội (trong “Ý kiến về tăng cường xây dựng think tanks theo mô hình mới đặc sắc Trung Quốc” do Đảng Cộng sản Trung Quốc ban hành thì think tanks xã hội chính là think tanks do doanh nghiệp thành lập và think tanks do các đoàn thể xã hội thành lập).

- Về think tanks bán quan phương

Trước hết là những think tanks thuộc cơ quan Đảng, Nhà nước và quân đội (党政军智库). Đây là những think tanks tồn tại như một bộ phận của chính quyền. Các tổ chức này chịu trách nhiệm soạn thảo các đạo luật và thực hiện cố vấn cho chính quyền và các nhà hoạch định chính sách trong các cơ quan chính phủ và quân đội. Họ được coi là những tác nhân chiến lược liên quan đến môi trường ra quyết định ở Trung Quốc và ảnh hưởng của họ có thể thay đổi tùy thuộc vào mức độ gần gũi với hệ thống chính trị. Các think tanks liên kết với Quốc vụ viện, chẳng hạn như Văn phòng Nghiên cứu của Quốc vụ viện (The Research Office of the State Council) và Văn phòng Tư vấn của Quốc vụ viện (The Counsellors' Office of the State Council),

được Chính phủ Trung Quốc coi là các tổ chức tư vấn cốt lõi. Họ “tham gia vào việc cân nhắc và điều hành các công việc của chính phủ, đồng thời đưa ra lời khuyên và đề xuất về các vấn đề quan trọng của nhà nước”¹.

Một tổ chức nghiên cứu chính sách khác trực thuộc Đảng Cộng sản Trung Quốc là Trường Đảng Trung ương (The Central Party School). Được thành lập vào năm 1933, với tên gọi ban đầu là Trường Chủ nghĩa cộng sản Mác-xít, ngày nay Trường được coi là một trong những think tanks có uy tín nhất ở Trung Quốc đương đại. Các chủ đề nghiên cứu chính của Trường Đảng luôn liên quan đến việc kiểm nghiệm các lý thuyết của Chủ nghĩa Mác, Xã hội chủ nghĩa và Cộng sản; và trong những năm gần đây đã mở rộng trọng tâm về chính trị quốc tế. Trường Đảng Trung ương còn là nơi đào tạo các cán bộ cấp cao cho Đảng Cộng sản Trung Quốc. Đây được xem như là think tanks thuộc thế hệ đầu tiên ở Trung Quốc.

Cục Biên tập và Dịch thuật Trung ương (The Central Compilation and Translation Bureau - CCTB) được thành lập năm 1953 cũng được xem là một think tank “bán quan phương” quan trọng khi nó đảm nhận nhiệm vụ biên soạn,

1. Yang Ye: “Feasible Paths of Development for Think Tanks in China”, in trong Friedrich Ebert Stiftung: *Think Tanks in Policy making - Do They Matter?* Briefing Paper Shanghai, Special Issue, 2011, p. 25.

dịch thuật và nghiên cứu các tác phẩm cổ điển của Chủ nghĩa Mác; đồng thời chuẩn bị các bản dịch ra tiếng nước ngoài các thông báo công khai của Đảng, cũng như các văn kiện chính của Đại hội Đảng toàn quốc, Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc và Ủy ban toàn quốc của Hội nghị hiệp thương nhân dân. Khi nghiên cứu và theo dõi hoạt động của Cục Biên dịch và dịch thuật Trung ương, Tiến sĩ Ngeow Chow Bing nhận thấy, chủ nghĩa tư bản đã “đi đầu trong việc đưa ra nhiều ý tưởng, và một số ý tưởng này đã thâm sâu vào suy nghĩ của các quan chức trong việc xây dựng và hoạch định chính sách, có thể được thấy trong các văn kiện chính thức của Đảng, với diễn ngôn của nó ngày càng thâm nhuần các thuật ngữ và khái niệm học thuật. Theo nghĩa này, chủ nghĩa tư bản không chỉ giới hạn ở đầu vào chính sách trực tiếp; nó cũng đang định hình các dòng suy nghĩ chung”¹.

Đối với các think tanks quân sự hiện nay ở Trung Quốc chủ yếu được tổ chức và lãnh đạo bởi Quân đội Giải phóng Nhân dân (People's Liberation Army - PLA) là lực lượng duy trì “một tập hợp các cơ quan nghiên cứu nội bộ và liên kết của riêng mình, thực hiện nhiều chức năng tình báo, trao

1. Ngeow Chow Bing: “From Translation House to Think Tank: The Changing Role of the Chinese Communist Party’s Central Compilation and Translation Bureau”, *Journal of Contemporary China* 24 (93), 2015, pp. 571-572.

đổi và nghiên cứu”¹. Các think tanks liên quan đến các vấn đề quân sự không phải đều giống nhau. Họ có thể khác nhau tùy theo các tổ chức mà họ liên kết, như các think tanks liên kết với Học viện Khoa học quân sự sẽ tập trung vào các vấn đề chiến tranh. Các think tanks quân sự có thể chia thành những loại hình như các tổ chức phân tích tình báo, các tổ chức nghiên cứu vũ khí và kiểm soát vũ khí, các tổ chức nghiên cứu liên quan đến trao đổi quân sự.

Trong hệ thống loại hình think tanks bán quan phương không thể không nhắc đến Viện Khoa học xã hội Trung Quốc (The Chinese Academy of Social Sciences - CASS). Đây được xem như một trong những ví dụ điển hình nhất về một tổ chức nghiên cứu chính sách mang đặc trưng Trung Quốc. Viện Khoa học xã hội Trung Quốc hiện có 6 đơn vị thực hiện chức năng đào tạo; có 35 viện nghiên cứu và 88 trung tâm nghiên cứu và 3 nhà xuất bản thành viên. Đơn vị này có tổng số 4.200 người đang làm việc. Theo báo cáo, hằng năm ngoài nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, Viện này được Đảng và Nhà nước Trung Quốc chỉ định thực hiện từ 10 đến 20 nhiệm vụ tư vấn chính sách. Viện này được giám sát về mặt tư tưởng bởi Ban Tuyên truyền Trung ương, các nhà khoa học ở đây chỉ

1. Bates Gill, James Mulvenon: Chinese Military - Related Think Tanks and Research Institutions, *The China Quarterly* 171, 2002, p. 617.

tuân theo đường lối của Đảng và việc xây dựng nghiên cứu bị quy định ở nhiều mức độ khác nhau.

- Về think tanks hàn lâm gắn với các trường đại học

Các think tanks trường đại học là những tổ chức nghiên cứu hàn lâm liên kết với các khoa thuộc trường đại học hoặc trung tâm nghiên cứu trực tiếp dưới sự kiểm soát của ngành giáo dục. Ở Trung Quốc thường gọi đây là những think tanks dựa trên trường đại học (高教智库). Đặc điểm chính của các think tanks này là họ trực thuộc hoặc liên kết với một khoa của trường đại học và thường xuyên tham gia vào các hoạt động nghiên cứu chính sách. Họ có thể cung cấp các tư vấn chính sách mang trình độ chuyên môn cao vì các nhân sự có trình độ (giáo sư, nhà nghiên cứu, nghiên cứu sinh...) sẵn có trong môi trường giáo dục đại học. Mặc dù loại hình think tanks này khá khác biệt và không gắn kết quá chặt chẽ như các think tanks bán quan phương, họ thiếu các kênh thể chế để ảnh hưởng trực tiếp đến việc hoạch định chính sách vì phần lớn các tổ chức này đặt dưới sự giám sát của Bộ Giáo dục, nhưng trong thời gian qua, họ bắt đầu có tiếng nói trong quy trình chính sách ở Trung Quốc thông qua các nhà khoa học hàng đầu là lãnh đạo quản lý các khoa thuộc trường đại học (có thể kể đến như Giáo sư Qin Yaqing tại Đại học Ngoại giao Trung Quốc hay Giáo sư Yan Xuetong tại Đại học Thanh Hoa). Chính thông qua những cá nhân

này, tiếng nói của think tanks đại học đã được cải thiện, tăng mạnh khả năng “quan điểm của họ được lắng nghe”¹.

Trong thế kỷ XXI, với vai trò ngày càng tăng của Trung Quốc trên trường quốc tế, các nhà lãnh đạo ở Bắc Kinh đang chú ý nhiều hơn đến các tổ chức tư vấn, nhưng thậm chí nhiều hơn đến chất lượng của nghiên cứu và tư vấn chính sách mà các tổ chức đó có thể cung cấp. Trong bối cảnh như vậy, những cơ hội mới đã mở ra cho các think tanks ở các trường đại học, với các dịch vụ tư vấn chính sách và các hoạt động học thuật giúp nâng cao vị thế và sự tôn trọng trong mắt các nhà hoạch định chính sách. Do đó, các think tanks nổi tiếng toàn cầu như Carnegie và Brookings Institution đã mở văn phòng chi nhánh tại Trung Quốc, bên cạnh những think tanks mà lâu nay được coi là đáng chú ý ở Trung Quốc, chẳng hạn như Viện Nghiên cứu Chiến lược quốc tế (The Institute of International Strategic Studies) thuộc Đại học Bắc Kinh. Tuy nhiên, mặc dù đã đóng góp rất nhiều vào quá trình quốc tế hóa của các think tanks tại Trung Quốc nhưng ảnh hưởng của các think tanks đại học đến các nhà lãnh đạo nói riêng và nền chính trị Trung Quốc nói chung vẫn còn khá hạn chế.

1. Pascal Abb: “China's Foreign Policy Think Tanks: Institutional Evolution and Changing Roles”, *Journal of Contemporary China*, 24, 2015, p. 543.

- Về các think tanks xã hội

Khác với các loại hình think tanks bán quan phương và think tanks hàn lâm, think tanks xã hội là những tổ chức tư vấn tư nhân và độc lập với chính phủ. Ở Trung Quốc, họ thường có tên gọi là các think tanks dân sự hoặc think tanks phi chính phủ (民间智库). Ưu tiên chính của các tổ chức này là nhu cầu nghiên cứu chính sách công và mở rộng với dân chúng cũng như dư luận thay vì tuân thủ những định hướng nghiên cứu của chính phủ. Hầu hết họ đều được đăng ký với tư cách pháp nhân là tổ chức phi chính phủ (NGO) hoặc doanh nghiệp, như trường hợp của Viện Nghiên cứu giáo dục thế kỷ XXI (21st Century Education Research Institute) hoặc Viện Kinh tế Unirule (Unirule Institute of Economics). Trong những năm gần đây, đặc biệt là từ những năm 2000, nhiều think tanks xã hội mới được thành lập ở Trung Quốc đã tự xem mình là những tổ chức dân sự, trong số đó có Trung tâm Trung Quốc & Toàn cầu hóa (The Center for China & Globalization, 2008) và Viện Charhar (Charhar Institute, 2009), cũng như các think tanks trong lĩnh vực quản lý môi trường như Civic Exchange Hong Kong (2000) và Viện Môi trường toàn cầu (The Global Environmental Institute-GEF - 2004) ở Bắc Kinh. Trong môi trường chính trị Trung Quốc, phần lớn các tổ chức think tanks xã hội đều vận hành và thực hiện các hoạt động của họ trên cơ sở sự

hợp tác với Đảng, Nhà nước và các cơ quan chính phủ thay vì sử dụng cách tiếp cận đổi mới.

Top 10 think tanks hàng đầu Trung quốc hiện nay¹

1. China Institutes of Contemporary International Relations (CICIR)
2. Development Research Center of the State Council (DCR)
3. Chinese Academy of Social Sciences (CASS)
4. China Institute of International Studies (CIIS)
5. Center for China and Globalization (CCG)
6. Carnegie China Center, Tsinghua University
7. Brookings Center, Tsinghua University
8. Institute of International and Strategic Studies (IISS)
9. Unirule Institute for Economics (UIE)
10. China Finance 40 Forum (CF40)

1. James G. McGann: 2019 *The Global Go to Think Tank Index Report*, The Think tanks and Civil Societies Program, *Ibid*, pp.92-93.

Chương IV



THINK TANKS TRONG ĐỜI SỐNG CHÍNH TRỊ NHẬT BẢN

1. Quá trình hình thành và phát triển của think tanks ở Nhật Bản

Sự phát triển của các think tanks ở Nhật Bản thực sự nổi lên từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai và đặc biệt là từ những năm 1970 - thời kỳ mà đất nước này đạt đến đỉnh cao của sự phát triển kinh tế. Trước đó, think tanks ở Nhật Bản chỉ được biết đến là Cơ quan nghiên cứu đường sắt Mãn Châu - vốn được coi là ông tổ think tanks ở Nhật Bản. Theo Giáo sư Kobayashi Hideo, Đại học Waseda, khi được thành lập năm 1907, nhiệm vụ của think tank này là hoạch định kế hoạch xây dựng hệ thống đường sắt ở Mãn Châu và Hoa Bắc, trên cơ sở đặt dự án này trong nghiên cứu chiến lược toàn diện các mặt kinh tế, chính trị, lịch sử, xã hội, dân tộc học, các vấn đề tổng

hợp Nga - Trung Quốc¹. Đến giai đoạn Nhật chuẩn bị cho Chiến tranh thế giới thứ hai, think tank này đã phát triển đến quy mô hơn 2.000 chuyên gia. Dù vẫn giữ lại cái tên cũ vốn đã thành “thương hiệu”, think tank này đã đóng vai trò là “bộ não” của Nhật Bản, nghiên cứu toàn diện từ Trung Quốc đến các nước Đông Nam Á, chuẩn bị nền tảng khoa học cho chiến lược tổng thể của Nhật Bản giai đoạn này đối với châu Á. Ở thời điểm đó, không nhiều mô hình think tanks như vậy.

Đến tháng 12 năm 1959, JIIA (The Japan Institute of International Affairs - Viện Các vấn đề quốc tế Nhật Bản) được thành lập bởi cựu Thủ tướng Yoshida Shigeru, đồng thời là Chủ tịch đầu tiên của JIIA. Think tank hướng đến việc nghiên cứu và thảo luận. Tuy nhiên, đến tháng 9 năm 1960, nó được sáp nhập với Bộ Ngoại giao. Hầu hết thời kỳ này các think tanks ở Nhật chưa phát triển, chỉ đến đầu thập niên 1970, lịch sử think tanks ở quốc gia này mới được đánh dấu với ba giai đoạn bùng nổ, mang những đặc điểm riêng: Giai đoạn đầu những năm 1970; Giai đoạn sau những năm 1980 và Giai đoạn từ 1990 đến nay.

1. Kobayashi Hideo: “Cơ quan nghiên cứu đường sắt Mãn Châu - sự hình thành và tiêu vong của ông tổ think tanks Nhật Bản”, Tokyo Inshokan, 2005.

Trước hết, năm 1970 được gọi là năm của các think tanks Nhật Bản. Đây cũng là năm Nhật Bản chạm đến đỉnh cao của “sự thần kỳ” trong phát triển kinh tế. Theo đó, nhu cầu về việc có những tư vấn chính sách liên quan đến phát triển kinh tế như vấn đề lao động, doanh nghiệp... đã làm bùng phát các think tanks, đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp. Trung bình, có khoảng 15 think tanks được thành lập mỗi năm trong giai đoạn 1970 - 1975, bao gồm các viện nghiên cứu hàng đầu của Nhật Bản. Trong số các think tanks được thành lập, hầu hết đều là cơ quan tư vấn của các Bộ thuộc Chính phủ hoặc của các tập đoàn công nghiệp tư nhân.

Các think tanks tiêu biểu giai đoạn này gồm: Viện Nghiên cứu Mitsubishi (Mitsubishi Research Institute) được thành lập vào năm 1970 bởi tập đoàn Mitsubishi; Viện Nghiên cứu Nhật Bản (The Japan Research Institute) ra đời vào năm 1970 dưới sự giám sát của Cơ quan Hoạch định Kinh tế và Bộ Công nghiệp và Thương mại liên quốc gia; Trung tâm Nghiên cứu Nikko (The Nikko Security Insurance Group) thành lập năm 1970 dưới sự bảo trợ của Tập đoàn bảo hiểm an ninh Nikko; Trung tâm Phát triển quốc tế Nhật Bản (International Development Center of Japan) thành lập năm 1971 bởi Bộ Tài chính; Viện Nghiên cứu Hitachi (Hitachi Research Institute) thành lập năm 1973 có mối quan hệ chặt chẽ với tập đoàn Hitachi; Viện Nghiên cứu Quốc gia sự tiến bộ nghiên cứu (The National Institute for Research Advancement - NIRAI) thành lập năm 1974. Hầu hết các

viện nghiên cứu trên đều được đặt trụ sở ở Tokyo ngoại trừ Viện Nghiên cứu Kansai của các hệ thống truyền thông (The Kansai Institute of Information Systems (KIIS) thành lập năm 1970 bởi nhóm doanh nghiệp vùng Kansai.

Thời kỳ thứ hai của sự bùng nổ các think tanks ở Nhật Bản được xác định vào khoảng những năm 1985 - 1988. Đây là giai đoạn của các thể chế vì lợi nhuận vốn được tài trợ bởi các ngân hàng lớn, các tập đoàn bảo hiểm và các thể chế tài chính khác vốn hưởng lợi từ sự tăng trưởng kinh tế nhảy vọt trong những năm thập niên 1980. Các think tanks tiêu biểu thời kỳ này gồm: Viện Nghiên cứu Long Term Credit Bank (LTCB) thành lập năm 1983; Viện Nghiên cứu và hiệp hội tư vấn Sanwa (The Sanwa Research Institute and Consulting Corporation) thành lập năm 1985; Viện Nghiên cứu ngân hàng Asahi (The Asahi Bank Research Institute) (1986); Viện Nghiên cứu Sakura (The Sakura Research Institute) (1986); Viện Nghiên cứu Daiwa (The Daiwa Research Institute) (1987); Viện Nghiên cứu nhân văn Dentsu (The Dentsu Institute for Human Studies) (1987); Viện Nghiên cứu của Nippon Life Insurance (NLI-1987); Hiệp hội viện nghiên cứu Fuji (The Fuji Research Institute) và Viện Nghiên cứu ngân hàng Sumitomo (The Sumitomo Trust Bank Research Institute - STB) thành lập năm 1988. Viện Nghiên cứu chính sách quốc tế (The Institute for International Policy Studies IIPS) được thành lập năm 1988 bởi cựu Thủ tướng Yasuhiro Nakasone đã và đang là một trong những think tank có ảnh hưởng nhất tại Nhật Bản. Mục tiêu của nó là duy trì sự

ảnh hưởng của Nakasone đối với chính sách hiện thời ở quốc gia này.

Thời kỳ thứ ba được đánh dấu bởi sự ra đời của Viện Nghiên cứu đô thị (The Urban Institute) vào tạo ra một định nghĩa mới về think tanks ở Nhật Bản bởi đặc điểm của nó là phi lợi nhuận và mang tính độc lập (không phụ thuộc vào các quan chức hay tổ chức nhà nước hay các tập đoàn kinh tế). Cũng kể từ đây, Nhật Bản đã tái định hình lại cộng đồng think tanks từ sau những năm 1990. Viện Chính sách công thế kỷ XXI (the 21st Century Public Policy Institute-21PPI) được tài trợ bởi Liên đoàn các tổ chức kinh tế Nhật Bản Keidanren được thành lập năm 1997; Quỹ Tokyo vốn được tài trợ bởi Quỹ Nippon được thành lập năm 1997 đã giúp cải thiện khả năng nghiên cứu chính sách; tổ chức Sáng kiến Nhật Bản (The Japan Initiative) thành lập năm 1997 là một trong những think tank nghiên cứu chính sách mạnh gồm các cựu công chức trẻ. Những think tanks mới này muốn tạo ra một nền tảng mới của các think tanks dựa trên tiếng nói độc lập với Chính phủ.

Bắt đầu những năm 2000 đến nay, các think tanks ở Nhật Bản có xu hướng thoái trào. Rất nhiều các think tanks đóng cửa cũng như giảm số lượng nhân viên của mình do sự suy giảm của nền kinh tế khiến xu hướng của Chính phủ là thành lập các khoa chuyên ngành về nghiên cứu chính sách trong các trường đại học nhằm tiết kiệm kinh phí. Bên cạnh đó, một xu hướng khác của bối cảnh từ những năm 2000 đến nay

là các think tanks như một bộ phận của Chính phủ. Các Bộ của Nhật Bản bắt đầu thành lập các cơ quan gọi là Dokuritsu-Gyosei-Hojin (Các thể chế hành chính độc lập IAIs - Independent Administration Institutions) nhằm đi theo một xu hướng mới của thế giới là “tư nhân hóa nhà nước”. Đây được hứa hẹn là sẽ mang tới điểm mới cho tiến trình chính sách ở Nhật Bản với những vấn đề gai góc sẽ được nghiên cứu để đưa vào chương trình nghị sự.

Top 10 think tanks hàng đầu Nhật bản hiện nay¹

1. Japan Institute of International Affairs (JIIA)
2. Institute of Developing Economies, Japan External Trade Organization (IDE-JETRO)
3. National Institute for Defense Studies (NIDS)
4. Asian Development Bank Institute (ADBI)
5. Japan Center for International Exchange (JCIE)
6. Institute for International Policy Studies (IIPS)
7. Japan International Cooperation Agency Research Institute (JICA-RI)
8. Japan Institute for International Developmen (JIID)
9. Canon Institute for Global Studies (CIGS)
10. Research Institute of Economy, Trade and Industry (RIETI)

1. James G. McGann: 2019 *The Global Go to Think tanks Index Report*, The Think tanks and Civil Societies Program, *Ibid*, pp.92-93.

Rõ ràng, cùng với những thăng trầm của lịch sử Nhật Bản đã mang tới các nhu cầu tham vấn chính sách khác nhau, nó thể hiện những thay đổi trong mối quan hệ cộng sinh giữa nhà nước với các think tanks, và điều đó làm nên các giai đoạn khác nhau trong tiến trình lịch sử của các think tanks Nhật Bản. Nếu như đỉnh điểm của sự phát triển kinh tế “thần kỳ” Nhật Bản những năm 1970 mang tới nhu cầu về các viện nghiên cứu, những tác nhân phi lợi nhuận thì những năm 1980 làn sóng về nhu cầu có các think tanks đã phát triển ra các tập đoàn tài chính và công ty tư nhân, đến những năm 1990 cùng với xu thế hội nhập, định nghĩa think tanks từ các quốc gia phương Tây đã ảnh hưởng không nhỏ tới Nhật Bản và tạo ra làn sóng thứ ba về các think tanks độc lập với nhà nước. Tuy nhiên, cho đến nay, xu hướng think tanks độc lập với nhà nước vẫn còn rất yếu ớt do những rào cản về văn hóa, thể chế và nó tạo ra đặc trưng của các think tanks ở quốc gia này.

2. Tác động của think tanks đến nền chính trị Nhật Bản hiện đại

- Vai trò của think tanks ở Nhật Bản.

Think tanks có những tác động của đối với quá trình chính sách.

- (i) Tác động chính sách thông qua đảng chính trị cầm quyền (Hội đồng Nghiên cứu chính sách - PARC):

Có thể nói, đảng phái là yếu tố không thể tách rời của bất kỳ nền chính trị nào cũng như bất kỳ quy trình chính sách nào. Trong nền chính trị Nhật Bản, Đảng Dân chủ Tự do - LDP đã ảnh hưởng hầu như toàn bộ quá trình lập pháp của Quốc hội. Trong quá trình trên, các ủy ban chuyên môn của Đảng có vai trò hết sức quan trọng, đặc biệt là Hội đồng Nghiên cứu chính sách. Hội đồng này có thể hiểu như là một think tank đặc biệt, vì nó trực tiếp chi phối đến quá trình chính sách ở Nhật Bản suốt nhiều thập kỷ qua và đồng thời thể hiện ảnh hưởng của Đảng cầm quyền LDP đối với đời sống chính trị Nhật Bản.

Thông qua các mối liên hệ chặt chẽ với các thành viên Quốc hội, các quan chức cao cấp của Chính phủ, các chuyên gia cao cấp trong Hội đồng Nghiên cứu chính sách của Đảng LDP đã chứng tỏ quyền lực của mình đối với quá trình hoạch định chính sách quốc gia. Nhiều người cho rằng, các ủy ban chuyên môn của Đảng này, chứ không phải Quốc hội - cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, là người giữ thẩm quyền hoạch định chính sách ở Nhật Bản. Việc khởi thảo một dự luật có thể được Đảng giao cho một nghị sĩ, một nhóm nghị sĩ, hay một bộ trưởng nào đó thực hiện nhằm thể hiện các định hướng tư tưởng của Đảng. Toàn bộ quá trình trên đều nằm dưới sự giám sát và đánh giá của Hội đồng Nghiên cứu chính sách.

Khi so sánh Đảng LDP với các Đảng Dân chủ và Cộng hòa ở Hoa Kỳ hoặc Đảng Bảo thủ hay Công Đảng ở Anh,

thì người ta nhận thấy việc tác động vào quá trình lập pháp của Đảng này ở Nhật Bản còn mạnh hơn nhiều. Bởi Hội đồng Nghiên cứu chính sách của Đảng, nơi tập trung các chuyên gia có trình độ cao, dường như đã thay mặt Chính phủ lobbied Quốc hội xác định chương trình lập pháp, đã chi tiết hóa hầu hết các phần cho các lĩnh vực chính sách khác nhau của đời sống kinh tế - chính trị - xã hội Nhật Bản. Sự tác động qua lại giữa giới chức cao cấp của Đảng đã giúp cho Đảng xác định được các vấn đề chính sách trước khi nó được đưa ra Nội các hay Quốc hội quyết định.

Bàn về vai trò của Đảng cầm quyền LDP đối với vai trò hoạch định chính sách, cũng như sự tác động của nó đối với cơ quan lập pháp, Fukui - Giáo sư Đại học Hokkaido, Nhật Bản đã đưa ra ý kiến của ông dưới khái niệm “chủ nghĩa đa nguyên có giới hạn”. Ông cho rằng, việc hoạch định chính sách là kết quả của các mối quan hệ qua lại giữa các phe phái khác nhau của Đảng LDP, các nhóm quan chức riêng rẽ của Chính phủ và các doanh nghiệp. Đến đây, cần nhìn nhận vai trò của các nhóm doanh nghiệp trong việc cố gắng tác động đến Đảng cầm quyền cũng như ảnh hưởng của các quan chức Chính phủ như những lực lượng cốt cán của Đảng cầm quyền đã tác động đến quá trình này.

Ảnh hưởng của Đảng cầm quyền LDP đối với hoạt động hoạch định chính sách còn thông qua việc tăng cường quyền lực của các quan chức Chính phủ - là những người

có chuyên môn, tri thức và là những người thi hành chính sách. Chính việc tăng cường quyền lực cho các giới chức của Chính phủ, đồng thời là lực lượng cốt cán của Đảng cầm quyền đã tạo ra ảnh hưởng ngầm ngầm của LDP nói chung và của PARC nói riêng.

Nhìn chung, bằng cách này hay cách khác Đảng LDP luôn tìm cách chi phối đến quá trình hoạch định chính sách ở Nghị viện. Một trong những công cụ quan trọng nhất đó là Cơ quan Nghiên cứu chính sách (PARC). Theo luật của Đảng, tất cả các vấn đề liên quan đến chính sách phải được PARC xem xét và thông qua trước khi chuyển tới Cơ quan điều hành của Đảng nhằm thông qua lần cuối rồi trình lên Nghị viện. Các vấn đề chính sách được các quan chức Chính phủ đề ra rồi chuyển đến 1 trong 17 phân ban của PARC. Đó là các phân ban được tổ chức song song với Nghị viện. Các phân ban này lại được tách thành hơn 100 tiểu ban và chúng hoạt động như những nhóm nhỏ có chức năng gây sức ép nằm trong cơ cấu tổ chức của Đảng LDP.

Tại các phân ban của PARC còn có các nghị viên của LDP, những người đã nổi tiếng với kinh nghiệm về một chính sách nào đó. Chừng nào vẫn còn ghế ở Nghị viện thì nghị viên đó vẫn còn là thành viên của một trong những phân ban của PARC. Rất nhiều thành viên nghị viện nằm trong PARC đã từng là giới chức hành chính và lúc này, bằng kinh nghiệm được tích lũy cũng như những thông tin

có được, sự tham vấn của các nghị viên đó sẽ góp phần định hình cho những lựa chọn phương án chính sách của PARC và do đó, khả năng một chính sách được thông qua ở Nghị viện sẽ cao hơn.

Có thể nói, PARC là một think tank quan trọng của đảng cầm quyền. Cơ quan này là bộ não của LDP trong việc xây dựng các dự luật trình Quốc hội. Trong khi LDP liên tục là đảng cầm quyền trong thời gian dài thì PARC chính là tác nhân quan trọng định hình các chính sách chiến lược quốc gia.

Sơ lược về quá trình hoạch định chính sách của Đảng Dân chủ Tự do cầm quyền

Các Bộ đề xướng chính sách
Thảo luận và thông qua ở cấp Ban
Thảo luận và thông qua ở cấp Cục
Thông qua ở cấp Bộ chuyển sang Cơ quan Nghiên cứu chính sách
Cơ quan Nghiên cứu chính sách thảo luận, thông qua và trình lên Cơ quan điều hành của Đảng
Cơ quan điều hành thông qua trình lên Nghị viện
Các quan chức cao cấp của Bộ giải thích chính sách tại Hội nghị toàn thể Nghị viện
Hội nghị toàn thể Nghị viện biểu quyết thông qua

(ii) Tác động chính sách thông qua các tác nhân trong bộ máy nhà nước:

Như đã trình bày ở phần đặc trưng think tanks Nhật Bản cho thấy tính độc lập của các think tanks Nhật Bản là rất thấp, phần lớn các think tanks ở Nhật Bản được thành lập như “bàn tay nối dài” của Chính phủ hoặc hoạt động dựa trên những đặt hàng nghiên cứu từ Chính phủ. Bởi vậy, các think tanks khi muốn ảnh hưởng tới chính sách thì chủ yếu thông qua các tác nhân trong bộ máy nhà nước nhiều hơn là thông qua các tác nhân từ xã hội.

(iii) Tư vấn chính sách thông qua các đơn đặt hàng từ Chính phủ:

Năm 2012, sau khi giành lại quyền lực từ Đảng Dân chủ, cựu Thủ tướng Shinzo Abe đã tái thiết lập một think tank riêng về vấn đề đối ngoại, còn gọi là Hội đồng cố vấn trong bối cảnh môi trường an ninh căng thẳng và tham vọng hiện thực hóa mục tiêu: “Nhật Bản là một quốc gia bình thường”¹. Hội đồng tư vấn gồm 13 người được lấy từ thành viên của các think tanks có ảnh hưởng nhất tại thời điểm đó, gồm GRIPS, IIPS, TF. Đây cũng chính là “bộ não” của ông Shinzo Abe trong việc đưa ra các yêu cầu nhằm sửa đổi

1. Khái niệm *Quốc gia bình thường* được các nhà lãnh đạo Nhật Bản diễn đạt là quốc gia có quân đội riêng và có quyền thực hiện các hoạt động quân sự nhằm bảo vệ an ninh nước Nhật.

Hiến pháp cũng như điều chỉnh Luật PKO¹ nhằm cho phép Nhật Bản tiến hành các hành động quân sự để bảo vệ nước Nhật. Chính mô hình Hội đồng tư vấn như trên đã cho thấy sự giới hạn của các think tanks độc lập cũng như các think tanks vì lợi nhuận lẩn phi lợi nhuận nói chung bởi khả năng yếu trong việc tiếp cận các giới chức của bộ máy nhà nước.

Đây chính là mô hình cho thấy sự ảnh hưởng của think tanks đối với quá trình chính sách ở Nhật Bản rõ ràng nhất. Đó là cơ chế do chính người đứng đầu Chính phủ lập ra giúp cho nguồn tài chính được đảm bảo; vấn đề nghiên cứu trở nên xác định; nguồn nhân lực được tuyển mộ từ các think tanks hàng đầu giúp hội tụ các chuyên gia đầu ngành và quan trọng nhất là kết quả nghiên cứu sẽ được báo cáo ngay đến những nhà ra quyết sách quan trọng nhất. Điều đó có nghĩa là kết quả nghiên cứu đó cũng sẽ nhanh chóng được chuyển thành các văn bản luật và chính sách một cách sớm nhất, khi vấn đề nghiên cứu còn mang tính thời sự nhất.

Một hình thức think tanks khác cũng do Chính phủ lập và do đó cũng gây được ảnh hưởng của mình thông qua đơn đặt hàng từ các Bộ. Viện Các vấn đề quốc tế Nhật Bản (The Japan Institute for International Affairs - JIIA) đóng một vai trò đặc biệt quan trọng của Bộ Ngoại giao

1. Luật PKO là Luật Hợp tác hòa bình quốc tế năm 1992 (B.T).

Nhật Bản. Được thành lập từ năm 1959 bởi cựu Thủ tướng Yoshida Shigeru và cho đến nay vẫn là think tank được đánh giá có ảnh hưởng nhất đối với nước Nhật và hiện đang xếp thứ 7/155 trong top các think tanks (không bao gồm Hoa Kỳ năm 2019) và đứng thứ 13/175 gồm các think tanks Hoa Kỳ¹, đứng đầu bảng của bốn quốc gia châu Á (gồm Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản và Hàn Quốc)². Nguồn tài chính được lấy từ hai nguồn là sự tài trợ của Bộ và đóng góp cá nhân của các doanh nghiệp. Mặc dù chưa bao giờ là một thể chế chính thức của Bộ Ngoại giao, song think tank này có mối liên hệ rất chặt chẽ với Bộ thông qua các biệt phái viên và viện trưởng của viện thường là cựu quan chức của Bộ Ngoại giao. Ban đầu, trọng tâm nghiên cứu của JIIA là Liên Xô (đặc biệt trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh), tuy nhiên sau này hướng nghiên cứu chuyển dần sang Trung Quốc. Điểm đáng chú ý của JIIA là JIIA chưa từng tự hào về việc thu hút các nhà nghiên cứu chính sách công có kinh nghiệm hoạch định chính sách trên thực tế mà thay vào đó Viện tập trung vào xuất bản các tạp chí đối ngoại và xây dựng một nền tảng học thuật cũng như những trao đổi đối với các nhà hoạt định chính sách cùng các học giả quốc tế.

1, 2. James G. McGann: *2019 Global Go to Think tanks Report*, The Think tanks and Civil Societies Program, *Ibid*, p.60-68, 92.

Nhìn chung, JIIA đã đóng vai trò là trung tâm nghiên cứu các vấn đề chính sách đối ngoại có uy tín khiếu cho các nhà hoạch định chính sách của Bộ Ngoại giao không thể bỏ qua. Do tầm ảnh hưởng của mình, JIIA không chỉ có tiếng nói trong phạm vi nước Nhật mà còn nhận được sự quan tâm của nhiều chính phủ các quốc gia khác khi muốn tìm hiểu về chính sách của Nhật Bản, đặc biệt là chính sách đối ngoại. Theo đó, đây cũng là kênh tiếp nhận sự tác động chính sách từ bên ngoài nếu muốn gây ảnh hưởng đối với các quyết sách của Chính phủ Nhật Bản.

(iv) Tác động tới quá trình chính sách thông qua việc đào tạo các công chức:

Một trong những think tanks có liên kết mạnh với Chính phủ thông qua việc đào tạo các sĩ quan trẻ là Viện Nghiên cứu Quốc phòng (NIDS) vốn là một cơ quan nhà nước chính thức được thành lập năm 1952 và có sự kết nối với Bộ Ngoại giao. Nhiệm vụ chính của nó là đào tạo quân đội và các nhân viên điều hành khác, tổ chức các cuộc hội thảo quốc tế với các think tanks có chức năng tương tự trong khu vực châu Á, nhằm nghiên cứu về lịch sử quân sự Nhật Bản và các chính sách an ninh hiện tại. NIDS gồm khoảng 85 nhà nghiên cứu, có ấn phẩm xuất bản hàng tháng. Các nhà nghiên cứu theo định kỳ sẽ có các cuộc trao đổi với quan chức có chức năng soạn thảo chính sách của Bộ Ngoại giao và cứ mỗi năm một lần có báo cáo trình Bộ trưởng

Bộ Quốc phòng và Thủ tướng. Trên bình diện quốc tế, NIDS được biết đến thông qua các niêm giám là Tạp chí Chiến lược Đông Á. Các kết quả nghiên cứu công bố cũng trở thành kênh quan trọng nhằm gây sự chú ý của Chính phủ, nhờ đó mà các think tanks có thể gây ảnh hưởng tới giới chức Nhật Bản.

TF (The Tokyo Foundation - Quỹ Tokyo) thành lập năm 1997, kinh nghiệm tác động chính sách của tổ chức này là mở ra các khóa đào tạo đối với các công chức, kể cả sĩ quan. Các chương trình đào tạo của nó đã cung cấp những kết quả nghiên cứu chính sách tới các nhà hoạch định chính sách hiện tại và tương lai. Tuy nhiên, sở dĩ thực hiện được các hoạt động đó là nhờ ngân sách của TF là rất lớn được tài trợ bởi doanh nghiệp. Bên cạnh đó, TF cũng tổ chức các diễn đàn đối thoại chính sách cũng như xuất bản các báo cáo nhằm đưa ra các đề xuất chính sách tới Chính phủ.

TF là một trong các think tanks độc lập hiếm hoi thực hiện vai trò tác động chính sách thông qua đào tạo, cung cấp nguồn lực chất lượng cao cho Chính phủ. Think tank này đưa ra ba mục tiêu chính, đó là: (1) Thực hiện các nghiên cứu nghiêm túc và có chất lượng cao; (2) Theo đuổi các hoạt động của mình từ quan điểm độc lập và phi lợi nhuận; (3) Thay đổi xã hội theo hướng tốt hơn bằng các lựa chọn chính sách cho Chính phủ cũng như tham gia nâng cao chất lượng

cho nguồn nhân lực của Chính phủ bằng cách phát triển các nhà lãnh đạo xuất sắc có nền tảng học thuật và có khả năng vượt lên trên các khác biệt trong một thế giới chia rẽ.

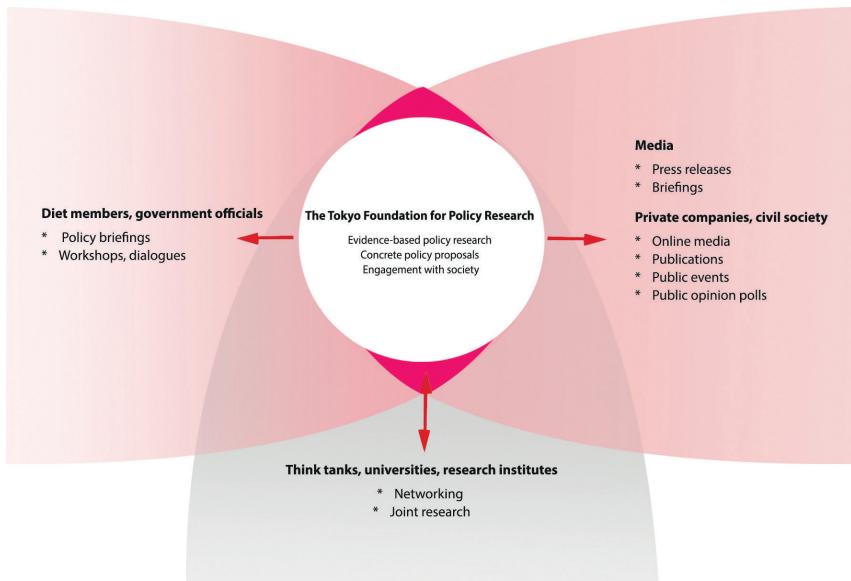
Bằng việc tham gia đào tạo và mở các khóa ngắn hạn, rất nhiều học viên của FT đã vượt qua các kỳ thi tuyển chọn công chức và trở thành những người trực tiếp tham gia vào quá trình chính sách. Và sau thời gian tham gia thực tiễn, chính những cựu học viên lại quay trở lại trong các khóa đào tạo ngắn hạn để cập nhật các kết quả nghiên cứu mới. Đây là “sợi keo” kết dính giúp FT có uy tín cao trong khả năng gây ảnh hưởng thông qua đào tạo suốt hơn hai thập kỷ qua. Nhiều chính sách của Chính phủ Nhật Bản đã có ảnh hưởng từ các kết quả nghiên cứu của think tank này.

Mô tả mục tiêu của FT¹



1. Xem “The Tokyo Foundation for Policy Research”, truy cập <https://www.tkfd.or.jp/en/about/>.

Mô tả hoạt động của FT¹



Năm 2017, FT kỷ niệm 20 năm thành lập và đã đổi tên thành Quỹ Nghiên cứu chính sách Tokyo. Tên gọi mới này cũng đồng thời nhấn mạnh lại mục tiêu của FT là đặt các nghiên cứu dựa trên nền tảng lý thuyết, tìm kiếm các giải pháp chính sách thay thế tốt hơn các chính sách hiện tại và mang đến nhiều lựa chọn chính sách hơn cho các nhà chính trị, tạo nên một môi trường cạnh tranh các giải pháp chính sách tối ưu, đồng thời công bố các giải pháp đó thông qua các khóa đào tạo. Ngoài ra, phát triển các thể hệ lãnh đạo

1. Xem “The Tokyo Foundation for Policy Research”, *Ibid.*

tiếp theo cũng là hướng đi của FT như một phương thức quan trọng mà think tank này vẫn theo đuổi nhằm tác động vào quá trình chính sách của Chính phủ.

(v) Tác động chính sách thông qua các cựu quan chức
Chính phủ đang hoạt động trong các think tanks:

Kinh nghiệm tác động của think tanks đến từ xã hội dân sự phải kể đến Viện Nghiên cứu chính sách quốc tế (The Institute for International Policy Studies - IIPS) và Quỹ Tokyo (The Tokyo Foundation - TF). Đây là hai think tanks đến từ xã hội, song có ảnh hưởng chính sách rất mạnh bởi cơ chế tuyển dụng các cựu quan chức - một cơ sở quan trọng để các think tanks này có sự kết nối với Chính phủ qua đó tạo ra các ảnh hưởng chính sách đến các nhà hoạch định.

IIPS - Viện Nghiên cứu chính sách quốc tế được thành lập năm 1988 bởi cựu Thủ tướng Yasuhiro Nakasone, để đáp lại những gì ông coi là vấn đề bên trong bộ máy quan liêu Nhật Bản. Theo đó, một trong những nhiệm vụ chính của IIPS, ngoài việc xuất bản các tạp chí; IIPS còn tiến hành các nghiên cứu và tạo ra các báo cáo chính sách về chính sách đối nội lẫn đối ngoại như chính sách an ninh, cải cách giáo dục và thay đổi hiến pháp. Ngoài ra, IIPS còn tác động chính sách bằng cách đưa nhân viên cấp trung từ các bộ và các tập đoàn lớn vào Viện làm việc trong thời gian 2 năm, trong thời gian đó, họ có nhiệm vụ tham gia nghiên cứu và tạo ra các tranh luận khác nhau về cùng một vấn đề chính sách.

Sau đó, những người này sẽ quay lại vị trí công việc trong cơ quan nhà nước hay trong các tập đoàn. Và điều này khiến IIPS tạo nên được kênh trao đổi thông tin cũng như sự tác động chính sách mạnh mẽ đến các nhà hoạch định chính sách tương lai vốn đã từng có thời gian nghiên cứu ở Việt.

- **Những đặc điểm của think tanks ở Nhật Bản**

Cách thức ảnh hưởng của các think tanks ở Nhật Bản những năm gần đây đối với quá trình chính sách công luôn bị đánh giá là kém hiệu quả, theo khảo sát hàng năm từ Đại học Pennsylvania trong Báo cáo toàn cầu về Think tanks - một đánh giá về mức độ ảnh hưởng chính sách của các think tanks trên thế giới. Số lượng các think tanks giảm sút trong 2 thập kỷ gần đây và mặc dù vẫn là một thể chế quan trọng, song các think tanks ở Nhật Bản càng ngày càng ít ảnh hưởng tới quá trình chính sách công ở quốc gia này. So sánh số lượng think tanks trên thế giới, Nhật Bản đứng thứ 9 với 108 think tanks¹. Còn ở châu Á, số lượng think tanks của Nhật Bản đứng thứ ba sau Trung Quốc và Ấn Độ.

Đây là xu hướng hoàn toàn ngược với xu hướng chung của châu Á cũng như của các quốc gia phát triển trên thế giới, khi mà ảnh hưởng nghèo nàn, tác động thấp của các think tanks đối với các quá trình chính sách. Ngay cả

1. Hoa Kỳ là 1.830; Trung Quốc là 429; Đức là 194; Ấn Độ là 192; Đài Loan (Trung Quốc) là 52; Hàn Quốc là 35; Hồng Kông (Trung Quốc) là 30 và Indonesia là 27.

Viện Nghiên cứu các vấn đề đối ngoại - JIIA, được xem là uy tín và có sức ảnh hưởng mạnh thì cũng chỉ có chỉ số đứng thứ 14¹ so với các think tanks lớn ở các quốc gia khác.

Điều này được lý giải từ nhiều nguyên nhân khác nhau:

Thứ nhất, sức mạnh của bộ máy quan liêu lấn át think tanks.

Bộ máy quan liêu vẫn là tác nhân mạnh mẽ của quá trình chính sách khiến vai trò của think tanks trở nên mờ nhạt. Các nhà chính trị theo đó hiếm khi tìm kiếm các ý tưởng và giải pháp chính sách từ think tanks, ngay cả trong bộ máy đảng cầm quyền cũng vậy. Bộ máy quan liêu cùng với Đảng LDP luôn có lợi ích cộng sinh cho các ý tưởng chính sách.

Trong nhiều thập niên trước 1990, bộ máy quan liêu Nhật Bản thường xuyên thu hút một lực lượng lớn các sinh viên ưu tú và tạo nên danh tiếng cho bộ máy quan liêu với sự hiệu quả và uy tín. Mặc dù sau thập niên 1990, cùng với sự suy giảm về kinh tế kéo theo sự chấm dứt của thời kỳ hoàng kim “nhà nước phát triển”, điều này khiến cho vị thế

1. Tiếp đó là Viện Phát triển ngân hàng Châu Á (ADBI) xếp hạng 25. (Xem *The 2018 Global Go To Think Tanks Index Report* produced by the University of Pennsylvania, Harano Jōji of Nippon.com and published on February 12, 2018, p.64. Banner photo: Chatham House, central London).

của các quan chức cũng bị suy giảm theo. Tuy nhiên, do yếu tố truyền thống cũng như sự cải tổ bộ máy quan liêu sau đó khiến cho các nhà kỹ trị Nhật Bản vẫn là tác nhân mang tính quyết định đối với quá trình chính sách ở Nhật Bản. Theo đó, quá trình đề xuất chính sách hay tư vấn thảo luận chính sách thường là sự thảo luận nội bộ của bộ máy quan liêu và giữa bộ máy quan liêu với các tổ chức nghiên cứu chính sách của đảng cầm quyền.

Thứ hai, nguồn tài chính hạn hẹp.

Không giống như nhiều quốc gia phương Tây (đặc biệt là Hoa Kỳ) luôn có sẵn các hỗ trợ tài chính từ các Quỹ của các tổ chức phi chính phủ hay các tập đoàn tài chính lớn cho hoạt động của các think tanks. Theo đó, các think tanks bị phụ thuộc lớn vào tài trợ từ các dự án nghiên cứu từ nhà nước hay các tập đoàn. Với nguồn tài chính không ổn định như vậy khiến việc duy trì hoạt động cũng như việc sử dụng những nhà nghiên cứu có năng lực của các think tanks là rất khó. Sức hấp dẫn của nghề nghiệp trong lĩnh vực think tanks do đó cũng hạn chế những người trẻ tham gia.

Thứ ba, hạn chế lĩnh vực và năng lực nghiên cứu.

Nhìn chung, nền chính trị với quyền lực mạnh và sức ảnh hưởng lớn của giới quan liêu tới quá trình chính sách ở Nhật Bản đã tạo nên rào cản lớn cho các think tanks ở Nhật Bản phát triển cả về năng lực lẫn lĩnh vực nghiên cứu.

Hầu hết các think tanks vì lợi nhuận chỉ cung cấp các tư vấn chính sách đối với lĩnh vực kinh tế, đất đai, môi trường, công nghiệp và phúc lợi xã hội. Trong khi các vấn đề quốc tế gần như bị bỏ trống. Theo một cuộc khảo sát từ năm 1993 đến năm 2011, chỉ có 5% các nghiên cứu quốc tế được tiến hành bởi các think tanks Nhật Bản. Trong năm 2012, chỉ có 8 viện trong tổng số khoảng 100 viện nghiên cứu chính sách đối ngoại được khảo sát đặt trọng tâm đối với các vấn đề quốc tế, tức là đưa ra những tham vấn cho chính sách đối ngoại¹. Ngay cả các think tanks vốn được thành lập bởi các đảng chính trị mà chủ yếu của Đảng Dân chủ Tự do (LDP) và Đảng Dân chủ (DPJ) cũng tỏ ra kém năng lực trong tiếp cận đối với bộ máy quan liêu để có thể tác động tới quá trình chính sách.

- **Hoạt động cơ bản của think tanks ở Nhật Bản**

Thứ nhất, tập trung vào các nghiên cứu về kinh tế.

Lịch sử Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai đánh dấu quá trình tái thiết mạnh mẽ, phát triển kinh tế trở thành mối quan tâm ưu tiên hàng đầu của Chính phủ Nhật Bản. Các think tanks Nhật Bản đã nắm bắt hướng ưu tiên chính

1. Pascal Abb, Patrick Koellner: “Foreign policy think tanks in China and Japan: characteristics, current profile, and the case of collective self-defence”, German Institute of Global and Area Studies, 2015.

sách của Chính phủ và có những điều chỉnh nghiên cứu phù hợp và làm tăng vai trò của mình đối với quá trình chính sách công nói riêng và tiến trình tái thiết đất nước nói chung.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, công nghiệp được coi là hướng phát triển trọng tâm của nền kinh tế Nhật Bản, bởi vậy các think tanks đã thực hiện các nghiên cứu nhằm phát triển kinh vực kinh tế này cũng như nỗ lực giúp Chính phủ có những điều chỉnh chính sách kịp thời. Sau những năm 1990, với làn sóng toàn cầu hóa và tin học hóa nền kinh tế Nhật Bản đứng trước cuộc suy thoái, các think tanks Nhật Bản đã chuyển hướng nghiên cứu vào lĩnh vực tài chính và phát triển công nghệ và đã đưa ra những dự báo quan trọng cho Chính phủ.

Ví dụ điển hình là Viện Nghiên cứu Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp (The Research Institute of Economy, Trade and Industry - RIETI) đã điều chỉnh hướng nghiên cứu kinh tế sang nhấn mạnh lĩnh vực tài chính trước những biến động của thị trường trong nước và quốc tế dựa trên hàng loạt các phương pháp nghiên cứu hiện đại. Bên cạnh đó, RIETI cũng là think tank được nhắc nhiều trong thời kỳ này khi đưa ra các đánh giá về tình hình kinh tế thế giới cũng như thế mạnh về kinh tế sản xuất của châu Á. Theo đó, nếu Chính phủ Nhật Bản muốn nền kinh tế quốc gia phát triển bền vững thì cần tái cơ cấu nền kinh tế, tập trung vào các ngành thế mạnh và dựa trên nhu cầu của thế giới.

Theo đó, nhiều kiến nghị của RIETI đã được Chính phủ tiếp nhận và chuyển hóa thành các chính sách và quy định.

Có thể thấy, những think tanks hướng sự nghiên cứu của mình đến các chính sách phát triển kinh tế là những think tanks có nhiều ảnh hưởng đối với quá trình chính sách ở Nhật Bản, nhìn từ lịch sử đến hiện tại.

Thứ hai, truyền tải các nền tảng học thuật trong mỗi đề xuất chính sách.

Đây được coi là biện pháp mang tính lợi thế của các think tanks ở các trường đại học. Như đã phân tích, từ trong lịch sử cho đến hiện tại, Chính phủ Nhật Bản ít khi dùng đến các think tanks để tham vấn cho một chính sách công bởi họ thường đặt niềm tin vào giới công chức giàu kiến thức chuyên môn. Tuy nhiên, dù là các công chức giỏi thì tính chuyên sâu của họ cũng sẽ bị giới hạn khi so sánh với các chuyên gia nghiên cứu, đặc biệt là nền tảng học thuật. Bởi vậy, đây là khoảng trống cho các think tanks (chủ yếu là các trường đại học) có thể tham gia vào quá trình chính sách công ở quốc gia này.

Ví dụ Viện châu Á - Thái Bình Dương của Đại học Waseda là Viện nghiên cứu độc lập lớn nhất thế giới về các vấn đề của khu vực châu Á - Thái Bình Dương với 14 nhóm nghiên cứu hàng đầu nghiên cứu các vấn đề nổi cộm của khu vực và đã đưa ra các khuyến nghị mang tính chiến lược cho Chính phủ Nhật Bản nhằm nâng tầm ảnh hưởng của

quốc gia này trong khu vực và thế giới; gợi mở các sách lược cho Nhật Bản đối với các quốc gia láng giềng như Trung Quốc, Hàn Quốc và các quốc gia ASEAN.

Nhờ có nền tảng lý thuyết mang tính học thuật chuyên sâu cùng việc sở hữu các chuyên gia vốn từng là các cựu quan chức Chính phủ trong nhiều lĩnh vực, các think tanks của các trường đại học đã đóng góp các kiến nghị hằng năm đến Chính phủ và đại hội cấp cao của đảng cầm quyền LDP. Nhiều khuyến nghị sau khi được Chính phủ và đại hội cấp cao thông qua, các thành viên của think tanks sẽ được mời đến để trả lời các câu hỏi chất vấn của Quốc hội và họ cũng là những người trực tiếp tham gia soạn thảo các dự luật. Đó chính là con đường mà các think tanks thể hiện vai trò quan trọng của mình đối với quá trình chính sách ở Nhật Bản.

Thứ ba, thúc đẩy các hoạt động ngoại giao phi chính thức.

Rất nhiều các think tanks trên thế giới đóng một vai trò quan trọng trong việc kết nối các chính phủ cũng như quốc gia với nhau dưới nhiều hình thức đa dạng. Thông qua các hội thảo quốc tế mang tính học thuật, hay các diễn đàn khu vực, các think tanks của Nhật Bản đã giúp chuyển tải các thông điệp chính sách giúp Chính phủ cũng như các nhà làm chính sách, các think tanks ở các quốc gia khác có thêm thông tin và tạo cơ sở cho việc định hình các chính sách mới. Nổi bật trong hoạt động này là JIIA với tư cách là một think tank nghiên cứu về chính sách đối ngoại, và được đánh giá

là think tank có ảnh hưởng chính sách mạnh nhất hiện nay. Hoạt động nghiên cứu liên quốc gia của JIIA thu hút nhiều nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế. Với những nghiên cứu có chất lượng, JIIA không chỉ có tác động chính sách đối với Chính phủ Nhật Bản trong lĩnh vực chính sách đối ngoại và còn tác động không nhỏ đến chính sách đối ngoại của nhiều cường quốc khác đối với Nhật Bản.

Bên cạnh đó, các think tanks Nhật Bản còn chú trọng vào các hoạt động trong trao đổi học giả và kết quả nghiên cứu thông qua các khóa đào tạo đối với các học giả trong khu vực, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển. Các dự án chuyển giao tri thức dưới hình thức tài trợ, song đẳng sau đó là xuất phát từ mục tiêu nâng cao vị thế của Nhật Bản cũng như năng lực cạnh tranh quyền lực mềm giữa các cường quốc. Viện Phát triển Văn hóa (CDI) thành lập năm 1977 đã có nhiều sáng kiến nhằm thúc đẩy các chiến lược phát triển văn hóa Nhật Bản ở nước ngoài, qua đó tạo ra sức ảnh hưởng của mình đối với Chính phủ Nhật Bản trong các tham vấn về chính sách văn hóa trong cũng như ngoài nước.

Như vậy, thúc đẩy các hoạt động ngoại giao phi chính thức song tạo ra những ảnh hưởng không nhỏ về mặt kiến tạo chính sách, đặc biệt là chính sách đối ngoại là một trong những biện pháp quan trọng giúp các think tanks gây ảnh hưởng và tạo sự kết nối liên ứng hiệu quả đối với Chính phủ Nhật Bản.

3. Phân loại think tanks ở Nhật Bản hiện nay

- Các think tanks được dấn dắt bởi Chính phủ hoặc được Chính phủ ủng hộ

Loại think tanks này gần như là một cơ quan của Chính phủ, nhận được kinh phí hoạt động từ Chính phủ với chức năng chính là cung cấp dịch vụ nghiên cứu và đưa ra các phương án chính sách cho Chính phủ. Những think tanks này tạo ra nguồn tài nguyên thông tin cũng như phân tích thông tin về các lĩnh vực chính sách khác nhau. Mỗi lĩnh vực có một think tank mạnh đậm nhận như: Lĩnh vực kinh tế có Viện Nghiên cứu kinh tế châu Á (MITI); lĩnh vực y tế và chăm sóc cộng đồng có Viện An sinh xã hội.

Ban đầu, các think tanks này được thể chế hóa ngay trong bộ máy của Chính phủ nhưng sau đó (kể từ năm 2011) nó được tổ chức độc lập về mặt hành chính như một cơ quan dịch vụ phi dân sự, cung cấp các khảo sát cũng như phân tích chính sách cho Chính phủ. Mặc dù về hình thức có những thay đổi, song thực chất đây vẫn là các think tanks do Chính phủ lập ra và thực hiện nhiệm vụ cố vấn chính sách cho Chính phủ.

- Các think tanks liên kết với doanh nghiệp

Các think tanks gắn liền với doanh nghiệp đóng một vai trò quan trọng trong thể chế think tanks ở Nhật Bản. Do được sự hỗ trợ mạnh mẽ về tài chính, các think tanks

này hoạt động mạnh và có ảnh hưởng lớn đối với các chính sách công nghiệp. Trong bối cảnh sự phát triển mạnh của các doanh nghiệp khiến số lượng loại hình think tanks này cũng là lớn nhất so với các loại hình think tanks khác. Cơ chế hoạt động của các think tanks này tương tự như một doanh nghiệp, tức là hoạt động vì lợi nhuận, theo các đơn đặt hàng của khách hàng (đó có thể là doanh nghiệp mà cũng có thể là Chính phủ).

- Các think tanks độc lập phi Chính phủ

Đây cũng là loại hình think tanks chiếm số lượng lớn gồm các công ty tư vấn và các tổ chức xã hội được thành lập bởi các cá nhân với tư cách độc lập. Nguồn tài chính của loại hình think tanks này đến từ các dự án nghiên cứu với Chính phủ, tài trợ của doanh nghiệp hay kinh doanh tư vấn nước ngoài. Loại hình think tanks này hoạt động khá linh hoạt, thường nghiên cứu các vấn đề mới đặt ra của đời sống chính trị - xã hội với quá trình nghiên cứu nghiêm túc và sớm công bố các kết quả nghiên cứu. Loại hình này cũng rất tích cực có những trao đổi học thuật với nước ngoài và đặc biệt không giới hạn lĩnh vực nghiên cứu. Một ví dụ tiêu biểu cho loại hình này là Viện Think tanks - Hòa bình, Hạnh phúc thông qua Thịnh vượng (The Peace and Happiness through Prosperity - PHP) được thành lập vào tháng 11/1946 bởi Konosuke Matsushita - một doanh nhân Nhật Bản. Viện này không chỉ tham gia vào quá trình làm chính sách bằng các

nghiên cứu chính sách kinh tế mà còn quan tâm đến kết quả chính sách cuối cùng được thực thi trên thực tế như thế nào. Think tank này cũng cung cấp các tư vấn chính sách cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ đồng thời đưa ra các khuyến nghị chính sách cho Chính phủ và chính quyền địa phương.

- Các think tanks của các trường đại học nổi tiếng

Hiện Nhật Bản có 756 trường đại học với 1/3 là các trường đại học quốc gia và công lập (176 trường), còn lại là trường tư (580 trường). Phần lớn các trường đại học tạo điều kiện cho sự phát triển các think tanks. Đây là lực lượng quan trọng mang tới các nghiên cứu học thuật và cung cấp các dịch vụ cho cộng đồng thông qua việc tham gia các dự án cho Chính phủ ủy quyền, xuất bản các tạp chí học thuật có ảnh hưởng, cung cấp các chuyên gia tư vấn chính sách cho Chính phủ. Mỗi trường đại học, think tanks có thể mạnh riêng, như Đại học Tokyo có thế mạnh về lĩnh vực chính trị, kinh tế và khoa học - kỹ thuật. Nhìn chung, các trường đại học vốn có nền tảng lý thuyết và học thuật sâu sắc, đó cũng là nơi có nhiều nghiên cứu so sánh chính sách với các quốc gia khác. Điều đó tạo nên độ tin cậy cao của các nghiên cứu từ các think tanks các trường đại học hơn các think tanks khác, và thu hút sự chú ý hơn của các nhà làm chính sách.

Chương V



NHỮNG GỢI Ý THAM KHẢO CHO VIỆT NAM QUA NGHIÊN CỨU THINK TANKS TRONG NỀN CHÍNH TRỊ HOA KỲ, TRUNG QUỐC, NHẬT BẢN

1. Khái lược lịch sử hình thành think tanks ở Việt Nam

Ở bất kỳ quốc gia nào, tại bất kỳ giai đoạn nào, nhu cầu tư vấn chính sách là luôn có. Nhưng lịch sử nhân loại cũng cho thấy việc xây dựng quốc gia đòi hỏi phải có trí thức, tuy nhiên, think tanks thì không phải lúc nào cũng có. Trải dài quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam luôn ghi dấu với vai trò to lớn của các trí thức yêu nước. Các vương triều thịnh trị đều coi trọng việc đào tạo, tuyển chọn và trọng dụng nhân tài bởi “hiền tài là nguyên khí quốc gia”.

Bước vào thời kỳ hiện đại, trước yêu cầu xây dựng lại đất nước sau chiến tranh, các nhà lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam rất coi trọng ý kiến tư vấn của đội ngũ chuyên gia khoa học. Theo các công trình nghiên cứu *Tư duy kinh tế*

Việt Nam - Chặng đường gian nan và ngoạn mục 1975-1989 và “*Phá rào*” trong kinh tế vào đêm trước Đổi mới của Giáo sư Đặng Phong, thuật ngữ “think tanks” gắn liền với vai trò của đội ngũ chuyên gia và trợ lý của các nhà lãnh đạo chính quyền. Vai trò này thể hiện rõ nét ở sự hình thành ý tưởng, với việc cung cấp thông tin cho lãnh đạo; và thể hiện ý tưởng, với việc soạn thảo văn bản của lãnh đạo. “Điển hình là trường hợp Trường Chinh: Ông đã lập riêng một “ê-kíp” gồm những chuyên gia cao cấp như Hoàng Tùng, Đào Duy Tùng, Phạm Như Cương, Hà Nghiệp, Trần Đức Nguyên, Lê Văn Viện... để chuẩn bị cho cuộc đột phá về mặt lý luận tại Đại hội VI Đảng Cộng sản Việt Nam, viết lại Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội, chính thức hóa đường lối Đổi mới, từ đó, mang đến những đổi thay to lớn trên đất nước ta”¹. Trước đó, từ cuối những năm 1970, ở Thành phố Hồ Chí Minh đã xuất hiện nhiều nhóm nghiên cứu “bán chính thức” tập hợp các chuyên gia cao cấp như Nguyễn Xuân Oánh, Nguyễn Văn Diệp, Nguyễn Văn Hảo... và tổ chức chính thức “Văn phòng kinh tế của Bí thư Thành ủy” đã hoạt động và đóng góp nhiều ý kiến tư vấn cho Bí thư Thành ủy Võ Văn Kiệt.

1. Nguyễn Cẩm Ngọc: “Think tank - một mô hình tổ chức hiện đại tạo cơ sở cho giới trí thức tinh hoa góp phần hoạch định chính sách quốc gia”, Tạp chí *Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Khoa học xã hội và nhân văn*, số 2, 2015, tr. 68.

Cũng giống như các nước xã hội chủ nghĩa khác, từ những năm 1960 và 1970, tại Việt Nam, dưới sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thành lập rất nhiều ban chuyên trách, trong đó nổi bật là Ban Kinh tế - Kế hoạch Trung ương phụ trách về kế hoạch và định hướng phát triển kinh tế cho từng thời kỳ. Ngoài ra, còn có các ban chuyên ngành như Ban Công nghiệp Trung ương, Ban Nông nghiệp Trung ương, Ban Phân phối lưu thông, Ban Đối ngoại Trung ương, v.v.. Bên cạnh đó, để giúp Trung ương nghiên cứu và hình thành các chính sách còn có sự đóng góp của Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc (nay là Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) và Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương. Các viện nghiên cứu thuộc hệ thống của Chính phủ cũng giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư nghiên cứu một số vấn đề kinh tế, xã hội để hình thành chính sách. Có thể kể đến như Viện Nghiên cứu Chiến lược Kinh tế thuộc Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Viện Kinh tế học thuộc Ủy Ban Khoa học xã hội.

Khi đánh giá về các think tanks ở Việt Nam thời kỳ này, Giáo sư Đặng Phong cho rằng: “vai trò *think tanks* của các chuyên gia được thực hiện bằng một con đường không chính thức, bán công khai. Những chuyên gia đã tham gia trực tiếp vào lĩnh vực này đã đúc kết loại phương pháp luận đó là “ý túc chuyên gia, qua lời lãnh tụ”.

Đó cũng là một giải pháp hữu hiệu để đi từ khoa học tới cuộc sống”¹.

Từ cuối năm 1985, trước tình trạng trì trệ và tụt hậu của nền kinh tế đất nước, các nhà lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam nhận thấy việc “sử dụng hệ thống trợ lý của mình và các ban bên Đảng, một số viện nghiên cứu... thì không kịp đáp ứng những nhu cầu cấp bách đặt ra trước cuộc sống”². Do đó, đã hình thành một mô hình mới với các think tanks là thành lập các tổ, nhóm, các tiểu ban nghiên cứu những vấn đề có tính chất chiến lược và cấp bách của xã hội. Đây là những tổ chức không phải của một ban, hay viện bên Đảng hoặc Nhà nước mà là những chuyên gia thuộc nhiều ngành khác nhau được lựa chọn dựa trên năng lực tư duy, những hiểu biết của họ về lý thuyết và thực tiễn đất nước cũng như thế giới. Các chuyên gia này được huy động như những cán bộ biệt phái, không cố định và một người có thể tham gia vào nhiều nhóm khác nhau. Dưới sự chỉ đạo của một vị lãnh đạo của Đảng hoặc Nhà nước, các nhóm think tanks này hoạt động theo phương pháp là “tự do ngôn luận, không áp đặt trước những định hướng, sau đó đúc kết. Những gì kết luận được thì kết luận. Những gì chưa kết luận được thì tiếp tục

1, 2. Đặng Phong: *Tư duy kinh tế Việt Nam - Chặng đường gian nan và ngoạn mục 1975 - 1989*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2009, tr.41, 288.

nghiên cứu, thảo luận...”¹. Điều này đã tạo ra “một không khí cởi mở, dân chủ, sáng tạo như một luồng gió mới trong hoạt động tư duy kinh tế thời kỳ này”².

Có thể thấy, bước vào thời kỳ Đổi mới từ năm 1986, nhiều think tanks đã ra đời nhằm tập trung vào công cuộc đổi mới tư duy kinh tế ở Việt Nam. Đây là thời kỳ nở rộ của các tổ chức, các nhóm nghiên cứu từ cấp bộ, tỉnh và thành phố. Một số think tanks chính thống đáng chú ý thời kỳ này là Tiểu ban Xây dựng Cương lĩnh và Tiểu ban Xây dựng chiến lược, Tổ Chuyên gia tư vấn về cải cách kinh tế và cải cách hành chính, Tổ Nghiên cứu đổi mới kinh tế, xã hội và hành chính, Ban Nghiên cứu của Thủ tướng. Bên cạnh những tổ chức chính thức này, trong đời sống chính trị Việt Nam cũng gia tăng sự sôi động của những think tanks không chính thức. Đó là Câu lạc bộ Giám đốc, tập hợp 100 giám đốc, bí thư, thư ký công đoàn của các nhà máy quốc doanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh do ông Võ Thành Công, Ủy viên Thường vụ Thành ủy, làm Chủ nhiệm. Câu lạc bộ đã tổ chức sinh hoạt định kỳ, mời các giám đốc lên trình bày những vấn đề và sáng kiến của mình. Những hoạt động sôi nổi của Câu lạc bộ Giám đốc trong thập niên 80

1, 2. Đặng Phong: *Tư duy kinh tế Việt Nam - Chặng đường gian nan và ngoạn mục 1975 - 1989*, Sđd, tr.288-289, 289.

của thế kỷ XX đã góp phần rất lớn vào sự hình thành tư duy kinh tế cho các nhà lãnh đạo Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và Trung ương nói chung. Hay Nhóm của Tiến sĩ Nguyễn Xuân Oánh hay Nhóm Thủ Sáu đã tiến hành nghiên cứu, phản biện một số chính sách kinh tế quan trọng như chính sách tiền tệ, tín dụng, giá cả, ngoại thương, khu chế xuất, tài chính, kinh tế đối ngoại... Đó là những đóng góp rất lớn cho việc hình thành tư duy kinh tế mới.

Từ thập niên 1990, và đặc biệt từ năm 2000 trở đi, tại các bộ, ngành và một số trường đại học, đã hình thành một loạt viện nghiên cứu chính sách và chiến lược (bắt đầu từ Bộ Khoa học và Công nghệ). Viện Chính sách và Quản lý (IPAM) thuộc Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia Hà Nội) được thành lập năm 2013. Tại một số thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã hình thành các viện nghiên cứu kinh tế - xã hội trực thuộc chính quyền địa phương. Những tổ chức này trên có chức năng tư vấn, nghiên cứu chính sách, với sự cộng tác của các chuyên gia, hướng đến hoạt động của một think tank. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, các tổ chức này vẫn còn đơn điệu, hoặc do nguồn nhân lực gói gọn trong lĩnh vực và phạm vi ngành quản lý, nhằm đề xuất chính sách cho ngành của mình, hoặc do tính chất hành chính của các viện kinh tế - xã hội địa phương.

Think tanks ở Việt Nam

Việt Nam có thể xem xét mô hình think tanks với chủ thể thành lập và quản lý là các chính quyền địa phương, bộ, ngành, trường đại học, hoặc hội nghề nghiệp... Các think tanks sẽ có chức năng nghiên cứu, tư vấn, đánh giá, giáo dục về chính sách, nhưng không được tiến hành vận động chính sách. Nguyên tắc và cơ chế hoạt động của các think tanks ngoài nhà nước là tự chủ về tài chính và nhân sự theo các quy định pháp luật của Việt Nam.

Thách thức lớn nhất cho các think tanks Việt Nam là mức độ tự do trong các hoạt động liên quan đến chính sách. Thực tế trên thế giới cho thấy, think tanks không thể thành công nếu không được tự do nghiên cứu và thảo luận chính sách. Cũng như vậy là khả năng chính quyền tiếp nhận và sử dụng các kết quả nghiên cứu chính sách. Một think tank với đội ngũ chuyên gia chất lượng đến đâu cũng sẽ không thực sự hữu ích nếu họ thiếu phương tiện thể chế để có thể chuyển giao các kết quả nghiên cứu cho chính quyền.

Những năm qua, ở Việt Nam, các think tanks cũng đã có sự phát triển cả về số lượng và chất lượng, song so với yêu cầu của công cuộc phát triển thì chưa thực sự đáp ứng do những hạn chế về khung pháp lý, về không gian nghiên cứu, về năng lực huy động các nguồn lực và năng lực kết nối, tương tác với các cơ quan nghiên cứu, tư vấn khác bên ngoài. Số lượng các think tanks chủ yếu là từ các cơ quan

nà nước thành lập, các think tanks xã hội chưa thực sự được biết đến rộng rãi.

Trong bối cảnh như vậy, việc nghiên cứu kinh nghiệm từ nước ngoài về chính sách cho các think tanks và năng lực thu hút các think tanks vào các quá trình nghiên cứu, tư vấn chính sách phản biện ở Việt Nam, vì thế, là việc làm cần thiết. Từ các nghiên cứu cụ thể của ba quốc gia có nhiều think tanks phát triển nhất trên thế giới, có thể rút ra được những gợi mở dưới đây.

2. Những kế thừa của think tanks ở Việt Nam

- Những kế thừa từ nghiên cứu hoạt động của think tanks ở Hoa Kỳ

Đa số think tanks chỉ là một dạng tổ chức phi chính phủ nhưng lại có vai trò và ảnh hưởng hết sức quan trọng đến quy trình chính sách của Hoa Kỳ. Không quá lời khi cho rằng, Hoa Kỳ có thể tự hào không chỉ với hệ thống trường đại học mà còn cả hệ thống think tanks trong vai trò “nhà máy sản xuất tri thức” hay “cây cầu kết nối giữa giới khoa học hàn lâm và giới chính khách hành động”. Sở dĩ vậy bởi các tổ chức think tanks không chỉ tập trung vào nghiên cứu các vấn đề nóng hổi, đáp ứng nhu cầu bức thiết của xã hội, mà còn rất năng động trong việc tìm cách gây ảnh hưởng đến các chính sách của chính quyền. Họ có thể tạo ra những chiến dịch làm thay đổi nhận thức và thái độ của

công chúng nói chung hay những quan chức chính quyền và chính trị gia quyền lực. Họ có thể cung cấp những ý tưởng chính sách mới và có chất lượng; họ cũng có thể tác động đến một chính sách nào đó kể cả khi nó đang được thực thi. Bên cạnh những ưu điểm thấy rõ, sự hình thành và phát triển của think tanks cũng có những vấn đề nhất định.

- **Những đóng góp tích cực của think tanks ở Hoa Kỳ**

Các nhà nghiên cứu đánh giá think tanks đem lại năm lợi ích tích cực cho chính quyền và xã hội Hoa Kỳ. Vai trò tích cực và nổi bật nhất của các think tanks là cung cấp thông tin và kiến thức chuyên môn về chính sách cho chính quyền và xã hội nói chung. Think tanks được coi là “nhà máy sản xuất ý tưởng hành động” phục vụ trước hết cho nhu cầu của các nhà hoạch định chính sách. Những kiến giải, phân tích, bình luận của chuyên gia think tanks có thể giúp định hình nhận thức chính sách của quan chức chính quyền, ảnh hưởng đến trật tự ưu tiên giữa các lựa chọn hành động, để ra lộ trình hành động, gây dựng các liên minh hành động, cũng như góp phần tạo dựng thiết kế thể chế. Cùng với thời gian, các think tanks có thêm chức năng vận động chính sách để có thể thực sự tạo được ảnh hưởng đến các quyết sách của chính quyền. Để đạt được những mục đích tối thượng này, think tanks chủ động tìm kiếm và gia tăng mức độ tương tác với chính quyền thông qua nhiều hình thức khác nhau. Do đó, các học giả và chuyên gia think tanks đã tự ví họ

như cây cầu nối giữa cộng đồng khoa học hàn lâm với chính quyền và công chúng. Họ là những người nắm bắt và tìm cách xử lý các vấn đề hiện đang diễn ra chứ không phải chỉ tìm cách lý giải những vấn đề lý thuyết quá hàn lâm, không thực sự đáp ứng nhu cầu của số đông công chúng.

Cung cấp nhân sự chất lượng cao cho chính quyền là khía cạnh tích cực thứ hai khi đánh giá vai trò của các think tanks. Một đặc điểm của đội ngũ nhân sự chính quyền Hoa Kỳ là luôn thay đổi sau mỗi kỳ bầu cử. Chẳng hạn, với chính quyền liên bang, mỗi khi có một tổng thống mới thì sẽ xuất hiện nhu cầu nhân sự cho các vị trí lãnh đạo cấp cao bên nhánh hành pháp. Tổng số các vị trí cần bổ nhiệm mới, cả về chính trị và chuyên môn, là khoảng 3.000 người. Về cả lý thuyết và thực tiễn, lực lượng này có thể được lựa chọn từ đội ngũ quan chức của chính quyền tiền nhiệm. Tuy nhiên, do yếu tố chính trị, các nhà lãnh đạo mới thường thay thế một lượng lớn đội ngũ tiền nhiệm bằng các nhân sự đã từng phục vụ cho ê kíp tranh cử của mình hoặc thuộc về đảng chính trị mà họ đã từng dựa vào để tranh cử. Truyền thống này khiến cho các vị trí lãnh đạo trong hệ thống chính quyền luôn biến động. Cũng bởi vậy, các nhà lãnh đạo mới thường tìm đến các chuyên gia đang làm việc trong khu vực dân sự để lựa chọn nhân sự cho chính quyền của mình. Thực tế này diễn ra lặp đi lặp lại theo thời gian dẫn đến sự hình thành mối quan hệ mật thiết giữa

chính quyền và các tổ chức think tanks - nơi luôn sẵn sàng cung cấp các chuyên gia chính sách chất lượng để làm việc cho chính quyền. Cũng bởi đặc điểm truyền thống này cho nên các think tanks ở Hoa Kỳ vẫn được ví như một “chính quyền dự bị” - nơi mà các vị trí việc làm trong chính quyền luôn là cơ hội khẳng định uy tín của cả cá nhân và tổ chức đối với đội ngũ chuyên gia think tanks.

Khía cạnh tích cực thứ ba của các think tanks là họ có thể trở thành nơi tập hợp các chuyên gia, học giả, và bổ sung cho vai trò của các trường đại học. Đặc điểm nổi bật của think tanks là chức năng nghiên cứu chính sách cho nên một thách thức lớn với họ chính là hệ thống trường đại học ở Hoa Kỳ vốn rất mạnh về năng lực nghiên cứu. Tuy nhiên, các think tanks chỉ ra rằng các nghiên cứu của trường đại học thường thiên về hàn lâm và ít khả năng ứng dụng chính sách. Sở dĩ có thực tế này là bởi nghiên cứu của các giáo sư ở trường đại học thường đi sâu vào một khía cạnh/vấn đề nào đó, khiến họ xa rời khỏi đời sống thực tiễn. Các nghiên cứu cũng thiên về lý thuyết, hướng đến mục đích xây dựng các mô hình lý thuyết để giải thích đời sống xã hội. Thế nhưng, trên thực tế, các mô hình lý thuyết đó lại rất ít hoặc rất khó được sử dụng để giải quyết các vấn đề nảy sinh hằng ngày. Điển hình cho thực tế này là các mô hình lý thuyết về chính sách đối ngoại - dù có thể rất hay và giá trị về tri thức nhưng lại hầu như không được sử dụng bởi các think tanks

trong việc xây dựng các đề xuất chính sách. Chính bởi vậy, think tanks đã trở thành một địa chỉ cho các diễn đàn chính sách - nơi các chuyên gia và học giả cũng như công chúng có thể đến để trình bày và thảo luận các vấn đề chính sách trước các tình huống thực tế đang đòi hỏi hành động.

Kết nối công chúng số đông với lĩnh vực chính sách công, giáo dục họ về các vấn đề chính sách, khơi gợi và thúc đẩy ý thức tích cực và chủ động trong việc tham gia giải quyết các vấn đề công là lợi ích thứ tư mà các think tanks đóng góp cho xã hội Hoa Kỳ. Thông qua nhiều hình thức hoạt động hướng đến số đông, think tanks giúp những người dân Hoa Kỳ bình thường nhất có thể hiểu biết về tình hình thế giới và trong nước, nhận thức được những vấn đề đang thu hút sự quan tâm của dư luận và chính quyền, đồng thời cũng có thể tham gia vào các thảo luận chính sách. Thông qua đó, think tanks góp phần giúp người dân Hoa Kỳ nắm bắt được các chính sách mà Chính phủ Hoa Kỳ đang theo đuổi, từ đó gây dựng sự ủng hộ chính trị của công chúng Hoa Kỳ, vốn rất đa dạng về mặt xã hội, cho các lựa chọn hành động và hình thức hành động của chính quyền, cả trong nước và quốc tế.

Giảm bớt sự khác biệt về quan điểm chính sách giữa các quan chức chính quyền, giữa các học giả, giữa các đảng chính trị, thậm chí giữa các chính quyền của các quốc gia... là lợi ích thứ năm của các think tanks. Để thực hiện được vai trò hóa giải sự khác biệt, xung đột về quan điểm, think tanks

có thể tổ chức các diễn đàn đối thoại hoặc trực tiếp tham gia các chương trình tập huấn quan chức/nhân viên chính quyền. Chẳng hạn, “The United States Institute of Peace” đã từng tham dự vào các cuộc thương lượng không chính thức cũng như tập huấn cho viên chức chính quyền Hoa Kỳ về các kỹ năng giải quyết xung đột kéo dài. Các think tanks khác cũng tham gia vào các hình thức ngoại giao phòng ngừa, quản lý xung đột và tìm các giải pháp xử lý xung đột. Điển hình là từ cuối những năm 1980, “The Carnegie Endowment for International Peace” đã tổ chức một chuỗi các cuộc gặp giữa các chính trị gia Nam Phi, doanh nhân, đại diện giới lao động, học giả, các nhà hoạt động xã hội, cũng như các nhà lập pháp. Các cuộc gặp này được tổ chức liên tục trong tám năm đã giúp tạo dựng sự hiểu biết và đồng thuận giữa các giới chức chính quyền và các lực lượng xã hội về tương lai của Nam Phi. Tương tự như vậy, CSIS đã triển khai nhiều dự án nhằm giúp giảm bớt sự khác biệt và chia rẽ giữa các nhóm sắc tộc, tôn giáo ở các quốc gia như Nam Tư hay Israel.

- **Những ảnh hưởng tiêu cực của think tanks ở Hoa Kỳ**

Think tanks có những đặc điểm tạo nên thế mạnh và ảnh hưởng đặc biệt đối với chính quyền cũng như xã hội Hoa Kỳ. Đó là đội ngũ chuyên gia chất lượng - tập hợp các học giả, nhà báo, giáo sư đại học, cựu quan chức, v.v.. Họ có mối quan hệ mật thiết với các chính khách, quan chức chuyên môn, và cơ quan chính quyền. Đặc biệt, think tanks

rất nồng động và nhạy bén trong việc định hình các vấn đề chính sách, thu hút sự chú ý của dư luận, và chuyển hóa các ý tưởng chính sách thành hành động của chính quyền. Thực tế này giúp think tanks có những đóng góp tích cực nhưng bên cạnh đó, công chúng Hoa Kỳ chưa từng bớt ngờ về những ảnh hưởng tiêu cực do các hoạt động của think tanks.

Vấn đề thứ nhất là nguy cơ think tanks bị chi phối bởi các nhà tài trợ. Hoa Kỳ đang chứng kiến mức độ cạnh tranh ngày càng khốc liệt do sự gia tăng nhanh chóng về số lượng các think tanks. Hiện tại, Hoa Kỳ có gần 2.000 think tanks với quy mô tổ chức và lĩnh vực hoạt động khác nhau. Bản thân các think tanks không phải là các doanh nghiệp cho nên họ phải thường xuyên vận động để tìm ra các nguồn kinh phí hoạt động. Các hình thức gây dựng ngân sách phổ biến gồm: vận động tài trợ, ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ, hoặc gây quỹ. Để có thể giành được các khoản kinh phí dưới dạng quà tặng hoặc tài trợ, think tanks buộc phải đề cao sự sáng tạo trong hoạt động và đẩy mạnh hơn nữa mức độ chuyên môn hóa. Thực tế này được thể hiện qua xu hướng thành lập các think tanks gần đây nhưng chỉ tập trung hoạt động đối với một số lĩnh vực chính sách chuyên sâu nào đó, thay vì quan tâm đến nhiều vấn đề như các think tanks ra đời trước đây. Trước áp lực cạnh tranh, để có ngân sách hoạt động,

các think tanks buộc phải thỏa mãn các “đơn hàng” của nhà tài trợ cũng như phải cho họ thấy được những kết quả tác động trong thời gian sớm nhất. Tuy nhiên, đo lường và đánh giá được tác động và kết quả thực tế các hoạt động của think tanks không phải là việc dễ dàng, nhất là trong bối cảnh họ luôn bị áp lực về thời gian. Sự phụ thuộc vào kinh phí tài trợ cũng đặt các think tanks trước nguy cơ lớn là họ sẽ bị giảm nguồn ngân sách mỗi khi các nhà tài trợ gặp khó khăn, không thể tiếp tục các cam kết tài trợ. Do đó, thách thức về ngân sách là yếu tố hàng đầu đe dọa khả năng độc lập và khách quan của các think tanks. Không thể không tính đến nguy cơ think tanks bị biến thành công cụ gây ảnh hưởng đến chính quyền của những cá nhân hoặc nhóm quyền lực trong xã hội. Khi đó, thay vì là những tổ chức nghiên cứu khách quan và độc lập, think tanks có thể trở thành phuơng tiện mưu lợi của những cá nhân hoặc nhóm vị kỷ.

Vấn đề thứ hai là nguy cơ think tanks bị ảnh hưởng và chi phối bởi chính trị đảng phái¹. Chia rẽ sâu sắc về tư tưởng

1. Nguyên văn: “Many D.C. think tanks now players in partisan wars” (“Rất nhiều think tanks ở D.C. hiện nay là người tham dự trong các cuộc chiến đảng phái”), truy cập <https://www.bostonglobe.com/news/nation/2013/08/10/brain-trust-for-sale-the-growing-footprint-washington-think-tank-industrial-complex/7ZifHfrLPlbz0bSeVOZHdI/story.html>.

và quan điểm chính trị là một đặc trưng nổi bật của xã hội Hoa Kỳ. Điều này ngày càng thể hiện rõ hơn qua các xung đột giữa các đảng chính trị có vai trò chi phối quá trình lập pháp của Quốc hội hoặc sự xung đột giữa Quốc hội với Tổng thống. Về bản chất, sự chia rẽ, xung đột về chính trị bên trong chính quyền phản ánh sự xung đột giữa các tư tưởng chính trị truyền thống vốn có trong xã hội Hoa Kỳ. Thực tế này không chỉ tác động đến các chiến lược và định hướng chính sách của các đảng chính trị mà tất yếu cũng sẽ có ảnh hưởng đến các think tanks. Bởi vậy, giữ được sự trung lập về chính trị sẽ là thách thức lớn đối với các think tanks. Trên thực tế, đã có những think tanks, chẳng hạn như Heritage Foundation, công khai đứng hẳn về phía quan điểm chính trị bảo thủ. Cũng bởi vậy, chuyên gia think tanks sẽ ngày càng phải đối diện với khuynh hướng chính trị mà tổ chức của họ can dự hay ủng hộ. Việc đưa ra được các giải pháp chính sách khách quan, và trung lập hoặc dựa trên sự dung hòa các quan điểm chính trị sẽ ngày càng khó khăn. Khi bị chi phối bởi các xu hướng chính trị, các think tanks không còn giữ được bản chất vốn có của nó. Think tanks có thể bị biến thành một công cụ cạnh tranh chính trị và lợi ích giữa các lực lượng chính trị khác nhau trong xã hội.

Think tanks và Chính trị

Center for American Progress (CAP)

CAP được thành lập năm 2003 bởi một số viên chức trong chính quyền Clinton. CAP được cho là một think tank mang đậm màu sắc chính trị khi họ sử dụng các nghiên cứu chính sách của mình để phổ biến và gia tăng mức độ ảnh hưởng của tư tưởng Tự do. CAP là một trong số những think tanks tích cực nhất trong việc tiếp cận cả Quốc hội và Tổng thống để vận động cho các nghị trình chính sách của họ. Ngân sách hoạt động hằng năm của CAP vào khoảng 34 triệu USD, thu được từ các khoản tài trợ của các cá nhân giàu có, các quỹ, cũng như các tập đoàn kinh doanh trong các lĩnh vực truyền thông, ngân hàng, và y tế.

(Nguồn: Bender, 2013).

Khía cạnh tiêu cực thứ ba là nguy cơ các think tanks chỉ tìm cách phục vụ lợi ích của chính họ chứ không phải lợi ích công và toàn xã hội. Để có thể nhanh chóng nhận được các khoản kinh phí và gia tăng ảnh hưởng, think tanks có thể “xào nấu” các ý tưởng chính sách cũ hoặc rao bán các giải pháp chính sách mang đậm màu sắc chính trị đảng phái thay vì đầu tư nghiên cứu để đề xuất ra được những chính sách mới. Thách thức này là hệ quả từ môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt giữa các think tanks cũng như xu hướng

bị ảnh hưởng bởi chính trị đảng phái trong những năm gần đây. Khi không còn bảo đảm được chất lượng của các nghiên cứu và phân tích chính sách thì các think tanks sẽ tự đánh đồng mình với các tổ chức vận động thuần túy (yếu về chuyên môn) vốn luôn đong đảo trong lĩnh vực chính sách công ở Hoa Kỳ. Họ giống như “những bộ não được đem rao bán”.

Một nguy cơ nữa là một số cơ quan chính quyền Hoa Kỳ ngày càng có biểu hiện lệ thuộc vào các think tanks. Thay vì tự đưa ra lựa chọn chính sách, cơ quan chính quyền có thể thuê lại các think tanks để làm việc này cho họ. Chẳng hạn, CSIS chính là think tank đã chuẩn bị bài phát biểu cho Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ Chuck Hagel tại Đối thoại Shangri-La 2013. Người ta đặt dấu hỏi là với bài phát biểu đó, liệu CSIS sẽ chỉ thuần túy đứng trên lập trường lợi ích của Hoa Kỳ, hay họ cũng có thể lợi dụng nó để phục vụ cho lợi ích của các đối tác của họ tại châu Á? Và trách nhiệm của các quan chức chính quyền ở đâu khi họ được hưởng lương từ nguồn thuế của dân chúng nhưng rồi lại đi thuê các think tanks thực hiện các công việc chuyên môn cho họ?

- Xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, có thể nhận thấy

Những yếu tố khiến think tanks chưa phát huy được vai trò có liên hệ với những đặc điểm căn bản về hệ thống quản trị xã hội của Việt Nam, vốn rất khác biệt so với các

nước phương Tây và Hoa Kỳ. Về cơ bản, hệ thống quản trị của Việt Nam được đặc trưng bởi một cấu trúc tập trung quyền lực. Bộ máy quản trị xã hội không chỉ bao gồm chính quyền mà còn có thêm các tổ chức chính trị - xã hội. Quyền lực nhà nước không có sự phân chia như cấu trúc chính quyền Hoa Kỳ. Thay vào đó là sự phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các chức năng quyền lập pháp - hành pháp - tư pháp. Ý niệm về cân bằng và đối trọng quyền lực nhà nước là không phù hợp với mô hình thể chế của Việt Nam. Một đặc điểm nữa là vai trò kiểm soát hệ thống của chính quyền trung ương luôn được coi trọng: chính quyền trung ương kiểm soát chặt chẽ các chính quyền địa phương cũng như xã hội nói chung. Khác với xã hội Hoa Kỳ, người dân Việt Nam nói chung vẫn quen với ý niệm về vai trò chủ chốt của chính quyền trong việc nghiên cứu, hoạch định, thực thi, và đánh giá chính sách. Thực tế, các cơ quan chính quyền cũng là nơi tập trung đông đảo nhất lực lượng có kiến thức và nhiều trải nghiệm nhất với việc hoạch định và thực thi chính sách. Cũng chính bởi vậy, không gian cho các chủ thể xã hội tham gia vào quy trình chính sách là rất hạn chế. Ý thức và khả năng chủ động tham gia vào quy trình chính sách công của các chủ thể ngoài nhà nước cũng còn nhiều bất cập. Thực tế này bắt nguồn từ truyền thống coi trọng hệ thống chính quyền

và đội ngũ lãnh đạo cũng như viên chức chính quyền trong việc quản lý xã hội. Một nguyên nhân nữa là khác với Hoa Kỳ, ranh giới giữa khu vực nhà nước và khu vực xã hội ở Việt Nam chưa rõ ràng, bởi thế, sự tham gia của các chủ thể ngoài nhà nước vào quy trình chính sách sẽ khó khăn. Tóm lại, với một cấu trúc quản trị đề cao vai trò trung tâm của chính quyền nhà nước và chưa có sự tách bạch rạch ròi giữa khu vực nhà nước và khu vực xã hội, cơ hội và không gian cho các chủ thể xã hội (ngoài nhà nước) tham gia vào quy trình hoạch định chính sách ở Việt Nam phần nào sẽ bị giới hạn. Cũng bởi vậy, việc du nhập nguyên mẫu mô hình think tanks của Hoa Kỳ vào bối cảnh thể chế và xã hội nước ta hiện nay là ý tưởng không khả thi. Do đó, thách thức lý luận là phải chỉ ra được những khía cạnh tích cực của think tanks Hoa Kỳ và phù hợp với truyền thống văn hóa - xã hội và đặc thù thể chế Việt Nam.

Như vậy, với những đặc thù thể chế của Việt Nam hiện nay, có thể thấy, *thứ nhất, một mô hình think tanks phù hợp sẽ gồm các chức năng nghiên cứu, thảo luận, và tư vấn chính sách*. Các think tanks như vậy sẽ thuần túy chỉ là những “chiếc hộp tư duy” hay “nhà máy sản xuất các ý tưởng” để chính quyền có thể tham khảo và lựa chọn. Think tanks sẽ được phân biệt với các cơ sở nghiên cứu và đào tạo khác ở chỗ chúng chỉ tập trung vào phát hiện, nghiên cứu, và phân tích các vấn đề chính sách xuất hiện trong đời sống xã hội

đương đại. Đó là những vấn đề bức thiết, liên quan trực tiếp đến cuộc sống hằng ngày của người dân, và cần hành động của chính quyền. Trên cơ sở đó, các chuyên gia think tanks sẽ đề xuất các lựa chọn hành động chính sách cho chính quyền, cụ thể là các nhà hoạch định chính sách như đại biểu Quốc hội, tham khảo.

Thứ hai, khác với các think tanks ở Hoa Kỳ, mô hình think tanks phù hợp với Việt Nam hiện tại sẽ không bao gồm các chức năng vận động và cung cấp nhân sự cho chính quyền. Vì đặc thù thể chế Việt Nam hiện nay chưa cho phép các chủ thể xã hội tự do và công khai vận động chính sách. Vai trò hoạch định và thực thi chính sách vẫn là nhiệm vụ trung tâm của hệ thống chính quyền. Các chủ thể xã hội chỉ có thể tham gia trong vai trò đối tác, phối hợp với các cơ quan chính quyền để thực thi chính sách chứ không phải thay đổi chính sách. Hơn nữa những nguyên tắc về tổ chức cán bộ ở Việt Nam chưa cho phép một chuyên gia think tanks có thể dễ dàng đảm nhiệm các vị trí trong bộ máy chính quyền.

Thứ ba, về mặt tổ chức và nhân sự, để có thể được chấp nhận thành lập và hoạt động, các think tanks Việt Nam phải được đặt trong tầm kiểm soát của Nhà nước. Nói cách khác, kiểm soát của Nhà nước là không để các think tanks bị lợi dụng để phục vụ các mục đích kinh tế - chính trị của các nhóm lợi ích trong nước, hay các thế lực ngoài nước.

Theo đó, bên cạnh các cơ quan nhà nước, các pháp nhân chính thức như trường đại học hay tổ chức hội nghề nghiệp, hội doanh nhân được quyền thành lập think tanks dưới hình thức NGOs. Các think tanks dạng này phải tự túc ngân sách và có thể nhận các khoản kinh phí tài trợ đến từ khu vực công hoặc tư nhân trong nước. Các khoản kinh phí đến từ các tổ chức, cá nhân, hay chính phủ nước ngoài cần bị cấm tuyệt đối. Các think tanks Việt Nam cũng cần được tự do tuyển dụng nhân sự theo nhu cầu của tổ chức. Đội ngũ nhân sự có thể đến từ nhiều quốc gia khác nhau nhưng chỉ thuần túy tập trung làm các công việc chuyên môn (nghiên cứu, phân tích, đánh giá chính sách) chứ không được phép thực hiện các hoạt động vận động chính sách.

- Những kế thừa từ nghiên cứu hoạt động của think tanks ở Trung Quốc

Thể chế chính trị Trung Quốc và thể chế chính trị Việt Nam có nhiều điểm tương đồng. Do đó, những kinh nghiệm của Trung Quốc về phát triển think tanks và phát huy vai trò của think tanks trong đời sống chính trị rất đáng để Việt Nam nghiên cứu và tham khảo. Từ nghiên cứu phương thức phát triển think tanks và phương thức phát huy vai trò của think tanks trong đời sống chính trị ở Trung Quốc, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam như sau:

Thứ nhất, Đảng và Nhà nước cần tiếp tục xác định vai trò quan trọng của think tanks trong quá trình chính sách công cũng như trong đổi mới kinh tế - xã hội, từ đó có nghị quyết hoặc văn bản cụ thể để hướng dẫn, định hướng sự phát triển của think tanks ở nước ta. Trong thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhấn mạnh việc phát huy dân chủ trong quá trình hoạch định chính sách khi khẳng định: “Bảo đảm để nhân dân tham gia ở tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống của nhân dân, từ nêu sáng kiến, tham gia thảo luận, tranh luận đến giám sát quá trình thực hiện”¹. Đồng thời, Đảng cũng nhiều lần đề cập đến vai trò của think tanks trong quá trình hoạch định chính sách khi chủ trương: “Thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo, tư vấn, phản biện của các nhà khoa học”² và “coi trọng vai trò tư vấn, phản biện, giám định xã hội của các cơ quan nghiên cứu khoa học trong việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các dự án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội”³. “Thật sự tôn trọng, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn, phản biện của chuyên gia,

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.169, 122, 161-162.

đội ngũ trí thức”¹. Tuy nhiên, về nhận thức lý luận thì các nghiên cứu lý luận về think tanks trong đời sống chính trị ở nước ta vừa rất ít vừa thiếu tính hệ thống. Về mặt thực tiễn, chúng ta chưa hình dung được khung khổ thể chế để phát huy tốt hơn vai trò của think tanks trong đời sống chính trị, nhất là trong quá trình chính sách công. Trong bối cảnh dân chủ hóa hiện nay và công cuộc đổi mới theo chiều sâu đang đặt ra nhiều vấn đề mới, khó và phức tạp, tham khảo kinh nghiệm của Trung Quốc, khu vực công cần nhận thức đúng đắn và đầy đủ hơn về vai trò của think tanks và có phương thức hợp lý nhằm phát huy vai trò của think tanks, qua đó nhằm góp phần nâng cao năng lực cầm quyền theo khoa học, cầm quyền theo pháp luật và cầm quyền dân chủ của Đảng cũng như thúc đẩy hiệu quả quản trị của Nhà nước. Cần thấy được rằng, phát triển và phát huy vai trò của think tanks ở nước ta là chỗ dựa quan trọng để Đảng và Nhà nước hoạch định được chủ trương, chính sách đúng đắn và sáng tạo; là yêu cầu không thể thiếu để Đảng và Nhà nước đề ra được chính sách khoa học, dân chủ và theo pháp luật; cũng cần thấy được rằng, phát triển và phát huy vai trò của think tanks là một yêu cầu quan trọng nhằm phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.167.

Thứ hai, tạo lập môi trường tốt cho sự phát triển và hoạt động của think tanks. Sau 35 năm đổi mới đến nay, ở nước ta đã hình thành các loại hình think tanks, bao gồm think tanks của Đảng, hệ thống các think tanks của các cơ quan nhà nước; hệ thống các think tanks của các trường đại học, các think tanks tồn tại dưới dạng viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu từ Trung ương đến địa phương của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân... Tuy nhiên, sự phát triển của các think tanks ở nước ta vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là còn có sự mất cân đối giữa các loại hình think tanks. Có nghĩa là think tanks của Đảng, Nhà nước có số lượng lớn, trong khi think tanks của các trường đại học, doanh nghiệp và xã hội số lượng còn ít. Do đó, để đáp ứng yêu cầu dân chủ hóa quyết sách chính trị và nâng cao năng lực quyết sách chính trị hiện nay, cần coi trọng phát triển mạnh mẽ và cân bằng các loại hình think tanks, nhất là có cơ chế để think tanks doanh nghiệp và xã hội được thành lập và hoạt động có hiệu quả. Trước mắt, cần coi trọng việc nâng cao năng lực của các think tanks quan trọng như Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Hành chính quốc gia, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và một số think tanks trực thuộc các Đại học Quốc gia và đại học vùng.

Ngoài việc tạo môi trường thuận lợi để think tanks ra đời, cần coi trọng *đổi mới thể chế quản lý của Nhà nước đối với tổ chức và hoạt động của think tanks*. Cụ thể là, có cơ chế quản lý phù hợp đổi mới với từng loại hình think tanks; tăng cường trách nhiệm hướng dẫn vĩ mô của Nhà nước đối với think tanks thông qua quy hoạch phát triển, chính sách phát triển và điều tiết sự phát triển hài hòa đồng bộ của các loại hình think tanks; đổi mới phương thức quản lý của các cơ quan nhà nước vừa bảo đảm để think tanks hoạt động đúng phương hướng, vừa có lợi cho việc phát triển tự chủ của think tank khắc phục sự can thiệp trực tiếp và “thô bạo” của cơ quan chủ quản đối với tổ chức và hoạt động của các think tanks hiện nay. Hướng dẫn và khuyến khích các think tanks hợp tác nghiên cứu với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và xã hội; nâng cao tính hiệu quả và tính thiết thực trong nghiên cứu của các think tanks; đổi mới hoạt động đấu thầu dự án, đề tài khoa học theo hướng công khai, minh bạch và cạnh tranh. Đổi mới thể chế quản lý kinh phí theo hướng thiết lập cơ chế quản lý kinh phí hiệu quả, công khai, minh bạch cũng như tăng cường giám sát hoạt động dự toán và sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học của các think tanks. Đổi mới cơ chế đánh giá thành quả nghiên cứu và ứng dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu của các think tanks theo hướng hoàn thiện biện pháp đánh giá, lấy mức độ đổi mới của nghiên cứu, chất lượng nghiên cứu và cống hiến thực tế làm định hướng, kết hợp hệ thống

chỉ tiêu đánh giá của nhiều bên, nhất là đánh giá của khách hàng, đánh giá của những người cùng lĩnh vực và đánh giá của xã hội; thiết lập thể chế báo cáo thành quả nghiên cứu của think tanks cũng như thông qua các phương thức khác nhau để ứng dụng các kết quả nghiên cứu của think tanks.

Để phát triển và phát huy vai trò của think tanks ở nước ta, *các cấp ủy đảng và chính quyền cần phải coi trọng đúng mức công tác lãnh đạo và hướng dẫn sự phát triển của think tanks* theo hướng coi nhiệm vụ xây dựng think tanks là một nội dung quan trọng trong nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng cũng như nâng cao hiệu quả quản trị của Nhà nước; từ đó, quan tâm lãnh đạo nhằm xây dựng đội ngũ chuyên gia giỏi cho các think tanks; phân bổ kinh phí đủ mức cho hoạt động của các think tanks; tạo điều kiện để think tanks và các chuyên gia trong các think tanks thông qua nhiều hình thức khác nhau để tham gia vào hoạt động tư vấn, giám định và phản biện chính sách của tổ chức đảng và chính quyền.

Để phát huy đúng mức vai trò của think tanks trong đời sống chính trị, *cần tạo môi trường cạnh tranh công bằng để các think tanks cạnh tranh với nhau*. Tạo lập cơ chế để phát huy sự cạnh tranh công khai, công bằng giữa các think tanks thông qua việc thực hiện tốt hơn công khai, minh bạch trong đấu thầu các dự án, đề tài khoa học cũng như trong

mua sắm dịch vụ tư vấn chính sách; thực hiện một chính sách có nhiều think tanks cung cấp báo cáo tư vấn, kiến nghị chính sách.

Một phương diện cuối cùng về tạo môi trường tốt cho think tanks hoạt động, đó là *tôn trọng tự do tư tưởng, tự do học thuật* và thực hiện tốt Quy định số 285-QĐ/TW của Bộ Chính trị khóa XI ngày 25/4/2015 *Về dân chủ trong nghiên cứu lý luận chính trị trong các cơ quan Đảng, Nhà nước* nhằm bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân được tự do sáng tạo, độc lập suy nghĩ, kiến nghị, được tôn trọng; tiếp thu ý kiến, vận dụng, sử dụng kết quả nghiên cứu trong các hoạt động nghiên cứu lý luận chính trị, phù hợp với pháp luật hiện hành¹. Bên cạnh đó, cũng cần có cơ chế để các chuyên gia và think tanks công khai kết quả nghiên cứu, tư vấn cũng như nêu quan điểm của mình đối với các vấn đề quan trọng trong đời sống chính trị - xã hội. Khích lệ sự tranh luận, phản biện lẫn nhau giữa các chuyên gia và think tanks về các vấn đề có liên quan. Khích lệ các chuyên gia và think tanks thông qua nhiều hình thức khác nhau (như qua cổng thông tin điện tử, hội thảo khoa học, hội nghị tư vấn, báo chí và truyền thông đại chúng, xuất bản sách, tạp chí... để thể hiện công khai ý kiến, chính kiến

1. Lê Hữu Nghĩa: “Thực hành và phát huy dân chủ qua 30 năm đổi mới”, truy cập www.tapchicongsan.org.vn, ngày 11/3/2016.

của mình đối với những vấn đề quan trọng (trừ những vấn đề thuộc bí mật quốc gia).

Thứ ba, kiện toàn thể chế quyết sách theo hướng mở và dân chủ; coi sự tham gia của think tanks là một khâu không thể thiếu trong quá trình hoạch định và đánh giá chính sách công. Thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã thông qua nhiều phương thức để phát huy vai trò của think tanks. Tuy nhiên, nhìn tổng thể vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế. Điển hình là: (i) Nhu cầu dịch vụ tư vấn chính sách của khu vực công đối với các think tanks chưa cao nên chưa tạo ra động lực mạnh mẽ cho các think tanks. Nguyên nhân do trong xây dựng chính sách, một số cơ quan còn nặng về tư duy kinh nghiệm, coi nhẹ vấn đề khoa học hóa chính sách nên chưa thật sự tìm đến các think tanks và đặt hàng các think tanks. Hiện tượng một số cơ quan hoạch định chính sách của nhà nước tự nghiên cứu, tự khởi thảo chính sách, tự thẩm định chính sách và tự quyết định chính sách đã tạo ra một vòng khép kín, thiếu vắng cơ chế độc lập từ bên ngoài tham gia vào quá trình tư vấn, phản biện chính sách¹. “Một số cán bộ lãnh đạo, quản lý chỉ chú trọng đến vốn tiền, vật chất mà chưa coi trọng nguồn nhân lực có trình độ cao. Vẫn còn hiện tượng ngại tiếp xúc, đối thoại, không thực sự lắng nghe, thậm chí

1. Nguyễn Trọng Bình: “Phát huy vai trò của tổ chức nghiên cứu, tư vấn chính sách trong lĩnh vực chính sách công”, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 4, 2016.

quy chụp, nhất là khi trí thức phản biện những chủ trương, chính sách, những đề án, dự án do các cơ quan lãnh đạo và quản lý đưa ra”¹; (ii) Thiếu cơ chế để phát huy thế mạnh và năng lực của các think tanks vào quá trình hoạch định chính sách. Các cơ quan hoạch định chính sách chưa đa dạng hóa các hình thức để tương tác và tranh thủ sự “trợ giúp” từ các think tanks trong quá trình xây dựng và ban hành các chủ trương, chính sách. Việc tập hợp các chuyên gia giỏi ở các lĩnh vực khác nhau vào các hội đồng, ủy ban tư vấn chính sách, việc lắng nghe ý kiến tư vấn và phản biện của các think tanks chưa được coi trọng đúng mức; (iii) Việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình chính sách còn nhiều bất cập. Từ thực tế này và tham khảo kinh nghiệm của Trung Quốc, cần tiếp tục coi trọng một số vấn đề sau: Một là, đội ngũ cán bộ lãnh đạo cần ý thức rõ hơn tầm quan trọng trong hoạt động của think tanks. Cần thấy rằng, con người hoàn toàn có thể mắc sai lầm, kể cả cán bộ lãnh đạo. Do đó, để hạn chế mắc sai lầm, cần dân chủ hóa quá trình hoạch định chính sách, coi trọng sự tham gia của chuyên gia và think tanks trong các khâu của quá trình chính sách. Hai là, thực hiện công khai

1. Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X số 27-NQ/TW ngày 6/8/2008 về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. (Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018, t.67, tr.797-798).

thông tin, minh bạch trong hoạt động của khu vực công, nhất là trong hoạt động của Nhà nước theo hướng nhấn mạnh trách nhiệm chủ động cung cấp thông tin cho xã hội của các cơ quan thuộc khu vực công, hoàn thiện trình tự và phương thức công khai thông tin của các cơ quan thuộc khu vực công; mở rộng kênh công khai thông tin của Chính phủ nhằm tạo thuận lợi hơn nữa cho các think tanks tiếp cận thông tin. Ba là, phải chú trọng việc trưng cầu ý kiến và lấy ý kiến của các chuyên gia, think tanks đối với các chính sách, quyết sách quan trọng. Theo đó, đối với những chủ trương, chính sách, quyết sách liên quan đến lợi ích công và lợi ích của đồng đảo nhân dân, cơ quan hoạch định chính sách cần phải thông qua các hình thức khác nhau để lắng nghe và tiếp nhận ý kiến, kiến nghị của think tanks; khích lệ các cơ quan trong khu vực công hợp tác nghiên cứu với các think tanks; thiết lập cơ chế phản hồi của cơ quan hoạch định, xây dựng chính sách đối với các ý kiến tư vấn của think tanks. Bốn là, có cơ chế để phát huy vai trò của think tanks trong đánh giá chính sách. Theo đó, trước khi quyết định phương án cải cách quan trọng, biện pháp chính sách lớn, công trình và dự án lớn, cần phải lấy ý kiến đánh giá, ý kiến phản biện của các think tanks về tính khả thi cũng như đánh giá rủi ro trên các phương diện về ổn định xã hội, môi trường và kinh tế. Việc lấy ý kiến đánh giá không nên chỉ lấy ý kiến đối với một think tank, mà nên lấy ý kiến đánh giá và phản biện của

nhiều think tanks khác nhau. Cùng với đánh giá phương án chính sách, cần có cơ chế để phát huy vai trò của think tanks trong đánh giá việc thực thi chính sách và hiệu quả chính sách, thực hiện kết hợp giữa đánh giá bên trong (tự đánh giá) của Chính phủ với đánh giá của think tanks nhằm bảo đảm tính khách quan và khoa học của kết quả đánh giá; thiết lập cơ chế phản hồi, công khai, vận dụng ý kiến đánh giá của think tanks. Năm là, đưa dịch vụ tư vấn chính sách của think tanks vào trong phạm vi và danh mục mua sắm dịch vụ của Chính phủ. Theo đó, cần quy định rõ báo cáo tư vấn, phương án chính sách, thiết kế quy hoạch và dữ liệu, thông tin điều tra của think tanks là thuộc vào phạm vi và danh mục mua sắm dịch vụ của Chính phủ; thực hiện công khai, minh bạch và cạnh tranh trong đấu thầu mua sắm dịch vụ tư vấn chính sách.

Thứ tư, bản thân các think tanks cần đổi mới về mọi mặt nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động. Trong thời gian qua, các think tanks ở nước ta, nhất là think tanks thuộc tổ chức đảng, nhà nước đã có những đóng góp quan trọng trong việc xây dựng và đổi mới chính sách công, nâng cao chất lượng thể chế. Các think tanks của Đảng và Nhà nước đã góp phần cung cấp luận cứ cho việc hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh và đối ngoại. Hệ thống think tanks của

các tổ chức chính trị - xã hội cũng đã góp phần quan trọng vào quá trình hoạch định, xây dựng chính sách và dự án... Tuy nhiên, nhìn chung năng lực và chất lượng hoạt động của think tanks ở Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế. Hoạt động của các think tanks sử dụng ngân sách nhà nước nhìn chung còn mang tính chất hành chính, tính độc lập tương đối còn chưa cao, trong hoạt động đôi khi thiên về “thuyết minh chính sách”, “tuyên truyền chính sách” (cho dù cũng quan trọng), mà ít chú trọng tới khía cạnh “cung cấp luận cứ” cho việc xây dựng, hoạch định chính sách và phản biện chính sách; chất lượng nghiên cứu còn chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn đổi mới đất nước và nhu cầu đổi mới thể chế, chính sách hiện nay¹. Từ thực tế này và tham khảo kinh nghiệm của Trung Quốc, bản thân mỗi think tank cần phải coi trọng việc tự xây dựng và nâng cao năng lực theo hướng: (i) phát hiện được những vấn đề lớn trong thực tiễn đang cản trở sự phát triển xã hội và có sự phân tích một cách thuyết phục và sâu sắc về nguyên nhân của những vấn đề đó; (ii) từ đó, các think tanks cần đề xuất được lý luận, chủ trương mới và độc lập, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại và phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước; đồng thời, lý luận và chủ trương mới do think tanks đề ra cần tạo ra được sự ảnh hưởng rộng rãi đối với xã hội; (iii) mỗi

1. Nguyễn Trọng Bình: “Phát huy vai trò của tổ chức tư vấn, nghiên cứu chính sách trong lĩnh vực chính sách công”, *Tlđd*.

chuyên gia trong các think tanks và từng think tank phải để cao trách nhiệm xã hội, trách nhiệm công, có tình cảm và ý thức trách nhiệm mãnh liệt đối với sự phát triển và tiến bộ của xã hội, sự phát triển của đất nước và đời sống của người dân; (iv) think tanks cần quan tâm và tập trung phân tích những vấn đề lớn, vĩ mô và dài hạn, từ đó để xuất được kiến nghị chính sách có tính “vượt trước” và “đón đầu”; (v) đối với think tanks, cơ sở vật chất và kinh phí hoạt động là quan trọng, nhưng quan trọng hơn cả là những con người thực sự có tài năng. Vì thế, Đảng, Nhà nước và các think tanks cần coi trọng việc xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao cho think tanks thông qua nhiều biện pháp khác nhau; coi trọng thu hút và tập hợp được nhân tài, các chuyên gia, nhà khoa học giỏi trong và ngoài nước vào làm việc trong các think tanks; trao quyền tự chủ cho các think tanks của Đảng, Nhà nước để các think tanks này có thể tự quyết định mức lương và phụ cấp cho các chuyên gia trong các think tanks; (vi) các think tanks cần xây dựng mạng lưới quan hệ ổn định với các cơ quan hoạch định chính sách, doanh nghiệp, các think tanks trong và ngoài nước, truyền thông đại chúng và các tổ chức xã hội; (vii) mỗi think tank cần tập trung vào lĩnh vực sở trường và thế mạnh, xác định rõ định hướng giá trị và lĩnh vực ảnh hưởng của mình; (viii) đa dạng hóa các hình thức nhằm thể hiện, công bố thành quả nghiên cứu của mình, trong đó có các hình thức như xuất bản tạp chí,

xuất bản phẩm; bình luận và trả lời phỏng vấn trên các phương tiện truyền thông đại chúng, mạng xã hội và công bố kết quả nghiên cứu trên cổng thông tin điện tử.

Thứ năm, đổi mới cơ chế tài chính nhằm đảm bảo nguồn lực tài chính cho hoạt động của think tanks; tăng cường xây dựng hạ tầng cơ sở về công nghệ thông tin cho think tanks và nâng cao sức ảnh hưởng quốc tế của think tanks. Hiện nay, trong hoạt động của mình, các think tanks Việt Nam đang gặp nhiều khó khăn về kinh phí hoạt động; cơ chế quản lý tài chính của bản thân mỗi think tanks vẫn còn nhiều bất cập. Do đó, Nhà nước cần coi trọng việc đổi mới cơ chế tài chính đối với think tanks theo hướng: (i) tăng mức đầu tư trực tiếp của Nhà nước cho hoạt động của think tanks. Để hạn chế một số bất cập ở phương diện này, nên đổi mới cơ chế phân bổ tài chính theo hướng Nhà nước đầu tư tài chính cho think tanks thông qua Quỹ Phát triển think tanks và các quỹ nghiên cứu; (ii) nới lỏng hạn mức xã hội tham gia tài trợ, đóng góp cho hoạt động của think tanks thông qua các công cụ như ưu đãi về thuế, miễn thuế, qua đó thúc đẩy doanh nghiệp, tổ chức xã hội và cá nhân tham gia đóng góp, quyên góp tài chính cho hoạt động của think tanks. Việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng về công nghệ thông tin của think tanks cần được thực hiện theo hướng phát triển do dữ liệu và thông tin cho các think tanks; đảm bảo để think tanks kết nối và tiếp cận được với kho dữ liệu của khu vực công;

công khai tất cả các kết quả nghiên cứu của think tanks lên kho dữ liệu thông tin. Bên cạnh đó, tham khảo kinh nghiệm của Trung Quốc, Việt Nam cũng nên có những hỗ trợ để nâng cao mức độ ảnh hưởng của think tanks trên trường quốc tế thông qua các phương thức như tăng cường đặt hàng để think tanks nghiên cứu các vấn đề chung mà nhân loại đang quan tâm hiện nay; khuyến khích các think tanks thu hút các chuyên gia giỏi ở các nước vào làm việc trong các think tanks; tăng cường giao lưu, hợp tác với các think tanks trên thế giới; ủng hộ và khuyến khích các chuyên gia và think tanks công bố kết quả nghiên cứu của mình trên các tạp chí quốc tế...

- Những kế thừa qua nghiên cứu hoạt động của think tanks ở Nhật Bản

Thứ nhất, nâng cao chất lượng tư vấn chính sách của các think tanks. Có thể nhận thấy, vai trò của think tanks gồm các chuyên gia trong các lĩnh vực khác nhau trong việc thúc đẩy và tư vấn chính sách cho Chính phủ là rất rõ ràng. Ở Nhật Bản, một trong những think tanks chiếm số lượng lớn là các think tanks được thành lập bởi Chính phủ hay được Chính phủ ủng hộ. Do yếu tố lịch sử, ngay cả các think tanks do Chính phủ thành lập từ các bộ như Bộ Ngoại giao, Bộ Thương mại sau này được tách ra, hoạt động độc lập, thì hiện vẫn là những think tanks của Chính phủ và là kênh tham vấn quan trọng trong quá trình làm chính sách ở Nhật Bản.

Ở Việt Nam, cũng có một hệ thống các viện được thành lập bởi Nhà nước gồm: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và các viện, trung tâm nghiên cứu thuộc các bộ và các cơ quan của bộ máy Nhà nước, bộ máy Đảng. Chức năng của các viện là nghiên cứu khoa học và phục vụ cho các yêu cầu của các cơ quan nhà nước và đảng. Tuy nhiên, hiện mức độ kết nối giữa các kết quả nghiên cứu từ các viện với thực tế chính sách vẫn còn khá lỏng lẻo. Trong khi các nhà làm chính sách cho rằng, những nghiên cứu và khuyến nghị từ các nhà khoa học là thiếu thực tế thì các nhà khoa học lại cho rằng thiếu cơ chế để họ có thể tiếp cận và gây ảnh hưởng đối với quá trình chính sách của Nhà nước.

Việc thiếu sự kết nối giữa nhà khoa học và nhà làm chính sách hiện cũng là thực trạng đang diễn ra ở Nhật Bản. Song, nguyên nhân chính ở đây là do cơ chế tuyển chọn công chức nghiêm ngặt và yêu cầu cao đã tạo cho hệ thống chính trị Nhật Bản một niềm tin về khả năng của các công chức trong việc đưa ra đề xuất lấn giải pháp chính sách. Chính điều này khiến tiếng nói của think tanks thường bị lấn át so với tiếng nói của công chức - vốn được nhìn nhận là trí thức tinh hoa. Tuy vậy, trước sự vận động không ngừng của thực tiễn cho thấy, Chính phủ không thể tách rời khỏi các think tanks, và cụ thể là từ trong lịch sử cho đến nay rất nhiều thủ tướng Nhật đã thành lập các think tanks riêng cho chính phủ

của mình nhằm đáp ứng các yêu cầu nghiên cứu đối với các vấn đề cấp bách trong nước và quốc tế, nhằm đưa ra những chính sách có lợi nhất cho nước Nhật. Các chính sách đối ngoại như xây dựng Nhật Bản trở thành “quốc gia bình thường” hay “Sáng kiến Nhật Bản” liên quan đến việc định hình mối quan hệ giữa Nhật Bản với các quốc gia láng giềng và khu vực là kết quả của các nghiên cứu từ các think tanks trước các “đơn đặt hàng” của Chính phủ.

Trong khi đó, cơ chế tuyển chọn công chức ở Việt Nam chưa tạo nên lực hút để biến bộ máy nhà nước trở thành nơi tập trung của trí tuệ tinh hoa. Điều này đồng thời cũng khiến cho Việt Nam hiện có rất nhiều dư địa cho sự cạnh tranh của các think tanks trong việc đưa ra các tham vấn chính sách. Có 5 think tanks Việt Nam được xếp hạng trong top các think tanks có ảnh hưởng chính sách tới chính phủ ở khu vực Đông Nam Á và Thái Bình Dương theo Báo cáo Think tanks toàn cầu năm 2018 gồm: Viện Kinh tế và Chính trị thế giới (IWEP) (18/108), Học viện Ngoại giao Việt Nam (DAV) (42/108), Viện Kinh tế Việt Nam (VIE) (44/108), Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR) (59/108), Viện Nghiên cứu châu Mỹ (VIAS) (98/108)¹.

1. “The 2018 Global go to Think tanks Index Report” produced by the University of Pennsylvania, Harano Jōji of Nippon.com and published on February 12, 2018, p.92.

Thứ hai, tạo thể chế cho các think tanks độc lập hoạt động trong khuôn khổ pháp luật. Nhật Bản tuy là quốc gia đi theo thể chế cạnh tranh đảng phái, song nhìn vào lịch sử đảng chính trị của quốc gia này cho thấy, thời gian cầm quyền chủ yếu thuộc về đảng LDP. Theo đó, về thực chất mô hình đảng phái ở Nhật gần giống với một thể chế đảng nổi trội hơn là đa đảng. Yếu tố đảng phái này bởi thế đã chi phối không nhỏ đến các đánh giá về dân chủ của phương Tây khi cho rằng, Nhật Bản hạn chế sự phát triển của các think tanks độc lập bởi những lo ngại về các vấn đề nhạy cảm có thể được nghiên cứu và công bố như quyền con người, quân sự và hiến pháp. Mặc dù có những đánh giá như vậy, song nhìn vào thực tiễn hoạt động của think tanks ở Nhật Bản chúng ta vẫn thấy một vị trí quan trọng của các think tanks độc lập trong việc gây ảnh hưởng đối với quy trình chính sách và chứng tỏ vẫn có những cơ chế cho sự tồn tại và phát triển của loại hình think tanks này ở Nhật Bản.

Một trong những think tanks độc lập có tiếng nói ở Nhật Bản hiện nay là NIKA. Hướng phát triển của NIKA rất rõ ràng, đó là ưu tiên các nghiên cứu về phát triển kinh tế của Nhật Bản và đưa ra được các tham vấn chính sách kịp thời cho Chính phủ. Vốn có nguồn tài chính ổn định và dồi dào, NIKA sở hữu hàng ngàn chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực kinh tế và phát triển xã hội. Think tank này nhờ đó đã đồng hành cùng Chính phủ Nhật Bản qua các giai đoạn

khác nhau của nền kinh tế Nhật Bản, từ ưu tiên phát triển công nghiệp sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phát triển dịch vụ và thương mại sau những năm 1970 và phát triển công nghệ thông tin sau những năm 1990.

Mặc dù số lượng các think tanks độc lập có tiếng nói mạnh mẽ như NIKA không phải là nhiều, song nó cho thấy thế mạnh nhất định của các think tanks độc lập giúp cho nó có thể thực hiện các nghiên cứu công phu và mang giá trị tham vấn cao. Đó là nguồn lực và định hướng nghiên cứu cởi mở, không bị gò bó vào các đơn đặt hàng. Chính nhờ tính năng động trong lĩnh vực nghiên cứu và vấn đề nghiên cứu khiến các think tanks độc lập có những ý tưởng chính sách đột phá, đi trước, và do đó nó giúp Chính phủ có những quyết sách mang tính bước ngoặt, đặc biệt là các chính sách kinh tế.

Ở Việt Nam hiện nay, mô hình think tanks độc lập chưa phổ biến và việc chấp nhận sự phát triển của các think tanks độc lập muốn được thể chế hóa cũng cần có những bước đi được nghiên cứu kỹ lưỡng. Bởi, ngoài những giá trị mà các think tanks độc lập có thể mang lại như tính đột phá, tính phản biện cao đối với chính sách hiện hành thì nó cũng tiềm ẩn nhiều khả năng về việc lợi dụng diễn đàn think tanks vì các mục tiêu chính trị khác ảnh hưởng đến uy tín của đảng cầm quyền. Chính vì tính hai mặt của các think tanks loại này nên trong thể chế một đảng nổi trội như ở Nhật Bản

hay thể chế một đảng cầm quyền như Việt Nam sẽ có nhiều kinh nghiệm tham khảo trong việc phát triển loại hình think tanks này.

Thứ ba, khuyến khích phát triển các think tanks ở các trường đại học. Các trường đại học ở Việt Nam tập trung một số lượng lớn các giảng viên là những nhà khoa học đồng đảo, song lại nặng về đào tạo hơn nghiên cứu. Rất hiếm các trường đại học tổ chức các viện nghiên cứu, hoặc nếu có thì sự chú trọng cho nghiên cứu là thấp thể hiện qua kinh phí đầu tư cho lĩnh vực nghiên cứu và số lượng cũng như chất lượng của các nghiên cứu đó. Điều này cũng kéo theo việc có được các nghiên cứu mang tính tham vấn chính sách lại càng ít.

Trong khi đó, kinh nghiệm từ sự phát triển các think tanks ở Nhật Bản cho thấy các viện nghiên cứu ở các trường đại học là một trong những tác nhân có ảnh hưởng quan trọng đối với chính sách và là một trong hai giải pháp chủ yếu để các think tanks có thể gây ảnh hưởng đối với các nhà chính trị. Bởi thế mạnh của loại hình think tanks này là nền tảng học thuật và mạng lưới trao đổi kinh nghiệm rộng lớn với các think tanks cũng như các mô hình chính sách ở nhiều quốc gia trên thế giới. Điều này là mảng trống của các nhà hoạt động thực tiễn mà các think tanks có thể bù đắp.

Từ kinh nghiệm của Nhật Bản soi chiếu với thực tế hoạt động của loại hình think tanks này ở nước ta cho thấy một

sự thiếu hụt quá lớn ở Việt Nam khi không đánh giá và có chiến lược rõ ràng cho sự phát triển loại hình này. Theo đó, đối với hệ thống trường công lập thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo cần có chính sách tuyển dụng cũng như đào tạo rõ ràng theo hướng trường đại học với các chuyên gia có năng lực nghiên cứu và tham gia vào quá trình chính trị như những think tanks sẽ hỗ trợ các nhà chính trị làm chính sách. Đối với các trường đại học dân lập, hiện đang diễn ra thực trạng tập trung mạnh vào các mã ngành đang nhận được đòi hỏi từ thị trường nhân lực như công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng; và tập trung chủ yếu vào khâu đào tạo nhiều hơn là nghiên cứu.

Sự bổ sung kịp thời của các tham vấn chính sách có nền tảng lý thuyết cũng như những bằng chứng nghiên cứu rõ ràng sẽ là căn cứ quan trọng nhằm nâng cao chất lượng cho các chính sách được tham vấn. Bên cạnh đó, từ kinh nghiệm của Nhật Bản cho thấy, việc thu hút các cựu quan chức vào các think tanks với tư cách là các cựu học viên là một mô hình lý tưởng cho sự kết nối giữa các chuyên gia và các nhà khoa học. Thậm chí, các trường đại học tham gia tổ chức các khóa đào tạo cho đội ngũ công chức đương nhiệm. Đây là cơ hội để các nghiên cứu được chuyển tải thẳng tới các nhà làm chính sách và đưa các nghiên cứu nhanh chóng chuyển thành các quy định, luật pháp và chính sách. Hiện nay ở Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các

học viện trực thuộc cùng hệ thống các trường chính trị ở các tỉnh, thành phố là mô hình lý tưởng để thực hiện sự kết nối này. Đây cũng là một mô hình think tank đặc biệt được thành lập bởi Đảng Cộng sản cầm quyền với hơn 70 năm nghiên cứu và đào tạo các thế hệ cán bộ cốt cán của Đảng và Nhà nước. Điều đó càng đòi hỏi nơi đây tập trung các nhà khoa học đầu ngành cũng như những nghiên cứu mang tính tham vấn nhiều hơn không chỉ cho quá trình chính sách của Nhà nước mà còn ở tầm tư duy chiến lược cho sự lãnh đạo của Đảng đối với sự phát triển đất nước trong dài hạn.

3. Những gợi ý tham khảo cho think tanks ở Việt Nam phục vụ công cuộc phát triển đất nước hiện nay

Ngày 22/3/2018, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 23-NQ/TW *Về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*. Theo đó, Nghị quyết xác định: “đến năm 2030, Việt Nam hoàn thành mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; thuộc nhóm ba nước dẫn đầu khu vực ASEAN về công nghiệp, trong đó một số ngành công nghiệp có sức cạnh tranh quốc tế và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tầm nhìn đến năm 2045, Việt Nam trở thành nước công nghiệp phát triển hiện đại”. Tại Diễn đàn Cải cách và Phát triển Việt Nam 2019 (VRDF), bên cạnh những thành tựu đáng ghi nhận, các chuyên gia cũng

đã chỉ ra thực tế là công cuộc đổi mới trong hơn ba thập kỷ vừa qua đã chạm tới những giới hạn của nó. Đất nước hiện đang phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức, đòi hỏi sự đột phá về thể chế và chính sách.

Tiến trình phát triển trong những năm tới hẳn nhiên sẽ cần rất nhiều những ý tưởng chính sách sáng tạo để có thể đưa nền kinh tế - xã hội nước ta đạt được những mục tiêu chiến lược mà Đảng đã đề ra. Đây cũng chính là yếu tố sẽ dẫn đến nhu cầu về các think tanks - nơi có thể góp phần giúp chính quyền nhà nước cải thiện chất lượng hoạch định và thực thi chính sách. Cụ thể hơn, nền kinh tế thị trường tự do và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng tất yếu sẽ kích thích sự hình thành các nhóm lợi ích đa dạng, với nhu cầu khác nhau. Một xã hội đa lợi ích sẽ có đòi hỏi cao hơn với các chính sách của Nhà nước. Các chính sách không chỉ phản ánh nhu cầu của chính quyền mà cũng cần phải quan tâm thấu đáo đến các quan điểm và nguyện vọng của các nhóm xã hội. Bối cảnh thế giới và trong nước đầy biến động cũng sẽ đòi hỏi những phản ứng chính sách nhanh chóng, chính xác và chất lượng. Viễn cảnh này sẽ đặt chính quyền trước những giới hạn về nguồn lực, và bởi vậy tất yếu sẽ cần đến sự tham gia của các chủ thể ngoài Nhà nước - trong đó có các think tanks chuyên nghiệp.

Từ nghiên cứu phương thức phát triển think tanks và phương thức phát huy vai trò của think tanks trong đời sống

chính trị ở Hoa Kỳ, Trung Quốc và Nhật Bản, chúng tôi đề xuất một số gợi ý tham khảo cho think tanks Việt Nam phục vụ công cuộc phát triển đất nước hiện nay như sau:

Thứ nhất, tạo môi trường tự do nghiên cứu thảo luận chính sách: thực tế trên thế giới cho thấy, think tanks không thể thành công nếu không được tự do nghiên cứu và thảo luận chính sách. Việc kiến tạo không gian này với ý nghĩa là thực hiện tốt Quy định số 285-QĐ/TW của Bộ Chính trị khóa XI ngày 25/4/2015 *Về dân chủ trong nghiên cứu lý luận chính trị trong các cơ quan Đảng, Nhà nước*, thể hiện sự tự do tư tưởng, tự do học thuật, nhằm bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân được tự do sáng tạo, độc lập suy nghĩ, kiến nghị, được tôn trọng, tiếp thu ý kiến, vận dụng, sử dụng kết quả nghiên cứu trong các hoạt động nghiên cứu lý luận chính trị, phù hợp với pháp luật hiện hành¹. Tự do nghiên cứu thảo luận chính sách cũng là tiền đề cho khả năng chính quyền tiếp nhận và sử dụng các kết quả nghiên cứu chính sách. Một think tank với đội ngũ chuyên gia chất lượng đến đâu cũng sẽ không thực sự hữu ích nếu họ thiếu phương tiện thể chế để có thể chuyển giao các kết quả nghiên cứu cho chính quyền. Vì thế, Đảng và Nhà nước cần

1. Xem Lê Hữu Nghĩa: “Thực hành và phát huy dân chủ qua 30 năm đổi mới”, Tạp chí *Cộng sản* điện tử, www.tapchicongsan.org.vn, truy cập ngày 11/3/2016.

coi trọng hơn vai trò của think tanks trong quá trình chính sách công cũng như trong đời sống chính trị - xã hội, từ đó có nghị quyết hoặc văn bản cụ thể để hướng dẫn, định hướng sự phát triển của think tanks ở Việt Nam, nhằm cụ thể hóa các quan điểm đúng đắn về tính dân chủ và thực hành dân chủ, tôn trọng, phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo, tư vấn, phản biện của các nhà khoa học¹ cũng như “vai trò tư vấn, phản biện, giám định xã hội của các cơ quan nghiên cứu khoa học trong việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các dự án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội”² cần được coi trọng. Qua đó, cần nhận thức đúng đắn, đầy đủ hơn về vai trò của think tanks và có phương thức hợp lý nhằm phát huy vai trò của think tanks, nhằm góp phần nâng cao năng lực cầm quyền theo khoa học, cầm quyền theo pháp luật và cầm quyền dân chủ của Đảng cũng như thúc đẩy hiệu quả quản trị của Nhà nước; cần thấy được rằng, phát triển và phát huy vai trò của think tanks ở nước ta là chỗ dựa quan trọng để Đảng và Nhà nước hoạch định được chủ trương, chính sách đúng đắn và sáng tạo, là yêu cầu không thể thiếu để Đảng và Nhà nước đề ra được chính sách khoa học, dân chủ và theo pháp luật; cũng cần thấy

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.122, 261.

được rằng, phát triển và phát huy vai trò của think tanks là một yêu cầu quan trọng nhằm phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

Thứ hai, kiến tạo môi trường tốt cho sự phát triển và hoạt động của think tanks. Sau 35 năm đổi mới, đến nay, ở nước ta đã hình thành các loại hình think tanks, bao gồm think tanks của Đảng, hệ thống các think tanks của các cơ quan nhà nước; hệ thống các think tanks của trường đại học, các think tanks tồn tại dưới dạng các viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu từ Trung ương đến địa phương của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân... Tuy nhiên, sự phát triển của các think tanks ở Việt Nam vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là còn có sự mất cân đối giữa các loại hình think tanks. Thực tế cho thấy, think tanks của Đảng, Nhà nước có số lượng lớn, trong khi think tanks của các trường đại học, doanh nghiệp và xã hội số lượng còn ít. Vì thế, cần khuyến khích phát triển các think tanks ở các trường đại học, nơi tập trung một số lượng lớn các giảng viên là những nhà khoa học, có học vị tiến sĩ đồng đảo, song lại nặng về đào tạo hơn nghiên cứu. Rất hiếm các trường đại học tổ chức các viện nghiên cứu, hoặc nếu có thì sự chú trọng cho nghiên cứu còn hạn chế thể hiện qua kinh phí đầu tư cho lĩnh vực nghiên cứu và số lượng cũng như chất lượng của các nghiên cứu đó. Điều này cũng kéo theo việc có được các nghiên cứu

mang tính tham vấn chính sách lại càng ít. Sự khuyến khích phát triển think tanks ở các trường đại học sẽ dần trở thành một trong những tác nhân có ảnh hưởng quan trọng đối với các quá trình phát triển và tham vấn chính sách. Việc thu hút các cựu quan chức vào các think tanks với tư cách là các cựu học viên vào các trường đại học, các viện nghiên cứu, các thể chế đào tạo là một mô hình lý tưởng cho sự kết nối giữa các chuyên gia và các nhà khoa học.

Thứ ba, định hướng mục tiêu của các chính sách và nâng cao năng lực quản lý của Nhà nước đối với think tanks: với mục đích là không để các think tanks bị lợi dụng để phục vụ các mục đích kinh tế - chính trị của các nhóm lợi ích trong nước, hay các thế lực ngoài nước. Theo đó, bên cạnh các cơ quan nhà nước, các pháp nhân chính thức như các trường đại học hay tổ chức hội nghề nghiệp, hội doanh nhân được quyền thành lập think tanks dưới hình thức NGOs. Các think tanks dạng này phải tự túc ngân sách và có thể nhận các khoản kinh phí tài trợ đến từ khu vực công hoặc tư nhân trong nước. Các khoản kinh phí đến từ các tổ chức, cá nhân, hay chính phủ nước ngoài cần bị cấm tuyệt đối. Các think tanks Việt Nam cũng cần được tự do tuyển dụng nhân sự theo nhu cầu của tổ chức. Đội ngũ nhân sự có thể đến từ nhiều quốc gia khác nhau nhưng chỉ thuần túy tập trung làm các công việc chuyên môn (nghiên cứu, phân tích, đánh giá chính sách) chứ không được phép thực hiện các

hoạt động vận động chính sách. Bên cạnh đó, cần có cơ chế quản lý phù hợp đối với từng loại hình think tanks; tăng cường trách nhiệm hướng dẫn vĩ mô của Nhà nước đối với think tanks thông qua quy hoạch phát triển, chính sách phát triển và điều tiết sự phát triển hài hòa đồng bộ của các loại hình think tanks; đổi mới phương thức quản lý của các cơ quan nhà nước vừa bảo đảm để think tanks hoạt động đúng phương hướng, vừa có lợi cho việc phát triển tự chủ của think tanks, khắc phục sự can thiệp trực tiếp và quá mức của cơ quan chủ quản đối với tổ chức và hoạt động của các think tanks. Hướng dẫn và khuyến khích các think tanks hợp tác nghiên cứu với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và xã hội; nâng cao tính hiệu quả và tính thiết thực trong nghiên cứu của các think tanks; đổi mới hoạt động đấu thầu dự án, đề tài khoa học theo hướng công khai, minh bạch và cạnh tranh. Đổi mới thể chế quản lý kinh phí theo hướng thiết lập cơ chế quản lý kinh phí hiệu quả, công khai, minh bạch cũng như tăng cường giám sát hoạt động dự toán và sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học của các think tanks. Đổi mới cơ chế đánh giá thành quả nghiên cứu và ứng dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu của các think tanks theo hướng hoàn thiện biện pháp đánh giá, lấy mức độ đổi mới của nghiên cứu, chất lượng nghiên cứu và cống hiến thực tế làm định hướng, kết hợp hệ thống chỉ tiêu đánh giá của nhiều bên, nhất là đánh giá của khách hàng, đánh giá của

những người cùng lĩnh vực và đánh giá của xã hội; thiết lập thể chế báo cáo thành quả nghiên cứu của think tanks cũng như thông qua các phương thức khác nhau để ứng dụng các kết quả nghiên cứu của think tanks.

Thứ tư, coi trọng đúng mức công tác lãnh đạo và hướng dẫn sự phát triển của think tanks theo hướng coi nhiệm vụ xây dựng think tanks là một nội dung quan trọng trong việc nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng cũng như nâng cao hiệu quả quản trị của Nhà nước. Từ đó, quan tâm lãnh đạo nhằm xây dựng đội ngũ chuyên gia giỏi cho các think tanks; phân bổ kinh phí đủ mức cho hoạt động của các think tanks; tạo điều kiện để think tanks và các chuyên gia trong các think tanks thông qua nhiều hình thức khác nhau để tham gia vào hoạt động tư vấn, giám định và phản biện chính sách của tổ chức đảng và chính quyền.

Thứ năm, tạo môi trường cạnh tranh công bằng để các think tanks cạnh tranh với nhau. Thực tiễn nước ta cho thấy, think tanks của Đảng và Nhà nước có nhiều ưu thế và được ưu ái hơn so với think tanks của các trường đại học, think tanks của các doanh nghiệp và think tanks xã hội. Chính điều này vừa không có lợi cho việc nâng cao chất lượng tư vấn chính sách, vừa làm suy giảm động lực hoạt động của think tanks thuộc các trường đại học, doanh nghiệp và xã hội. Để khắc phục điều này, cần tạo lập cơ chế để phát huy sự cạnh tranh công khai, công bằng giữa các think tanks thông qua

việc thực hiện tốt hơn công khai, minh bạch trong đấu thầu các dự án, đề tài khoa học cũng như trong việc mua sắm dịch vụ tư vấn chính sách; thực hiện một chính sách có nhiều think tanks cung cấp báo cáo tư vấn, kiến nghị chính sách. Nhằm đáp ứng yêu cầu dân chủ hóa quyết sách chính trị và nâng cao năng lực quyết sách chính trị hiện nay, thiết nghĩ, cần coi trọng phát triển mạnh mẽ và cân bằng các loại hình think tanks, nhất là có cơ chế để think tanks doanh nghiệp và xã hội được thành lập và hoạt động có hiệu quả.

Thứ sáu, thiết kế mô hình think tanks phù hợp bao gồm các chức năng nghiên cứu, thảo luận, và tư vấn chính sách. Các think tanks như vậy sẽ thuần túy chỉ là những “chiếc hộp tư duy” hay “nhà máy sản xuất các ý tưởng” để chính quyền có thể tham khảo và lựa chọn. Think tanks sẽ được phân biệt với các cơ sở nghiên cứu và đào tạo khác ở chỗ chúng chỉ tập trung vào phát hiện, nghiên cứu, và phân tích các vấn đề chính sách xuất hiện trong đời sống xã hội đương đại. Đó là những vấn đề bức thiết, liên quan trực tiếp đến cuộc sống hằng ngày của người dân, và cần hành động của chính quyền. Trên cơ sở đó, các chuyên gia think tanks sẽ đề xuất các lựa chọn hành động chính sách cho chính quyền, cụ thể là các nhà hoạch định chính sách như đại biểu Quốc hội tham khảo.

Thứ bảy, coi sự tham gia của think tanks là một khâu không thể thiếu trong quá trình hoạch định và đánh giá

chính sách công. Thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã thông qua nhiều phương thức để phát huy vai trò của think tanks. Tuy nhiên, nhìn tổng thể vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế. Điển hình là: (i) Nhu cầu dịch vụ tư vấn chính sách của khu vực công đối với các think tanks chưa cao nên chưa tạo ra động lực mạnh mẽ cho các think tanks. Do trong xây dựng chính sách, một số cơ quan còn nặng về tư duy kinh nghiệm, coi nhẹ vấn đề khoa học hóa chính sách nên chưa thật sự tìm đến các think tanks và đặt hàng các think tanks. Hiện tượng cơ quan hoạch định chính sách của Nhà nước tự nghiên cứu, tự khởi thảo chính sách, tự thẩm định chính sách và tự quyết định chính sách đã tạo ra một vòng khép kín, thiếu vắng cơ chế độc lập từ bên ngoài tham gia vào quá trình tư vấn, phản biện chính sách như trên đã trình bày; (ii) Thiếu cơ chế để phát huy thế mạnh và năng lực của các think tanks vào quá trình hoạch định chính sách. Các cơ quan hoạch định chính sách chưa đa dạng hóa các hình thức để tương tác và tranh thủ sự “trợ giúp” từ các think tanks trong quá trình xây dựng và ban hành các chủ trương, chính sách. Việc tập hợp các chuyên gia giỏi ở các lĩnh vực khác nhau vào các hội đồng, ủy ban tư vấn chính sách, việc lắng nghe ý kiến tư vấn và phản biện của các think tanks chưa được coi trọng đúng mức; (iii) Việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình chính sách còn nhiều bất cập.

Thứ tám, đổi mới cơ chế tài chính nhằm đảm bảo nguồn lực tài chính cho hoạt động của think tanks; tăng cường xây dựng hạ tầng cơ sở về công nghệ thông tin cho think tanks và nâng cao sức ảnh hưởng quốc tế của think tanks. Hiện nay, trong hoạt động của mình, các think tanks Việt Nam đang gặp nhiều khó khăn về kinh phí hoạt động; cơ chế quản lý tài chính của bản thân mỗi think tank vẫn còn nhiều bất cập. Do đó, Nhà nước cần coi trọng việc đổi mới cơ chế tài chính đối với think tanks theo hướng: (i) Tăng mức đầu tư trực tiếp của Nhà nước cho hoạt động của think tanks. Để hạn chế một số bất cập ở phương diện này, nên đổi mới cơ chế phân bổ tài chính theo hướng Nhà nước đầu tư tài chính cho think tanks thông qua Quỹ Phát triển think tanks và các quỹ nghiên cứu; (ii) Nới lỏng hạn mức xã hội tham gia tài trợ, đóng góp cho hoạt động của think tanks thông qua các công cụ như ưu đãi về thuế, miễn thuế, qua đó thúc đẩy các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và cá nhân tham gia đóng góp, quyên góp tài chính cho hoạt động của think tanks. Việc đầu tư phát triển hạ tầng cơ sở về công nghệ thông tin của think tanks cần được thực hiện theo hướng phát triển kho dữ liệu và thông tin cho các think tanks; đảm bảo để think tanks kết nối và tiếp cận được với kho dữ liệu của khu vực công; công khai tất cả các kết quả nghiên cứu của think tanks lên kho dữ liệu thông tin. Bên cạnh đó, tham khảo kinh nghiệm của Trung Quốc, Việt Nam cũng nên có những hỗ trợ để nâng

cao mức độ ảnh hưởng của think tanks trên trường quốc tế thông qua các phương thức như tăng cường đặt hàng để think tanks nghiên cứu các vấn đề chung mà nhân loại đang quan tâm hiện nay; khuyến khích các think tanks thu hút các chuyên gia giỏi ở các nước vào làm việc trong các think tanks; tăng cường giao lưu, hợp tác với các think tanks trên thế giới; ủng hộ và khuyến khích các chuyên gia và think tanks công bố kết quả nghiên cứu của mình trên các tạp chí quốc tế.

KẾT LUẬN

Về căn bản, think tanks dù xuất hiện trên thế giới chưa lâu, nhưng đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đến các quá trình chính trị ở các quốc gia. Trong bối cảnh hội nhập, toàn cầu hóa và kỷ nguyên số hiện nay, Việt Nam cần coi trọng, phát huy hiệu quả của hệ thống cơ quan nghiên cứu, tư vấn của Nhà nước cũng như nguồn trí tuệ dồi dào của xã hội như các think tanks. Phụ thuộc vào các yếu tố văn hóa, thể chế chính trị và trình độ phát triển kinh tế mà các think tanks thể hiện vai trò của mình ở các mức độ khác nhau trong đời sống chính trị nói chung và quá trình chính sách nói riêng. Nghiên cứu về các think tanks ở Hoa Kỳ, Trung Quốc và Nhật Bản cho thấy sự ảnh hưởng lớn của chúng đối với đời sống chính trị. Tính năng động của nền văn hóa và đời sống nói chung đã mang tới một cuộc cách mạng trong giáo dục và hệ quả sau cùng là sự lên ngôi của quyền lực tri thức. Đây là mảnh đất màu mỡ cho sự xuất hiện và phát triển các think tanks Hoa Kỳ, Trung Quốc và Nhật Bản. Mỗi một quốc gia đều có thể mạnh xuất phát từ nền chính trị

đặc trưng của mình. Thể chế chính trị phân quyền mạnh mẽ ở Hoa Kỳ là điều kiện thuận lợi cho các nhóm think tanks độc lập và có tiếng nói cụ thể ở các hoạt động chính trị cụ thể. Thể chế chính trị với quyền lực mạnh của đảng cầm quyền như Trung Quốc là lý do cho quá trình tập trung nguồn lực và mối tư duy về một định hướng quan trọng của mọi góc nhìn chính sách. Thể chế chính trị liên minh ở Nhật Bản là lý do quan trọng cho các think tanks được nuôi dưỡng và vận dụng trong các cuộc chiến về trí tuệ lẩn quyền lực giữa các nhóm trong một đảng chính trị và giữa các đảng chính trị với nhau.

Việc nghiên cứu và chỉ ra những đặc trưng và kinh nghiệm ảnh hưởng chính sách của các think tanks Hoa Kỳ, Trung Quốc và Nhật Bản mang đến những tham chiếu có giá trị cho Việt Nam. Cần nhìn nhận đời sống think tanks ở Việt Nam còn khá nghèo nàn, chưa thực sự phát huy trong đời sống thực tiễn, và với rất ít các think tanks được xếp hạng ngay trong khu vực Đông Nam Á. Điều này cho thấy, đang có một giới hạn khá lớn trong việc tạo cơ chế cho sự tham gia của think tanks vào đời sống chính trị, và cụ thể hơn, là vào quá trình chính sách. Theo đó, Đảng và Nhà nước cần kiến tạo các thể chế mới, các cơ chế phù hợp để tận dụng nguồn tri thức trong xã hội vào quá trình chính sách. Trong khi năng lực của giới công chức cũng như công tác tuyển chọn còn nhiều bất cập thì việc có thể thành lập các

think tanks có chất lượng phục vụ cho quá trình tham vấn chính sách là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh đất nước đang trong bối cảnh mở cửa và phát triển như hiện nay.

Rõ ràng, think tanks là sản phẩm tất yếu của các nền chính trị, nếu hình dung chính sách công là một sản phẩm mang tính công cụ của hệ thống chính trị thì think tanks là một trong những yếu tố để gọt giũa nên công cụ đó. Cùng với sự vận động của đời sống chính sách công, các think tanks cũng hoạt động không ngừng xoay quanh sự tiếp nối liên tục của các vòng đời chính sách, từ đó tạo ra các hàm lượng tri thức cho mỗi chính sách thực sự có chất lượng.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
3. Minh An: “Think tank đầu tiên của Việt Nam: sự nhập cuộc của các trí thức miền Nam”, truy cập <https://vietnamfinance.vn>, ngày 30/4/2019.
4. Nguyễn Trọng Bình: “Tổ chức nghiên cứu, tư vấn chính sách trong lĩnh vực chính sách công ở một số nước trên thế giới”, Tạp chí *Tổ chức Nhà nước*, số 12, 2015.
5. Nguyễn Trọng Bình: “Xây dựng và phát triển tổ chức tư vấn chính sách ở Trung Quốc hiện nay”, Tạp chí *Thông tin Khoa học Lý luận chính trị*, số 4, 2019.
6. Nguyễn Trọng Bình: “Nhận thức của Đảng Cộng sản Trung Quốc về các mối quan hệ lớn cần giải quyết tốt

trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội”, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 2, 2019.

7. Trần Thị Hạnh: “Tư tưởng của Fukuzawa Yukichi về con người và ảnh hưởng đến chuyển biến tư tưởng của nho sĩ duy tân Việt Nam đầu thế kỷ XX”, Tạp chí *Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Đại học Quốc gia Hà Nội, số 27, 2011.
8. Kim Hiền: “Chỉ có 7 think tank Việt Nam được thế giới công nhận”, truy cập www.kinhtevadubao.vn, ngày 2/2/2018.
9. Lê Hữu Nghĩa: “Thực hành và phát huy dân chủ qua 30 năm đổi mới”, Tạp chí *Cộng sản điện tử*, truy cập www.tapchicongsan.org.vn, ngày 11/3/2016.
10. Nguyễn Cẩm Ngọc: “Think tank - Một mô hình tổ chức hiện đại tạo cơ hội cho giới trí thức tinh hoa góp phần hoạch định chính sách quốc gia”, Tạp chí *Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Đại học Quốc gia Hà Nội, tập 31, số 2, 2015.
11. “Think tank ở Việt Nam: Từ quá khứ và hiện tại”, truy cập www.vusta.vn, ngày 15/7/2014.

TÀI LIỆU NUỐC NGOÀI

1. Abb., Pascal; Köllner, Patrick: “Foreign policy think tanks in China and Japan: characteristics, current profile, and the case of collective self-defence”, *International journal: Canada's journal of global policy analysis* 70, 4, 2015; DOI: <http://dx.doi.org/10.1177/0020702015592119>.

2. Andrew Rich: *Chính trị học về tổ chức nghiên cứu chính sách, chính sách công và chuyên gia chính sách*, Nxb. Thượng Hải, 2010.
3. Bender, Bryan: “Many D.C. think tanks now players in partisan wars”, <https://www.bostonglobe.com/news/nation/2013/08/10/brain-trust-for-sale-the-growing-footprint-washington-think-tank-industrial-complex/7ZifHfrLPlbz0bSeVOZHdI/story.html>, 2013.
4. Chance. A: “Think tanks in the United States: Activities, Agendas, and Influence”, *Institute for China-America Studies*, Washington DC, 2016.
5. Chie Nakane: *Xã hội Nhật Bản*, (Đào Anh Tuấn dịch), (Lê Văn Sang hiệu đính), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990.
6. Cui Shu-Yi, Yang Jin-Wei: *Xây dựng think tanks theo mô hình mới - Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Nhân dân, Bắc Kinh, Trung Quốc, 2015.
7. Đảng Cộng sản Trung Quốc: “Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV”, truy cập <http://cpc.people.com.cn>, 1992.
8. Đảng Cộng sản Trung Quốc: “Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XV”, truy cập <http://cpc.people.com.cn>, 1997.
9. Đảng Cộng sản Trung Quốc: “Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVI”, truy cập <http://cpc.people.com.cn>, 2002.

10. Đảng Cộng sản Trung Quốc: “Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVII”, truy cập <http://cpc.people.com.cn>, 2007.
11. Đảng Cộng sản Trung Quốc: “Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIX”, truy cập <http://cpc.people.com.cn>, 2017.
12. Diane Stone: “Think tanks and Policy Advice in Countries in Transition”, Paper prepared for the Asian Development Bank Institute Symposium: “How to Strengthen Policy-Oriented Research and Training in Viet Nam”, Hanoi, 31st August 2005.
13. Diane Stone, Andrew Denham: “Think Tank Traditions: Policy Research and Politics of Ideas”, Manchester University Press, 2004.
14. Garnett., M: “Think tanks in the UK: an Honourable tradition in troubled times”. In Rick, et al. Think tanks in policy making - do they matter? Briefing Paper, 2011.
15. Gen Itasaka: *Gates to Japan: Its People and Society*, (John Howard Loftus translated), Tokyo, 1996.
16. Haass, N. Richard: “Think tanks and U.S. Foreign Policy: A Policy-Maker’s Perspective”, <https://2001-2009.state.gov/s/p/rem/15506.htm>, November 1, 2002.
17. Han Wan Ju: “Nghiên cứu sự thay đổi về tổ chức, thực trạng và giải pháp phát triển của think tank trường đại học”, Tạp chí *Giáo dục*, (5), 22, 2016.

18. Harano Jōji: “The Shrinking Role of Japanese Think Tanks”, *Nippon.com* and published on February 12, 2015.
19. HE Cuicui: “Development Experience of Japanese Think Tank and Its Enlightenment to China for Building High-End New-Type Think Tank”, *Canadian Social Science*, Vol. 10, No. 1, 2014, pp. 49-55.
20. Học viện Quản lý công Đại học Thanh Hoa: “Báo cáo dữ liệu về think tank Trung Quốc năm 2016”, 2017.
21. James G. McGann: *2015 Global Go To Think Tanks Index Report*, Think Tanks and Civil Societies Program, University of Pennsylvania, 2016.
22. James G. McGann: “Think Tanks: The global, regional, and national Dimensions”; In Rick, et al. Think tanks in policy making - do they matter?, 2011.
23. James G. McGann: *2018 Global Go To Think Tanks Index Report*, TTCSP Global go to think tank Index Reports 16, 2019.
24. James G. McGann: *Think Tanks and Civil Societies, Catalysts for Ideas and Action*, New Brunswick and London, Transaction Publishers, 2005.
25. Medvetz. T: *Think tanks in America*, The Uni. of Chicago Press, 2014.
26. Merz, R.T: “Do we need more and more think tanks? In Rick, et al. Think tanks in policy making - do they matter?”, Briefing Paper special Issue, September 2011.

27. Michio Morishima: *Why has Japan “succeeded”: Western technology and the Japanese ethos*, Cambridge University Press, London, 1982.
28. Patrick Köllner: “GIGA German Institute of Global and Area Studies and University of Hamburg”; Zhu Yu-Feng, Tsinghua University, Pascal Abb: “GIGA German Institute of Global and Area Studies Understanding the Development of Think Tanks in Mainland China, Taiwan, and Japan”; <https://www.giga-hamburg.de/en/publication/>.
29. Phùng Nghiêm Siêu: “Kinh nghiệm thành công trong xây dựng think tank của Đại học Nhân dân Trung Quốc”, Tạp chí *Kinh tế*, số 1, 2016.
30. Rick. A, Weaver. K: “Think tanks in the political system of the United States”. In Rick, et al. *Think tanks in policy making - do they matter? Briefing Paper ShangHai Special Issuse*, September 2011.
31. Shu Guang, Cai Ji Hui: *Danh mục các think tanks ở Trung Quốc*, Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội Trung Quốc, Bắc Kinh, 2015.
32. Tập Cận Bình: “Cần khoan dung và bao dung nhiều hơn đối với những ý kiến phê bình đến từ đội ngũ trí thức”, <http://news.163.com>.
33. Telgarsky Jeffrey, Ueno Makiko: “Think Tanks in a Democratic Society: An Alternative Voice”, The Urban Institute Washington DC, 1996.

34. Trung tâm Nghiên cứu về think tank thuộc Viện Khoa học xã hội Thượng Hải: “Báo cáo về think tanks Trung Quốc năm 2015 - xếp hạng mức độ ảnh hưởng và kiến nghị chính sách”, Thượng Hải, Trung Quốc, 2016.
35. Vạn Lý: “Dân chủ hóa và khoa học hóa quyết sách là một chủ đề quan trọng của cải cách thể chế chính trị” (bài phát biểu tại Hội nghị về công tác nghiên cứu khoa học mềm toàn quốc), Tạp chí *Nghiên cứu Khoa học mềm*, số 2, 1986.
36. Văn phòng Trung ương Đảng và Văn phòng Quốc vụ viện: “Ý kiến về tăng cường xây dựng think tanks theo mô hình mới đặc sắc Trung Quốc”, truy cập http://www.gov.cn/xinwen/201501/20/content_2807126.htm, 2015.
37. Vương Thế Linh: “Think tank trong cải cách y tế”, báo *Kinh tế thế kỷ XXI*, số ra ngày 14/4/2019.
38. W. Scott Morton: *Japan: Its History and Culture (3rd edition)*, Mc Graw Hill Publishing, Inc, New York, 1994.
39. Xue Yu, Zhu Xu-Feng: “Tổ chức think tank ở Trung Quốc: hàm nghĩa, phân loại và triển vọng nghiên cứu”, Tạp chí *Nghiên cứu khoa học*, số 3, 2006.
40. Yamamoto Tadashi, Hubbard Susan: “Conference Report” in Tadashi Yamamoto (ed.) *Emerging Civil Society in the Asia Pacific Community*, Singapore, *Institute of Southeast Asian Studies and Japan*, Japan Centre for International Exchange, 1995.

41. Yang Ye: “Feasible Paths of development for think tanks in China”, In Rick, et al, *Think tanks in policy making - do they matter? Briefing Paper Shang Hai Special Issue*, 2011.
42. Zhu Xu-Feng: “Tiếp đón mùa xuân về xây dựng think tank Trung Quốc”, Tạp chí *Khoa học Xã hội Trung Quốc*, ngày 30/1/2015.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Dẫn nhập</i>	9
<i>Chương I</i>	
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THINK TANKS TRONG ĐỜI SỐNG CHÍNH TRỊ HIỆN ĐẠI	29
1. Khái niệm “think tanks”	29
2. Vai trò của think tanks trong đời sống chính trị hiện đại	35
3. Những đặc điểm cơ bản của think tanks trong đời sống chính trị hiện đại	42
<i>Chương II</i>	
THINK TANKS TRONG ĐỜI SỐNG CHÍNH TRỊ HOA KỲ	46
1. Quá trình hình thành và phát triển của think tanks ở Hoa Kỳ	46

2. Tác động của think tanks đến nền chính trị Hoa Kỳ hiện đại	66
3. Phân loại think tanks ở Hoa Kỳ hiện nay	88
<i>Chương III</i>	
THINK TANKS TRONG ĐỜI SỐNG CHÍNH TRỊ TRUNG QUỐC	97
1. Quá trình hình thành và phát triển của think tanks ở Trung Quốc	97
2. Tác động của các think tanks đến nền chính trị Trung Quốc hiện đại	113
3. Phân loại think tanks ở Trung Quốc hiện nay	163
<i>Chương IV</i>	
THINK TANKS TRONG ĐỜI SỐNG CHÍNH TRỊ NHẬT BẢN	174
1. Quá trình hình thành và phát triển của think tanks ở Nhật Bản	174
2. Tác động của think tanks đến nền chính trị Nhật Bản hiện đại	180
3. Phân loại think tanks ở Nhật Bản hiện nay	201
<i>Chương V</i>	
NHỮNG GỢI Ý THAM KHẢO CHO VIỆT NAM QUA NGHIÊN CỨU THINK TANKS TRONG NỀN CHÍNH TRỊ HOA KỲ, TRUNG QUỐC, NHẬT BẢN	204
1. Khái lược lịch sử hình thành think tanks ở Việt Nam	204

2. Những kẽ thửa của think tanks ở Việt Nam	211
3. Những gợi ý tham khảo cho think tanks ở Việt Nam phục vụ công cuộc phát triển đất nước hiện nay	246
<i>KẾT LUÂN</i>	258
<i>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</i>	261

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT, Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn
Sách điện tử: www.stbook.vn, www.thuvienicoso.vn

TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

PGS.TS. Nguyễn Văn Phúc

* **PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH**

TS. Lê Như Thành - TS. Lê Văn Hòa (Đồng chủ biên)

* **HOẠCH ĐỊNH VÀ THỰC THI CHÍNH SÁCH CÔNG** (Sách chuyên khảo)

Học viện Báo chí và Tuyên truyền - Cổng thông tin điện tử Chính phủ -

Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc

* **TRUYỀN THÔNG CHÍNH SÁCH VÀ ĐỒNG THUẬN XÃ HỘI** (Sách tham khảo)



MÃ ĐỊNH DANH
CUỐN SÁCH